Tủ Sách Bảo An Lạc

A HÀM

MƯA PHÁP CHUYỂN HÓA PHIỀN NÃO

Tập 1

(Trọn bộ 2 tập)

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN ANANDA VIET FOUNDATION - 2019

Copyright © 2019 Thích Nữ Giới Hương
All rights reserved.
ISBN: 978-0-359-72591-5

Địa chỉ Liên lạc:
Huong Sen Buddhist Temple
19865 Seaton Avenue
Perris, CA 92570. USA
Tel: 951 657 7272
Cell: 951 616 8620
Email: huongsentemple@gmail.com,
thichnugioihuong@yahoo.com
Web: www.huongsentemple.com

MỤC LỤC

	Lời Giới Thiệu	i
	Lời Đầu	v
1	Chương 1: Sự Hình Thành &Cấu Trúc của A-hàm & Nikaya	01
2	Chương 2: Ý Nghĩa A-hàm	20
3	Chương 3: Những Lời Phật Dạy trong Trường A-hàm	33
4	Chương 4: Những Lời Phật Dạy trong Trung A-hàm	237
	Mục Lục Chi Tiết	734

LỜI GIỚI THIỆU

Bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshu Daijokyo) xuất xứ từ thời Vua Taisho (Đại Chánh) ở Nhật Bản từ đầu thế kỷ thứ 20. Đây là một bộ Đại Tạng Kinh của Bắc truyền được tổng hợp cũng như sự giảo chánh của các nhà học giả Phật Giáo Nhật Bản lúc đương thời qua các bộ Minh Đại Tạng, Càn Long Đại Tạng v.v… Tổng cộng gồm 100 quyển, dày mỏng khác nhau, mỗi quyển độ 1.000 đến 1.500 trang khổ lớn. Cố Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh đã cho phiên dịch hoàn toàn sang tiếng Việt tại Đài Loan thành 203 cuốn (đã in được 93 cuốn), mỗi cuốn từ 800 đến 1.500 trang. Tổng cộng các bản dịch về Kinh, Luật, Luận của Đại Thừa không dưới 250.000 trang sách.

Riêng Tạng Nam Truyền, Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu - Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh đã dịch gần xong trước khi Ngài viên tịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt. Tổng cộng Kinh, Luật, Luận có 13 quyển, mỗi quyển từ 700 trang đến 1.500 trang. Đây là tạng bằng tiếng Pali được chính thức viết thành văn tự năm 85 trước Dương Lịch. Điều ấy cũng có nghĩa rằng Tạng Nam Truyền cũng đã trải qua khẩu truyền của các vị Thánh Tăng trên dưới 500 năm như vậy. Cả hai bộ Nam và Bắc Truyền đều là những Pháp Bảo quý giá nhất của Phật Giáo Việt Nam nói riêng cũng như Phật Giáo thế giới nói chung. Người học Phật dẫu cho ở truyền thống nào đi chăng nữa thì trước sau cũng phải đi vào Đại Tạng mới có chiều sâu về Pháp được.

Nay Ni Sư Giới Hương đã tổng hợp được chỉ riêng phần A Hàm của Bắc Truyền và Kinh Tạng Nikaya qua Nam Truyền

để xâu nên những chuỗi ngọc ma ni lấp lánh, đẹp tuyệt vời qua lời dạy của Đức Phật bằng văn phong dịch thuật, trong sáng cũng như chú giải của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ và Hòa Thượng Thích Đức Thắng, là những nhà học giả của Phật Giáo Việt Nam đương đại, thì còn quý giá nào hơn nữa. Vả lại suốt những năm học tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam, vốn là hậu thân của Đại Học Vạn Hạnh, được trực tiếp do Cố Hòa Thượng Thích Minh Châu hướng dẫn, giảng dạy thì chắc rằng Ni Sư đã thâu thập được rất nhiều, kể cả hai truyền thống Nam Bắc nầy. Cô lại cất công tổng hợp, phân loại và đặc biệt là theo thứ tự A, B, C…để độc giả dễ nhận biết khi đọc cũng như tra cứu qua các bản Kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm và Tăng Nhất A Hàm. Ở phần đầu và phần cuối của tập 1 và tập 2 là những sự nghiên cứu của Tác Giả đã dày công tổng hợp lại. Đây là một cách làm việc mới mẻ của những thế hệ Tăng Ni trẻ sau nầy.

Riêng tôi chỉ có một lời nguyện là những ngày còn lại của cuộc đời nầy sẽ đọc hết tất cả 3 Tạng Kinh, Luật, Luận của Bắc truyền nầy và cho đến hôm nay cũng đã đọc xong 8 cuốn trong 203 cuốn, mỗi cuốn độ 800 trang đến 1.500 trang về 4 chủ đề A Hàm bên trên. Do vậy khi đọc lại lần nầy những phần trích dẫn của Cô Giới Hương thì tôi cũng đã quen đi rồi. Xin cảm ơn Cô cũng như mọi người đã cho tôi thêm nhiều cơ hội để ôn lại những lời dạy nhiệm màu của Đức Phật, qua tác phẩm "A Hàm- Mưa Pháp chuyển hóa phiền não" nầy. Đọc để chiêm nghiệm, tu tập cũng như luyện tâm, vì tâm không Tu thì Trí không sáng, mà Trí không sáng thì sự hiểu biết về giáo lý của Đức Phật vẫn còn nằm ngoài tầm tay của hành giả học Phật.

Cứ dành thật là nhiều thời gian để đi vào Đại Tạng. Ví dụ

như trong Trường A Hàm thuộc Kinh Du Bộ số 2 có tán thán ca ngợi về công đức việc hành hương các Thánh Tích sau khi Phật nhập diệt. Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 4, nói về Địa Ngục thứ 30. Trường A Hàm phần nói về người nữ và Đức Phật dặn dò Ngài A Nan nên bỏ những giới cấm nhỏ nhặt ở phần Kinh Du Bộ số 2. Nói về Đức Phật Di Lặc, Đức Thích Ca Mâu Ni cũng đã dạy cho cặn kẽ trong Trường A Hàm, Kinh Chuyển Luân Vương Tu Hành, số 6. Phần quỷ thần, Đức Phật cũng đã nói trong Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8 thuộc Đao Lợi Thiên số 30. Đến phần Sáu Tư Niệm hay Thập Niệm của Nam Truyền, Đức Phật cũng đã nói trong Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ số 12. Rồi đến Bát Kính Pháp, Đức Phật cũng đã nói trong Trung A Hàm, Kinh Cù Đàm Di, Phẩm 10, số 116. Kế tiếp là Tạp A Hàm, Đức Phật đã nói về ba lọai Hương Thơm cho Ngài A Nan và Đại chúng nghe. Phần thứ tư là Tăng Nhất A Hàm, Đức Phật cũng đã nói về Bát Quan Trai Giới, Ba Pháp, 24, Phẩm Cao Tràng, Kinh số 6. Cũng trong Tăng Nhất A Hàm nầy, Đức Phật đã nói về việc báo ân cha mẹ trong Hai Pháp 20, Phẩm Thiện Tri Thức, Kinh số 11. Phần Tâm như khỉ chuyền cành thì có thể tìm trong Tăng Nhất A Hàm, Một Pháp 9, Phẩm Con Một, Kinh số 3 và cuối cùng"Những chủ đề chung trong A Hàm" là những nhận định của Tác Giả qua phần Kinh Tạng này.

Chỉ những ai muốn có đời sống ẩn cư, nhàn tịnh để hành trì lời Phật dạy thì mới có thời gian thiền tập, tụng Kinh, Lễ bái, niệm Phật và từ đó mới có thể thẩm thấu được lời Phật dạy qua hằng trăm ngàn vạn lời ở vào thuở quá khứ xa xôi trong hơn 2.600 năm về trước. Còn những vị Pháp Sư nào đứng trên quan điểm của mình thuyết giảng mà nói cái nầy Đức Phật nói, cái kia không phải Đức Phật nói hay kinh điển

Bắc truyền là do các vị Tổ Trung Hoa soạn ra thì cũng nên xem lại những Kinh Điển căn bản nầy để thấy rằng tại sao sự thăng hoa của Phật Giáo Đại Thừa phải có và từ Kinh nào trong tiếng gốc Pali mà chư Tổ Ấn Độ, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam đã thể hiện như vậy. Thật ra thì tinh thần Thượng Tọa và Đại Chúng Bộ đã manh nha sau kỳ kết tập Kinh Điển lần thứ hai tại Ấn Độ cũng như tinh thần Trung Quán và Bát Nhã là do các Ngài Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh, Long Thọ gốc người Ấn Độ đã hình thành hệ tư tưởng nầy sau Đức Phật nhập diệt 1.000 năm, chứ không phải hoàn toàn biến dạng từ Trung Quốc hay Nhật Bản. Điều quan trọng của các vị Pháp Sư khi giảng pháp thì nên nói rằng: theo sự hiểu biết của tôi hay theo quan niệm của tôi là như vậy v.v.. thì người nghe sẽ không thắc mắc, nếu bảo chắc nịch rằng: Đức Phật không nói như vậy hay nói như vầy theo sở học, sở kiến của mình thì chưa hẳn đã hoàn toàn đúng.

Vậy điều căn bản và cần thiết cho việc Tu và Học Phật là phải Hành Trì cũng như nghiên tầm giáo điển qua những trang Kinh trên, qua đó chúng ta sẽ thẩm thấu được lời Phật dạy và xin đừng nhân danh bất cứ cái gì để chúng ta xa dần những lời dạy căn bản của Đức Thế Tôn. Mong được như vậy và xin trân trọng giới thiệu với các độc giả tác phẩm giá trị này của Ni Sư Thích Nữ Giới Hương.

Viết xong lời tựa này
vào lúc 7 giờ sáng ngày 29 tháng 12 năm Ất Mùi (nhằm
ngày 6 tháng 2 năm 2016)
tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover.
Thích Như Điển,
Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.

LỜI ĐẦU

Mưa là một dạng ngưng tụ của hơi nước khi gặp điều kiện lạnh. Mưa có thể được sử dụng như nước uống và là nguồn cung cấp nước cho các loại cây trồng cho nên mưa được xem là nguồn sống cho tất cả các loài sinh vật trên hành tinh của chúng ta. Dù là mưa rào, mưa phùn hay mưa ngâu, hương vị của mưa thật là dễ chịu, trong sáng nên mưa được chúng ta chào đón với một sự vui mừng thoải mái nhẹ nhàng. Cũng thế, pháp vị A-hàm thật nhẹ nhàng, dễ hiểu, làm tươi sáng tâm tư của chúng ta. A-hàm có thể đẩy tan những dục vọng phiền não đang thiêu đốt chúng ta và nuôi lớn giới thân tuệ mạng thánh hiền của chúng ta, vì thế tác phẩm '*A-hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não'* (2 tập) xin được ra mắt với nội dung giới thiệu A-hàm như một suối nguồn Phật pháp không thể thiếu trong việc tưới tẩm và nuôi dưỡng nguồn tâm linh của chúng ta.

Tập 1 (Chương 1. Sự Hình Thành & Cấu Trúc của A-hàm

& Nikaya; 2. Ý Nghĩa A-hàm; 3. Những Lời Phật Dạy trong Trường A-hàm; 4. Những Lời Phật Dạy trong Trung A-hàm)

Tập 2 (Chương 1.Những Lời Phật Dạy trong Tạp A-hàm; 2.Những Lời Phật Dạy trong Tăng Nhất A-hàm; 3.Những Chủ đề Chung trong A-hàm; 4. Kết Luận)

Bốn bộ A hàm xuất phát từ tiếng Phạn, Hán và Thượng Tọa Tuệ Sĩ cùng Tỳ Kheo Thích Đức Thắng đã dịch qua Việt Ngữ. Bốn bộ Nikaya xuất phát từ ngôn ngữ Pali và Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch qua Việt Ngữ. Vì xuất phát từ ngôn ngữ (Phạn và Pali) khác nhau nên văn phong chuyển dịch sang Việt Văn có ngắn dài khác nhau, nhưng nhìn chung nội dung ý tưởng đều giống nhau. Nên nếu chúng ta hiểu bốn bộ A-hàm thì chúng ta cũng sẽ hiểu được bốn bộ Nikaya. Đó là lý do trong chương 1, tác giả có sự so sánh về cấu trúc cả hai bộ A-hàm và Nikaya.

Bốn bộ A-hàm gồm có 2086 bài pháp thoại, nên chương 3 & 4 của tập 1 và chương 1 và 2 của tập 2 là phần tóm gọn các bài pháp thoại A-hàm này. Vì tựa đề của tác phẩm là 'Mưa pháp' nên tác giả chỉ chú trọng và sắp xếp các đoạn văn kinh tóm gọn không theo số thứ tự tuần tự của bốn bộ A-hàm mà theo thứ tự của những đức hạnh, tánh cách, ý tưởng của từng bộ kinh mà Đức Phật đã tặng cho chúng ta. Những chủ đề đức hạnh này có khả năng giúp chúng ta có cái nhìn hướng thượng hơn về cuộc sống, nhân cách, tánh tình, tập quán và sự tu tập giải thoát. Vì cách đây 2600 năm, thời của Đức Phật chưa có nghệ thuật in ấn nên mỗi khi thuyết giảng Đức Phật từ bi, chịu khó trùng tuyên lại nhiều lần cho các thính chúng dễ nhớ, còn bây giờ chúng ta may mắn có nghệ thuật in ấn nên có những đoạn văn, tác giả trích y như chánh văn dịch, nhưng cũng có những đoạn tác giả lược bỏ những phần phụ

và mẫu văn trùng lập do thời xưa truyền khẩu để đoạn văn ngắn gọn hơn nhưng vẫn nói lên ý chính của Đức Phật đã giảng. Tiêu đề của những đoản văn này là do tác giả đặt dựa theo nội dung để giúp đọc giả dễ theo dõi và nắm ý chính của những đoạn mà chúng ta sắp đọc. Mỗi đoạn đều có ghi xuất xứ, sẽ giúp quý độc giả dễ đối chiếu với chánh văn kinh. Xuất xứ không có ghi số trang vì tác giả dựa văn kinh A-hàm trên website của http://quangduc.com/ kinhdien/aham.

Như vậy, đầu tiên kinh Phật không có bản chữ viết mà chỉ dựa vào truyền khẩu trùng tụng. Sau khi, Đức Phật diệt độ mấy trăm năm, nhờ bốn kỳ kiết tập mà kinh tạng được kết tập lại như những sợi chỉ ngũ sắc kết xâu những bài pháp thoại rải rác của Đức Phật lại thành những chuỗi ngọc trân bảo quý giá để trang nghiêm đạo tâm của chúng ta. Theo thời gian các tổ mới dùng ngôn ngữ Ấn độ cổ đại Pali, Phạn ngữ để viết Tam tạng kinh điển thành bản văn được khắc trên bản đá, bản đồng, giấy loát, vv... Rồi khi Phật giáo hưng thịnh, những lời dạy của Đức Phật vượt khỏi biên giới của Ấn độ để đến khắp năm châu bốn biển trên thế giới. Tam tạng kinh điển xuất hiện đến đâu thì tùy theo ngôn ngữ của đất nước đó mà được chuyển dịch ra. Như tại Việt Nam, các kinh được dịch, xuất xứ từ ngôn ngữ Pali thì gọi là Kinh tạng Nikaya (Nam truyền) và kinh được dịch từ tiếng Hán (gốc từ Phạn ngữ) thì gọi là Kinh A Hàm (Bắc truyền). Do đó, có thể nói kinh điển Phật giáo là văn học phiên dịch tức chúng ta không học thẳng ngôn ngữ của Đức Phật mà được chuyển ngữ do vì đất nước và ngôn ngữ giữa chúng ta và Đức Phật vốn khác nhau. Tuy nhiên, nội dung giáo nghĩa của Đức Phật dạy thì bất cứ dân tộc nào, ngôn ngữ nào hay tại đất nước nào cũng có thể ứng dụng để giải thoát vì tất cả loài người đều có chung một bịnh tâm là tham sân si và đều bị luân chuyển trong lửa sanh tử

luân hồi thiêu đốt. Nên xâu chuỗi A-hàm quý giá của Đức Phật có khả năng phục vụ như một phương thuốc hữu hiệu vô giá để trị bịnh tâm và bịnh sanh tử của tất cả chúng ta nên ở đâu đều cũng có thể uống và đều được hữu hiệu cả.

Chương 3 & 4 (tập 1) và chương 1 và 2 (tập 2) đã cho thấy có vô số chủ đề ẩn hiện trong 2086 bài pháp thoại như Kiết sử, Nghiệp báo, Luân Hồi, Tinh Tấn, Sáu cõi, Tứ đế, Sanh tử, Niết Bàn, Duyên Khởi, 37 phẩm Trợ Đạo,vv… tuy nhiên tác giả xin mạn phép bàn rộng thêm về các chủ đề chung căn bản mà A-hàm thường đề cập, đó là lý do có sự xuất hiện của chương 3 (tập 2) để giúp cho chúng ta hiểu được chân ý nghĩa của Đức Phật dạy. Nhìn chung, tác phẩm '*A-hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não'* (2 tập) đóng vai trò như là một hội a-hàm, một tòa lâu đài A-hàm, một cơn mưa A-hàm với 2086 giọt mưa ngâu, 2086 bài pháp thoại giác tỉnh trong sáng.

Mưa từng cơn rớt xuống
Tưới mát lòng con trẻ
Rửa sạch trần sáu cõi
Vươn sức sống ngày mai.

Sau cơn mưa cảnh trí tưng bừng, hoa lá xanh tươi vui reo vươn cao lên cùng bát ngát trời xanh. Cũng thế, âm dương đồng gội ân đức tưới tẩm đượm nhuần của A-hàm mà được tâm hoa tươi nở, tỏa hương công đức, bước lên thánh vị. Giữa cảnh đời bơ vơ lạc lõng, biết bao ưu tư phiền muộn, nhiều nẽo thăng trầm lên xuống, A-hàm như tiếng chuông thức tỉnh vang vọng ra giữa các nẻo đường đầy gió bụi mê. Không khí sáu cõi nặng nề với những phiền não lo âu, trời nóng hừng hực với lửa dục tham sân si thiêu đốt thì chức năng A-hàm như vị cứu tinh tỏa ra nước mát thanh lương dịu dàng phủi đi

lớp bụi ô nhiễm để làm trong sáng thân tâm chúng ta, đem lại niềm tin và hy vọng cho chúng ta trong đêm tối mênh mông. Sau cơn mưa trời lại sáng! Những thánh thai trí tuệ phá tan mê lầm được khai nở và vươn cao lên giữa trần gian.

Chúng con tha thiết năm vóc sát đất, đầu thành đãnh lễ tri ân Tôn sư Hải Triều Âm, người đã thương tưởng và truyền trao cho chúng con biết chân ý nghĩa của đỉnh cao lầu A-hàm. Xin tạc dạ tri ân quý Thượng Tọa Tuệ Sĩ, Thượng Tọa Đức Thắng - các dịch giả A-hàm. Xin tri ân website Quảng Đức và Buddhismtoday cùng các thiện hữu tri thức, đàn na tín thí hữu danh, ẩn danh đã giúp công sức và tịnh tài để tác phẩm này được ấn bản. Mưa pháp A-hàm vô cùng vi diệu mà sức giác tỉnh và khả năng kiến thức của chúng con quá nhỏ bé, sẽ không thể tránh được các thiếu sót khi mạo muội ra mắt tác phẩm này, kính xin các bậc cao minh chỉ dạy cho những thiếu sót để lần tái bản sau tác phẩm được hoàn chỉnh hơn.

Nguyện cầu mưa pháp A-hàm sẽ thấm nhuần khắp muôn phương, thâu nhiếp vạn loại hữu tình đồng lên thánh vị, đồng thành chánh giác.

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát.

Mưa Ngâu Moreno Valley,
Chùa Hương Sen, ngày 14/03/2012
Thích Nữ Giới Hương

CHƯƠNG I

SỰ HÌNH THÀNH & CẤU TRÚC CỦA A-HÀM & NIKAYA

Trong lịch sử, Phật giáo được chia thành hai trường phái chính là Phật giáo thời kỳ đầu (Tiểu thừa) và Phật giáo thời kỳ phát triển (Đại thừa). A-hàm và Nikaya là kinh tạng nguyên thủy, bộ kinh căn bản của Phật giáo thuộc thời kỳ đầu. Nguyên là nguyên sơ, thủy là đầu tiên, tức đây là những bộ kinh truyền thống chứa đựng những thông điệp giải thoát căn bản đầu tiên mà Đức Phật đã tuyên thuyết sau khi chứng ngộ dưới cội cây bồ đề tại Bồ-đề-đạo-tràng, Ấn Độ. Theo tổ Thiên Thai (Trung Hoa) thì A-hàm và Nikaya là những bài pháp thoại mà đức Phật đã tuyên thuyết trong 12 năm đầu trong sự nghiệp hoằng truyền của Đức Phật như bài thơ đã minh họa ý này như sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A-hàm thập nhị phương đẳng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp hoa, Niết bàn cộng bát niên.
Tạm dịch:
Hoa Nghiêm hai mươi mốt ngày
A-hàm mười hai, Phương Đẳng tám năm
Mười hai năm bàn về Bát Nhã

Pháp Hoa, Niết bàn thêm tám năm.

CÁC KỲ KIẾT TẬP

Kiết tập lần thứ nhất

Khoảng bốn tháng sau khi đức Phật nhập diệt, Tôn giả Ca-diếp làm thượng thủ, đứng ra tổ chức kỳ kiết tập lần thứ nhất với sự tham dự của 500 vị A-la-hán tại hang Thất Diệp, thành Vương Xá. Vua A-xà-thế phát tâm cúng dường bảo trợ cho kỳ kiết tập này. Tôn giả A-nan được mời trùng tuyên lại những lời dạy của Đức Phật và chính những bài pháp thoại truyền khẩu này là nguồn gốc sâu xa để hình thành nên bộ A-hàm và Nikaya sau này.

Kiết tập lần thứ hai

Thời gian trôi qua, khoảng 100 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, có tỳ kheo Bạt-Kỳ tự lập ra mười Tịnh pháp khác hẳn giới luật của Đức Phật chế ra. Chư Tăng phóng khoáng ở phương đông tán đồng và tuân thủ theo mười điều canh tân đó trong khi Tôn giả Gia Xá và nhiều chư Tôn đức ở phương tây phản đối và tuyên bố đây là mười điều phi pháp. Thế là 700 tỳ kheo từ các nơi được mời về tham dự kỳ kiếp tập lần thứ hai được tổ chức tại thành Tỳ-xá-ly do tôn giả Giá Xá làm thượng thủ và tôn giả Ưu-ba-ly được mời tụng Luật. Vì vậy, kỳ kiết tập này chủ yếu là luật tạng, xác định lại giới luật của Đức Phật đã quy chế và tuyên bố mười tịnh giới là phi pháp và nhân đây các ngài cũng kiết tập lại các kinh điển. Bởi do ý kiến bất đồng như trên, nên trong tăng đoàn Phật giáo bắt đầu hình thành hai phái là Thượng-Tọa-bộ (bảo thủ khư khư giữ đúng những gì Đức Phật chế) và Đại-Chúng-bộ (uyển chuyển thay đổi).

Kiết tập lần thứ ba

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng 236 năm, tức là thời Vua A-dục, đại chúng tập hợp tại thành Hoa Thị để tổ chức kỳ kiết tập lần thứ ba và tôn giả Mục-kiền-liên-tử-đế-tu được cử làm thượng thủ chủ tọa buổi kiết tập. Từ hai phái chính của Thượng tọa và Đại chúng bộ nay đã phát triển thành khoảng 20 bộ phái Phật giáo. Thượng tọa bộ lúc bấy giờ được gọi là Phân biệt thuyết bộ, được hoàng đế A-dục đỡ đầu và ủng hộ mạnh mẽ. Phân biệt thuyết bộ là cha đẻ của Đồng diệp bộ và chính Đồng diệp bộ đã kiết tập năm bộ Nikàya rất đầy đủ.

Ba kỳ kiết tập trên chỉ là do truyền khẩu trùng tụng chứ chưa có nghệ thuật ấn loát xuất hiện.

Kiết tập lần thứ tư

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng 400 năm, tức là vào thời vua Ca-nị-sắc-ca. Vua thấy giáo nghĩa trong 20 hệ phái Phật giáo không giống nhau nên vua phát tâm tổ chức và bảo trợ cho kỳ kiết tập lần thứ tư. Tôn giả Thế Hữu được cử làm thượng thủ chủ tọa và có bốn tôn giả phó hội là Hiếp tôn giả, Pháp Cứu, Diệu Âm và Giác Thiên. Kỳ kiết tập này các ngài đã chú thích kinh, luật, luận và tất cả được chép thành văn. Vua Ca-nị-sắc-ca cho khắc tam tạng kinh điển vào bản bằng đồng và thờ trong bảo tháp.

Tóm lại, A-hàm và Nikaya được tụng vào kỳ kiết tập lần thứ nhất, từ lần kiết tập thứ hai về sau, tức vào khoảng thế kỷ III trước công nguyên là thời kỳ A-hàm và Nikaya chính thức được thành lập đầy đủ.1

---

1 2500 Years of Buddhism, Prof. P.Y Bapat. Publications Division.

SỰ TRUYỀN THỪA CỦA KINH A-HÀM VÀ NIKAYA

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng 100 năm, giáo đoàn thống nhất của Phật giáo Nguyên Thủy chia thành hai phái chính là Đại Chúng Bộ (phương Bắc) và Thượng Tọa Bộ (phương Nam). Kinh điển của Thượng Tọa Bộ là năm bộ kinh tạng Nikaya (Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng Bộ, Tăng chi Bộ và Tiểu Bộ) được chép bằng ngôn ngữ Ấn Độ cổ đại Pàli. Kinh điển của Đại Chúng Bộ là bốn bộ A-hàm (Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm) được ghi lại bằng Phạn ngữ.

PHÂN LOẠI A-HÀM VÀ NIKAYA

A-HÀM

A-hàm gồm có bốn bộ:

a/. Trường A-hàm (Dirghagama) 22 quyển do ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch từ Phạn ra Hán văn. Năm 1999, Phật lịch 2543, Thượng Tọa Tuệ Sĩ dịch ra Việt Văn và hiệu chú.

b/. Trung A-hàm (Madhyamagama) 60 quyển, do ngài Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm dịch từ Phạn ra Hán văn. Năm 1999, Phật lịch 2543, Thượng Tọa Tuệ Sĩ dịch ra Việt Văn và hiệu chú.

c/. Tạp A-hàm (Samyukta-agama) 50 quyển, do Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la dịch từ Phạn ra Hán văn. Năm 2002, Phật lịch 2546, Thượng Tọa Đức Thắng dịch ra Việt Văn và

Goverment of India: 2009. http://www.exoticindiaart.com/book/details/2500-years-of-buddhism-IHF035

Thượng Tọa Tuệ Sỹ hiệu đính cũng như chú thích.

d/. Tăng Nhất A-hàm (Ekottara-agama) 50 quyển được Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà dịch từ Phạn ra Hán văn. Năm 2005, Phật lịch 2549, Thượng Tọa Đức Thắng dịch ra Việt Văn và Thượng Tọa Tuệ Sỹ hiệu đính cũng như chú thích.

NIKAYA

Năm bộ Nikàya bộ chủ yếu là do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ ngôn ngữ cổ đại Pali sang Việt Ngữ. Ngài đã hiệu đính và xuất bản năm 1991.

a/. Trường bộ kinh (Dìgha - Nikàya)
b/. Trung bộ kinh (Majhima - Nikàya)
c/. Tương ưng bộ kinh (Samyutta - Nikàya)
d/. Tăng chi bộ kinh (Angttara - Nikàya)
e/. Tiểu bộ kinh (Khuddaka - Nikàya)

SỰ GIỐNG NHAU & KHÁC NHAU GIỮA A-HÀM & NIKAYA

Trường A-hàm tương đương với Trường Bộ kinh (Nikaya). Trường là những bài pháp thoại dài.

Trung A-hàm tương đương với Trung Bộ kinh (Nikaya). Trung là những bài pháp thoại vừa vừa, bậc trung.

Tạp A-hàm tương đương với Tương Ưng Bộ kinh (Nikaya). Tương Ưng là những bài pháp thoại có nội dung tương tự nhau.

Tăng Nhất A-hàm tương đương với Tăng-chi Bộ kinh (Nikaya). Tăng nhất là những bài pháp thoại sắp xếp theo con

số thứ tự tăng dần.

Tiểu bộ kinh thuộc Nam truyền và bên Bắc Truyền A-hàm không có tiểu bộ này. Tiểu bộ gồm có 15 tập như 1) kinh Tiểu tụng (Khuddaka Pàtha), 2) Pháp cú (Dhammapada), 3) Cảm hứng ngữ, Phật tự thuyết (Udàna), 4) Phật thuyết như vậy (Itivuttaka), 5) Kinh tập (Suttanipàta), 6) Chuyện Thiên cung (Vimanavatthu), 7) Chuyện Ngạ quỷ (Petavatthu), 8) Trưởng lão Tăng kệ (Theragàthà), 9) Trưởng lão Ni kệ (Therigàthà), 10) Bổn sanh hay Chuyện tiền thân Đức Phật (Jàtaka), 11) Nghĩa tích (Nidesa), 12) Vô ngại giải đạo(Patisambhidàmagga), 13) Sự nghiệp anh hùng (Apadana), 14) Phật sử (Buddhavamsa), 15) Sở hạnh tạng (Cariyà Pitaka).

Như vậy, toàn bộ lời Phật dạy được chia làm hai nhóm:

Pháp (dhamma) tức Kinh tạng gồm bốn bộ A-hàm (Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tạp A-hàm và Tăng Nhất A-hàm) hay năm bộ Nikaya (Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng, Tăng Chi và Tiểu Bộ).

Luật (vinaya) còn gọi là luật tạng, tức nguyên tắc giới luật đạo đức, oai nghi.

SỐ LƯỢNG CỦA A-HÀM & NIKAYA

1. KINH TRƯỜNG A-HÀM VÀ TRƯỜNG BỘ KINH

Kinh Trường A-hàm gồm 30 kinh.

Trường Bộ Kinh có 34 kinh.

2. KINH TRUNG A-HÀM VÀ TRUNG BỘ KINH

Kinh Trung A-hàm có 222 kinh.

Trung Bộ Kinh có 152 kinh.

3. KINH TẠP A – HÀM VÀ TƯƠNG ƯNG BỘ KINH

Tạp A-hàm có1.362 tiểu kinh.

Tương Ưng Bộ gồm có 2858 tiểu kinh.

4. KINH TĂNG NHẤT A–HÀM VÀ TĂNG CHI BỘ KINH

Tăng Nhất A-hàm gồm có 472 kinh.

Tăng Chi Bộ là tuyển tập 9.557 bài Kinh.

Cộng lại toàn số lượng của bốn bộ A-hàm có khoảng (30+222+472+1362) 2.086 bản kinh và bốn bộ Nikaya có khoảng (34+152+9557+2858) 12.601 bản kinh (chưa tính Tiểu bộ kinh). Như vậy, số lượng pháp thoại Đức Phật đã để lại cho chúng ta rất nhiều.

Tóm lại, đầu tiên kinh Phật không có bản chữ viết mà chỉ dựa vào truyền khẩu trùng tụng. Sau khi, Đức Phật diệt độ mấy trăm năm, nhờ bốn kỳ kiết tập nói trên mà kinh điển được kết tập lại như những sợi chỉ ngũ sắc kết xâu lại những hạt trai của Đức Phật thành những chuỗi pháp bảo quý giá để trang nghiêm đạo tâm của chúng ta. Rồi theo thời gian các tổ mới dùng ngôn ngữ Ấn độ cổ đại Pali, Phạn ngữ để viết Tam tạng kinh điển thành bản văn hay khắc trên bản đá, bản đồng, vv... Rồi khi Phật giáo hưng thịnh, những lời dạy của Đức Phật vượt khỏi biên giới của Ấn độ để đến khắp nhiều nước trên khắp thế giới. Tam tạng kinh điển đến đâu thì tùy theo ngôn ngữ của đất nước đó mà được chuyển dịch ra. Như tại Việt Nam, kinh tạng được chuyển ngữ, xuất xứ từ ngôn ngữ Pali

thì gọi là Kinh tạng Nikaya (Nam truyền) và kinh được dịch từ tiếng Hán (gốc từ Phạn ngữ) thì gọi là Kinh A-hàm (Bắc truyền).

Do đó, có thể nói kinh điển Phật giáo là văn học phiên dịch tức chúng ta không học thẳng ngôn ngữ của Đức Phật mà được chuyển ngữ do vì chúng ta và Đức Phật vốn khác đất nước và ngôn ngữ. Tuy nhiên, nội dung giáo nghĩa của Đức Phật dạy thì bất cứ người nào, ngôn ngữ nào hay tại đất nước nào cũng có thể ứng dụng để giải thoát vì tất cả con người đều có chung bịnh tâm là tham sân si và đều bị luân chuyển sanh tử luân hồi. Nên xâu chuỗi trai pháp bảo quý giá của Phật giáo có khả năng phục vụ như một phương thuốc hữu hiệu vô giá, có khả năng trị bịnh tâm và bịnh sanh tử của tất cả chúng ta nên ở đâu cũng đều có thể uống được cả.

CHƯƠNG 2
Ý NGHĨA A HÀM

ĐỊNH NGHĨA A-HÀM

A-hàm nghĩa là pháp quy (nơi quy thú của muôn pháp), còn dịch là vô tỷ pháp (pháp tối thượng), giáo truyền (giáo pháp được lần lượt truyền trao nhau). Đại sư Tăng Triệu (374-414) nói về ý nghĩa của thuật từ 'A-hàm' như sau: "Kinh A-hàm này là uyên phủ của mọi điềm lành, là khu rừng tóm thu hết thảy, vừa uyên bác vừa bao la, thuyết minh dấu tích của hiền ngu tội phước, phân tích căn do của chân ngụy dị đồng, ghi chép bao nhiêu việc cổ kim thành bại, bao hàm hết cả vạn loại đất trời. Đạo từ đây mà ra. Pháp từ đây mà tồn tại. Ví như biển cả, trăm sông đều dồn về, nên gọi là 'pháp quy'."

Pháp là vạn pháp, quy là quay về. Pháp quy nghĩa là tất cả vạn pháp đều quy về một loại kinh A-hàm này. A-hàm là một khu rừng bát ngát mênh mông, như chương 1 đã cộng lại bốn bộ A-hàm có khoảng 2086 bản kinh và bốn bộ Nikaya có khoảng 12.601 bản kinh, cũng như các đoản chánh văn của chương 3 và 4 (tập 1) đến chương 1 và 2 (tập 2) đã cho chúng ta thấy A-hàm này đã chứa đựng bao nhiêu ngàn bài kinh hướng thượng rất quý giá.

Thuyết là nói, minh là làm cho tỏ, phân tích cho sáng thêm ra. Khu rừng A-hàm này đã thuyết minh rõ những nguyên do của đường lối chân ngụy dị đồng, soi tỏ đường đi của kẻ ngu và người trí. Người hiền thì thích làm phước, còn kẻ ngu thì thích làm tội. Thuyết minh như thế để cho chúng ta tránh đi vào đường ngu mê tội lỗi, sanh tử đọa đầy mà hãy chọn lấy đường thánh hiền giải thoát an lạc.

CHÂN NGỤY DỊ ĐỒNG

Ngụy là sự không đúng với lẽ phải, chân là chân thật. Chữ chân đối với chữ ngụy. Ví như chúng ta cầu tu tập để cho thiên hạ người ta cúng dường thế thì là ngụy, xảo trá. Chúng ta hiện cái tướng tựa hồ như hay nhưng nó lại là dỡ, cho nên gọi là ngụy, trong chữ ngụy có tính xảo trá. Chúng ta tu tập để cởi bỏ những sự thấy sai lầm và suy nghĩ sai lầm từ lịch kiếp để sống với sự thật của thân, thọ, tâm, pháp mà Tứ niệm xứ đã dạy thì cái đó gọi là chân. Còn nếu tu tập để cầu tiền cầu bạc, hoặc để cầu cho người ta khen chúng ta tu giỏi thì cái đó là ngụy.

Đồng là giống nhau, tuy công việc có khác nhau nhưng đồng một mục đích. Ví như bây giờ có người không tu Tứ niệm xứ nhưng vị ấy một lòng một dạ chân thật chăm sóc bịnh nhân, làm việc từ thiện, như phái đoàn bác sĩ đi chữa bệnh cho những người ốm đau, bịnh tật; hay những nhà mạnh thường quân đi cúng dường tam bảo; hay các nhà từ thiện đi bố thí cứu giúp những nạn thiên tai lũ lụt, sóng thần, động đất, dịch tả, vv… thì những người ấy đối với những người ngồi tĩnh tọa tu Tứ niệm xứ vậy là đồng, là giống với người tu tập ấy. Bên ngoài tựa hồ như những vị ấy không tu nhưng thật ra những vị ấy vẫn đang làm việc Phật, tâm Phật. Đó là vì tất cả cùng

đồng một mục đích.

Dị là khác nhau, tuy hình tướng giống nhau nhưng sức tập trung hay mục đích đạt được không giống nhau. Ví dụ cùng là hai Phật tử mặc áo tràng đến chùa tu tập nhưng mục đích khác nhau. Một vị thì ít nói chuyện để tâm được tịnh mà quán thiền minh sát tuệ nhưng một vị thì đến để gặp bạn bè trong chùa để tâm sự, chứ ở nhà vắng vẻ, ít người thì buồn quá. Hoặc có hai người cùng ngồi tu tập Tứ niệm xứ suốt ngày ngồi từ sáng đến tối, đóng bít cả cửa lại, bịt cả tai lại để thiền quán. Một người tuyên bố với mọi người là tôi đang tịnh khẩu, cấm hết không ai được phá rối để cho tôi ngồi được yên. Rồi trong lúc tĩnh tọa mà tâm của vị ấy tính toán việc này việc kia, không biết chủ nhật tivi chiếu phim gì, không biết bạn A, B của mình đang làm gì thì vị ấy so với người tĩnh tọa chân thật và miên mật kia là dị. Tuy là cùng đề mục Tứ niệm xứ với nhau, cùng ngồi trong đạo tràng chuyên tu yên tĩnh, nhưng hai tâm đi hướng khác nhau. Nên việc ngồi tĩnh tọa ấy chỉ mất thì giờ vô ích vì tâm chạy theo sáu thức, theo ngũ triền cái sai sử mà lại thọ nhận sự kính trọng và sự ủng hộ của Phật tử cho nên gọi là dị, là khác.

CHÂN NGỤY LÀ DO ĐÂU?

Có những người sống chân thật nhưng cũng có những người sống ngụy. Nguyên do làm sao có người gieo nhân lành nhưng cũng có người khác gieo nhân xấu? Vì có người học A-hàm biết được sự thật rằng thân bất tịnh, thọ thì khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Vị ấy hiểu được lẽ phải, biết thân này là đất nước gió lửa nên tha hồ ai chê bai, ai nói chuyện tròn, chuyện méo, nói cái gì cũng được, đó là việc của họ. Còn chúng ta cứ sống theo cuộc đời của mình, đường lối tu

tập của mình bởi vì mình biết thân này là đống đất hư vọng mai sẽ tan đi, mà chính những ai mới nói kia cũng là những đống đất tạm hợp rồi mai tan đi, sắp sửa đem bỏ vào quan tài đưa đi chôn cả. Do giác biết như thế, chúng ta không bị tham sân chi phối, không làm những sai quấy, hư ngụy, không bận lòng với thị phi mà bình tĩnh, thản nhiên, an ổn, sống chân thật, không hư ngụy cho nên không bị đọa lạc. Còn người không giác biết Tứ niệm xứ, cứ tưởng thân bằng đất này là thân mình thật, cho nên sáu căn xúc sáu trần liền khởi lên nào là giận hờn, hiềm hận, chuyện tròn chuyện méo, mua oán kết thù, sống hư, sống ngụy tạo đủ thứ khổ, đều là do hai chữ giác biết hay không giác biết.

Do sự không giác biết này, Đức Thích Ca vì lòng từ bi phải giáng sanh xuống thế gian này để giảng A-hàm để khai thị cho chúng ta đừng mê muội nữa, khai tỉnh cho chúng ta biết sự thật, hiểu lẽ phải thì chúng ta mới sống đúng con đường, đúng với sự thật. Đức Phật phải thuyết pháp nhưng không phải chỉ một bài mà vô số bài pháp thoại. Bốn bộ A-hàm có khoảng 2.086 bản kinh và bốn bộ Nikaya có khoảng 12.601 bản kinh (chưa kể Tiểu Bộ). Như vậy, nguyên bộ A-hàm hay Nikaya này phân tích nguyên do nguồn gốc của sự khổ, sự mê, điều xấu để chúng ta tỉnh ra, biết sự thật và hiểu lẽ phải, còn từ trước tới giờ chúng ta cứ ngụy, cứ dối láo là bởi vì chúng ta không biết, không hiểu, chung quy bởi chỉ vì mê lầm.

ĐƯỜNG LỐI CỦA HIỀN NGU VÀ TỘI PHƯỚC

Từ chương 3 và 4 (tập 1) đến chương 1 và 2 (tập 2) trong tác phẩm này là bao nhiêu bài pháp thoại phân tách những căn nguyên và quả báo của nghiệp thiện ác để chúng ta tự chọn

con đường đi, để chúng ta thấy hình tướng của sự tu hành và đọa lạc, thấy đường lối của hiền ngu và tội phước. Mỗi khi thấy người bạn mình nổi sân, hay người ta nói một lời nói sai, chúng ta phải tìm nguyên do cái chỗ không hòa giữa các chị em để chúng ta đem sự hòa ấm lại cho hai người. Cho nên thật tình làm cái gì cũng phải thấy được cái gốc, cái nguyên do của nó.

Trong A-hàm, Đức Phật không những nói về các bậc hiền và kẻ ngu trong hiện tại mà còn thuyết minh những tội phước của hiền ngu trong quá khứ và tương lai. Kinh Tứ Châu (Trung A-hàm, số 26, phẩm số 6), Đức Phật giảng về nhân thế nào, quả thế nấy qua câu chuyện của vua Đảnh Sanh. Vua là một vị Chuyển Luân Vương giàu có sung sướng lắm. Một hôm, vua Đảnh Sanh ước được sanh lên cõi trời. Bởi vì phúc đức của vua rất lớn, cho nên vừa nghĩ đến thì thân ngài liền bay được lên trời. Vua Đế Thích trông thấy ngài liền chia nửa tòa ngồi và hai vị ngồi chung với nhau trên một tòa ngai vàng quý giá sang trọng. Ngài được vua Đế Thích nhường cho nửa tòa ngồi nhưng mà trong thâm tâm ngài lại muốn chiếm trọn ngai vàng ấy, muốn cướp ngôi vua Đế Thích để mình được làm vua cõi trời vĩnh viễn, ngay khi niệm thất đức ấy vừa dấy khởi thì khiến cho ngài bị rớt ngay xuống thế gian. Rồi bởi trên cõi trời sung sướng và xinh đẹp quá nên thân ở trần gian mà tâm ngài cứ tưởng nhớ đến ngũ dục của cõi trời và chán ở thế gian vì thấy cái gì cũng không vừa ý, cũng ô uế, bịnh hoạn, xấu xí, không đẹp và lâu bền như trên trời, cho nên vua Đảnh Sanh chết trong trạng thái không thỏa mãn, sầu bi khổ ưu não. Thế thì, chúng ta thấy là một vị vua Chuyển Luân Vương có phúc đức lên tận trên cõi trời rồi mà ngài lại chết trong khổ não vậy thì lỗi tại ai? Tại lòng tham không đáy.

Cho nên chúng ta, việc thiết yếu là phải quay về mà soi mình, phải biết mình có những chỗ sai, chỗ phải, cái nào hay dở của mình. Chúng ta phải thấy, phải biết rồi sữa trị mình, làm chủ được mình, ấy là gốc của sự bình an và gốc của bậc hiền thánh quân tử, còn nếu không làm chủ được mình thì như vua Đảnh Sanh, cứ để cho tâm tham lam phóng túng ấy lôi đi rồi cứ một bề nhắm mắt mà theo đường mê đến nổi có đại phước giàu sang và quyền vị như thế mà trở thành một con người chết trong sầu bi khổ ưu não. Đó là do lòng tham dẫn dắt và đưa đến kết quả thất bại như vậy. Còn các bậc hiền nhân quân tử đã làm những việc lành và giữ tâm mình trong sáng, không theo đường mê, cho nên thành công trong sự nghiệp tu hành tốt đẹp của mình.

PHÂN MINH TÀ CHÁNH

Hễ chúng ta học A-hàm là chúng ta sẽ giác tỉnh được liền vì kinh dạy thế nào là tà, thế nào là chánh rất phân minh như đêm và ngày. Ban đêm tối đen chúng ta không trông thấy đường đi, còn bây giờ mặt trời mọc lên thì thấy sáng tỏ. Chúng ta phân biệt được ngày với đêm hai mặt khác nhau rõ rệt, cũng thế, chúng ta sẽ phân biệt được điều tà điều chánh, điều phải điều trái, người hiền người ngu rõ ràng hiển nhiên như thế và dễ nhận ra, ai cũng thấy cũng biết. Chúng ta sẽ thấy đêm với ngày rõ ràng trong lời nói, hành vi và tâm tưởng của chúng ta. Nói lời tà, mình biết là mình tà; nói lời chánh mình biết mình chánh; chứ nhiều khi nói láo ba hoa mà cứ cho tôi là người hay người giỏi tài. Số đông những người ngu thường hay như vậy. Cho nên đây Đức Phật, chư Tổ mới khuyên chúng ta nên học A-hàm để biết rõ về chánh tà, hiền ngu khác nhau như sự trái hẳn nhau giữa sáng và tối. Người ngu làm việc sai mà lại cứ cho là mình hay lắm, thế cho nên

đấy là người ngu. Chính những người hay vênh váo, cho ta hay, ta tài giỏi, những vị ấy trong A-hàm gọi là những người ngu, còn những người khiêm tốn nhún nhường, không có tự mãn thì trong A-hàm gọi là những người hiền.

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

Nhân quả báo ứng tuy khó nhận nhưng học A-hàm chúng ta sẽ thấy nhân quả sẽ chắc chắn xảy ra như vang theo tiếng, khiến chúng ta phải tin là chắc chắn chứ không có mơ hồ. Bây giờ đi ăn cắp tiền của người ta thì chắn chắn mai đây phải làm con trâu, con bò để kéo cày trả nợ. Những con chim, con cá ấy cứ bị bắt để bán bởi vì những con chim, con cá ấy nợ người bán hàng cho nên chúng phải đem thân cho người ta bán để người ta lấy tiền. Người ta bán được mấy đồng một con chim, một con cá; đấy là chúng được giảm nợ, rồi chúng phải có những cái thân khác để giảm nợ nữa, cứ thế cho đến hết nợ thì thôi. Thế cho nên bây giờ ngoài chợ vô số người đang bán những giống sinh vật như cá, cua, tôm, ốc, chim, vv… là tại chúng mang nợ ngày trước, cho nên bây giờ phải làm những cái thân ấy để đền nợ mà trả biết bao giờ cho hết. Vì trong khi làm thân đền nợ ấy, làm cái thân mê muội tối tăm ấy thì chúng đâu có biết giữ giới trì trai, nên thay vì hết nghiệp thì lại tạo thêm nghiệp khác, do vậy, từ mê vào mê. Đường mê lại càng cứ đi mãi, trả xong cái nợ này lại còn cái nợ khác cho nên không biết đến bao giờ mới tỉnh ra. Thật tội nghiệp! Vì vậy, A-hàm dạy cho chúng ta phải học để tin chắc rằng việc báo ứng không sai chạy, đừng có dễ ngươi xem thường. Bây giờ cứ ăn trộm của người ta thì mình lấy làm sung sướng, vì có tiền mua xe, mua nhà, đi chơi, đem tiền về cho gia đình, đem tiền về cho người này người kia, thấy vui vẻ sung sướng tưởng thế là mình khôn, đâu có dè rằng tạng

thức của chúng ta ghi tất cả những hành động thiện ác của thân khẩu ý, giống như một cái máy thâu (record) lặng lẽ minh (thấy), ký (nhớ), ức (niệm), trì (giữ) hết. Tạng thức ghi như thế để tâm thức của chúng ta dần dần chuyển biến, cho nên bây giờ đang làm một người đàng hoàng nhưng mà đi ăn cắp, nói dối, phạm giới, phá trai thì tạng thức nó đang ghi và tạng thức đang chuyển biến khiến kiếp sau mang thân súc sanh làm con trâu, con bò để trả nợ. Chúng ta bây giờ có thể chỉ trông thấy là một vị Phật tử rất thuần thành đấy thôi chứ không ngờ rằng sắc thân ấy đang sửa soạn làm thân con trâu kéo cày trả nợ một khi thân người này tan hoại tựa như chiếc bánh sắp mốc và rả ra.

Cũng như câu chuyện có một thầy Tam Tạng tỳ kheo đã chê một vị tăng già là tụng kinh như chó sủa. Thế là tạng thức của thầy Tam tạng minh, ký, ức, trì các lời chê bai ấy; rồi tạng thức ấy chuyển biến khiến kiếp sau thầy bị làm con chó mà tới 500 đời phải làm chó. Bây giờ chúng ta chỉ thấy là một thầy tỳ kheo pháp sư, chứ chúng ta không ngờ là vị thượng tọa ấy sẽ ẩn hiện trong lớp chó chỉ vì một lời chê bai. Thân Thầy tỳ kheo ấy sắp tan rã đi và thân con chó sẽ hiện ra. Chúng ta cũng vậy, đang làm một bậc xuất gia được mọi người kính ngưỡng, hay một vị Phật tử thuần thành hộ pháp nhưng không khéo trong thân khẩu ý thì thân này sẽ dễ chuyển sang thân trâu, bò, chó, ngựa, bởi vì Đức Phật đã dạy: "Cõi diêm phù đề này nhất cử nhất động đều dễ rơi vào tam đồ". Nơi đây, chúng ta sẽ dễ sơ xuất khiến bị rơi vào súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Xác thân người đang dần dần phai đi và thân con trâu đang dần dần hiển lộ do những ác hạnh nơi thân khẩu ý của mình. Đây là những việc chúng ta không trông thấy nhưng mà có thật hiển nhiên cho nên trong A-hàm

dạy rằng việc báo ứng rất là khó nhận, chúng ta khó biết đấy nhưng mà chắc chắn sẽ có như âm vang theo tiếng. Y như vào một cái hang hay vào một cái nhà kiếng, chúng ta kêu lên một tiếng thì nghe có âm vang của chúng vọng lại. Đấy là âm vang ứng theo thanh, vang theo tiếng chắc chắn, không thể nào mà tránh được. Nếu đã thốt lên một tiếng ở chỗ đó thì thế nào cũng phải có âm vang đáp lại, không thể nào mà không có, cho nên gọi là chắc chắn như vang theo tiếng.

NHƯ BÓNG THEO HÌNH

Giữa trưa chúng ta đứng ngoài trời thì có cái bóng ngả của thân ta. Khi chúng ta đi tới lui cũng có cái bóng hiện theo, cứ cái thân đi đâu thì bóng hình nó hiện lên đấy. Cái thân ở đầu này thì cái hình nó hiện ở đầu này; đến lúc cái thân đi xuống góc phố kia thì cái hình nó cũng hiện theo góc phố kia. Chúng ta không thể bảo cái bóng đứng đấy, chỉ để thân mình đi đến phía trước thôi bởi vì cái bóng không phải là một thực thể riêng rẽ mà nó luôn luôn theo cùng với cái thân. Do ánh sáng chiếu vào cái thân và ảnh chiếu ra, nên bóng từ xác thân ta mà hiện ra. Cũng thế, việc báo ứng, nhân quả của lời nói, việc làm cũng vậy. Chúng ta làm lành, làm ác thì sẽ có quả tương ưng cũng giống như người lớn thì cái bóng sẽ lớn, người nhỏ thì cái bóng phải nhỏ, cái người nghẹo đầu ở đằng này thì cái hình sẽ nghẹo đầu ở đằng này, bởi vì bóng hình là từ người ấy mà ra. Thế thì đây cũng thế, từ việc ăn trộm ăn cắp thì nó sẽ khiến ra hậu quả của ăn trộm, ăn cắp. Từ lời nói bất chính sẽ ra cái quả báo bất chính, không tránh được, cho nên nói chắc chắn như bóng theo hình. Mỗi khi chúng ta làm một việc bậy thì nên biết chắc chắn rằng thế nào cũng có quả bậy chứ không thể nào trật được, làm cái việc lành thì chắc chắn điều lành sẽ đến chắc chắn. Vậy người khôn nên thế nào? Biết

được điều tốt đẹp, điều lành chắc chắn sẽ đến với mình vì thế mà cố gắng làm lành. Biết mình nói lời sai, làm việc sai thì chắc chắn có cái quả báo sẽ đến, biết chắc chắn như vậy cho nên đừng làm điều sai nữa.

SỐ KIẾP TỰA XA VỜI

Số kiếp tựa xa vời mà gần kề như sáng tối. Cái gì là số kiếp tựa xa vời và vì sao số kiếp lại xa vời với chúng ta? Xưa kia chúng ta làm con bò, bây giờ làm người, rồi mai lại là con trâu. Đó là số kiếp, là đời sống của chúng ta. Còn bây giờ đi ăn trộm tiền của người ta để có tiền ăn chơi du hí tha hồ vui vẻ, tưởng như cái chuyện làm trâu đối với mình xa vời lắm, gần như là không nghĩ tới là về sau phải kéo cày trả nợ. Thế cho nên mới bảo là số kiếp mình tưởng như xa lắm, thế nhưng thật ra gần kề như buổi sáng với tối, vừa mới sáng xong thì đã tối, vừa mới tối đã đến sáng. Hai buổi sáng với tối tiếp nhau như thế cho nên gọi là gần kề. Không biết rằng ngay lúc chúng ta đưa tay ăn trộm của người thì cái thân trâu ở ngay trong tâm mình, ở ngay trong tạng thức mình rồi nhưng mà chúng ta cứ tưởng là xa xôi lắm, còn lâu lắm.

PHÁT SANH ĐỊNH VÀ TUỆ

Học kinh A-hàm là để tránh ác làm lành, giữ gìn thân khẩu ý, do đó tâm không tán loạn. Do tâm điềm tĩnh, không loạn mà phát sanh trí tuệ sáng suốt. Như vậy, chúng ta học A-hàm với mục đích nuôi dưỡng sự điềm tĩnh và trí tuệ.

Vì sao có bao nhiêu sự tích, bao nhiêu chuyện, bao nhiêu thứ rất cần để học trên đời mà trong A-hàm, Đức Phật chỉ nhấn mạnh cần có hai là trí tuệ và sự an định của tinh thần? Tại sao chúng ta lại cần sự an định và trí tuệ? Vì buông lung tán loạn

mất sự điềm tĩnh thì không thể an định, có an định thì mới có trí tuệ. Người an định, có trí tuệ là do sáng suốt, biết được việc này việc kia, việc xấu việc tốt, việc hiền ngu, tội phước, còn buông lung tán loạn, mất sự điềm tĩnh, mất sự an ổn của tinh thần thì không có cái sáng suốt, mà sáng suốt là then chốt để chúng ta sống yên ổn trong đời.

A-hàm có khả năng cứu tế đạo và đời, nghĩa là không những ích lợi cho người trong chùa mà cả người thế gian. Những người tại gia cũng cần phải học kinh A-hàm này để cứu tế cả đạo và đời. Đạo là đời sống của những người xuất gia, còn đời là đời sống của những người thế gian. Tất cả đều cần kinh A-hàm này để giúp chúng ta yên ổn trong gia đình và trong chốn thiền môn.

KHU RỪNG PHONG PHÚ BAO LA

Trong A-hàm này, Đức Phật kể nhiều câu chuyện về thành bại, hiền ngu, phước tội của loài người, chuyện của chư thiên ở trên trời, chuyện địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chuyện trên rừng dưới biển, bao hàm vạn loài trong trời đất, thế cho nên gọi là pháp quy (vạn pháp quay về đấy) như trăm sông dồn về biển cả tức là dồn về một mục đích. Vì có cả rừng của 2.086 bản kinh nên Đức Phật giảng dạy rất nhiều khía cạnh của các cõi và tất cả những loại pháp đều quy tụ về đây nên gọi là A-hàm. Nhờ công đức nói về vạn pháp bao la này mà đạo từ đây phát khởi, pháp do đây tồn tại.

ĐẠO TỪ ĐÂY PHÁT KHỞI

Đạo là con đường, Phật là sáng suốt. Nhờ Đức Phật nói những con đường tâm linh mà ngài chứng nghiệm và chư tổ tiếp nối thực hành thấy hiệu nghiệm truyền xuống, rồi chúng

ta học tu theo. Như vậy là Đức Phật vạch một con đường cho chúng ta đi, con đường sáng suốt, con đường đi vào trí tuệ cho nên gọi là Đạo Phật.

Nhờ học lý thuyết và hiểu khi thực hành A-hàm, chúng ta mới thấy con đường tỏ rõ ra. Con đường từ mê đến tỉnh, từ khổ đến an vui, từ phàm phu lên hiền thánh, rồi chúng ta mới một lòng đi con đường này để hiển lộ đạo lên nên gọi là đạo do đây, tức đạo do A-hàm mà phát khởi. Vì thế, chúng ta phải phát tâm học và hành theo A-hàm.

PHÁP DO ĐÂY TỒN TẠI

Pháp là những phương pháp tu hành, các pháp môn giải thoát hay những gì Đức Phật dạy như giới luật, tứ niệm xứ, bảy giác chi, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vv… Pháp do đây mà tồn tại tức từ A-hàm mà đạo được vạch tỏ, đạo được phát khởi, nghĩa là chúng ta học bộ A-hàm, chúng ta hiểu điều phải, hiểu con đường chân thật, chúng ta nắm được đường thật, nắm được các pháp môn thì chúng ta nhất định tu, nhất định thọ trì. Nhờ vào tu tập và thọ trì mà các pháp môn của Đức Phật mới tồn tại. Vì Đức Phật thuyết giảng cách đây 2600 năm mà không có người học, người hiểu, không có người thọ, người trì thì bây giờ chúng ta không biết đến pháp Phật nữa. Đã 2600 năm trôi qua, những liệt vị tổ sư đã bắt nhịp cầu tiếp nối từ vị này truyền vị kia, vị kia truyền xuống vị nọ, cho tới ngày nay A-hàm còn lại cho chúng ta để học. Cho nên, nhờ A-hàm này mà các pháp môn tu tập thành thánh hiền của Đức Phật mới còn tồn tại. Nếu mà không có các bộ A-hàm còn lại thì chúng ta bây giờ đâu có biết tội phước, nhân quả mà tu. Những pháp môn tu phải do các Tổ đã thọ trì và truyền lại để chúng ta bây giờ cũng thọ nhận và duy trì để ngày mai chúng

ta cũng có thể giữ được đạo và truyền lại cho người sau, thế là pháp do đây mà tồn tại như Kinh Phật Thuyết Nguyệt Dụ dạy:

"Tỳ kheo an trụ vào sự hiểu biết chân chánh, rời các nhiễm ô như luyện vàng ròng; khử trừ chất uế, thấy pháp như thế, chứng pháp như thế, là pháp có thể lìa sanh già bịnh chết, sầu bi ưu não. Dùng pháp như thế vì người khác nói, khiến người kia đạt được sự nghe pháp như thế, theo đó tu hành, ở trong đêm dài được lợi lạc lớn. Do đó, chánh pháp được tồn tại lâu dài."

Tóm lại, kinh nói trăm sông đổ dồn về biển cả, tức là chuyện đẹp xấu, chuyện hay dở, tội phước căn bản của loài người và các loài khác đều bao gồm hết trong A-hàm này. Nhiều việc nhờ kinh A-hàm này mà chúng ta mới hiểu được hết, nhất là những việc ra khỏi vòng luân hồi sáu cõi này. Đây là biển kinh (chứ không phải vài cuốn kinh) chứa đủ hết, là một khu rừng uyên bác, bao la, phong phú có đủ hết. Tâm ý của Đại sư Tăng Triệu khuyên chúng ta không nên đi tìm học ở đâu đâu mà hãy quay về căn bản với A-hàm này bởi lẽ chính ở đây mới đáp ứng được tất cả những nhu cầu tâm linh và những hướng dẫn tu tập căn bản để chúng ta có thể xa rời cảnh giới phàm phu mà bước lên nấc thang thánh vị.

CHƯƠNG 3

NHỮNG LỜI PHẬT DẠY TRONG TRƯỜNG A HÀM

BA BẬC THẦY

Thầy thứ nhất, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân; nhưng vị ấy ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não, không chứng đắc pháp thượng nhân; đạo nghiệp của mình chưa thành mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau. Cũng như có người đã phá bỏ ngục tù cũ, rồi lại xây ngục tù mới. Như thế gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa.

Bậc thầy thứ hai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, để rồi ngay trong đời này mà có thể trừ các thứ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhân. Nhưng vị ấy ở trong đời này mà không thể trừ các phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhân, nhưng đạo nghiệp của mình chưa thành tựu mà lại thuyết pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, nhưng lại chỉ nương tựa, cùng sống chung với nhau mà thôi. Giống như có người đi theo sau người khác, đưa tay xoa lưng kẻ ấy, đây gọi là pháp tham, ô trược, xấu xa.

Thầy thứ ba là cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, ở trong đời này, đáng lẽ có thể trừ phiền não, lại có thể tăng trưởng được pháp thượng nhơn; nhưng ở trong đời này lại không thể trừ các thứ phiền não; tuy có chứng đắc một ít pháp thượng nhơn, nhưng việc lợi mình chưa thành tựu, mà lại nói pháp cho đệ tử. Các đệ tử ấy không cung kính phụng thờ, mà chỉ là nương tựa, cùng sống chung vậy thôi. Cũng như có người bỏ lúa má của mình, đi cày ruộng người khác.

(Trường A Hàm, Kinh Lộ Già, số 29)

BA MƯƠI HAI TƯỚNG ĐẠI NHÂN

Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng.

Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn căm, ánh sáng xen nhau.

Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa.

Tay chân mềm mại như áo trời.

Ngón tay chân thon dài không ai bằng.

Gót chân đầy đặn trông không chán.

Ống chân thon dài như của nai.

Các khớp xương móc lấy nhau như xích chuyền.

Mã âm tàng.

Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối.

Mỗi chân lông đều có một sợi lông. Sợi lông ấy xoáy hữu, màu lưu ly xanh biếc.

Lông mọc xoay phía hữu, màu xanh biếc thẳng lên.

Thân sắc huỳnh kim.

Da thịt mịn màng không dính bụi nhơ.

Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp.

Giữa ngực có chữ vạn.

Thân cao gấp đôi người thường.

Bảy chỗ trong người đầy đặn.

Mình cao to lớn như cây ni-câu-lô.

Hai má như sư tử.

Ngực vuông đầy như ngực sư tử.

Có bốn mươi cái răng.

Răng ngang bằng đầy đặn.

Răng khít nhau không hở.

Răng trắng, trong sáng.

Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp.

Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai.

Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên.

Con mắt màu xanh biếc.

Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí.

Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại kéo ra dài một tầm.

Trên đỉnh có chỗ thịt nổi. Ấy là 32 tướng đại nhân.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

BA PHÁP

Ba thiện căn: không tham, không nhuế và không si.

Ba thiện hành: thiện hành của thân, khẩu và ý.

Ba tưởng thiện: vô dục tưởng, vô sân tưởng và vô hại tưởng.

Ba tư thiện: vô dục tư, vô nhuế tư và vô hại tư.

Ba loại phước nghiệp: nghiệp bố thí, bình đẳng và tư duy.

Ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Ba hữu lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Ba thứ lửa: lửa dục, lửa sân và lửa si.

Ba cầu: dục cầu, hữu cầu và phạm hạnh cầu.

Ba tăng thịnh: ngã tăng thịnh, thế tăng thịnh và pháp tăng thịnh.

Ba giới: dục giới, sân giới và hại giới.

Ba giới: sắc giới, vô sắc giới, tận giới.

Ba căn bổn dục sinh: Do hiện dục hiện tiền sinh trời người, do hóa dục sinh trời Hóa tự tại, do tha hóa dục sinh trời Tha hóa tự tại.

Ba khổ: dục khổ, hành khổ, và biến dịch khổ.

Ba sự phát hiện: phát hiện do thấy, phát hiện do nghe và phát hiện do nghi.

Ba mắt: mắt thịt, mắt trời và mắt tuệ.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

BA PHÁP TĂNG NHẤT

Ba thành pháp: thân cận thiện hữu, tai nghe pháp âm, thành tựu pháp và tùy pháp.

Ba tu pháp: không, vô tướng, vô tác tam-muội.

Ba giác pháp: khổ, lạc, phi khổ phi lạc thọ.

Ba diệt pháp: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Ba thoái pháp: tham, nhuế, si bất thiện căn.

Ba nan giải pháp: khó hiểu về các bậc Hiền Thánh, nghe Pháp, Như Lai.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

BA THỌ

Do duyên là cảm xúc không lạc không khổ mà phát sanh thọ không lạc không khổ. Nếu cảm xúc không lạc không khổ diệt mất thì cảm thọ không lạc không khổ cũng diệt mất. Ví như hai khúc cây cọ lại với nhau thì lửa bật ra, hai khúc cây rời nhau thì lửa không có.

Ở đây cũng vậy, nhân bởi duyên là cảm xúc lạc mà cảm thọ lạc phát sanh;

Nếu cảm xúc lạc diệt thì cảm thọ cũng đồng thời diệt.

Nhân bởi duyên là cảm xúc khổ mà cảm thọ khổ phát sanh;

Nếu cảm xúc khổ diệt thì thọ cũng đồng thời diệt.

Ba thọ đó là hữu vi, vô thường, do nhân duyên sanh, là pháp phải tận, phải diệt, là pháp hủ hoại, nó chẳng phải sở hữu của ngã; ngã không phải là sở hữu của nó. Hãy chánh quán điều đó một cách như thật với chánh trí. Ai thấy có ngã, cho rằng 'thọ là ngã', người ấy sai lầm.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

BA TRUNG KIẾP

Có ba trung kiếp. Một là kiếp đao binh. Hai là kiếp đói kém. Ba là kiếp tật dịch.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 11.Ba Trung Kiếp, số 30)

BẬC CHUYỂN LUÂN VƯƠNG CÓ BỐN ĐIỀU ĐƯỢC

ÂN SỦNG

Khi Thánh vương đi, người dân khắp cả nước đều đến nghinh đón;

Thấy vua rồi thì hoan hỷ, nghe lời dạy cũng hoan hỷ, chiêm ngưỡng uy nhan không hề biết chán.

Khi Thánh vương đứng, ngồi

Khi Thánh vương nằm, quốc dân đều đến bái yết, được thấy vua họ vui mừng, được nghe vua họ vui mừng, họ trông ngắm dung nhan vua không biết chán.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BẬC ĐẠI OAI ĐỨC PHẢI TRÁNH CHỖ CHO THIÊN THẦN VÀO LỄ

Lúc đó ông Phạm-ma-na cầm quạt đứng hầu quạt trước Phật, Phật bảo:

Ngươi hãy tránh ra, chớ đứng ở trước Ta.

A-nan nghe vậy thầm lặng suy nghĩ: Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông chăm sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì? Rồi A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật, bạch rằng:

Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông xem sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?

Phật nói: Phía ngoài thành Câu-thi này mười hai do-tuần, thảy đều là chỗ các vị đại thiên thần, chật ních không có khoảng trống. Họ đều than phiền: 'Vị Tỳ-kheo này sao đứng choán trước Phật. Nay giờ phút cuối cùng Phật sắp vào Niết-bàn, chúng ta các thần muốn đến chiêm bái một lần, mà vị Tỳ-kheo đó với oai đức lớn lao, ánh sáng chói che không cho chúng ta được gần Phật để lễ bái cúng dường.' Này A-nan, vì thế mà ta bảo tránh ra.

A-nan bạch Phật: Chẳng hay vị Tỳ-kheo đó xưa kia chứa phúc đức gì, tu hạnh nghiệp gì mà nay có oai đức như thế?

Phật dạy: Vào kiếp thứ chín mươi mốt trong đời quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi. Vị Tỳ-kheo đó, lúc ấy đem tâm hoan hỷ cầm cây đuốc cỏ soi sáng vào ngôi tháp của Phật, nhờ đó nay ông được có oai quang chiếu suốt cả hai mươi tám từng trời, ánh sáng của chư thiên thần không thể sánh kịp.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BÁO NHẬP NIẾT BÀN

Các Tỳ-kheo sau khi nghe Như Lai không bao lâu, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn, rất đỗi kinh ngạc, sửng sốt hoang mang, vật mình xuống đất, cất tiếng kêu than:

Nhanh chóng làm sao, Thế Tôn diệt độ! Đau đớn làm sao, con mắt của thế gian sắp tắt! Chúng ta từ nay mãi mãi mất mát! Hoặc có Tỳ-kheo vật vã buồn khóc, lăn lộn kêu ca, không tự kềm chế được, khác nào như rắn bị đứt làm hai khúc, lăn lộn ngắc ngoải, không biết đi về đâu.

Phật bảo:

Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ ôm lòng ưu bi như vậy. Từ trời đất đến người vật, không có cái gì sanh ra mà không kết thúc. Muốn các pháp hữu vi không bị biến dịch, thì không thể nào được. Trước đây Ta đã từng dạy ân ái là vô thường, có hội hiệp tất có chia ly. Thân này không phải của mình, mạng này không ở lâu được.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BA PHÁP BA TỤ

Ba pháp hướng đến ác thú: tham, nhuế, si bất thiện căn.

Ba pháp dẫn đến thiện thú: vô tham, vô nhuế, vô si thiện căn.

Ba pháp dẫn đến Niết-bàn: không, vô tướng, vô tác tam-muội.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

BẢY PHÁP

Bảy phi pháp: không có tín, không có tàm, không có quí, ít học hỏi, biếng nhác, hay quên, vô trí.

Bảy chánh pháp: có tín, có tàm, có quí, đa văn, tinh tấn, tổng trì, đa trí.

Bảy tinh cần: 1. Tỳ-kheo tinh cần nơi sự thực hành giới. 2. diệt tham dục. 3. phá tà kiến. 4. đa văn. 5. tinh tấn. 6. chánh niệm. 7. thiền định.

Bảy tưởng: tưởng về thân bất tịnh, thức ăn bất tịnh, hết thảy thế gian không đáng ưa thích, sự chết, vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã.

Bảy tam-muội thành tựu: chánh kiến, chánh tư duy, chánh

ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Bảy giác chi: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ giác, khinh an, định, huệ xả giác chi.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

BẢY PHÁP BẤT THOÁI

Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái qui chế, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Niệm hộ tâm ý, lấy sự hiếu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BẢY PHÁP LÀM CHÁNH PHÁP KHÔNG BỊ SUY THOÁI

Kính Phật. 2. Kính Pháp. 3. Kính Tăng. 4. Kính giới luật. 5. Kính thiền định. 6. Kính thuận cha mẹ. 7. Kính pháp không buông lung.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BẢY PHÁP LÀM CHÁNH PHÁP KHÔNG BỊ TỔN GIẢM

Có tín tâm; tin đức Như Lai, Chí chân, Chánh giác, đủ mười đức hiệu.

Có tàm, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

Có quý, biết thẹn với việc ác mình đã làm.

Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền Thánh, dứt hết gốc khổ.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BẢY PHÁP LÀM CHÁNH PHÁP TĂNG TRƯỞNG

Ưa ít việc, không ưa nhiều việc

Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

Bớt sự ngủ nghỉ, tâm không hôn muội.

Không tụ họp nói việc vô ích.

Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức.

Không kết bè bạn với người xấu ác.

Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BẢY PHÁP TĂNG NHẤT

Bảy tài sản: tín là tài sản, giới là tài sản, tàm là tài sản, quí là tài sản, đa văn là tài sản, huệ thí là tài sản.

Bảy diệt pháp: sai sử bởi dục ái, hữu ái, kiến, mạn, sân nhuế, vô minh, nghi.

Bảy tăng pháp: có tín, tàm, quí, đa văn, không biếng nhác, nhớ dai, có trí.

Bảy nan giải pháp: ưa nghĩa, ưa pháp, ưa biết thời, ưa biết đủ, ưa tự nhiếp, ưa tập chúng, ưa phân biệt người.

Bảy chứng pháp: dứt tận lậu đối với hết thảy sự tập khởi của khổ, sự diệt trừ, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất ly mà biết như thật, thấy như thật. Quán sát dục như hầm lửa, và cũng như đao kiếm, biết dục, thấy dục, không tham nơi dục, tâm không trụ nơi dục. Tỳ-kheo lậu tận, quán sát thuận và nghịch, sau khi đã như thật giác tri, như thật thấy; tham, tật, ác bất thiện pháp của thế gian, không rò rỉ, không sinh khởi. Tu tứ niệm xứ, tu tập nhiều lần, thực hành nhiều lần. Tu năm căn, năm lực, bảy giác tri, tám Hiền Thánh đạo, tu tập nhiều lần.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

BẢY TRỤ XỨ CỦA THỨC

Có hạng chúng sanh, với nhiều thân khác nhau và nhiều tưởng khác nhau, tức chư Thiên và loài Người.

Có hạng chúng sanh với thân đồng nhất nhưng với nhiều tưởng khác nhau, như trời Quang âm.

Có hạng chúng sanh với thân đồng nhất, tưởng đồng nhất, tức trời Biến tịnh.

Có hạng chúng sanh trú nơi không xứ.

Có hạng chúng sanh trú nơi thức xứ.

Có hạng chúng sanh trú nơi vô sở hữu xứ.

Có hạng chúng sanh trú nơi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đó là bảy trú xứ của thức mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói:

'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.'

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo biết bảy trú xứ của thức, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật;

A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: 'Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy' với tri kiến như thật.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

BẢY QUẢ DỊ THỤC CỦA NHƯ LAI

Trong bảy năm Như lai tu tập từ tâm, sau khi tu tập từ tâm

bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, Ta không trở lui lại thế giới này. Khi thế giới ở trong thành kiếp, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến thế giới Quang âm thiên. Khi thế giới ở trong kiếp đấy, này các Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, là Đại phạm thiên, vị Chiến thắng, vị Vô năng thắng, vị Biến tri, vị Tự tại. Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, Ta là Thiên chủ Sakka. Nhiều lần bảy lần, Ta là vị Chuyển luân vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Này các Tỷ-kheo, Ta có bảy loại châu báu này, như là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu và cư sĩ báu là thứ bảy. Ta có hơn một ngàn người con trai, này các Tỷ-kheo, là những bậc anh hùng, dõng mãnh, đánh tan địch quân. Và khi Ta chiến thắng quả đất này, xa cho đến bờ biển, Ta trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp.

BỐN LOẠI BẠN ĐÁNG THÂN

Có bốn hạng người thân đáng thân vì thường đem lại lợi ích và che chở. Những gì là bốn? Một, ngăn làm việc quấy; hai, thương yêu; ba, giúp đỡ; bốn, đồng sự. Đó là bốn hạng người thân đáng thân cận.

Bạn ngăn quấy thì thường làm bốn việc đem lại nhiều lợi ích và hay che chở: thấy người làm ác thì hay ngăn cản, chỉ bày điều chánh trực, có lòng thương tưởng, chỉ đường sinh Thiên. Đó là bốn trường hợp ngăn cản việc quấy đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

Bạn thương yêu thì thường làm bốn việc: Mừng khi mình được lợi, lo khi mình gặp hại, ngợi khen đức tốt mình, thấy

mình nói ác thì tìm cách ngăn cản. Đó là bốn điều thương yêu đem lại nhiều lợi ích và hay che chở.

Bạn giúp đỡ có bốn việc. Những gì là bốn? Đó là: che chở mình khỏi buông lung, che chở mình khỏi hao tài vì buông lung, che chở mình khỏi sợ hãi, khuyên bảo mình trong chỗ vắng người.

Bạn đồng sự thì thường làm bốn việc: không tiếc thân mạng với bạn, không tiếc của cải với bạn, cứu giúp bạn khỏi sợ hãi, khuyên bảo bạn lúc ở chỗ vắng người.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

BỐN ĐẠI GIÁO PHÁP

Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vầy: 'Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này.'

Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác.

Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật.

Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn.

Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.'

Trái lại, nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp

thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp mà lời ngươi vừa nói phù hợp với chánh pháp.

Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ nhất.

'Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ chúng Tăng hoà hợp với các vị kỳ cựu đa văn, được lãnh thọ pháp, luật này, giáo này.'

Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác.

Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn.

Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.'

Trái lại nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói.

Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp.

Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ hai.

'Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ nhiều vị Tỳ-kheo, là những người trì pháp, trì luật, trì luật nghi, được lãnh thọ pháp này, luật này, giáo này.'

Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật.

Nương theo luật, nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng?

Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp.

Vậy này hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp.

Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ ba.

'Này chư hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân từ một vị Tỳ-kheo kia, là người trì pháp, trì luật, trì luật nghi, được lãnh thọ giáo pháp này.'

Nghe như vậy thì các ngươi cũng không tin, cũng không nên bài bác.

Hãy nương theo kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo luật,

nương theo pháp mà xét rõ gốc ngọn.

Nếu thấy lời nói ấy không trúng kinh, không trúng luật, không trúng pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.'

Trái lại nếu xét thấy lời kia trúng kinh, trúng luật, trúng pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương kinh, nương luật, nương pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với chánh pháp.

Vậy hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ tư.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BỐN ĐẠI SẼ VỀ ĐÂU?

Do đâu không bốn đại:
Đất, nước, lửa và gió?
Do đâu không thô, tế,
Và dài, ngắn, đẹp, xấu?

Do đâu không danh-sắc,
Vĩnh diệt, không dư tàn?
Nên đáp: thức vô hình,
Vô lượng, tự tỏa sáng;

Nó diệt, bốn đại diệt;
Thô, tế, đẹp, xấu diệt.

Nơi này danh sắc diệt,
Thức diệt, hết thảy diệt.
(Trường A Hàm, Kinh Kiên Cố, số 24)

BỐN ĐIỀU ĐẶC BIỆT CỦA TÔN GIẢ A-NAN

Khi A-nan lặng lẽ đi vào chúng Tỳ-kheo,

Khi A-nan vào chúng Tỳ-kheo-ni,

Khi A-nan vào chúng ưu bà tắc,

Khi A-nan vào chúng ưu-ba-di, nơi nào được trông thấy A-nan cũng vui mừng, được nghe A-nan thuyết pháp cũng vui mừng; họ trông nhìn nghi dung và lời A-nan thuyết pháp không biết chán.

Đó là bốn pháp đặc biệt hy hữu của A-nan.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

BỐN GIAI CẤP BÌNH ĐẲNG

Có bốn chủng tánh gồm cả người lành người dữ; được người trí khen, cũng bị người trí chê. Bốn chủng tánh ấy là: Sát-lỵ, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la.

Hẳn các ngươi từng nghe trong dòng Sát-lỵ có kẻ sát sinh, có kẻ trộm cắp, có kẻ dâm loạn, kẻ dối trá, kẻ nói hai lưỡi, kẻ nói ác độc, có kẻ ỷ ngữ, có kẻ xan tham, có kẻ tật đố, có kẻ tà kiến, thì trong dòng Bà-la-môn, Cư-sĩ, Thủ-đà-la cũng có lẫn lộn đủ hạng người làm mười ác hạnh đó?

Phàm làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với

dòng Sát-lỵ, Cư-sĩ, Thủ-đà-la chứ không có với dòng Bà-la-môn, khi ấy người Bà-la-môn mới nên tự cho dòng Bà-la-môn ta là tối cao bậc nhất, còn các dòng khác thấp hèn, dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu; dòng Bà-la-môn ta xuất hiện từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sinh ra, hiện tại thanh tịnh, về sau cũng thanh tịnh. Trái lại nếu rằng làm điều bất thiện thì có quả báo bất thiện, làm điều hắc ám thì có quả báo hắc ám, quả báo đó bất cứ Bà-la-môn, Sát-lỵ, hay Thủ-đà-la đều có như nhau, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất.

Nếu trong dòng Sát-lỵ, có kẻ không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không ỷ ngữ, không xan tham, không tật đố, không tà kiến, thời trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la cũng đều có hạng người tu mười điều thiện như thế.

Phàm làm điều lành, tất có quả báo lành, làm điều thanh bạch tất có quả báo thanh bạch. Nếu rằng quả báo đó chỉ có với dòng Bà-la-môn mà không có với dòng Sát-lỵ, Cư sĩ, Thủ-đà-la khi ấy người dòng Bà-la-môn mới nên tự xưng dòng mình thanh tịnh tối cao bậc nhất. Trái lại, nếu cả bốn chủng tánh đều có quả báo đó, thời người Bà-la-môn không thể tự xưng chỉ dòng ta là thanh tịnh tối cao bậc nhất…

Người dòng Sát-lỵ mà thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mạng chung phải thọ ác báo. Dòng người Bà-la-môn, dòng Cư sĩ, dòng Thủ-đà-la mà thân làm bất thiện. Miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện, khi thân hoại mệnh chung họ cũng phải thọ ác báo như thế.

(Trường A Hàm, Kinh Tiểu Duyên, số 5)

BỐN KẺ THÙ MÀ NHƯ NGƯỜI THÂN

Có bốn hạng kẻ thù mà như người thân: hạng úy phục, hạng mỹ ngôn, hạng kính thuận, hạng ác hữu.

Hạng úy phục thì thường hay làm bốn việc: cho trước đoạt lại sau; cho ít mong trả nhiều; vì sợ gượng làm thân tình; vì lợi gượng làm thân tình.

Hạng mỹ ngôn thì thường hay làm bốn việc: lành dữ đều chiều theo; gặp hoạn nạn thì xa lánh; ngăn cản những điều hay; thấy gặp nguy tìm cách đun đẩy.

Hạng kính thuận thì thường làm bốn việc: việc trước dối trá; việc sau dối trá; việc hiện dối trá; thấy có một chút lỗi nhỏ đã vội trách phạt.

Hạng bạn ác thì thường làm bốn việc: bạn lúc uống rượu; bạn lúc đánh bạc; bạn lúc dâm dật; bạn lúc ca vũ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

BỐN LOẠI ĐẠI THIÊN THẦN

Có bốn loại đại thiên thần: 1. Địa thần, 2. Thủy thần, 3. Phong thần, 4. Hỏa thần.

Xưa kia Địa thần nảy sinh ra nhận thức sai lầm rằng: 'Trong đất không có nước, lửa, và gió'. Lúc ấy Ta bảo rằng: 'Ngươi chớ nảy sanh ý niệm này là trong đất không có nước, lửa và gió. Vì sao? Vì trong đất có nước, lửa và gió, chỉ vì yếu tố đất nhiều nên lấy đất mà gọi tên'.

Ta vì Địa thần mà lần lượt nói pháp, để dứt trừ nhận thức sai lầm này, và chỉ bày, khuyến khích, làm cho lợi ích, làm cho

hoan hỷ; nói về thí, về giới, về sinh thiên; nói dục là bất tịnh, là ô nhiễm, là tai họa; xuất yếu là trên hết, và trình bày khai mở phạm hạnh thanh tịnh.

Lúc ấy, Ta biết rõ tâm niệm Địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, không còn năm ấm cái, dễ dàng khai hóa. Như pháp thường của chư Phật, Ta chỉ bày giảng rộng về Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ Địa thần liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Ví như áo trắng sạch sẽ dễ được nhuộm màu, Địa thần cũng như vậy, lòng tin đã thanh tịnh, nên được mắt pháp, không còn hồ nghi, thấy pháp quyết định, không còn rơi vào đường ác, không theo đường khác, thành tựu được pháp vô úy, mà bạch với Ta rằng: 'Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, cho phép con được làm Ưu-bà-di ở trong chánh pháp'.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

BỐN LOẠI KIM-SÍ ĐIỂU

Có bốn loại Kim-sí điểu: sinh ra từ trứng; sinh ra từ bào thai; sinh ra từ nơi ẩm thấp; sinh ra từ hóa sinh.

Ta nói những người tà kiến chắc chắn sẽ đi vào hai nơi: Hoặc sinh vào địa ngục, hay sinh vào hàng súc sanh.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 5. Long điểu, số 30)

BỐN LOÀI RỒNG

Có bốn loại rồng: sanh ra từ trứng; sanh ra từ bào thai; sanh ra từ nơi ẩm thấp; sanh ra từ hóa sinh.

Ta nói những người tà kiến chắc chắn sẽ đi vào hai nơi: sinh vào địa ngục hay sinh vào hàng súc sanh.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 5. Long điểu, số 30)

BỐN LOẠI THỨC ĂN

Tất cả chúng sanh do bốn loại thức ăn mà tồn tại. Một là đoàn tế hoạt thực. Hai là xúc thực. Ba là niệm thực. Bốn là thức thực. Những loại thức ăn này chúng sanh ăn không giống nhau.

Như người cõi Diêm-phù-đề dùng các loại cơm, bún mì, cá thịt, gọi là loại đoàn thực. Y phục, tắm giặt, được gọi là tế hoạt thực.

Người Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng ăn các loại cơm, bún mì, cá thịt được gọi là đoàn thực; y phục, tắm giặt là tế hoạt thực.

Người Uất-đan-viết thì chỉ ăn lúa gạo chín tự nhiên, đầy đủ vị trời lấy là đoàn thực; cũng lấy y phục, tắm giặt làm tế hoạt thực.

Loài rồng, kim-sí điểu, thì ăn các con giải, con đà, con cá, con ba-ba lấy làm đoàn thực, và tắm gội, y phục làm tế hoạt thực.

A-tu-luân thì ăn đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực, và lấy tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực.

Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên ăn loại đoàn thực sạch lấy làm đoàn thực và tắm giặt, y phục làm tế hoạt thực.

Chư thiên từ đây trở lên dùng hỷ lạc thiền định làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng xúc thực? Những chúng sanh, sinh ra từ trứng dùng xúc thực.

Những chúng sanh nào dùng niệm thực? Có chúng sanh nhờ vào niệm thực mà được tồn tại, tăng trưởng các căn, tuổi thọ không dứt, đó là niệm thực.

Những chúng sanh nào dùng thức thực? Những chúng sanh ở địa ngục và cõi Vô sắc thiên, những loại chúng sanh này dùng thức thực.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

BỐN MÀU CỦA MÂY

Mây có bốn thứ: màu trắng; màu đen; màu đỏ; màu hồng.

Mây có màu trắng vì yếu tố đất đặc biệt nhiều; mây có màu đen vì yếu tố nước đặc biệt nhiều hơn; mây có màu đỏ vì yếu tố lửa đặc biệt nhiều hơn; mây có màu hồng vì yếu tố gió đặc biệt nhiều hơn. Mây cách mặt đất từ hai mươi dặm, ba mươi dặm, bốn mươi dặm,…cho đến bốn nghìn dặm.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

BỐN PHÁP

Bốn thiện hành của miệng: 1. Nói sự thật, 2. Nói dịu dàng, 3. Không ỷ ngữ, 4. Không hai lưỡi.

Bốn thánh ngôn: 1. Thấy nói thấy 2. Nghe nói nghe 3. Hay

nói hay 4. Biết nói biết.

Bốn thức ăn: 1. Thức ăn vo nắm 2. Thức ăn bởi xúc 3. Thức ăn bởi niệm 4. Thức ăn bởi thức.

Bốn thọ: 1. Khổ hành trong hiện tại thọ khổ báo về sau, 2. Khổ hành hiện tại thọ lạc báo về sau, 3. Lạc hành hiện tại thọ khổ báo về sau, 4. Lạc hành hiện tại thọ lạc báo về sau.

Bốn thọ: 1. Dục thọ, 2. Ngã thọ, 3. Giới thọ, 4. Kiến thọ.

Bốn phược: 1. Thân phược bởi dục tham, 2. Thân phược bởi sân nhuế, 3. Thân phược bởi giới đạo, 4. Thân phược bởi ngã kiến.

Bốn gai nhọn: 1. Gai nhọn dục; 2. Gai nhọn nhuế; 3. Gai nhọn kiến; 4. Gai nhọn mạn.

Bốn sanh: 1. Sanh từ trứng, 2. Sanh từ bào thai, 3. Sanh do ẩm thấp, 4. Sanh do biến hóa.

Bốn ý đoạn: 1. Ở đây Tỳ-kheo ác pháp chưa khởi, phương tiện khiến không khởi, 2. Ác pháp đã khởi phương tiện khiến diệt, 3. Thiện pháp chưa khởi pháp, phương tiện khiến khởi, 4. Thiện pháp đã khởi phương tiện khiến tăng trưởng.

Bốn phạm đường: Từ, bi, hỷ và xả.

Bốn pháp túc: Pháp túc không tham, pháp túc không sân, pháp túc chánh niệm và pháp túc chánh định.

Bốn dòng dõi Hiền Thánh: 1. Ở đây, Tỳ-kheo tri túc về y thực, được thứ tốt không mừng, được cái xấu không buồn; không nhiễm không trước, biết điều cấm kỵ, biết con đường xuất yếu; ở trong pháp này tinh cần không biếng nhác; thành

tựu sự ấy không khuyết không giảm và cũng dạy người thành tựu sự ấy. Đó là thứ nhất; tri túc, an trú trong sự truyền thừa của hiền thánh, từ xưa đến nay chưa thường não loạn. Chư thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Trời và Người không ai có thể chê trách. 2. Thức ăn. 3. Vật dụng nằm ngồi, 4. Thuốc thang trị bệnh, tất cả đều cũng tri túc như thế.

Bốn nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Bốn chi của Tu-đà-hoàn: Tỳ-kheo thành tựu tín tâm bất hoại đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với giới.

Bốn thọ chứng: 1. Thọ chứng do thấy sắc, 2. Thọ chứng do thân hoại diệt. 3. Thọ chứng do nhớ về túc mạng. 4. Thọ chứng do biết hữu lậu đã bị diệt tận.

Bốn đạo: khổ đắc chậm, khổ đắc nhanh, lạc đắc chậm và lạc đắc nhanh.

Bốn biện tài: pháp biện tài, nghĩa biện tài, từ biện tài, ứng thuyết biện tài.

Bốn trú xứ của thức: sắc là trú xứ của thức, duyên sắc mà trú, sắc và ái cùng tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành, cũng đều như vậy.

Bốn ách: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

Bốn vô ách: vô dục ách, vô hữu ách, vô kiến ách, vô vô minh ách.

Bốn tịnh: giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh và độ nghi tịnh.

Bốn sự biết: đáng thọ biết thọ, đáng hành biết hành, đáng lạc biết lạc, đáng xả biết xả.

Bốn oai nghi: đáng đi biết đi, đáng đứng biết đứng, đáng ngồi biết ngồi, đáng nằm biết nằm.

Bốn tư duy: tư duy ít, tư duy rộng, tư duy vô lượng, không tư duy gì cả.

Bốn ký luận: quyết định ký luận, phân biệt ký luận, cật vấn ký luận, chỉ trú ký luận.

Bốn pháp không cần phòng hộ của Phật: 1. Như Lai thân hành thanh tịnh, không khiếm khuyết, không rò rỉ; có thể tự phòng hộ; 2. Khẩu hành thanh tịnh; 3. Ý hành thanh tịnh; 4. Mạng hành thanh tịnh cũng đều như vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

BỐN PHÁP BA TỤ

Bốn pháp thú hướng ác thú: Lời nói thiên vị, lời nói thù hận, lời nói sợ hãi, lời nói ngu si.

Bốn pháp dẫn đến thiện thú: Lời nói không thiên vị, lời nói không thù hận, lời nói không sợ hãi, lời nói không ngu si.

Bốn pháp dẫn đến Niết-bàn: thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

BỐN PHÁP TĂNG NHẤT

Bốn thành pháp: 1. Sống ở giữa nước. 2. Gần thiện hữu. 3. Tự cẩn thận. 4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.

Bốn thức ăn: thức ăn bằng vo nắm, thức ăn bằng cảm xúc, thức ăn bằng tư niệm, thức ăn do thức.

Bốn thủ pháp: dục thủ, ngã ngữ thủ, giới cấm thủ, và kiến thủ.

Bốn ách: dục là ách, hữu là ách, kiến là ách, vô minh là ách.

Bốn nan giải pháp: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

Bốn trí: pháp trí, vị tri trí, đẳng trí, tha tâm trí.

Bốn biện tài: pháp biện, nghĩa biện, từ biện, vô ngại biện.

Bốn Sa-môn quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

BỐN SỰ KIỆN VỀ THẾ GIỚI SANH DIỆT

Có bốn sự kiện trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được. Bốn sự kiện là:

Ở thế gian có những thứ tai nạn khởi lên từ từ; khi thế giới này tan hoại, trung gian là một khoảng thời gian trường cửu, không lường, không giới hạn, không thể dùng năm, tháng, ngày để mà tính kể được.

Sau khi thế giới này tan hoại rồi thì trung gian là một khoảng trống vắng mênh mông, không có thế giới; thời gian này là mịt mù trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được.

Khi trời đất mới bắt đầu khởi hướng nhắm đến sự hình thành tựu thì khoảng thời gian này là trường cửu, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được.

Sau khi trời đất đã hoàn thành rồi, tồn tại lâu dài không hoại,

không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để mà tính được. Đó là bốn sự kiện trường cửu, không lường, không có giới hạn, không thể dùng số lượng năm, tháng, ngày để tính toán được.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 9.Tam Tai, số 30)

CẢM HÓA NGOẠI ĐẠO A-MA-TRÚ

Nếu cư sĩ, con trai cư sĩ và các chủng tánh khác, nghe chánh pháp mà sanh lòng tín ngưỡng, do tâm tín ngưỡng mà nghĩ như vầy: 'Ta nay tại gia, vợ con ràng buộc, không thể thanh tịnh thuần tu phạm hạnh. Ta hãy cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo.' Người ấy, sau đó từ bỏ gia đình tài sản, từ giã thân tộc, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo. Cũng đồng với những người xuất gia, xả bỏ các thứ trang sức, đầy đủ các giới hạnh, không làm hại chúng sanh.

Xả bỏ dao gậy, tâm hằng tàm quý, từ niệm đối với hết thảy. Đó là không giết.

Xả bỏ tâm trộm cắp, không lấy vật không cho, tâm hằng thanh tịnh, không có ý lén lút lấy cắp. Đó là không trộm cắp.

Xả ly dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, ân cần tinh tấn, không bị nhiễm dục, sống trong sạch. Đó là không dâm.

Xả ly vọng ngữ, chí thành không lừa dối, không gạt người. Đó là không nói dối.

Xả ly nói hai lưỡi; nếu nghe lời người này, không truyền lại người kia; nếu nghe lời người kia, không truyền lại người này. Những người chia rẽ thì làm cho hòa hiệp, khiến cho thân kính lẫn nhau. Những lời nói ra, hoà thuận, đúng thời.

Đó là không nói hai lưỡi.

Xả ly ác khẩu. Những lời thô lỗ, thích gây não người khác, khiến sanh phẫn kết; xả những lời như vậy. Lời nói dịu dàng, không gây oán hại, đem nhiều lợi ích, được mọi người yêu kính, thích nghe những lời như vậy. Đó là không ác khẩu.

Xả ly ỷ ngữ; lời nói hợp thời, thành thật như pháp, y luật diệt trừ tranh chấp; có duyên cớ mới nói; lời nói không phát suông. Đó là xả ly ỷ ngữ.

Xả ly uống rượu, xa lìa chỗ buông lung.

Không đeo hương hoa, anh lạc.

Không đi xem và nghe các thứ ca múa xướng hát.

Không ngồi giường cao

Không ăn phi thời.

Không cất chứa, sử dụng vàng bạc, bảy báu.

Không cưới thê thiếp; không nuôi nô tỳ, voi ngựa, trâu bò, gà, chó, heo, dê; không tích chứa ruộng nhà, vườn tược. Không gạt người bằng cân đấu dối trá. Không lôi kéo nhau bằng bàn tay, nắm tay. Cũng không cầm đồ. Không vu dối người, không làm điều ngụy trá. Xả bỏ những thứ xấu ác như vậy; diệt trừ các tranh tụng, các điều bất thiện. Đi thì biết thời. Không phải thời thì không đi. Lường dạ mà ăn, không tích chứa dư thừa. Che thân bằng y phục, vừa đủ thì thôi. Pháp phục, ứng khí, thường mang theo mình. Như chim bay mang theo mình hai cánh. Cũng vậy, Tỳ-kheo không chứa dư thừa.

(Trường A Hàm, KinhA-ma-trú, số 20)

CẢM HÓA VUA A XÀ THẾ MUỐN CHINH PHỤC NƯỚC KHÁC

Vua A-xà-thế muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, mới sai Đại thần Vũ-xá đến thỉnh ý Phật.

Phật hỏi A-nan: Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?

A-nan đáp: Con có nghe.

Phật nói với A-nan: Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan, ngươi có nghe người nước Bạt-kỳ vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng, và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lễ độ không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hoà thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan! Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan! Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quỉ thần không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?

Đáp: Con có nghe.

Hỏi: Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bấy giờ, Đại thần Vũ-xá liền bạch Phật:

Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong

gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CĂN CƠ CHÚNG SANH ĐA DẠNG

Phạm vương ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: 'Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn, kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê.'

Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tánh có lanh lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa.

Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa ưu bát la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lỵ, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bẩn mà dễ dàng nở ra.

Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

CHÂN LÝ THẬM THÂM

Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh, thanh tịnh, chỉ có người trí

mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được.

Bởi vì chúng sanh có những nhẫn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình, cho nên đối với lý nhân duyên thâm diệu này chúng còn không thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta dầu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

CHÂU NA CÚNG ĐỨC PHẬT BỮA ĂN CUỐI CÙNG

Hiện nay Châu-na được nhiều lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức lực, được tiếng tốt, được nhiều tài lợi, chết được lên trời, cầu điều gì đều được. Tại sao vậy? Vì công đức người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường cho Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác.

Ngươi hãy đến nói với Châu-na rằng:

'Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn'.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CHÂU-NA NHẬP NIẾT BÀN TRƯỚC

Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, lấy nước uống và rửa xong rồi, cùng đại chúng lần đi nữa. Giữa đường, Phật dừng lại tại dưới một gốc cây và bảo Châu-na:

Ngươi lấy y tăng-già-lê gấp làm tư rồi trải cho ta nằm. Ta đau lưng. Muốn tạm nghỉ tại đây.

Châu-na vâng lời, trải chỗ xong, Phật ngồi lên chỗ đó. Châu-na lễ Phật rồi ngồi lại một bên mà thưa rằng:

Con muốn nhập Niết-bàn. Con muốn nhập Niết-bàn.

Phật dạy: Nên biết phải thời.

Châu-na liền nhập Niết-bàn ở ngay trước Phật.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CHỈ TÁN THÁN OAI NGHI GIỚI HẠNH CỦA NHƯ LAI

Này các Tỳ-kheo, nếu có ai khen ngợi Phật, Pháp và Chúng Tăng, các ngươi cũng vội chớ lấy điều đó làm vui mừng, hãnh diện. Vì sao vậy? Vì nếu các ngươi sinh tâm vui mừng là đã bị hãm nịch rồi. Do đó các ngươi không nên vui mừng. Tại sao thế? Vì đó chỉ là duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh, mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật.

Thế nào là duyên cớ nhỏ nhặt về oai nghi giới hạnh, mà hàng phàm phu ít học, không thấu rõ thâm nghĩa, chỉ bằng vào sở kiến để tán thán một cách chân thật?

Người ấy tán thán rằng Sa-môn Cù-đàm đã bỏ nghiệp sát, dứt nghiệp sát, xả bỏ dao gậy, có tàm quí, có tâm thương xót hết thảy, bỏ sự lấy của không cho, bỏ sự dâm dục, dứt bỏ nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt, không uống rượu

Sa-môn Cù-đàm đã dứt bỏ uống rượu; không trang sức hương

hoa; không xem ca múa; không ngồi giường cao; không ăn phi thời; không cầm vàng bạc; không chứa vợ con, tớ trai, tớ gái; không nuôi heo ngựa, voi, dê, gà, chó và các thứ chim muông; không chứa binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ; không chứa ruộng nhà, gieo trồng ngũ cốc; không nắm quyền đánh đấm với người; không dùng cân đấu lường gạt; không mua bán, khoán ước, giao kèo; không cho vay cầm đồ lấy lãi bất chánh. Cũng không âm mưu, trước mặt khác sau lưng khác; phi thời không đi; để nuôi sống thân, lường bụng mà ăn; đi đến chỗ nào thì y bát mang theo như chim không lìa hai cánh. Nhưng đó cũng chỉ là nhân duyên nhỏ nhặt về sự trì giới mà hàng phàm phu ít học nương lấy để tán thán Như Lai.

Thật ra Như Lai còn có những chứng đắc sâu xa hơn đáng để tán thán.

(Trường A Hàm, Kinh Phạm Động, số 21)

CHIA NHAU ĐI AN CƯ VÌ DÂN CHÚNG THẤT MÙA

Lúc ấy, ở Trúc Lâm đang đói kém, mất mùa, thóc quý, nên khất thực khó được. Phật bảo các tỳ kheo:

Đất này đói kém, khất thực khó khăn, các ngươi nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-kỳ mà an cư ở đó để có thể không bị thiếu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CHÍN NƠI CƯ TRÚ CỦA CHÚNG SANH

Các Tỳ-kheo, Như Lai nói chín chánh pháp, tức là chín chúng

sanh cư:

1. Hoặc có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, với nhiều tưởng khác nhau, tức là chư thiên và loài người.

2. Lại có chúng sanh có nhiều thân khác nhau, nhưng với một tưởng giống nhau, tức là trời Phạm Quang âm lúc mới sanh.

3. Lại có chúng sanh với một thân giống nhau, nhưng với nhiều tưởng khác nhau, tức là trời Quang âm.

4. Lại có chúng sanh với một thân một tưởng giống nhau, tức là trời Biến tịnh.

5. Lại có chúng sanh không có tưởng và không có giác tri, tức là trời Vô tưởng.

6. Lại có chúng sanh an trú hư không xứ.

7. Lại có chúng sanh an trú thức xứ.

8. Lại có chúng sanh an trú vô sở hữu xứ.

9. Lại có chúng sanh an trú phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Các Tỳ-kheo, đó là chín nơi cư trú của chúng sanh đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư thiên và nhân loại được an lạc.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

CHÍN PHÁP

Chín pháp dẫn đến thiện thú: ‘Có người xâm não ta’, ích gì mà ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ

không sanh não. 'Có người xâm não cái ta yêu', ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. 'Có người yêu kính cái ta ghét', ích gì ta sanh não; đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

Thế nào là chín pháp dẫn đến Niết-bàn? Chín thiện pháp: 1. hỷ, 2. ái, 3. duyệt, 4. lạc, 5. định, 6. thật tri, 7. trừ xả, 8. vô dục, 9. giải thoát.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

CHÍN PHÁP TĂNG NHẤT

Chín tịnh diệt chi: giới, tâm, kiến, độ nghi, phân biệt, đạo, trừ, vô dục, giải thoát tịnh diệt chi.

Chín gốc rễ của hỷ: 1. Hỷ, 2. Ái, 3. Duyệt, 4. Lạc, 5. Định, 6. Như thật tri, 7. Trừ xả, 8. Vô dục, 9. Giải thoát.

Chín diệt pháp hay chín gốc rễ của ái: Nhân ái có tìm cầu. Nhân tìm cầu có lợi. Nhân lợi có dụng. Nhân dụng có dục. Nhân dục có dính trước. Nhân dính trước có tật đố. Nhân tật đố có bảo thủ. Nhân bảo thủ có hộ.

Chín vô não: Người kia đã xâm hại ta; nghĩ vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó xâm não cái ta yêu thương; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não. Nó yêu thương cái ta ghét; nghĩ như vậy chẳng có ích gì: đã không sanh não, đang không sanh não, sẽ không sanh não.

Chín nan giải pháp:

Có tín nhưng không trì giới;

Có tín, có giới, nhưng không có đa văn;

Có tín, có giới, có đa văn nhưng không thể thuyết pháp;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, nhưng không thể nuôi chúng;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, nhưng giữa đại chúng không thể quảng diễn pháp ngôn;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng nhưng không chứng đắc tứ thiền;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, đắc tứ thiền, nhưng đối với tám giải thoát không thể thuận nghịch du hành;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, đắc tứ thiền, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, nhưng không thể diệt tận các lậu;

Có tín, có giới, có đa văn, có thể thuyết pháp, có thể nuôi chúng, có thể quảng diễn pháp ngôn giữa đại chúng, đắc tứ thiền, đối với tám giải thoát có thể thuận nghịch du hành, có thể diệt tận các lậu, thành vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại mà tự thân tác chứng, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, thì phạm hạnh đầy đủ.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

CHỚP VÀ MÂY

Chớp có bốn loại, đó là: Chớp ở phương Đông gọi là thân quang; chớp ở phương Nam gọi là nan hủy; chớp ở phương Tây gọi là lưu diễm; chớp ở phương Bắc gọi là định minh.

Vì sao mây ở trong hư không có hiện tượng ánh chớp này?

Có lúc thân quang cùng nan hủy chạm nhau, có khi thân quang cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi thân quang cùng với định minh chạm nhau, có khi nan hủy cùng với lưu diễm chạm nhau, có khi nan hủy cùng với định minh chạm nhau, có khi lưu diễm cùng với định minh chạm nhau; vì những nhân duyên này nên mây giữa hư không sinh ra ánh chớp.

Và vì sao mây ở giữa hư không lại sinh ra sấm chớp? Vì ở giữa hư không có khi địa đại cùng với thủy đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi địa đại cùng với phong đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với hỏa đại chạm nhau, có khi thủy đại cùng với phong đại chạm nhau; vì những nhân duyên này mà mây giữa hư không sinh ra sấm chớp.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

CHƯ TĂNG VÀ ĐÀN VIỆT

Kẻ đàn việt cung phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn với năm điều: 1. Thân hành từ. 2. Khẩu hành từ. 3. Ý hành từ. 4. Đúng thời cúng thí. 5) Không đóng cửa khước từ.

Sa-môn, Bà-la-môn cũng khuyên dạy theo sáu điều: 1. Ngăn ngừa chớ để làm ác. 2. Chỉ dạy điều lành. 3. Khuyên dạy với

thiện tâm. 4. Cho nghe những điều chưa nghe. 5. Những gì đã được nghe làm cho hiểu rõ. 6. Chỉ vẻ con đường sanh thiên.

Nếu đàn việt kính phụng hàng Sa-môn, Bà-la-môn như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

CHÚNG SANH ĐAU BUỒN VÀ CHƯ THIÊN QUỞ

Sau khi Phật diệt độ, các Tỳ-kheo buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kềm chế nổi, nức nở mà nói rằng:

Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.

Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các Tỳ-kheo cũng vậy, buồn đau, vật vã, gieo mình xuống đất, lăn lộn kêu than không tự kềm chế nổi, nức nở mà nói rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.'

Bấy giờ, trưởng lão A-na-luật khuyên: Thôi các Tỳ-kheo, các ngài chớ buồn khóc, kẻo có hàng chư thiên nhìn xuống ngó thấy họ chê trách kìa.

Các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật: Trên ấy có bao nhiêu thiên thần?

A-na-luật nói: Đầy kín hư không. Kể sao hết. Thảy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khập khiễng, gạt nước mắt mà than rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế

Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.' Như thân cây lớn, trốc rễ, gãy cành. Lại như con rắn bị đứt khúc, bò trườn, uốn lượn, không biết trườn đi lối nào. Các chư thiên cũng vậy, thảy đều ở trong hư không, bồi hồi, bứt rứt, bước đi khập khiễng, gạt nước mắt mà than rằng: 'Như Lai diệt độ sao chóng thay! Thế Tôn diệt độ sao sớm thay! Đại pháp sao chìm lặn sớm thay! Quần sanh mãi suy sụp; con mắt của thế gian đã tắt.'

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CỜ BẠC CÓ SÁU LỖI

Cờ bạc có sáu điều tai hại: tài sản ngày một hao hụt; thắng thì gây thù oán; bị kẻ trí chê; mọi người không kính nể tin cậy; bị xa lánh; sanh tâm trộm cắp.

Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả mê đánh bạc mãi thì gia sản ngày mỗi tiêu tán.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

CÓ BỐN BẬC CAO QUÝ NÊN XÂY THÁP THỜ

Trong thiên hạ có bốn hạng người nên dựng tháp và cúng dường hương hoa, phướng lụa, âm nhạc: Như Lai, Bích-chi Phật, Thanh-văn và Chuyển luân vương.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CÕI DỤC CÓ 12 LOẠI CHÚNG SANH

1. Địa ngục 2. Súc sanh

3. Ngạ quỷ 4. Người

5. A-tu-luân 6. Tứ thiên vương

7. Đao-lợi thiên 8. Diệm-ma thiên

9. Đâu-suất thiên 10. Hóa tự tại thiên

11. Tha-hóa-tự-tại thiên 12. Ma thiên.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

CÕI TRỜI SẮC GIỚI CÓ 22 LOẠI

1. Phạm-thân thiên, 2. Phạm-phụ thiên,

3. Phạm-chúng thiên, 4. Đại Phạm thiên,

5. Quang thiên, 6. Thiểu-quang thiên,

7. Vô-lượng-quang thiên,8. Quang-âm thiên,

9. Tịnh thiên, 10. Thiểu-tịnh thiên,

11. Vô-lượng-tịnh thiên, 12. Biến tịnh thiên,

13. Nghiêm-sức thiên, 14. Tiểu-nghiêm-sức thiên,

15. Vô-lượng-nghiêm-sức thiên,

16. Nghiêm-thắng quả-thật thiên,

17. Vô-tưởng thiên, 18. Vô-phiền thiên,

19. Vô-nhiệt thiên, 20. Thiện-kiến thiên,

21. Đại-thiện-kiến thiên, 22. A-ca-nị-trá thiên.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

CÕI TRỜI UẤT-ĐAN-VIẾT

Cõi Uất-đan-viết có nhiều núi. Bên cạnh các núi ấy, có các vườn cảnh, ao tắm, mọc nhiều loài hoa, cây cối mát mẻ, hoa quả dồi dào, vô số các loài chim cùng nhau hót.

Cõi Uất-đan-viết kia bốn phía có bốn ao A-nậu-đạt; mỗi ao ngang dọc một trăm do-tuần. Nước ao lắng trong, không có cáu bẩn.

Cõi ấy thường có lúa thơm tự nhiên, chẳng gieo trồng mà tự mọc, không có vỏ trấu, như đóa hoa trắng, giống như thức ăn trời Đao-lợi, đầy đủ các vị.

Cõi ấy có ao tên là Thiện kiến, ngang dọc một trăm do-tuần, nước ao trong vắt, không có cáu bẩn. Các bên ao được xây lát bằng hào bảy báu. Bốn mặt quanh ao có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây… cho đến, vô số các loài chim cùng nhau ca hót, cũng giống như trước.

Phía Bắc ao Thiện kiến có cây tên là am-bà-la, vòng thân bảy dặm, cao một trăm dặm, cành lá tỏa ra bốn phía năm mươi dặm. Phía Đông của ao Thiện kiến phát xuất sông Thiện đạo, rộng một do-tuần, nước sông chảy chậm, không có dòng xoáy, có nhiều loại hoa phủ trên mặt nước.

Lại nữa, trong sông ấy, có các thuyền báu. Phía Đông ao Thiện kiến có khu vườn tên là Thiện kiến, ngang dọc một trăm do-tuần; vòng quanh bốn bên khu vườn có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, nhiều màu đan xen bảy báu tạo thành. Bốn phía vườn ấy có bốn cửa lớn, lan can bao

quanh, đều do bảy báu tạo thành; …bốn mùa thuận hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, không có các hoạn nạn.

Vườn ấy thường mọc lúa thơm tự nhiên, không có vỏ trấu, trắng như đóa hoa, đầy đủ các vị, như cơm trời Đao-lợi… Ở cõi ấy, vào nửa đêm, cuối đêm, Long vương A-nậu-đạt thường thường vào lúc thích hợp khởi mây lành cùng khắp thế giới rồi mưa nước ngọt xuống, giống như khi vắt sữa bò; nước đủ tám vị, thấm nhuận khắp nơi.

Cõi ấy trù mật, nhân dân sung túc. Nếu khi cần ăn thì dùng gạo thơm tự nhiên bỏ vào trong chõ, dùng ngọc diệm quang để ở dưới chõ; cơm tự nhiên chín, ánh sáng ngọc tự tắt. Các người đi đến, tự do ăn cơm. Người ăn không đứng dậy thì cơm không hết; người ăn đứng dậy thì cơm cũng hết. Cơm ấy tinh khiết như đóa hoa trắng, đầy đủ mùi vị như cơm cõi trời Đao-lợi. Người ăn cơm đó không có các bệnh, khí lực dồi dào, nhan sắc tươi vui, không có gầy còm.

Lại ở cõi ấy, thân thể con người như nhau, hình mạo giống nhau, không thể phân biệt. Dáng người trẻ trung, như người khoảng hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề. Người cõi ấy, răng họ bằng đều, trắng sạch, kín sát không hở; tóc màu xanh biếc, không có cáu bẩn; Người ở cõi đó nếu khi khởi tâm dục thì nhìn chăm chăm nữ nhơn rồi bỏ đi; người nữ ấy theo sau vào trong vườn.. thì cây cong xuống che phủ thân họ, tùy ý hưởng lạc, một ngày, hai ngày... hoặc đến bảy ngày, khi ấy mới thôi. Người nữ ấy mang thai; bảy hoặc tám ngày thì sanh.

Người cõi ấy khi mạng chung, không ai khóc lóc, trang nghiêm tử thi, đặt ở ngã tư đường, bỏ đó rồi đi. Có loài chim tên là ưu-úy thiền-già gắp tử thi ấy để ở phương khác…Lại

nữa, người ở cõi ấy khi đại tiểu tiện, đất liền nẻ ra; đại tiểu tiện rồi, đất khép trở lại. Nhân dân cõi ấy không lệ thuộc sự tham luyến, cũng không cất chứa, thọ mạng có hạn định; chết rồi sanh lên trời. Vì sao người cõi ấy thọ mạng luôn có hạn định? Đời trước người cõi ấy tu mười hạnh thiện, khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi Uất-đan-viết, thọ mạng ngàn tuổi, chẳng hơn chẳng kém. Vì thế, người cõi ấy thọ mạng như nhau.

Vì sao gọi người Uất-đan-viết là hơn hết? Vì nhân dân cõi ấy chẳng thọ thập thiện nhưng toàn bộ hành động của họ tự nhiên hợp với thập thiện, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành. Vì vậy, người ở đó được khen là Uất-đan-viết hơn hết. Uất-đan-viết, ý nghĩa như thế nào? Đối với ba cõi kia, cõi nầy là tối thắng, tối thượng cho nên gọi là Uất-đan-viết.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký. Phẩm 2 Uất-đan-viết, 30)

CÕI TRỜI VÔ SẮC CÓ BỐN LOẠI CHÚNG SANH

1. Không-trí thiên, 2. Thức-trí thiên,

3. Vô-sở-hữu trí thiên, 4. Hữu-tưởng vô-tưởng trí thiên.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

CÔNG ĐỨC HÀNH HƯƠNG CÁC THÁNH TÍCH

Bấy giờ, A-nan trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, bạch Phật:

Thế Tôn, hiện nay các Sa-môn khắp bốn phương, gồm những vị kỳ cựu đa văn, thấu hiểu kinh luật, đức hạnh thanh cao, thường đến bái yết Phật, nhân đó con được lễ kính và gần gũi

hỏi han. Nhưng sau khi Phật diệt độ rồi, họ không đến nữa, con không còn biết hỏi ai nữa, làm sao?

Phật bảo A-nan:

Ngươi chớ lo. Các con nhà dòng dõi thường có bốn chỗ tưởng nhớ:

1. Tưởng tới chỗ Phật đản sanh, hoan hỉ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

2. Tưởng tới chỗ Phật thành đạo, hoan hỉ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

3. Tưởng tới chỗ Phật chuyển pháp luân đầu tiên, hoan hỉ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ;

4. Tưởng tới chỗ Phật vào Niết-bàn, hoan hỷ muốn thấy, nhớ mãi không quên, sanh tâm luyến mộ.

Này A-nan, sau khi ta diệt độ, trai hay gái con nhà dòng dõi nhớ nghĩ khi Phật giáng sinh có những công đức như thế, khi Phật đắc đạo có những thần thông như thế, khi Phật chuyển pháp luân có những sự hóa độ như thế, khi Phật diệt độ có những lời di huấn như thế. Rồi mỗi người đi đến bốn chỗ đó kính lễ, dựng chùa tháp cúng dường. Khi chết đều được sanh lên cõi trời, chỉ trừ người đắc đạo.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

CÔNG ĐỨC CỦA SA MÔN CÙ-ĐÀM

Bà la môn Chủng Đức giới thiệu 500 Bà-la-môn nên đến thăm Sa môn Cù-đàm vì ngài có các công đức như:

Sa-môn Cù-đàm bảy đời cha mẹ đều chơn chánh không bị dèm pha.

Có dung mạo đoan chánh, xuất thân từ giai cấp Sát-lợi.

Sanh chỗ tôn quý, nhưng đã xuất gia hành đạo.

Sắc sáng đầy đủ, chủng tánh chơn chánh.

Sanh vào gia đình giàu có, có uy lực lớn, nhưng đã xuất gia hành đạo.

Có đủ giới Hiền Thánh, thành tựu trí tuệ.

Khéo léo nơi ngôn ngữ, dịu dàng hòa nhã.

Bậc Đạo sư của đại chúng, có đông đệ tử.

Vĩnh viễn diệt trừ dục ái, không có sơ suất thô tháo, ưu tư và sợ hãi đã trừ, lông tóc không dựng đứng, hoan hỷ, hòa vui; được mọi người thì khen ngợi, khéo nói quả báo của hành vi.

Thường được vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa lễ kính cúng dường.

Được Bà-la-môn Phất-già- la-sa-la lễ kính cúng dường; cũng được Bà-la-môn Phạm, Bà-la-môn Đa-lợi-già, Bà-la-môn Cứ Xỉ, Thủ-ca Ma-nạp Đô-da Tử thăm gặp cúng dường.

Được Thanh-văn đệ tử sùng phụng, lễ kính cúng dường; cũng được chư thiên và các chúng quỷ thần khác cung kính. Các dòng họ Thích-ca, Câu-lị, Minh-ninh, Bạt-kỳ, Mạt-la, Tô-ma, thảy đều phụng trì.

Truyền trao cho vua Ba-tư-nặc và vua Bình-sa ba quy và năm giới.

Truyền trao ba quy năm giới cho Bà-la-môn Phất-già-la-sa-la vân vân.

Thọ ba quy năm giới; chư thiên, dòng họ Thích, Câu-lị, vân vân, thảy đều thọ ba quy năm giới.

Khi du hành được hết thảy mọi người cung kính cúng dường.

Những thành quách, tụ lạc mà Sa-môn Cù-đàm đã đến, đều được mọi người cúng dường.

Những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, các loài phi nhân, quỷ thần không dám xúc nhiễu.

Những nơi Sa-môn Cù-đàm đi đến, nhân dân ở đó đều thấy ánh sáng, nghe âm nhạc trời.

Khi muốn rời khỏi chỗ đã đến. Mọi người đều luyến mộ, khóc lóc mà tiễn đưa.

Khi mới xuất gia, cha mẹ khóc lóc, thương nhớ tiếc nuối.

Khi còn trai trẻ, dẹp bỏ các thứ trang sức, voi, ngựa, xe báu, ngũ dục, anh lạc.

Khước từ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia hành đạo. Nếu Ngài tại gia, sẽ trị vì bốn thiên hạ, thống lãnh dân vật, thì chúng ta đều là thần thuộc.

Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ Phạm pháp, có thể nói cho người khác, và cũng nói chuyện trao đổi với Phạm thiên.

Sa-môn Cù-đàm đầy đủ cả ba hai tướng.

Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thông suốt, không có khiếp nhược.

Sa-môn Cù-đàm kia nay đến thành Chiêm-bà này, ở bên bờ hồ Già-già, đối với ta là tôn quý, vả lại là khách. Ta nên thân hành đến thăm viếng.

Kỳ diệu thay, hy hữu thay, công đức của ngài đến như vậy chăng? Trong các đức, ngài chỉ cần có một đức là nên đến viếng thăm rồi, huống hồ nay gồm đủ cả. Vậy chúng ta hãy kéo hết đi thăm hỏi.

(Trường A Hàm, Kinh Chủng Đức, số 22)

CỐT LÕI CỦA KHỔ HẠNH

Người tu khổ hạnh mà tự mình không giết, không dạy người giết, tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, tự mình không tà dâm, không dạy người tà dâm, tự mình không nói dối, không dạy người nói dối. Người ấy đem tâm từ rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kết. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế.

Chính đó mới là pháp khổ hạnh thuộc cốt lõi.

ĐẠI KHỔ ẤM

Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, ưu bi khổ não, tập thành một đại khổ ấm.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI

Này các Tỳ-kheo! Các thầy muốn nghe Như Lai nói về việc

trời đất thành, hoại và quốc độ mà chúng sanh ở chăng?

Như trong chỗ mà một mặt trời, mặt trăng vận hành khắp bốn thiên hạ, tỏa ánh sáng chiếu; có một ngàn thế giới như vậy.

Trong ngàn thế giới có một ngàn mặt trời, mặt trăng; có một ngàn núi chúa Tu-di; có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn đại thiên hạ, bốn ngàn biển, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn rồng, bốn ngàn rồng lớn, bốn ngàn chim cánh vàng, bốn ngàn chim cánh vàng lớn, bốn ngàn đường ác bốn ngàn đường ác lớn, bốn ngàn vị vua, bốn ngàn vị vua lớn, bảy ngàn cây lớn, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn, ngàn Diêm-la vương, ngàn Tứ thiên vương, ngàn trời Đao-lợi, ngàn trời Diệm-ma, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Phạm; đó là tiểu thiên thế giới.

Như một tiểu thiên thế giới, ngàn tiểu thiên thế giới như thế là một trung thiên thế giới.

Như một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới như vậy là một tam thiên đại thiên thế giới. Phạm vi thế giới thành hoại như thế là nơi chúng sanh cư trú, gọi là một cõi Phật.

(Trường A Hàm, Kinh Châu Diêm Phù Đề, số 30)

ĐỊA NGỤC

Bên ngoài của bốn châu thiên hạ này, có tám nghìn thiên hạ bao quanh. Lại có biển lớn bao quanh tám nghìn thiên hạ. Kế đó có núi Đại Kim cang bao bọc biển lớn. Bên ngoài núi Đại Kim cang này lại có núi Đại Kim cang thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm; mặt trời, mặt trăng, các vị thần, trời dù có uy lực cũng không thể dùng ánh sáng soi

chiếu đến đó được.

Ở nơi này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Địa ngục lớn thứ nhất gọi là Tưởng. Thứ hai là địa ngục Hắc thằng. Thứ ba là địa ngục Đôi áp. Thứ tư là địa ngục Khiếu hoán. Thứ năm là địa ngục Đại khiếu hoán. Thứ sáu là địa ngục Thiêu chích. Thứ bảy là địa ngục Đại thiêu chích. Thứ tám là địa ngục Vô gián.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 4. Địa Ngục, số 30)

DIÊM PHÙ ĐỀ CÓ BA ĐIỀU

Người cõi Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Câu-da-ni, Phất-vu-đãi , Uất-đan-viết, loài rồng, kim sí điểu, A-tu-luân, đó là:

1) Dõng mãnh, nhớ dai, có khả năng tạo nghiệp hành;

2) Dõng mãnh, nhớ dai, siêng tu phạm hạnh;

3) Vì dõng mãnh, nhớ dai, nên Phật ra đời ở cõi này.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8. Đao Lợi Thiên, số 30)

ĐỢI TÔN GIẢ CA DIẾP VỀ DÙNG LỬA TAM MUỘI TẨN TÁNG NHƯ LAI

Những người Mạt-la vào thành sắm sửa các thứ xong, trở lại chùa Thiên quan, dùng nước hương tắm rửa thân Phật, rồi lấy vải bông mới bọc quanh, tiếp quấn năm trăm lớp vải trắng, rồi đặt vào trong kim quan đã tẩm dầu thơm, lại đặt kim quan vào một cái quách lớn bằng sắt, rồi một cái quách gỗ chiên-đàn bọc ngoài. Xong rồi, lấy củi thơm chất đầy lên trên.

Tiếp đó, vị đại thần dòng Mạt-la tên Lộ-di, cầm cây đuốc lớn châm lửa vào giàn hỏa, song lửa không cháy. Các người Mạt-la trưởng lão cũng cầm lửa châm theo, song lửa vẫn không cháy. Trưởng lão A-na-luật bảo chúng Mạt-la:

Thôi các Ngài, chẳng phải sức các ngài đốt được đâu. Lửa không cháy là vì ý chư thiên vậy.

Chúng Mạt-la hỏi: Tại sao chư thiên lại khiến cho lửa không cháy?

A-na-luật đáp: Chư thiên nhân thấy Đại Ca-diếp đang dẫn năm trăm đệ tử từ nước Ba-bà đi về cho kịp được thấy Phật khi chưa trà tỳ. Hiện tôn giả đang ở nửa đường. Chư thiên biết ý nên làm cho lửa không cháy…

Lúc bấy giờ, Đại Ca-diếp dắt năm trăm đệ tử, từ nước Ba-bà đến thành Câu-thi, qua sông Ni-liên-thuyền đến chùa Thiên quan, rồi đến chỗ A-nan. Hỏi han xong, đứng sang một bên, nói với A-nan:

Chúng tôi muốn được thấy Phật một lần chót khi chưa trà-tỳ, có thể được không?

A-nan đáp: Tuy chưa trà-tỳ nhưng khó mà thấy được, vì thân Phật đã được tắm nước hương, quấn một lớp kiếp-ba ngoài bọc năm trăm lớp vải trắng, đặt trong một kim quan. Kim quan lại đặt trong một cái quách bằng sắt, ngoài hết có bọc một cái quách bằng gỗ chiên-đàn, nên khó thấy được.

Ca-diếp năn nỉ xin tới ba lần, A-nan vẫn trả lời như cũ, là khó mà thấy Phật được nữa! Ngài Đại Ca-diếp mới hướng mặt về hỏa đàn để chiêm bái, thì ngay khi ấy bỗng nhiên từ trong ba lớp quan quách, Phật đưa hai bàn chân ra ngoài. Chân có màu

sắc khác lạ. Ca-diếp thấy vậy, ngạc nhiên hỏi A-nan:

Thân Phật kim sắc, sao chân ngài lại có sắc khác?

A-nan đáp: Trước đây có một bà già, tiếc thương đức Như Lai, tiến tới lấy tay vỗ vào chân Phật, để rơi nước mắt trên chân Ngài cho nên có màu sắc khác như thế. Nghe xong, Ca-diếp lại không vui, liền hướng tới hỏa đàn đảnh lễ kim thân Phật. Bốn bộ chúng và chư thiên trên không trung cũng đồng thời tác lễ. Chân Phật bỗng không hiện nữa…

Đại Ca-diếp oai đức lớn lao và đủ bốn biện tài, vừa đọc xong bài kệ trên, thì hỏa đàn không đốt mà tự nhiên bừng cháy. Chúng Mạt-la bảo nhau:

Ngọn lửa cháy mạnh quá khó ngăn, e cháy tiêu hết xá-lợi! Hãy tìm đâu lấy nước dập tắt.

Lúc đó có vị thần cây song thọ đang đứng bên giàn hỏa, vốn dốc lòng tin Phật, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa. Chúng Mạt-la lại bảo nhau: Mười hai do-tuần chung quanh thành Câu-thi này có bao nhiêu hoa thơm hái hết, đem về dâng cúng xá-lợi.

Rồi họ đi ra hai bên thành tìm các thứ hoa thơm đem về cúng dường xá-lợi của Thế Tôn.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

ĐỐI XỬ VỚI ÁC TỲ KHEO

Bấy giờ A-nan quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

Tỳ-kheo Xiển-nộ thô lỗ, tự chuyên, sau khi Phật diệt độ, phải đối xử thế nào?

Phật dạy: Sau khi Ta diệt độ, nếu Tỳ-kheo Xiển-nộ không tuân oai nghi, không chịu nghe giáo huấn, các ông hãy cùng xử trị theo phép phạm-đàn là truyền hết các Tỳ-kheo không ai được cùng nói chuyện, cùng tới lui, chỉ bảo, giúp đỡ.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

ĐỐI XỬ VỚI NỮ NHÂN

A-nan bạch Phật: Sau khi Phật diệt độ, các hạng nữ nhân đến thọ giáo huấn cần được đối xử như thế nào?

Phật dạy: Đừng gặp họ.

Hỏi: Giả sử phải gặp thì làm sao?

Đáp: Chớ cùng nói chuyện.

Hỏi: Giả sử phải cùng nói chuyện thì làm sao?

Đáp: Hãy tự thu nhiếp tâm ý.

Này A-nan, ngươi chớ nghĩ sau khi Ta diệt độ, các ngươi mất chỗ nương tựa, không ai che chở. Chớ có quan niệm như vậy. Nên biết những kinh và giới mà Ta đã dạy từ khi thành đạo đến nay là chỗ nương tựa, che chở các ngươi đó!

Này A-nan, từ nay trở đi, cho phép các Tỳ-kheo tùy nghi bỏ các giới cấm nhỏ nhặt. Kẻ trên, người dưới xưng hô nhau phải thuận lễ độ.

Đó là pháp kính thuận của người xuất gia.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

ĐỐI XỬ VỚI TÔI TỚ

Chủ đối với tớ có năm điều để sai bảo: 1. Tùy khả năng mà sai sử. 2. Phải thời cho ăn uống. 3. Phải thời thưởng công lao. 4. Thuốc thang khi bệnh. 5. Cho có thời giờ nghỉ ngơi.

Tôi tớ phải lấy năm điều phụng sự chủ: 1. Dậy sớm. 2. Làm việc chu đáo. 3. Không gian cắp. 4. Làm việc có lớp lang. 5. Bảo tồn danh giá chủ.

Nếu chủ đối với tớ được như vậy thì phương ấy được an ổn không điều chi lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

ĐỨC PHẬT AN ỦI VÀ TÁN THÁN CÔNG ĐỨC A-NAN

Bấy giờ, A-nan đứng hầu sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giường than khóc, rằng:

Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Thế Tôn diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao nhanh quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!

Khi ấy đức Thế Tôn dù biết mà cố hỏi: Tỳ-kheo A-nan đâu rồi?

Các Tỳ-kheo bạch Phật: Tỳ-kheo A-nan đang ở sau Phật, không tự ngăn nổi bi cảm nên vỗ giường than khóc, rằng: 'Như Lai diệt độ sao mà vội thế! Đại pháp chìm lặng làm sao mau quá! Con mắt thế gian diệt mất thì chúng sanh suy đọa lâu dài! Ta nhờ ơn Phật xuất gia nay chỉ mới được lên bậc học địa, tu nghiệp chưa thành mà Như Lai đã diệt độ!'

Phật bảo A-nan: Thôi thôi, chớ có buồn phiền than khóc. Từ

trước đến nay ngươi hầu hạ Ta với cử chỉ từ hòa, ngôn ngữ kính ái và tâm niệm hoan hỷ thủy chung như một, không sao xiết kể. Ấy là ngươi đã cúng dường Ta, công đức rất lớn. Nếu có sự cúng dường nào của chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn và Bà-la-môn cũng không sao sánh bằng được. Ngươi hãy siêng năng lên, ngày thành đạo của ngươi không lâu nữa!

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo! Đệ tử hầu hạ chư Phật quá khứ cũng chỉ như A-nan. Đệ tử hầu hạ chư Phật vị lai cũng chỉ như A-nan. Nhưng đệ tử hầu hạ của chư Phật quá khứ, Phật có dạy mới biết. Còn A-nan nay, Ta vừa đưa mắt là đã biết Như Lai cần muốn gì. Đó là điều hy hữu của A-nan, các ông nhớ lấy.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

ĐỨC PHẬT KHÔNG TRẢ LỜI VỀ NHỮNG CÂU HỎI TRỪU TƯỢNG

Phật nói với Phạm chí: Thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng: là những câu hỏi Ta không trả lời.

Phạm chí bạch Phật: Cù Đàm, vì sao không trả lời, Ngã và thế gian là thường hằng, cho đến, Như Lai không phải có tận cùng không phải không có tận cùng?

Phật nói: Vì chúng không phù hợp ý nghĩa, không phù hợp pháp, không phải phạm hạnh, không phải vô dục, không phải vô vi, không phải tịch diệt, không phải chỉ tức, không phải chánh giác, không phải Sa-môn, không phải Nê-hoàn. Vì vậy Ta không trả lời.

Ta trả lời về khổ đế, về khổ tập, khổ diệt, khổ xuất yếu đế. Vì

sao vậy? Vì phù hợp nghĩa, phù hợp pháp, là phạm hạnh sơ thủ, là vô dục, vô vi, tịch diệt, chỉ tức, chánh giác, Sa-môn, Nê-hoàn. Vì vậy Ta trả lời.

(Trường A Hàm, Kinh Bố Tra Bà Lâu, số 28)

DƯỚI CÁC GỐC CÂY CHỨNG NGỘ

Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây ba-ba-la chứng thành bậc Tối chánh giác. Phật Thi-khí ngồi dưới cây phân-đà-lỵ, thành bậc Tối chánh giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây sa-la thành bậc Tối chánh giác. Phật Câu-lâu-tôn ngồi dưới cây thi-lị-sa thành bậc chánh giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây ô-tạm-bà-la thành bậc chánh giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây ni-câu-luật thành bậc chánh giác.

Ta nay, Như Lai, Chí chân, ngồi dưới cây bát-đa thành bậc Chánh giác.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

GIÁO GIỚI THẦN TÚC

Thế nào là giáo giới thần túc?

Này con trai trưởng giả, nếu Như Lai, Chí chơn, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người khác, với lời khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chơn chánh, nghĩa vị thanh tịnh, phạm hạnh đầy đủ. Nếu có trưởng giả hoặc cư sĩ, sau khi nghe, ở trong đó phát sanh tín tâm. Khi đã có tín tâm, vị ấy ở trong đó quán sát, suy nghĩ rằng: 'Ta không nên sống tại gia. Nếu sống tại gia, trói buộc liên miên,

không thể thanh tịnh tu hành phạm hạnh.

Nay ta hãy cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, đủ các công đức, cho đến thành tựu ba minh, diệt trừ những sự tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí. Vì sao vậy? Ấy là do tinh cần, ưa sống một mình chỗ thanh vắng, chuyên niệm không quên, mà được vậy. Này con trai trưởng giả, đó là giáo giới thần túc mà Tỳ-kheo của Ta thị hiện vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Kiên Cố, số 24)

GIỮ GIỚI CÓ NĂM CÔNG ĐỨC

1. Cầu gì đều được như nguyện.

2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.

3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.

4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.

5. Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

GIỮA HAI CÂY SA LA SONG THỌ

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành Câu-thi, đi về phía Bản sanh xứ, giữa khu rừng song thọ của dòng họ Mạt-la, và bảo A-nan:

Ngươi hãy sửa chỗ ở giữa cây song thọ cho Ta nằm, đầu xây hướng Bắc, mặt xây hướng Tây. Sở dĩ như thế, vì giáo pháp của Ta sẽ lưu truyền lâu dài ở phương Bắc.

A-nan đáp: Vâng. Rồi dọn chỗ, cho đầu xây về phương Bắc. Rồi Thế Tôn tự mình lấy y tăng-già-lê gấp làm tư, đắp lên

mình, nằm nghiêng hông tay mặt như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây song thọ có các quỉ thần vốn dốc lòng tin Phật, lấy các thứ hoa sái mùa rải khắp mặt đất. Phật bảo A-nan rằng:

Vị thần cây song thọ ấy lấy hoa sái mùa cúng dường cho Ta như thế, chưa phải cúng dường Như Lai.

A-nan thưa: Sao mới là cúng dường Như Lai?

Phật dạy: Người nào biết lãnh thọ và thật hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

HAI DUYÊN CỚ KHIẾN SẮC DIỆN ĐỨC PHẬT KHÁC THƯỜNG

Lúc đó Phúc-quý đang khoác hai tấm vải màu vàng, trị giá cả trăm ngàn, rời chỗ ngồi đứng dậy, rồi quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

Nay con đem tấm vải này dâng Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nạp thọ.

Phật bảo Phúc-quý: Ngươi để một tấm cho Ta và một tấm cho A-nan.

Phúc-quý đi chưa bao lâu, A-nan liền đem tấm vải vàng của mình dâng Phật. Phật do tâm từ mẫn nhận lãnh và khoác lên trên mình. Bấy giờ, đức Thế Tôn hiện ra một dung mạo thung dung, oai quang hớn hở, các căn thanh tịnh, sắc diện tươi vui.

A-nan trông thấy, âm thầm suy nghĩ: Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay chưa khi nào thấy Phật có một sắc diện

tươi sáng như ngày nay. Bèn đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hỏi Phật:

Từ khi con được hầu Phật, đã hai mươi lăm năm nay, chưa từng thấy sắc diện Phật như hôm nay. Chẳng hiểu do duyên gì? Con mong nghe được ý Phật.

Phật bảo A-nan: Có hai duyên cớ mà sắc diện Như Lai tươi sáng khác lúc bình thường: một là lúc Phật mới thành ngôi chánh giác, hai là lúc Phật xả bỏ thọ mệnh sắp vào Niết-bàn. A-nan, do hai duyên ấy mà sắc diện khác thường.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

HAI NHẬP XỨ

Thế nào là hai nhập xứ? Vô tưởng nhập và phi tưởng phi vô tưởng nhập.

A-nan, đó là hai nhập xứ mà các Sa-môn, Bà-la-môn nói: 'Chỗ này là nơi an ổn, nơi cứu vớt, nơi hộ trì; là cái nhà, là ngọn đèn, là ánh sáng, là nơi qui tựa, là không hư dối, là không phiền não.'

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo biết hai nhập xứ, biết sự tập khởi, biết sự diệt trừ, biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, biết một cách như thật; A-nan, Tỳ-kheo ấy nói: 'Cái ấy không phải là ta. Ta không phải là cái ấy' với tri kiến như thật.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

HAI PHÁP

Hai pháp: danh và sắc; si và ái; hữu kiến và vô kiến; không biết tàm và không biết quí.

Hai pháp tàm và quí; tận trí và vô sanh trí.

Hai nhân duyên sanh ra ái dục: sắc tịnh diệu và không tư duy.

Hai nhân duyên sanh nơi sân nhuế: thù ghét và không tư duy.

Hai nhân duyên sanh nơi tà kiến: nghe từ người khác và tà tư duy.

Hai nhân duyên sanh nơi chánh kiến: nghe từ người khác và chánh tư duy.

Hai nhân duyên giải thoát: giải thoát hữu học và giải thoát vô học.

Hai nhân duyên về giới: hữu vi giới và vô vi giới.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

HAI PHÁP BA TỤ

Thế nào là hai pháp dẫn đến ác thú? Hủy giới và phá kiến.

Thế nào là hai pháp dẫn đến thiện thú? Có đủ giới và có đủ kiến.

Thế nào là hai pháp dẫn đến Niết-bàn? chỉ và quán.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

HAI PHÁP HIỀN THÁNH

Phàm người xuất gia nên hành hai pháp: sự im lặng của Hiền Thánh và giảng luận pháp ngữ.

Các thầy tập trung tại giảng đường cũng nên hành sự im lặng của hiền thánh hoặc giảng luận chánh pháp.

(Trường A Hàm, Kinh Châu Diêm Phù Đề, số 30)

HAI PHÁP TĂNG NHẤT

Thế nào là hai thành pháp? Biết tàm và biết quí.

Thế nào là hai tu pháp? Chỉ và quán.

Thế nào là hai giác pháp? Danh và sắc.

Thế nào là hai diệt pháp? Vô minh và ái.

Thế nào là hai thối pháp? Hủy giới và phá kiến.

Thế nào là hai tăng pháp? Có giới và có kiến.

Thế nào là hai nan giải pháp? Có nhân duyên khiến chúng sanh sanh cáu bẩn và có nhân duyên khiến chúng sanh đắc tịnh.

Thế nào là hai sanh pháp? Tận trí và vô sanh trí.

Thế nào là hai tri pháp? Thị xứ và phi xứ.

Thế nào là hai chứng pháp? Minh và giải thoát.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

HÃY NÊU NGHI VẤN TRƯỚC KHI PHẬT NHẬP DIỆT

Này các Tỳ-kheo, đối với Phật, Pháp và chúng Tăng, đối với Chánh đạo, các ông có điều gì hoài nghi nữa không, nên kịp thời hỏi han để sau khỏi hối hận ăn năn. Kịp lúc Ta còn, Ta sẽ giảng thuyết cho các ngươi.

Các Tỳ-kheo cũng vẫn lặng thinh. A-nan bạch Phật:

Con tin rằng đại chúng ở đây ai nấy đều đã có lòng tin thanh tịnh, không một ai còn hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng và Chánh đạo nữa.

Phật dạy: A-nan, Ta cũng biết trong chúng này dù một vị Tỳ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo, không còn đọa vào đường ác, chỉ trải qua bảy lần sanh lại cõi Dục này để tu hành là dứt hết thống khổ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm đệ tử đã được đạo quả.

Rồi Thế Tôn khoác lên uất-đa-la-tăng để lộ cánh tay sắc màu vàng ròng, bảo với các Tỳ-kheo:

Các ngươi hãy quán sát rằng, Như Lai mỗi khi xuất thế, như hoa ưu-đàm-bát lâu lắm mới hiện một lần.

Tay phải màu tử kim

Phật hiện như linh thụy

Hành sinh diệt vô thường

Hiện diệt, chớ buông lung.

Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thảy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

HÓA ĐỘ LÕA THỂ PHẠM CHÍ

Phật lại nói với Lõa thể Ca-diệp:

Ta ở tại Duyệt-kỳ, trong hang Thất diệp trên Cao sơn, đã từng giảng về khổ hạnh thanh tịnh cho Phạm chí Ni-câu-đà. Khi ấy Phạm chí sanh tâm hoan hỷ, được tín tâm thanh tịnh; cúng dường Ta, xưng tán Ta, cúng dường, tán thán Ta một cách tối thượng.

Ca-diệp bạch: Thưa Cù-đàm, ai đối với Cù-đàm mà không phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng? Tôi nay đối Cù-đàm cũng phát sanh hoan hỷ, tịnh tín, cúng dường, xưng tán một cách tối thượng. Tôi quy y Cù-đàm.

Phật nói: Những gì là giới trong thế gian, không có giới nào sánh bằng tăng thượng giới này, huống hồ muốn nói hơn. Những gì là tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ , không có cái gì sánh ngang với tăng thượng tam-muội, trí tuệ, giải thoát kiến, giải thoát tuệ; huống hồ muốn nói là hơn.

Này Ca-diệp, được nói là sư tử, là chỉ cho Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác. Như Lai, khi ở giữa đại chúng tuyên bố chánh pháp một cách rộng rãi, tự tại, vô úy. Do đó được gọi là sư tử.

Thế nào, Như Lai khi rống tiếng sư tử, lúc ấy không dũng mãnh sao? Chớ nghĩ như vậy. Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dũng mãnh.

Ngươi bảo rằng Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dũng mãnh, nhưng không thể thuyết pháp chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng cất tiếng rống sư tử một cách dũng mãnh và thuyết pháp một cách thiện xảo.

Như Lai ở giữa đại chúng dũng cảm, vô uý mà cất tiếng rống sư tử, cho đến, tín kính cúng dường, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, rồi cứu cánh phạm hạnh, đến chỗ an nổn, vô dư Niết-bàn.

Bấy giờ, Ca-diệp bạch: Thế nào, thưa Cù-đàm, tôi có thể xuất gia thọ cụ giới trong pháp này được chăng?

Phật bảo: Nếu dị học muốn đến xuất gia tu đạo trong giáo pháp của Ta, phải lưu bốn tháng quán sát, làm hài lòng chúng tăng, sau đó mới có thể xuất gia thọ giới. Ca-diệp, tuy có pháp như vậy, nhưng cũng xét theo người.

Rồi thì, Ca-diệp xuất gia thọ giới chưa bao lâu, bằng tín tâm, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân chứng ngộ: sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã đứng vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa; tức thời thành A-la-hán.

(Trường A Hàm, Kinh Lõa Thể Phạm Chí, số 25)

HƯỞNG PHƯỚC BÁU

Vua Đại Thiện Kiến thầm nghĩ: 'Ta sẵn chứa công đức gì, tu được điều lành gì mà nay được quả báo đẹp đẽ như thế?' Vua lại nhớ rằng nhờ ba nhân duyên mà gây được phúc báo đó. Ba nhân duyên ấy là gì? Một là bố thí, hai là trì giới, ba là thiền tứ.

Vua lại suy nghĩ: 'Nay ta đã được thọ hưởng phúc báo nhân gian, ta hãy tiến tu thêm về phúc nghiệp cõi trời. Ta hãy tự hạn chế và bớt đi; lánh chỗ ồn ào; ẩn ở chỗ yên tĩnh để tu luyện đạo thuật.'

Rồi sắc lịnh cho cả trong ngoài từ nay miễn sự chầu hầu. Vua liền lên pháp điện, vào tòa lầu bằng vàng, ngồi trên giường ngự bằng bạc, tư duy tham dục là ác bất thiện. Với giác và quán, có hỷ và lạc phát sanh từ sự viễn ly, chứng đắc thiền thứ nhất.

Trừ giảm giác và quán, nội tín, hoan duyệt, nhiếp tâm chuyên nhất, không giác không quán, có hỷ và lạc do định sanh, chứng thiền thứ hai. Xả hỷ thủ hộ chuyên niệm không loạn, tự cảm biết thân lạc, điều mà Hiền Thánh mong cầu, cùng hành với hộ, niệm và lạc, chứng đắc thiền thứ ba. Xả bỏ khổ và lạc, trừ diệt ưu và hỷ từ trước, không khổ, không lạc, hộ và niệm thanh tịnh, chứng đắc thiền thứ tư.

Rồi Vua Thiện Kiến rời khỏi giường ngự bằng bạc, ra khỏi lầu vàng, đi đến lầu Đại chánh, ngồi trên giường lưu ly tu tập về từ tâm, rải lòng từ đầy khắp một phương này rồi đến một phương khác cũng vậy, trùm khắp, rộng lớn, không hai, không hạn lượng, trừ mọi sân hận, tâm không còn chút ganh ghét mà an vui tĩnh mặc, rồi tiếp tu về bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

KỆ 32 TƯỚNG ĐẠI NHÂN

Đứng vững chân mềm mại
Không dẫm đất, có dấu
Tướng nghìn căm trang nghiêm
Màu sắc rất tươi sáng.

Thân cao rộng ngay thẳng
Như cây ni câu loại

Như Lai, chưa từng có
Mã âm tàng ẩn kín.

Vàng báu trang nghiêm thân
Các tướng chói lẫn nhau
Tuy mồ hôi như thường
Song bụi đất không dính.

Như sắc trời mịn màng
Lọng trời tự nhiên che
Phạm âm, thân vàng tía
Như hoa vươn khỏi ao.
Vua bèn hỏi tướng sư
Tướng sư kính tâu vua
Ngợi khen tướng Bồ-tát
Sáng chói khắp toàn thân.

Các gân khớp tay chân
Trong ngoài đều hiện rõ
Thực vị thảy vi diệu
Thân ngay ngắn không vẹo.

Bánh xe hiện dưới chân
Tiếng nói như chim oanh
Tướng bắp đùi đầy đặn
Ấy do túc nghiệp thành.

Cùi chỏ tròn đầy đẹp
Mày mắt rất đoan nghiêm
Đấng sư tử giữa người
Có oai lực hơn hết.

Hai má đều đầy đặn
Nằm nghiêng như sư tử
Bốn mươi răng đều đặn
Dày khít không kẽ hở.

Tiếng Phạm âm ít có
Xa gần tùy duyên nghe
Đứng thẳng thân không nghiêng
Hai tay sờ đến gối.

Ngón tay đều, mềm mại
Đủ các tướng tôn quí
Mỗi chân lông một sợi
Màng lưới kẽ tay chân.

Nhục kế, mắt xanh biếc
Mắt trên dưới hai mí
Hai vai ngang, tròn, đầy
Đủ ba mươi hai tướng.

Gót chân không cao thấp
Đùi thon như đùi nai
Đấng Chí Tôn xuất hiện
Như voi bứt dây trói.

Độ chúng sanh thoát khổ
Khỏi sanh già bệnh chết
Ngài đem tâm đại bi
Truyền dạy bốn chân đế.

Diễn bày các pháp nghĩa
Được mọi người tôn quý.
(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

KHỔ HẠNH KHÔNG PHẢI LÀ PHÁP THANH TỊNH

Những điều sở hành của ông toàn là thấp hèn. Như việc:

Cởi bỏ y phục để trần truồng, hoặc lấy tay che,

Không nhận đồ ăn đựng trong cái ghè,

Không nhận đồ ăn đựng trong chậu,

Không nhận đồ ăn giữa hai bức vách,

Không nhận đồ ăn giữa hai người,

Không nhận đồ ăn giữa hai con dao,

Không nhận đồ ăn giữa hai cái chậu,

Không nhận đồ ăn từ gia đình đang ăn chung,

Không nhận đồ ăn từ nhà có thai,

Không nhận đồ ăn từ nhà được thấy có chó đứng trước cửa,

Không nhận đồ ăn từ nhà có nhiều ruồi,

Không nhận lời mời ăn,

Không nhận đồ ăn từ người nói đã có biết từ trước

Không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu,

Không ăn với hai chén bát, một bữa ăn, một lần nuốt cho đến

bảy lần nuốt thì thôi, nhận thức ăn được thêm,

Không quá bảy lần thêm, hoặc mỗi ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày ăn một bữa, hoặc chỉ ăn rau, hoặc chỉ ăn cỏ lúa, hoặc chỉ uống nước cơm,

Chỉ ăn mè, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn phân bò, hoặc ăn phân nai, hoặc ăn rễ, nhánh lá, trái, hột cây,

Ăn trái cây tự rụng, hoặc choàng áo, hoặc mặc áo cỏ cú, hoặc mặc vỏ cây, hoặc lấy cỏ quấn mình, hoặc mặc da nai, hoặc để đầu tóc,

Mang tấm lông bện, hoặc mặc áo vất ở gò mả, hoặc thường đưa tay lên, hoặc không ngồi giường chiếu, hoặc thường ngồi chồm hổm,

Hoặc cạo tóc chừa râu, hoặc nằm trên chông gai, hoặc nằm trên dưa quả,

Hoặc lõa hình nằm trên phân bò, hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần.

Tóm lại là lấy vô số chuyện khổ cực hành hạ xác thân. Tu những hạnh như thế, không thể gọi là thanh tịnh pháp.

(Trường A Hàm, Kinh Tán-đà-na, số 8)

KHỔ HẠNH KIÊN CỐ KHÔNG HOẠI

Người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người

ấy đem từ tâm rải khắp một phương, rồi các phương khác cũng vậy, từ tâm quảng đại, bình đẳng vô lượng, khắp cả thế gian, không chút oán kiết. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm cũng như thế.

Người khổ hạnh kia lại có thể biết được việc xảy ra vô số kiếp trước, hoặc một đời, hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau, đều thấy đều biết cả. Lại còn thấy biết mình từng sanh vào chủng tộc đó, tên tuổi như thế, ăn uống như thế, sống lâu như thế, chịu khổ chịu vui như thế, từ kia sanh đây, từ đây sanh kia như thế. Những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả.

Ấy gọi là khổ hạnh kiên cố không hoại của Phạm chí.

(Trường A Hàm, Kinh Tán-đà-na, số 8)

KHỔ HẠNH THÙ THẮNG BẬC NHẤT

Những người tu khổ hạnh mà tự mình không giết còn dạy người không giết, tự mình không trộm cắp còn dạy người không trộm cắp, tự mình không tà dâm còn dạy người không tà dâm, tự mình không nói dối còn dạy người không nói dối. Người ấy đem từ tâm rải khắp một phương, các phương khác cũng vậy, từ tâm rộng lớn, trùm khắp, vô nhị vô lượng, không có kết hận, cùng khắp thế gian. Bi, hỷ và xả tâm cũng như vậy.

Người khổ hạnh ấy tự biết sự việc vô số kiếp quá khứ về trước, một đời, hai đời, cho đến vô số đời, quốc độ, thành hoại, kiếp số chung thủy, thảy đều thấy hết biết hết. Lại tự mình thấy biết: Ta đã từng sanh vào chủng tánh kia, tên họ như vậy, ăn uống, thọ mạng như vậy, cảm nghiệm khổ lạc

như vậy, từ đây sanh kia, từ kia sanh đây. Như thế, nhớ hết sự việc vô số kiếp. Vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh xem xét các loài chúng sanh chết đây sanh kia, nhan sắc đẹp xấu, chỗ hướng đến tốt hay xấu, tùy theo hành vi mà bị đọa lạc; thảy đều thấy hết biết hết.

Lại biết chúng sanh với thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, phỉ báng Hiền Thánh, tà tín điên đảo, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa vào ba đường dữ. Hoặc có chúng sanh với thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, tu hạnh chánh tín, khi thân hoại mệnh chung được sinh vào cõi trời cõi người. Bằng thiên nhãn thanh tịnh xem thấy các chúng sanh có hành vi nào sinh tới chỗ nào, đều thấy biết hết.

Đó gọi là khổ hạnh thù thắng bậc nhất.

(Trường A Hàm, Kinh Tán-đà-na, số 8)

KHÔNG GIAN KHÔNG CÁCH TRỞ

Ban-giá-dực vâng lời chỉ giáo của Đế Thích, đi đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch Thế Tôn rằng:

Thích Đề-hoàn Nhân và chư thiên Đao-lợi sai con đến thăm Thế Tôn, hỏi Ngài đi đứng có nhẹ nhàng không? Lui tới có khỏe mạnh không?

Thế Tôn trả lời: Mong Đế Thích của ngươi và chư thiên Đao-lợi thọ mạng lâu dài, khoái lạc, không bịnh. Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên, Người đời, A-tu-luân, và các chúng sanh khác đều ham sống lâu, an lạc, không bịnh hoạn.

Bấy giờ Đế Thích lại suy nghĩ: Chúng ta nên đến lễ viếng Thế Tôn. Tức thì cùng với chư thiên Đao-lợi đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Đế Thích bạch Phật rằng:

Không biết nay con có thể ngồi cách Thế Tôn bao xa?

Phật bảo Đế Thích: Thiên chúng các ngươi nhiều. Nhưng ai gần Ta thì ngồi.

Khi ấy, hang động Nhân-đà-la mà Thế Tôn đang ở tự nhiên trở nên rộng rãi, không bị ngăn ngại.

(Trường A Hàm, Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn, số 14)

KHÔNG LÀM CHÍN VIỆC

Có Tỳ-kheo là lậu tận A-la-hán, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu, với chánh trí đã giải thoát; vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín?

Không giết. 2) Không lấy trộm.

3) Không dâm. 4) Không nói dối.

5) Không xả đạo. 6) Không bị dục chi phối.

6) Không bị sân chi phối. 8) Không bị sợ hãi chi phối.

9) Không bị nghi chi phối.

Ấy là vị lậu tận A-la-hán đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch kết sử của hữu, chánh trí giải thoát, xa lìa chín sự.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

KIẾP CUỐI CÙNG

Pháp hữu vi này là vô thường, biến dịch, chung qui hao mòn, hoại diệt. Tham dục không chán. Mạng người tiêu tán. Mê say ân ái không hề biết đủ. Chỉ người nào chứng đắc Thánh trí, thấy rõ đạo lý, mới biết đủ mà thôi.

Ta nhớ đã từng ở nơi này, Ta sáu lần tái sanh làm Chuyển luân Thánh vương và cuối cùng bỏ xác tại chỗ này. Nay Ta thành Vô thượng Chánh giác, lại cũng muốn xả bỏ tánh mạng, gởi thân tại đây. Từ nay về sau, Ta đã dứt tuyệt sanh tử, không còn có chỗ nào là nơi bỏ xác Ta nữa. Đây là kiếp cuối cùng. Ta không còn thọ sinh trở lại nữa.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

KIẾP ĐAO BINH

Người thế gian này vốn thọ bốn vạn tuổi. Sau đó giảm xuống, thọ hai vạn tuổi. Sau đó lại giảm nữa, thọ một vạn tuổi. Lần lượt giảm, thọ một ngàn năm, năm trăm năm, ba trăm năm, hai trăm năm. Như nay con người thọ một trăm tuổi, với số ít vượt quá, mà phần nhiều là dưới. Sau đó, tuổi thọ con người giảm dần xuống còn mười tuổi.

Khi đó, người nữ sinh ra chừng năm tháng là đi lấy chồng. Bấy giờ, các loại mỹ vị có được trong thế gian như bơ sữa, mật, đường thẻ, đường đen, những gì có vị ngon, tự nhiên biến mất; ngũ cốc không sinh sản, chỉ còn có loại lúa hoang mà thôi. Lúc này, các loại y phục cao cấp như gấm vóc, lụa là, kiếp bối, sô-ma, tất cả đều không còn nữa, mà chỉ còn có loại vải dệt thô sơ bằng cỏ. Bấy giờ, mặt đất này hoàn toàn

chỉ sinh gai gốc, muỗi mòng, ong, bọ cạp, rắn, rết, trùng độc; còn vàng bạc, lưu ly, bảy báu, châu ngọc, tự nhiên chúng bị vùi vào đất hết, và chỉ có đá, cát, các thứ xấu xí là dẫy đầy. Lúc này chúng sanh chỉ làm mười điều ác càng ngày càng tăng, không còn nghe đến danh từ mười điều thiện, cho đến không có cả danh từ thiện, huống chi là có người làm việc thiện? Bấy giờ, trong loài người ai không có hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, hay làm việc ác thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ. Cũng vậy ai hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, thường làm việc lành thì được cúng dường, được mọi người cung kính hầu hạ, thì người làm việc ác kia lại cũng được cúng dường như vậy.

Bây giờ, con người thân hoại mạng chung bị đọa vào trong súc sanh, cũng như con người hiện tại được sinh lên cõi trời. Lúc đó con người gặp nhau thường ôm lòng độc hại, chỉ muốn giết nhau; cũng giống như thợ săn gặp được đàn nai, chỉ muốn giết chúng, không có bất cứ một ý nghĩ thiện nào; con người lúc đó cũng như vậy, chỉ muốn giết nhau, không có một chút ý nghĩ thiện nào. Bấy giờ, mặt đất này chỉ là sông ngòi, khe suối, núi đồi, đất đống, không có chỗ đất nào bằng phẳng cả. Khi có người đi đến, tức thì kinh sợ, run rẩy, lông tóc dựng đứng.

Bấy giờ, trong vòng bảy ngày có sự nổi lên của kiếp đao kiếm. Lúc ấy, những thứ cỏ, cây, ngói, đá mà con người cầm trong tay đều biến thành đao kiếm; những thứ đao kiếm này rất bén nhọn, đụng đến vật gì thì vật đó đều sẽ bị cắt đứt. Chúng sát hại lẫn nhau. Trong lúc này có người có trí tuệ thấy đao binh sát hại nhau nên hoảng sợ tránh vào núi rừng, hang động, khe suối, những chỗ không người. Trốn tránh trong vòng bảy ngày, tâm nghĩ miệng tự nói: ‘Ta không hại người,

người chớ hại ta.'

Trong vòng bảy ngày người này chỉ ăn rễ cây cỏ để tự nuôi sống mình. Qua bảy ngày, sau đó mới lại ra khỏi rừng núi. Lúc này, gặp được một người, vui mừng nói rằng: 'Nay gặp được người còn sống! Nay gặp được người còn sống!' Cũng giống như cha mẹ vì gặp lại một người con bị thất lạc lâu ngày không thấy nhau, nên vui mừng nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế chính mình được, thì sự kiện người này cũng như vậy, vì sự vui mừng nên nhảy nhót mà không thể tự kiềm chế được cảm xúc vui nơi chính mình. Khi ấy thì người dân trong vòng bảy ngày chỉ có khóc lóc mà thôi; cũng trong vòng bảy ngày này họ lại cùng gặp vui nên vui vẻ chúc mừng nhau. Người lúc bấy giờ khi thân hoại mạng chung đều đọa vào địa ngục.

Vì sao? Vì con người ấy luôn luôn ôm lòng sân hận và phẫn nộ, họ chỉ có một tâm hại nhau mà thôi, vì không có tâm nhân từ nên gọi là kiếp đao binh.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 11.Ba Trung Kiếp, số 30)

KIẾP ĐÓI KÉM

Thế nào gọi là kiếp đói kém? Con người bấy giờ phần nhiều làm những việc phi pháp, tà kiến điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười nghiệp ác nên trời không mưa xuống, làm cho trăm thứ cỏ cây chết khô, ngũ cốc không thành, mà chỉ có gốc rạ mà thôi.

Thế nào gọi là đói kém? Vì lúc bấy giờ, người dân phải thu quét những hạt thóc còn rơi rớt lại các nơi như ruộng vườn,

đường sá, đầu ngõ, và trong phân đất để tự sống còn, nên mới gọi là đói kém.

Lại nữa, lúc đói kém, người bấy giờ lượm nhặt xương cốt từ những nơi như lò sát sanh, chợ búa, các đường sá và các bãi tha ma, rồi nấu nước trấp mà uống, nhờ vậy mà họ sống, nên gọi là 'đói xương trắng'.

'Lại nữa, vào kiếp đói kém, ngũ cốc được gieo trồng đều biến thành cỏ cây. Con người lúc này lấy bông nấu nước trấp để uống. Lại nữa, vào thời đói kém, bông của các loài cây cỏ rụng phủ kín cả mặt đất, lúc ấy mọi người phải đào đất lấy bông để nấu ăn, nhờ vậy mà tự tồn tại, nên gọi là 'đói cây cỏ'. Bấy giờ, chúng sanh thân hoại mạng chung đọa vào trong ngạ quỷ. Sao vậy? Vì những người sống trong kiếp đói kém này, thường ôm lòng tham lam keo bẩn, không có lòng bố thí nhân ái, không chịu chia xẻ cùng người, và không nhớ nghĩ đến những tai ách của người khác.

Đấy là kiếp đói kém.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 11.Ba Trung Kiếp, số 30)

KIẾP HỎA TAI

Sau khi bốn châu thiên hạ này,… cho đến Phạm thiên đều bị lửa đốt sạch, sau đó đại địa cùng Tu-di sơn không còn chút tro tàn nào hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

Sau khi đại địa bị lửa đốt cháy sạch rồi, thì nước ở bên dưới

đất cũng hết; gió ở bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt qua thế gian.

Phật bảo Tỳ-kheo: Khi tai kiếp lửa khởi lên, thì trời không mưa xuống, trăm thứ lúa, cỏ, cây tự nhiên bị khô chết. Ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi! Cũng vậy, cho đến, nước ở bên dưới đất hết, gió ở bên dưới nước cũng hết; ai sẽ tin? Chỉ có ai đã thấy thì sẽ tự biết mà thôi!

Đó là tai kiếp lửa.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 9.Tam Tai, số 30)

KIẾP PHONG TAI

Thế nào là tai kiếp gió?

Khi tai kiếp gió bắt đầu khởi, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Khi tu tập hành vi thiện, thì có người đạt được đệ Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh, họ ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các hiền giả! Nên biết, sung sướng thay, đệ Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh! Sung sướng thay, đệ Tứ thiền với xả và niệm thanh tịnh!' Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: 'Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói về đạo của Tứ Thiền với xả và niệm thanh tịnh!' Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tứ Thiền. Sau khi người thế gian nghe nói rồi,

liền tu đạo của Tứ Thiền, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quả thật thiên.

Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp đã mãn, thân hoại mạng chung, tái sinh vào nhơn gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiền; sau khi tu tập đạo thiền, thân hoại mạng chung, tái sinh về Quả thật thiên. Còn những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương,… cho đến Biến tịnh thiên, sau khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh vào cõi nhơn gian; nếu cũng tu tập đạo của đệ Tứ thiền, khi thân hoại mạng chung cũng sẽ tái sinh về Quả thật thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục được diệt tận, và súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương,… cho đến cõi Biến tịnh thiên cũng đều diệt tận.

Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt tận, sau đó súc sanh diệt tận; súc sanh diệt tận rồi, thì ngạ quỷ diệt tận; khi ngạ quỷ diệt tận rồi, thì A-tu-luân diệt tận; khi A-tu-luân diệt tận rồi, thì Tứ thiên vương diệt tận; khi Tứ thiên vương diệt tận rồi… như vậy lần lượt cho đến Biến tịnh thiên diệt tận; khi Biến tịnh thiên diệt tận rồi, thì sau đó, con người bị diệt tận không còn sót. Khi con người đã bị diệt tận không còn sót, thì thế gian này bị tan hoại, thế là hoàn thành tai kiếp.

Rất lâu, rất lâu sau đó, có gió lớn nổi lên, tên là đại tăng già,… cho đến Quả thật thiên. Gió lan khắp mọi nơi, thổi cung điện Biến tịnh thiên, Quang âm thiên, khiến cho các cung điện va chạm nhau tan vỡ ra thành phấn bụi, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp

hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.'

Sau đó, gió này thổi cung điện Phạm-ca-di thiên, Tha hóa tự tại thiên, các cung điện va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi không còn gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ không còn gì hết, thì hai cung điện va chạm nhau cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt thế gian.

Sau đó, gió này thổi cung điện Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, các cung điện này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi không còn lại gì hết, giống như lực sĩ cầm hai cái chày đồng, làm cho chúng va chạm nhau, cả hai đều vỡ vụn không còn gì hết, thì những cung điện này va chạm nhau không còn gì hết cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.'

Sau đó, gió này thổi bốn thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương đem đặt giữa hư không, cao trăm nghìn do-tuần, những ngọn núi này va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi, giống như lực sĩ tay cầm vỏ trấu nhẹ rải vào không trung, thì tứ châu thiên hạ, Tu-di, các núi này vỡ vụn, phân tán ra, cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

Sau đó, gió thổi đại địa; nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết. Cho nên phải biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

Phật bảo Tỳ-kheo: Khi hai cung điện Biến tịnh thiên và Quang âm thiên va chạm nhau, tan vỡ ra thành phấn bụi, ai là người có thể tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi. Như vậy cho đến nước bên dưới đất hết, gió bên dưới nước hết, ai là người sẽ tin? Chỉ có độc nhất người thấy mới có thể biết mà thôi.

Đó là tai kiếp gió.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 9.Tam Tai, số 30)

KIẾP SƠ

Khi kiếp sơ, chúng sanh sau khi nếm vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài… Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa tẻ tự nhiên này ăn, và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngắm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: 'Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?' Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: 'Tôi đã làm quấy.'Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: 'Ngươi đem thức ăn này để cho ai?' Đáp: 'Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó.' Nhân lời nói này, nên thế gian liền có

danh từ 'người chồng bất thiện', và vì việc đưa cơm cho chồng nên được gọi là vợ.

Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che dấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ 'nhà.'

Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ 'mang thai.'

Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại, và tiếp theo là thành Vương xá Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh cư sĩ và thủ-đà-la ở thế gian.

Trước đó trong thế gian đã có giòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong giòng Sát-lợi có người tự tư duy: 'Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?' Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: 'Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!'

Ở trong chúng Bà-la-môn, cư sĩ, thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vị ấy tu tập bảy giác ý. Vị ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng:

'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững , những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Trong bốn chủng tánh này, đều có thể thành tựu minh và hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

KIẾP TẬT DỊCH

Thế nào là kiếp tật dịch?

Người đời bấy giờ, tu hành chánh pháp, chánh kiến không điên đảo, đầy đủ thập thiện hành. Có quỷ thần thế giới phương khác đến, mà quỷ thần ở đây thì buông lung dâm loạn, không thể hộ vệ con người được. Quỷ thần thế giới khác xâm lấn, nhiễu loạn con người thế gian này, họ dùng tay đánh đập, dùng gậy quật ngã, rồi hút lấy tinh khí, khiến cho tâm người loạn lên, rồi cưỡng bức mang đi. Giống như quốc vương ra lệnh cho các tướng soái những thứ phải bảo vệ, nhưng giặc cướp ở phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu, mà các tướng soái ở đây lại buông lung, nên nước nhà bị chúng cướp mất. Ở đây cũng vậy, những quỷ thần ở thế giới khác đến bắt giữ mọi người ở thế gian này, chúng đánh đập, quật ngã, rồi hút lấy tinh khí mọi người và cưỡng bức mang đi.

Phật bảo Tỳ-kheo: Giả sử quỷ thần ở thế gian này dù không buông lung dâm loạn, nhưng khi quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì quỷ thần ở thế gian này cũng phải sợ hãi mà đi trốn. Các đại quỷ thần kia bèn xâm lấn, quấy nhiễu người ở đây, đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí, giết chết rồi

bỏ đi. Giống như quốc vương, hay đại thần của quốc vương sai khiến các tướng soái bảo vệ nhơn dân; tuy tất cả các tướng lãnh này đều trong sạch thận trọng, không buông lung, nhưng khi các tướng soái mạnh bạo, có binh lính đông đảo kia lại đến khuấy phá thành ấp, làng xóm, mà cướp đoạt người vật. Thì ở đây lại cũng như vậy, nếu quỷ thần ở thế gian này dù không dám buông lung đi nữa, nhưng khi các quỷ thần có sức mạnh lớn ở thế giới khác đến, thì các quỷ thần thế gian này cũng sẽ sợ hãi tránh đi, và những hàng quỷ thần lớn mạnh kia sẽ xâm đoạt, nhiễu hại người thế gian này; đánh đập, quật ngã, hút lấy tinh khí và giết hại mọi người rồi bỏ đi.

Khi ấy, người dân trong kiếp tật dịch, sau khi thân hoại mạng chung đều sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì con người lúc ấy đều hướng tâm từ bi đến nhau, thăm hỏi nhau: 'Bệnh tật của bạn có giảm không? Thân thể có được an ổn không?' Vì những nhân duyên này, nên họ được sinh lên cõi trời. Cho nên gọi là kiếp tật dịch.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 11.Ba Trung Kiếp, số 30)

KIẾP THỦY TAI

Khi tai kiếp nước bắt đầu, con người trong thế gian này đều phụng hành chánh pháp, đều chánh kiến, không theo tà kiến, mà tu tập mười thiện nghiệp. Sau khi tu tập thiện hành, có người đạt được đệ tam thiền không có hỷ, thân họ có thể cất lên ở giữa hư không, an trụ Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các hiền giả! Sung sướng thay, đệ tam thiền không có hỷ!' Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ

rằng: 'Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của Tam thiền không có hỷ.' Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của Tam thiền không có hỷ. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của Tam thiền không có hỷ, nên khi thân hoại mạng chung họ được sinh về Biến tịnh thiên.

Bấy giờ, những chúng sanh ở trong địa ngục, sau khi tội nghiệp của họ đã mãn, thân hoại mạng chung tái sinh vào nhơn gian. Rồi cũng tu tập đạo của đệ Tam thiền; sau khi tu tập đạo thiền, thân hoại mạng chung, được sinh về Biến tịnh thiên. Những chúng sanh của các loài súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-luân, Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, Quang âm thiên sau khi thân hoại mạng chung cũng tái sinh vào cõi nhơn gian; nếu họ cũng tu tập đạo của đệ tam Thiền, khi thân hoại mạng chung họ cũng sẽ được sinh về Biến tịnh thiên. Vì nhân duyên này nên đạo địa ngục bị diệt tận, và súc sanh, ngạ quỷ, A tu luân, Tứ thiên vương,… cho đến cõi Quang âm thiên cũng đều diệt tận. Vào lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục biến mất, sau đó súc sanh biến mất; súc sanh biến mất rồi, thì ngạ quỷ biến mất; ngạ quỷ biến mất rồi, thì A-tu-luân biến mất; khi A-tu-luân biến mất rồi, thì Tứ thiên vương biến mất; khi Tứ thiên vương biến mất rồi, thì Đao-lợi thiên biến mất, khi Đao-lợi thiên biến mất rồi, thì Diệm-ma thiên biến mất; Diệm-ma thiên biến mất rồi, thì Đâu-suất thiên biến mất; khi Đâu-suất thiên biến mất rồi, thì Hóa tự tại thiên biến mất; khi Hóa tự tại thiên biến mất rồi, thì Tha hóa tự tại thiên biến mất; khi Tha hóa tự tại thiên biến mất rồi, thì Phạm thiên biến mất; khi Phạm thiên biến mất rồi, thì Quang âm thiên biến mất; khi Quang âm thiên biến mất, sau đó thì loài

người hoàn toàn biến mất. Sau khi loài người hoàn toàn biến mất, thế gian này hủy diệt. Như thế là hoàn thành tai kiếp.

Rất lâu sau đó, rất lâu, có đám mây đen lớn bạo khởi, trên cho đến Biến tịnh thiên, mưa khắp mọi nơi, mưa xuống hoàn toàn là nước nóng. Thứ nước này sôi sục, đun nấu thiên hạ, làm cho các cung điện cõi trời thảy đều bị tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như đặt chất béo váng sữa vào trong lửa, đều bị chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì cung điện Quang âm thiên cũng lại như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

Sau đó, mưa này lại xâm phạm đến cung điện cõi trời Phạm-ca-di, cũng đun chảy tiêu hết, không sót thứ gì, giống như béo sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì cung điện Phạm-ca-di lại cũng như vậy.

Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến các cung điện Tha hóa tự tại thiên, Hóa tự tại thiên, Đâu-suất thiên, Diệm-ma thiên, cũng bị đun chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như béo sữa đem đặt vào trong lửa, không còn sót thứ gì, thì các cung điện chư thiên lại cũng như vậy.

Sau đó, nước mưa này lại xâm phạm đến bốn châu thiên hạ, cùng tám vạn thiên hạ, các núi, núi lớn, Tu-di sơn vương cũng đều bị đun nấu tiêu hết, không còn sót thứ gì, giống như béo sữa đem đặt vào trong lửa, đều bị nung chảy tiêu hết, không còn sót thứ gì, thì những thứ này lại cũng như vậy. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm

tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát vượt khỏi thế gian.

Sau đó, nước này đã đun nấu đại địa không còn sót gì nữa rồi, thì nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết. Vì vậy nên biết: Tất cả hành là vô thường, là pháp biến dịch, không đáng tin cậy; phàm các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm đạo giải thoát vượt khỏi thế gian.

Phật bảo Tỳ-kheo: Sự nung chảy, tiên tận ngang đến cung điện Biến tịnh thiên này, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy mới có thể biết mà thôi!

Từ cung điện Phạm-ca-di bị nung chảy tiêu hết… cho đến, nước bên dưới đất cũng hết, gió bên dưới nước cũng hết, ai là người có thể tin? Chỉ có ai thấy, mới có thể biết mà thôi!

Đó là tai họa do nước.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 9.Tam Tai, số 30)

KINH SA MÔN QUẢ

Vua A-xà-thế sai triệu Thọ Mạng đồng tử đến hỏi: Nay ngày rằm trăng tròn, đêm sáng trong không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa-môn, Bà-la-môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?

Thọ Mạng đồng tử tâu: Có Phật, Thế Tôn, nay đang ở trong vườn xoài của tôi. Đại vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu Đại vương gặp Phật, tâm tất khai ngộ.

Vua bèn sắc lệnh: Hãy thắng kiệu con voi báu mà ta thường cỡi, cùng với năm trăm thớt voi trắng.

Kỳ Cựu vâng lệnh, cho trang nghiêm con voi của vua cùng với năm trăm thớt voi xong, tâu vua rằng:

Xa giá đã trang nghiêm. Xin Đại vương biết thời.

A-xà-thế tự mình cỡi voi báu; cho năm trăm phu nhân cỡi năm trăm voi cái, tay mỗi người đều cầm một bó đuốc, thể hiện uy nghi của vua, ra khỏi La-duyệt-kỳ, chậm rãi tiến đi trên con đường hướng đến chỗ Phật. Vua bảo:

Ngươi nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù.

Thọ Mạng tâu: Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh.

Rồi thì, tiến tới một quãng ngắn, vua lại bảo Thọ Mạng:

Ngươi nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù.

Vua nói ba lần như vậy.

Vì sao? Kia có một ngàn hai trăm năm mươi người, nhưng lại vắng lặng không tiếng động. Hẳn là có âm mưu rồi.

Thọ Mạng ba lần tâu:

Đại vương, thần không dám lừa dối Đại vương. Không dám hãm hại Đại vương, dẫn Đại vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh. Vì sao? Sa-môn kia theo pháp thường ưa sự thanh vắng, do đó không có tiếng động. Đại vương cứ tiến tới. Khu vườn đã xuất hiện.

Vua A-xà-thế đi đến cổng vườn, xuống voi, giải kiếm, cất

lọng, dẹp bỏ năm thứ uy nghi, bước vào cổng vườn, nói với Thọ Mạng: Phật, Thế Tôn đang ở đâu?

Thọ Mạng trả lời: Đại vương, Phật đang ở trên cao đường kia, phía trước Ngài có ngọn đèn. Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, mặt hướng về phía Nam. Đại vương đi tới một chút, tự mình gặp Thế Tôn.

Bấy giờ, A-xà-thế đi đến chỗ giảng đường, rửa chân ở bên ngoài, sau đó mới bước lên giảng đường, im lặng nhìn bốn phía, sanh tâm hoan hỷ, miệng tự phát lên lời:

Nay các Sa-môn yên tĩnh lặng thinh, đầy đủ chỉ quán. Mong sao Thái tử Ưu-đà-di của tôi cũng chỉ quán thành tựu, như thế này không khác.

Khi ấy, Phật nói với vua A-xà-thế:

Đại vương nghĩ đến con, nên từ miệng mình phát ra lời: 'Mong sao Thái tử Ưu-đà-di cũng chỉ quán thành tựu như vậy không khác.' Đại vương hãy ngồi phía trước đó.

A-xà-thế bèn đảnh lễ Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng:

Nay có điều muốn hỏi, nếu Ngài có rảnh, tôi mới dám hỏi.

Phật nói: Đại vương, có điều gì muốn hỏi, xin cứ hỏi.

A-xà-thế bạch Phật: Thế Tôn, như nay người cỡi voi, xe ngựa, tập luyện đao, mâu, kiếm, cung tên, binh khí, phép chiến đấu; vương tử, lực sĩ, đại lực sĩ, tôi tớ, thợ da, thợ hớt tóc, thợ bện tóc, thợ đóng xe, thợ gốm, thợ đan, thợ dệt cói; mỗi người đều sinh sống bằng các kỹ thuật khác nhau, tự mình hưởng thụ dục lạc; và cùng với cha, mẹ, vợ con, nô bộc

vui hưởng lạc thú. Các nghề nghiệp như vậy đều có quả báo hiện tại. Nay các Sa-môn hiện tại tu hành, được những quả báo hiện tại là gì?

Phật nói với vua A-xà-thế:

Đại vương đã từng đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy chưa?

Vua bạch Phật: Tôi đã từng đi đến các Sa-môn, Bà-la-môn để hỏi ý nghĩa như vậy.

Nhớ lại, một thời tôi đến Bất-lan Ca-diệp, hỏi rằng: 'như người cỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp … cho đến, bằng các sự mưu sinh khác nhau, hiện tại có quả báo. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?' Bất-lan Ca-diệp kia trả lời tôi rằng: 'Đại vương nếu tự mình làm. Hay sai bảo người khác làm. Chặt, bửa, tàn hại, nấu, nướng, cắt, xẻ, não loạn chúng sanh, khiến cho sầu ưu, than khóc; sát sanh, trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ, trèo tường cướp bóc, phóng lửa thiêu đốt, chận đường làm chuyện ác. Đại vương, hành động như vậy không phải là ác. Đại vương, nếu lấy kiếm bén mà lóc thịt chúng sanh, làm thành một đống thịt, ngập tràn cả thế gian; đó không phải là sự ác, cũng không tội báo. Ở bờ Nam sông Hằng, lóc thịt chúng sanh, cũng không có ác báo. Ở phía Bắc sông Hằng, thiết hội bố thí lớn, bố thí tất cả chúng sanh, lợi cho tất cả mọi người, cũng không có quả báo của tội phước'.

Rồi vua bạch Phật:

Cũng như một người hỏi về dưa thì trả lời về mận; hỏi mận thì trả lời dưa. Kia cũng vậy. Tôi hỏi hiện tại có được quả báo

không, nhưng kia trả lời tôi là không có tội phước. Tôi bèn suy nghĩ rằng: 'Ta là vua Quán đảnh dòng Sát-lợi, không duyên cớ mà lại giết người xuất gia, bắt trói, đuổi đi. ' Khi ấy, trong lòng tôi phẫn nộ, suy nghĩ như vậy rồi, bèn bỏ mà đi.…

Thế Tôn, hôm nay tôi đến đây để hỏi ý nghĩa như vầy: như người cỡi voi, ngựa xe, luyện tập binh pháp, cho đến, các loại mưu sinh khác nhau, đều có quả báo hiện tại. Nay đây Sa-môn hiện tại tu đạo, hiện tại có được quả báo không?

Phật nói với vua A-xà-thế:

Nay Ta trở lại hỏi Đại vương, xin tùy ý trả lời. Thế nào, Đại vương, có đồng bộc của Đại vương, người làm các công việc trong và ngoài, đều thấy Đại vương vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ, bèn suy nghĩ như vầy: 'Lạ thay, quả báo của hành vi đến như thế sao? Vua A-xà-thế này vào ngày rằm, lúc trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, ở trên điện cao cùng hưởng thụ dục lạc với các thể nữ. Ai có thể biết được đấy lại là quả báo của hành vi?' Người kia, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo, thực hành pháp bình đẳng. Thế nào, Đại vương, Đại vương từ xa thấy người ấy đi đến, há có khởi lên ý nghĩ rằng: Đấy là nô bộc của ta?

Vua bạch Phật: Không, bạch Thế Tôn. Nếu thấy người ấy đến, phải đứng dậy nghinh đón, mời ngồi.

Phật nói: Đó không phải là Sa-môn được quả báo hiện tại sao?

Vua đáp: Đúng như vậy, Thế Tôn, đó là hiện tại được quả báo Sa-môn vậy…

Lại nữa, Đại vương, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, vào trong pháp Ta, cho đến tam minh, diệt trừ các tối tăm, phát sanh ánh sáng đại trí, gọi là lậu tận trí chứng. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Thế nào, Đại vương, đó không phải là quả báo hiện tại của Sa-môn sao?

Vua đáp: Thật vậy, Thế Tôn, đó thật là quả báo hiện tại của Sa-môn.

Bấy giờ, vua A-xà-thế rời chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối hận của con. Con vì cuồng, ngu si, tối tăm, không nhận thức. Cha con là Bình-sa vương, vua nước Ma-kiệt-đà, cai trị bằng chánh pháp, không có thiên vạy. Nhưng con bị ngũ dục mê hoặc, thật sự đã hại phụ vương. Cúi mong Thế Tôn rũ lòng thương xót, nhận sự sám hối của con.

Phật bảo vua: Ngươi ngu si, không nhận thức. Nhưng đã tự mình hối cải. Ngươi vì mê say ngũ dục mà hại phụ vương. Nay trong pháp Hiền Thánh mà biết hối cải, tức là tự làm ích lợi cho mình. Ta vì thương tưởng ngươi, nhận sự sám hối của ngươi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế sau khi lễ Phật, được Phật giảng pháp cho nghe, được chỉ bày, khuyến khích, làm cho ích lợi, hoan hỷ. Sau khi nghe những điều Phật dạy, vua liền bạch Phật:

Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin chấp nhận con là ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay về sau, suốt đời

không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng sáng ngày mai nhận lời thỉnh của con.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi thì, vua thấy Phật im lặng nhận lời, liền đứng dậy lễ Phật, đi quanh ba vòng sau đó cáo lui.

Vua đi chưa bao lâu, Phật nói với các Tỳ-kheo rằng:

Vua A-xà-thế này, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhổ trọng tội. Nếu A-xà-thế không giết cha, thì ngay tại chỗ này đã được con mắt thanh tịnh thấy pháp. Nhưng vua A-xà-thế nay đã hối lỗi, tội lỗi đã vơi bớt, đã nhổ trọng tội.

Bấy giờ, A-xà-thế, đang trên đường đi, gọi Thọ Mạng Đồng tử bảo rằng:

Lành thay, lành thay! Ngươi nay làm được nhiều điều lợi ích cho ta. Ngươi trước đã tán thán Như Lai, chỉ dẫn, khơi mở, sau đó đưa ta đến gặp Thế Tôn, nhờ thế ta được khai ngộ. Ta rất cám ơn ngươi, trọn không bao giờ quên.

(Trường A Hàm, Kinh Sa Môn Quả, số 27)

KINH TAM MINH

Phật nói: Bà-tất-tra, năm dục khiết tịnh, rất đáng yêu thích. Những gì là năm? Mắt thấy sắc, rất đáng yêu thích. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, rất đáng yêu thích, ở trong pháp Hiền Thánh của Ta, được gọi là dính mắc, là trói buộc, là xiềng xích. Bà-la-môn thông tam minh kia bị nhiễm bởi năm dục, ái dục dính chặt, nhưng không thấy lỗi lầm, không biết lối xuất yếu. Kia đã bị năm dục trói buộc,

giả sử có phụng sự nhật, nguyệt, thủy, hỏa, và xướng lên rằng: 'Xin tiếp đỡ tôi sanh lên Phạm thiên.' Không có trường hợp ấy. Ví như con sông A-di-la, có mức nước ngang bờ. Có người ở bờ bên này, mình bị quấn chặt, kêu suông bờ bên kia rằng: 'Lại đây, đưa tôi sang.' Bờ kia có đến đưa người ấy sang không?

Đáp: Không.

Bà-tất-tra, ví như con sông A-di-la, nước tràn ngang bờ, con quạ có thể uống được. Có người muốn sang, không bằng vào sức của tay chân, thân mình, không nhân thuyền bè, mà có thể sang được không?

Đáp: Không.

Bà-tất-tra, Bà-la-môn thông tam minh cũng vậy, không tu hạnh thanh tịnh của Sa-môn, lại tu theo hạnh không thanh tịnh của đạo khác, mà muốn cầu sanh Phạm thiên, không có trường hợp đó.

Bà-tất-tra, cũng như nước trong núi vọt mạnh ra, cuốn trôi khá nhiều nhân dân, vả lại không có thuyền, bè, cũng không có cầu bến. Người kia nghĩ thầm: 'Ta nên thâu lượm thật nhiều cỏ và cây, buộc thành chiếc bè thật chắc chắn, rồi bằng sức của thân mình mà sang bờ một cách an ổn. Bà-tất-tra, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo xả hạnh bất tịnh phi Sa-môn, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Sa-môn, muốn sanh Phạm thiên; trường hợp ấy có xảy ra.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: Không có nhuế tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm hay không có nhuế tâm?

Đáp: Có nhuế tâm.

Bà-tất-tra, Phạm thiên không có nhuế tâm. Bà-la-môn thông tam minh có nhuế tâm. Nhuế tâm và không nhuế tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm.

Đáp: Không có sân tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: Có sân tâm.

Bà-tất-tra, Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?.

Đáp: Không có hận tâm.

Lại hỏi: Bà-la-môn thông tam minh có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: Có hận tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có sân tâm. Bà-la-môn thông tam

minh có sân tâm. Sân tâm và không sân tâm không cùng sống chung, không cùng giải thoát, không thú hướng đến nhau. Vậy Phạm thiên và Bà-la-môn không sống chung…

Phật nói:

Nếu Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, đầy đủ mười hiệu, cho đến, tứ thiền, ở ngay trong đời này mà hưởng thọ an lạc. Vì sao? Ấy do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng, không buông lung vậy. Vị ấy với từ tâm tràn khắp một phương ; các phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không hận, vô hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc. Bi, hỷ, xả tâm biến mãn một phương, phương khác cũng vậy, rộng khắp không biên tế, không hai, vô lượng, không kết hận, không có ý não hại, du hí với tâm ấy và hưởng thọ an lạc.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có nhuế tâm không?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có nhuế tâm, hay không có nhuế tâm?

Đáp: Không có nhuế tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có nhuế tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có nhuế tâm. Không nhuế tâm và không nhuế tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có sân tâm, hay không có sân tâm?

Đáp: Không có sân tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có sân tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có sân tâm. Không sân tâm và không sân tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: Không.

Lại hỏi: Tỳ-kheo hành từ tâm có hận tâm, hay không có hận tâm?

Đáp: Không có hận tâm.

Phật nói: Phạm thiên không có hận tâm. Tỳ-kheo hành từ tâm không có hận tâm. Không hận tâm và không hận tâm cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung…

Thế nào, Bà-tất-tra, Phạm thiên có được tự tại không?

Đáp: Được tự tại.

Lại hỏi: Tỳ-khe hành từ tâm có được tự tại không?

Đáp: Được tự tại.

Phật nói: Phạm thiên được tự tại. Tỳ-kheo hành từ tâm được tự tại. Được tự tại và được tự tại cùng hướng đến nhau, đồng giải thoát. Vì vậy, Phạm thiên và Tỳ-kheo cùng sống chung.

Phật lại nói với Bà-tất-tra:

Nên biết, Tỳ-kheo hành từ tâm, khi thân hoại mạng chung, trong khoảnh khắc như mũi tên được bắn đi, sanh lên Phạm thiên.

Khi Phật nói kinh này, Bà-tất-tra và Phả-la-đọa ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, ở trong các pháp phát sanh con mắt thấy pháp.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Minh, số 26)

LO HẬU SỰ CHO ĐỨC PHẬT NHƯ BẬC CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Bấy giờ A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?

Phật bảo A-nan: Ông hãy im lặng. Hãy lo nghĩ đến công việc của mình. Việc ấy đã có các thanh tín sĩ vui vẻ lo liệu.

A-nan hỏi đến ba lần: Sau khi Phật diệt độ, phép tẩn táng nên làm thế nào?

Phật dạy: Muốn biết phép tẩn táng thế nào thì nên làm theo cách tẩn táng Chuyển luân Thánh vương.

A-nan lại hỏi: Phép tẩn táng Chuyển luân Thánh vương như thế nào?

Phật nói: Về phép tẩn táng Chuyển luân Thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể.

Lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, rồi đặt thân vào kim quan.

Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn, bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương chiên-đàn.

Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà tỳ.

Trà tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua, đã làm lợi ích cho nhiều người.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

LỜI DI GIÁO CỦA ĐỨC PHẬT

Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi.

Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi.

Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ.

Tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này.

Không suy niệm tất cả tưởng, khi nhập vô tưởng định, thân an ổn, không có não hoạn.

Vì vậy, các ngươi hãy tự mình thắp sáng; thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác.

Hãy tự nương tựa mình, nuơng tựa nơi pháp, chớ nương tựa

nơi khác.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

LỰC ĐỊNH MẠNH NÊN DẪU CÓ SẤM SÉT CŨNG KHÔNG HAY BIẾT

Lúc đó, có người đệ tử A-la-hán tên là Phúc-quý, đi từ thành Câu-thi-na-kiệt nhắm đến thành Ba-bà, khi vừa đến giữa đường, trông thấy Phật tại bên gốc cây, dung mạo đoan chính, các căn tịch tịnh, tâm ý nhu thuận trong cảnh tịch diệt tuyệt đối, ví như con rồng lớn, như hồ nước đứng trong không chút cáu bợn. Sau khi thấy, ông phát sinh thiện tâm hoan hỷ, đi đến gần Phật, đảnh lễ rồi ngồi lại một bên và bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn, người xuất gia, ở tại chỗ thanh tịnh, ưa thích sự nhàn cư, thật hy hữu thay, dẫu cả một đoàn xe có những năm trăm cỗ đi ngang qua một bên mà vẫn không hay biết! Thầy tôi có lần ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây bên đường thuộc địa phận giữa hai thành Câu-thi và Ba-ba. Lúc đó có đoàn xe năm trăm cỗ đi ngang qua một bên. Tiếng xe cộ rần rần. Tuy thức tỉnh nhưng không nghe thấy. Sau đó có người đến hỏi: ‘Có thấy đoàn xe vừa đi qua đây không?’ Đáp: ‘Không thấy.’Lại hỏi: ‘Có nghe không?’ Đáp: ‘Không nghe.’ Lại hỏi: ‘Nãy giờ ông ở đây hay ở chỗ khác?’ Trả lời: ‘Ở đây.’ Lại hỏi: ‘Nãy giờ ông tỉnh hay mê?’ Trả lời: ‘Tỉnh.’ Lại hỏi: ‘Nãy giờ ông thức hay ngủ?’ Trả lời: ‘Không ngủ.’ Người kia thầm nghĩ: ‘Đây thật là hy hữu. Người xuất gia chuyên tinh mới như thế. Cho dẫu tiếng xe rần rộ, thức mà vẫn không hay.’Rồi nói với thầy tôi rằng: - Vừa có năm trăm

cỗ xe rần rộ đi qua con đường này, tiếng xe chấn động mà còn không nghe thấy, có đâu lại nghe thấy chuyện khác! Rồi người kia làm lễ, hoan hỷ từ tạ.

Phật nói: Này Phúc-quý! Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Đoàn xe rần rộ đi qua, tuy thức nhưng không nghe, và sấm sét vang động đất trời, tuy thức nhưng không nghe. Trong hai điều đó, điều nào khó hơn?

Phúc-quý thưa:

Tiếng động của ngàn chiếc xe đâu sánh bằng tiếng sấm sét. Không nghe tiếng xe còn dễ chứ không nghe sấm sét ấy mới thật là rất khó.

Phật nói:

Này Phúc-quý, Ta có một lần ở tại một thảo lư trong thôn A-việt, lúc đó có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rầm dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, thiên hạ xúm tới chật ních. Lúc ấy Ta đang ra khỏi thảo lư, đi kinh hành thong thả. Một người từ đám đông kia đi lại chỗ Ta, đầu mặt lễ sát chân, rồi theo sau Ta kinh hành. Dẫu biết nhưng Ta vẫn hỏi: 'Đám đông kia đang tụ tập để làm gì vậy?' Người kia liền hỏi lại Ta rằng: 'Nãy giờ Ngài ở đâu, thức hay ngủ?' Ta trả lời: 'Ở đây, không ngủ.' Người kia tán thán cho là hy hữu, chưa thấy ai đắc định như Phật; sấm chớp vang rền cả trời đất thế mà riêng mình tịch tịnh, thức mà không hay. Rồi người ấy bạch Phật: 'Vừa rồi có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rầm dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai người đi cày. Đám đông tụ tập chính là vì chuyện ấy.' Người ấy trong lòng vui vẻ, liền được pháp hỷ, lễ Phật rồi lui.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

LƯỜI BIẾNG CÓ SÁU LỖI

Lười biếng có sáu lỗi; một, khi giàu sang không chịu làm việc; hai, khi nghèo không chịu siêng năng; ba, lúc lạnh không chịu siêng năng; bốn, lúc nóng không chịu siêng năng; năm, lúc sáng trời không chịu siêng năng; sáu, lúc tối trời không chịu siêng năng. Đó là sáu điều tai hại của sự lười biếng.

Nếu trưởng giả hay con trưởng giả lười biếng mãi, thì gia sản mỗi ngày mỗi tiêu tán.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

LÝ DUYÊN KHỞI

Ánh sáng của mười hai nhân duyên rất sâu xa, khó hiểu. Mười hai nhân duyên này khó thấy, khó biết. Chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, những người chưa thấy duyên, nếu muốn tư lương, quán sát, phân biệt nghĩa lý của nó, đều bị hoang mê không thể thấy nổi.

Như vậy duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, lo, rầu, khổ não, tập thành một khối đại hoạn.

Đó là duyên của cái đại khổ ấm vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

MA BA-TUẦN THỈNH PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Ma Ba-tuần đến bạch Phật:

Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ.

Phật bảo ma Ba-tuần:

Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ. Có người có thể tự điều phục, dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, rao giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh pháp, lại có thể bằng thần biến mà tự mình tác chứng. Các đệ tử như thế chưa hội đủ. Lại còn có các Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tất cả cũng như thế, đều chưa tụ hội đủ. Nay điều cần thiết là triển khai phạm hạnh, phổ biến giác ý, khiến cho chư thiên và loài người thảy đều thấy được sự thần diệu.

Bấy giờ Ma Ba-tuần lại bạch Phật:

Thuở xưa, ở Uất-bệ-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây a-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: 'Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.' Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: 'Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta hội đủ đã, v.v... cho đến, chư thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.'Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?

Phật nói: Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, tại bản sanh địa Câu-thi-na-kiệt, vườn sa-la, giữa đôi cây, Ta sẽ diệt độ.

Lúc ấy, Ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, nhất định sẽ diệt độ, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, Phật ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Nhân dân cả nước thảy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thảy đều trông thấy nhau.

Trong hai hành hữu vô

Ta nay xả hữu vi

Nội chuyên tam-muội định

Như chim ra khỏi trứng.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

MẶT TRĂNG

Cung điện mặt Trăng, chất tròn khi đầy khi vơi, ánh sáng sút giảm, cho nên nguyệt cung được gọi là tổn. Mặt trăng có hai nghĩa: một là trụ thường độ, hai gọi là cung điện.

Do từ bốn phương xa mà nhìn, thấy là tròn. Lạnh ấm điều hòa, được tạo thành bởi bạc trời và lưu ly. Hai phần là thuần bạc trời ròng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sánh chiếu xa... một phần bằng lưu ly ròng không pha tạp, trong suốt trong ngoài, ánh sáng chiếu xa. Cung điện mặt trăng, rộng bốn mươi chín do-tuần, tường cung điện cùng đất mỏng như tử bách. Tường cung điện có bảy lớp, với bảy lớp lan

can, bảy lớp lưới, bảy lớp linh báu, bảy lớp hàng cây, trang sức chung quanh bằng bảy báu,… cho đến, vô số các loài chim ríu rít hòa vang.

Cung điện mặt trăng này được năm thứ gió giữ gìn: một là trì phong, hai là dưỡng phong, ba là thụ phong, bốn là chuyển phong, năm là điều phong. Chánh điện, nơi ngự của Nguyệt thiên tử, làm bằng lưu ly, cao mười sáu do-tuần. Điện có bốn cửa, chung quanh là lan can. Tòa của Nguyệt thiên tử, rộng nửa do-tuần, được làm thành bởi bảy báu, trong sạch và mềm mại, giống như thiên y. Thiên tử mặt trăng trên thân phóng ra ánh sáng, chiếu soi điện lưu ly; ánh sáng của điện lưu ly chiếu soi cung điện mặt trăng, và ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu soi bốn cõi thiên hạ. Tuổi thọ của thiên tử mặt trăng là năm trăm năm, con cháu thừa kế nhau không hề khác. Cung điện này không bị hủy hoại trong vòng một kiếp.

Lúc cung điện mặt trăng di chuyển, thiên tử của mặt trăng này không có ý niệm di chuyển, rằng: 'Ta đi. Ta dừng.' Mà chỉ luôn luôn hưởng thụ ngũ dục. Khi cung điện mặt trăng di chuyển, thì có vô số trăm nghìn các Đại thiên thần, thường ở trước dẫn đường, hoan hỷ không mệt mỏi, ưa thích nhanh nhẹn, vì vậy nên Nguyệt thiên tử được gọi là 'nhanh nhẹn.'

Thân Nguyệt thiên tử phát ra nghìn tia sáng, năm trăm tia sáng chiếu xuống, và năm trăm tia sáng chiếu hai bên. Đó là do công đức của nghiệp đời trước nên có ánh sáng này, thế nên Nguyệt thiên tử còn gọi là Thiên quang. Thế nào là công đức nghiệp đời trước?

Thế gian có một người phát tâm cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cùng bố thí cho những người đói khát cùng cực, cho họ

đồ ăn thức uống, y phục, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, tùy thời ban phát, tùy theo nhu cầu, mà không trái ý người, và cúng dường cho các vị Hiền Thánh trì giới. Do vô số pháp hỷ khác nhau ấy, thiện tâm quang minh. Như vị vua Quán đảnh dòng Sát lợi, khi mới đang vương vị, thiện tâm hoan hỷ, cũng lại như vậy. Vì nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung làm Nguyệt thiên tử, cung điện mắt trăng có nghìn tia sáng, cho nên nói là nghiệp lành được nghìn tia sáng.

Lại nữa, do nghiệp gì được nghìn ánh sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không hai lưỡi, không ác khẩu, không nói dối, không thêu dệt, không tham giữ, không sân nhuế, không tà kiến; do những nhân duyên này mà thiện tâm hoan hỷ. Giống như đầu ngã tư đường có hồ tắm lớn trong mát không nhơ, có người đi xa, mệt mỏi nóng khát, vào trong hồ nước này, tắm rửa mát mẻ, hoan hỷ khoái lạc; người thực hành mười điều lành, thiện tâm hoan hỷ, lại cũng như vậy. Người này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có nghìn tia sáng.

Lại nữa, do duyên gì được nghìn tia sáng? Thế gian có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không lừa dối, không uống rượu, vì những nhân duyên này, thiện tâm hoan hỷ; thân hoại mạng chung, làm Nguyệt thiên tử, sống ở cung điện mặt trăng, có nghìn tia sáng. Do những nhân duyên như vậy nên gọi là nghìn tia sáng nghiệp lành.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

MỒNG 8, 14 & 25 LÀ CÁC NGÀY TRAI

Mỗi nửa tháng có ba ngày trai, đó là: ngày mồng tám, ngày mười bốn, và ngày mười lăm. Đó là ba ngày trai. Vì sao trong mỗi nửa tháng lấy ngày mùng tám làm ngày trai? Vì vào ngày mồng tám của mỗi nửa tháng là ngày Tứ thiên vương thường bảo sứ giả rằng:

'Các ngươi nên đi khảo sát thế gian, xem xét mọi người, có biết hiếu thuận với cha mẹ, có kính thuận với Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn kính các bậc trưởng lão, có trai giới, bố thí, có cứu giúp người cùng thiếu hay không?'

Sau khi sứ giả nghe những lời dạy này rồi, liền đi khảo sát khắp trong thiên hạ, để biết có người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sa-môn, Bà-la-môn, kính trọng các bậc trưởng lão, trì giới giữ trai, bố thí cho người cùng thiếu. Sau khi xem xét đầy đủ rồi, thấy có những người bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, không tu trai giới, không cứu giúp người cùng thiếu, về thưa với nhà vua rằng: 'Tâu Thiên vương, ở thế gian những người hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng sư trưởng, tịnh tu trai giới, giúp đỡ những người cùng thiếu thì rất ít! rất ít!' Sau khi Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo không vui, đáp rằng: 'Than ôi! nếu người thế gian, có nhiều kẻ ác, bất hiếu với cha mẹ, không kính trọng sư trưởng, không tu tập trai giới, không giúp đỡ người cùng thiếu! thì chúng chư Thiên sẽ tổn giảm, và chúng A-tu luân sẽ tăng thêm.'

Trường hợp nếu sứ giả thấy ở thế gian mà có người hiếu kính mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ người nghèo, thì trở về bạch với Thiên vương rằng: 'Ở thế gian có người hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai

giới, giúp đỡ người cùng thiếu.' Thì Tứ thiên vương sau khi nghe xong rất là hoan hỷ, xướng lên rằng: 'Lành thay! Ta đã nghe những lời tốt lành, thế gian nếu có những người có thể hiếu thuận mẹ cha, kính trọng sư trưởng, siêng tu trai giới, giúp đỡ những người nghèo thiếu, thì chúng chư Thiên sẽ tăng thêm, và chúng A-tu-luân sẽ giảm bớt.'

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

MỘT PHÁP

Như Lai nói một chánh pháp: Hết thảy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.

Như Lai lại nói một chánh pháp: tất cả chúng sanh đều do các hành mà tồn tại.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

MỘT PHÁP BA TỤ

Thế nào là một pháp dẫn đến ác thú? Không có nhân từ, ôm lòng độc hại

Thế nào là một pháp dẫn đến thiện thú? Không đem ác tâm gia hại chúng sanh.

Thế nào là một pháp dẫn đến Niết-bàn? Thường tinh cần tu niệm xứ về thân.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

MỘT PHÁP TĂNG NHẤT

Một thành pháp: đối với các pháp thiện mà không buông

lung.

Một tu pháp: thường tự niệm thân.
Một giác pháp: xúc hữu lậu
Một diệt pháp: ngã mạn.
Một thối pháp: bất ác lộ quán.
Một tăng pháp: ác lộ quán.
Một nan giải pháp: vô gián định.
Một sanh pháp: hữu lậu giải thoát
Một tri pháp: hết thảy chúng sanh đều do thức ăn mà tồn tại.
Một chứng pháp: vô ngại tâm giải thoát.
(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

MƯỜI PHÁP

Các Tỳ-kheo, Như Lai nói mười chánh pháp, tức là mười pháp vô học: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh niệm, vô học chánh phương tiện, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

Các Tỳ-kheo, đó là mười pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài, làm lợi ích cho số đông, cho chư thiên và nhân loại được an lạc.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

MƯỜI PHÁP DẪN ĐẾN BA CÕI

Mười pháp dẫn đến ác thú: thân với giết, trộm, tà dâm; khẩu với nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, thêu dệt; ý với tham lam, tật đố, tà kiến.

Mười pháp dẫn đến thiện thú: thân với không giết, không trộm, không tà dâm; khẩu với không nói dối, không hai lưỡi, không ác khẩu, không thêu dệt; ý với không tham lam, không tật đố, không tà kiến.

Mười pháp dẫn đến Niết-bàn: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

Này các Tỳ-kheo, mười pháp như vậy đưa đến Niết-bàn. Đó là chánh pháp vi diệu gồn ba tụ. Ta, là Như Lai, đã làm đầy đủ những điều cần làm cho đệ tử, vì nghĩ đến các ngươi nên chỉ bày lối đi. Các ngươi cũng phải tự lo cho thân mình, hãy ở nơi thanh vắng, dưới gốc cây mà tư duy, chớ lười biếng. Nay không gắng sức, sau hối không ích gì.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

MƯỜI PHÁP TĂNG NHẤT

Mười cứu pháp: 1. Tỳ-kheo đầy đủ hai trăm năm mươi giới, đầy đủ oai nghi, thấy lỗi nhỏ nhặt sanh tâm lo sợ lớn, chân chánh học giới, tâm không nghiêng lệch. 2. Có được thiện tri thức. 3. Ngôn ngữ trung chánh, nhẫn nhịn được nhiều điều. 4. Ưa cầu thiện pháp, phân bố không tiếc lẫn. 5. Các đồng phạm hạnh có việc phải làm liền đến giúp đỡ không lấy làm mệt nhọc, làm được những việc khó làm và cũng dạy người khác làm. 6. Nghe nhiều; nghe xong thì ghi nhớ không hề quên 7. Tinh tấn, diệt trừ bất thiện pháp, tăng trưởng thiện pháp. 8. Thường tự chuyên niệm, không có tưởng khác, nhớ những hành vi thiện từ trước như thấy trước mắt. 9. Trí tuệ thành tựu, quán sự sanh diệt của các pháp, bằng pháp luật Hiền Thánh mà đoạn trừ gốc khổ. 10. Vui với sự nhàn cư, chuyên

niệm tư duy, ở trung gian thiền, không có đùa giỡn.

Mười chánh hành: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh tri.

Mười giác pháp: Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân nhập, sắc, thanh, hương, vị, xúc nhập.

Mười tà hạnh: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định, tà giải thoát, tà trí.

Mười thoái pháp: Thân có sát, đạo, dâm, khẩu có hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, ý có tham lam, tật đố, tà kiến.

Mười tăng pháp: Thân không sát, đạo, dâm; khẩu không hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt; ý không tham lam, tật đố, tà kiến.

Mười nan giải pháp: 1. Tỳ-kheo trừ diệt năm chi. 2. thành tựu sáu chi. 3. xả một chi. 4. y trên bốn. 5. diệt dị đế. 6. thắng diệu cầu. 7. không trược tưởng. 8. thân hành đã lập. 9. tâm giải thoát. 10. tuệ giải thoát.

Mười sanh pháp:

Nếu Tỳ-kheo tự mình đã có được tín tâm rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người có được tín tâm.

Tự mình đã trì giới rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người trì giới.

Tự mình thiểu dục rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người thiểu dục.

Tự mình tri túc rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người tri túc.

Tự mình ưa nhàn tĩnh rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người ưa nhàn tĩnh.

Tự mình đa văn rồi lại nói cho người khác và cũng khen ngợi những người đa văn.

Tự mình tinh tấn rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người tinh tấn.

Tự mình chuyên niệm rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người chuyên niệm.

Tự mình đắc thiền định rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người đắc thiền định.

Tự mình đắc trí tuệ rồi lại nói cho người khác, và cũng khen ngợi những người đắc trí tuệ.

Mười tri pháp: Người chánh kiến có thể diệt trừ tà kiến. Và cũng diệt trừ sạch những gì là vô số ác duyên tà kiến mà khởi lên. Và cũng thành tựu những gì là vô số thiện nhân chánh kiến mà sanh khởi. Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí. Người có chánh trí có thể diệt trừ tà trí, và vô số ác nhân tà trí sanh khởi cũng hoàn toàn bị diệt tận. Và vô số thiện pháp, nhân chánh trí sanh khởi, thảy đều được thành tựu.

Mười vô học pháp: Vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

Các Tỳ-kheo, đó là trăm pháp như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

NĂM ĐIỀU VỢ ĐỐI VỚI CHỒNG

Chồng đối đãi vợ có năm điều, vợ cũng phải lấy năm việc cung kính đối với chồng. Những gì là năm? 1. Dậy trước. 2. Ngồi sau. 3. Nói lời hòa nhã. 4. Kính nhường tùy thuận. 5. Đón trước ý chồng.

Này Thiện Sinh, ấy là vợ đối với chồng cung kính đối đãi nhau, như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM ĐIỀU CHỒNG ĐỐI VỚI VỢ

Chồng cũng phải có năm điều đối với vợ: 1. Lấy lễ đối đãi nhau. 2. Oai nghiêm không nghiệt. 3. Cho ăn mặc phải thời. 4. Cho trang sức phải thời. 5. Phó thác việc nhà.

Ấy là chồng đối với vợ cung kính đối đãi nhau, như thế thì phương ấy được an ổn không điều gì lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM ĐIỀU CUNG PHỤNG SƯ TRƯỞNG

Đệ tử cung phụng sư trưởng có năm việc: 1. Hầu hạ cung cấp điều cần. 2. Kính lễ cúng dường. 3. Tôn trọng qúi mến. 4. Thầy có dạy bảo điều gì không trái nghịch. 5. Thầy có dạy bảo điều gì nhớ kỹ không quên. Kẻ làm đệ tử cần phải thờ kính sư trưởng với năm điều ấy.

Nếu đệ tử kính thuận, cung kính sư trưởng thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM ĐIỀU ĐỂ CHĂM SÓC CON CÁI

Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái: 1. ngăn con đừng để làm ác. 2. chỉ bày những điều ngay lành. 3. Thương yêu đến tận xương tủy. 4. Chọn nơi hôn phối tốt đẹp. 5. Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM ĐIỀU HIẾU THUẬN

Kẻ làm con phải kính thuận cha mẹ với năm điều. Những gì là năm? 1. Cung phụng không để thiếu thốn. 2. Muốn làm gì thưa cha mẹ biết. 3. Không trái điều cha mẹ làm. 4. Không trái điều cha mẹ dạy. 5. Không cản chánh nghiệp mà cha mẹ làm.

Kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ thế thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM ĐIỀU SĂN SÓC ĐỆ TỬ

Thầy cũng có năm điều để săn sóc đệ tử: 1. Dạy dỗ có phương pháp. 2. Dạy những điều chưa biết. 3. Giải nghĩa rành rõ những điều trò hỏi. 4. Chỉ cho những bạn lành. 5. Dạy hết những điều mình biết không lẫn tiếc.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

NĂM DỤC LẠC NÊN TRÁNH

Nếu Phạm chí ngoại đạo hỏi: 'Thứ lạc nào mà nếu hưởng thụ thì bị Cù-đàm chê trách?' Nếu có hỏi như vậy, nên trả lời rằng:

'Năm phẩm tính của dục, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê. Thế nào là năm?

Mắt nhận thức sắc, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê.

Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc cảm, đáng ưa đáng thích, mọi người đều đam mê.

Này chư hiền, do duyên là năm dục mà sanh hỷ lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác chê trách.

Cũng như có người cố tình sát hại chúng sanh, tự cho thế là hoan lạc; đó là điều mà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác chê trách.

Cũng như có người lén lút trộm cắp của người, cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách.

Cũng như có người xâm phạm tịnh hạnh của người khác, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách.

Cũng như có người cố ý nói dối, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều mà Như Lai chê trách.

Cũng có người sống phóng đãng buông thả; đó là diều Như Lai chê trách.

Cũng có người hành khổ hạnh bề ngoài, không phải là hành

chân chánh mà Như Lai dạy, tự cho thế là khoái lạc; đó là điều Như Lai chê trách.

Cũng như có người hành khổ hạnh bề ngoài, cho thế là khoái lạc. Sa-môn Thích tử không đồng khoái lạc như vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

NĂM PHÁP

Như Lai nói năm chánh pháp, tức là năm nhập: mắt, sắc; tai, tiếng; mũi, hương; lưỡi, vị; thân, xúc.

Năm thọ ấm: sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn.

Năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo cử cái, nghi cái.

Năm hạ phần kết: thân kiến, giới đạo, nghi, tham dục và sân nhuế.

Năm thuận thượng phần kết: sắc ái, vô sắc ái, vô minh, mạn, trạo hối.

Năm căn: tín, tấn, niệm, định, huệ.

Năm lực: tín, tấn, niệm, định, huệ.

Năm diệt tận chi: 1. Tỳ-kheo tin Phật, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, mười hiệu thành tựu. 2. Tỳ-kheo không bịnh, thân thường an ổn. 3. Chất trực, không dua xiểm. Được như thế thì Như Lai chỉ bày con đường đi đến Niết-bàn. 4. Tự chuyên tâm không để thác loạn. Những điều đã tụng đọc từ trước ghi nhớ không quên. 5. Khéo quán sát sự sinh và diệt của các pháp bằng sự thực hiện của Hiền Thánh mà diệt tận

gốc rễ của khổ.

Năm sự phát ngôn: phát phi thời, phát hư dối, phát phi nghĩa, phát hư ngôn, phát không từ tâm.

Năm thiện phát: phát đúng thời, phát sự thật, phát có nghĩa, phát lời nói hòa, phát khởi từ tâm.

Năm sự tật đố: tật đố về trú xứ, tật đố về thí chủ, tật đố về lợi dưỡng, tật đố về sắc, tật đố về pháp.

Năm thú hướng giải thoát: tưởng về thân bất tịnh, tưởng về thức ăn bất tịnh, tưởng hết thảy các hành vô thường, tưởng hết thảy thế gian không đáng vui, tưởng về sự chết.

Năm xuất ly giới: 1. Tỳ-kheo đối với dục không hoan hỷ, bất động, cũng không thân cận, mà chỉ niệm sự thoát ly, hoan hỷ nơi sự viễn ly, thân cận không giải đãi, tâm mềm mại, xuất ly, ly dục. Vị ấy đối với các lậu triền do nhân dục mà khởi, cũng dứt sạch, xả ly diệt trừ mà được giải thoát. Đó gọi là dục thoát ly. 2. Sân nhuế xuất ly, 3. Tật đố xuất ly, 4. Sắc xuất ly, 5. Thân kiến xuất ly cũng vậy.

Năm hỷ giải thoát nhập. Nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa ở nơi nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thoát thì được giải thoát, chưa an thì được an. Những gì là năm? 1. Ở đây Tỳ-kheo nghe Như Lai thuyết pháp, hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết pháp, hoặc nghe sư trưởng thuyết pháp, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm đắc hoan hỷ. Sau khi được hoan hỷ thì được pháp ái, sau khi được pháp ái thân tâm an ổn, sau khi thân tâm an ổn thì chứng đắc thiền định. Đắc thiền định rồi, đắc như thật kiến. 2. Ở đây, Tỳ-kheo sau khi nghe pháp hoan hỷ. 3. Thọ trì đọc tụng cũng lại hoan

hỷ. 4. Thuyết cho người khác cũng lại hoan hỷ. 5. Tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, ở nơi pháp mà đắc định cũng như vậy.

Năm hạng người: trung bát-niết-bàn, sanh bát-niết-bàn, vô hành bát-niết-bàn, hữu hành bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh.

Các Tỳ-kheo, đó là năm chánh pháp đã được Như Lai giảng dạy. Chúng ta hãy cùng kiết tập để ngăn ngừa sự tranh cãi, khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài làm lợi ích cho số đông cho chư thiên và nhân loại được an lạc.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

NĂM PHÁP BA TỤ

Thế nào là năm pháp dẫn đến ác thú? Phá năm giới: giết, trộm, dâm dật, nói dối, uống rượu.

Thế nào là năm pháp dẫn đến thiện thú? Thọ trì năm giới: không giết, không trộm, không dâm dật, không dối, không uống rượu.

Thế nào là năm pháp dẫn đến Niết-bàn? Năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

NĂM PHÁP TĂNG NHẤT

Thế nào là năm thành pháp? Đó là năm diệt tận chi: 1. Tin Phật Như Lai, Chí chân, mười hiệu thành tựu 2. Không bệnh, thân thường an ổn 3. Chất trực, không dua xiểm, hướng thẳng đến con đường dẫn đến Niết-bàn của Như Lai. 4. Chuyên tâm

không tán loạn, đọc tụng cũng không quên lãng 5. Khéo léo quán sát sự sinh diệt của pháp, bằng thực hành của Hiền Thánh mà diệt tận gốc rễ khổ.

Thế nào là năm tu pháp? Đó là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, và tuệ căn.

Thế nào là năm giác pháp? Đó là năm thọ ấm: sắc thọ ấm, thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.

Thế nào là năm diệt pháp? Đó là năm cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thụy miên cái, trạo hối cái, và nghi cái.

Thế nào là năm thối pháp? Đó là năm tâm ngại kết: 1. Tỳ-kheo nghi Phật. Nghi Phật rồi thì không thân cận. Không thân cận rồi thì không cung kính. Đó là tâm ngại kết thứ nhất. 2-4. Lại nữa, Tỳ-kheo, đối với Pháp, đối với Chúng, đối với giới, có lọt, có rỉ, có hành vi không chân chánh, có hành vi ô nhiễm, không thân cận giới, cũng không cung kính. Đó là bốn tâm ngại kết. 5. Lại nữa, Tỳ-kheo đối với người đồng phạm hạnh sanh tâm ác hại, tâm không hỷ lạc, mắng chửi bằng những lời thô lỗ. Đó là tâm ngại kết thứ năm.

Thế nào là năm tăng pháp? Đó là năm gốc rễ của hỷ: 1. Vui vẻ, 2. Niệm, 3. Khinh an, 4. Lạc, 5. Định.

Thế nào là năm nan giải pháp? Đó là năm giải thoát xứ, nếu Tỳ-kheo tinh cần không biếng nhác, ưa chỗ nhàn tĩnh, chuyên niệm nhất tâm, chưa giải thì được giải, chưa diệt tận thì được diệt tận, chưa an thì được an. Những gì là năm? Nếu Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp hoặc nghe đồng phạm hạnh thuyết, hoặc nghe sư trưởng thuyết, tư duy, quán sát, phân biệt pháp nghĩa, tâm được hoan hỷ. Tâm được hoan hỷ rồi thì được

pháp ái, được pháp ái rồi thì thân tâm an ổn. Thân tâm an ổn rồi thì đắc thiền định. Đắc thiền định rồi thì đắc như thật trí. Đó là giải thoát xứ thứ nhất. Ở đây, Tỳ-kheo nghe pháp hoan hỷ, thọ trì đọc tụng cũng hoan hỷ, thuyết giảng cho người khác cũng hoan hỷ, tư duy phân biệt cũng lại hoan hỷ, đối với pháp mà đắc định cũng giống như vậy.

Thế nào là năm sanh pháp? Đó là năm trí định của Hiền Thánh: 1. Tu tam-muội là, nay an lạc về sau cũng an lạc, sanh nội ngoại trí. 2. Là Hiền Thánh vô ái, sanh nội ngoại trí. 3. Là định mà chư Phật và các Hiền Thánh tu hành, sanh nội ngoại trí. 4. Là êm dịu, tịch diệt tướng, độc nhất không gì sánh ngang, sanh nội ngoại trí. 5. Đối với tam-muội nhứt tâm nhập, nhứt tâm khởi, sanh nội ngoại trí.

Thế nào là năm tri pháp? Đó là năm xuất yếu giới: 1. Tỳ-kheo đối với dục không lạc, không niệm tưởng, cũng không thân cận, mà chỉ niệm tưởng sự xuất yếu, hoan lạc nơi sự viễn ly, thân cận không biếng nhác, tâm vị ấy nhu nhuyến, xuất yếu, ly dục. Lậu khởi do bởi dục cũng bị diệt tận mà đắc giải thoát. Đó là dục xuất yếu. 2. Sân nhuế xuất yếu. 3. Tật đố xuất yếu. 4. Sắc xuất yếu. 5. Thân kiến xuất yếu cũng giống như vậy.

Thế nào là năm chứng pháp? Đó là năm tụ vô học: tụ vô học giới, tụ vô học định, tụ vô học tuệ, tụ vô học giải thoát, tụ vô học giải thoát tri kiến.

Các Tỳ-kheo, đó là năm mươi pháp, như thật, không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

NĂM PHƯỚC BÁO CỦA CÕI TRỜI

Tuổi thọ trời

Nhan sắc trời

Danh tiếng trời

Âm nhạc trời

Oai đức trời.

(Trường A Hàm, Kinh XÀ-NI-SA, số 4)

Các ngươi xem các người đó khác nào kẻ ngu si vô thức như cầm thú, dối trá tự xưng rằng: 'Dòng Bà-la-môn là tối cao bậc nhất, còn ngoài ra là hèn hạ.

Dòng ta trắng trẻo, các dòng khác đen điu.

Dòng Bà-la-môn ta xuất xứ từ Phạm thiên, từ miệng Phạm thiên sanh, ở ngay trong hiện tại mà được thanh tịnh giải, về sau cũng thanh tịnh.'

Nay trong Chánh đạo vô thượng của Ta không cần kể dòng dõi, không ỷ vào tâm kiêu mạn ngô ngã.

Pháp thế tục cần thứ đó. Pháp của ta không phải vậy.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào tự thị chủng tộc, ôm lòng kiêu mạn thì ở trong giáo pháp Ta trọn không chứng đắc vô thượng.

Nếu hay khước từ chủng tánh, trừ bỏ tâm kiêu mạn, thì mới có thể chứng được đạo quả vô thượng trong giáo pháp Ta, mới kham lãnh thọ được chánh pháp.

Người đời gớm ghét kẻ hạ lưu, còn giáo pháp ta không thế.

(Trường A Hàm, Kinh Tiểu Duyên, số 5)

NĂM TRIỀN CÁI

Tham dục triền cái, sân nhuế triền cái, thụy miên triền cái, trạo hý triền cái, nghi triền cái. Tỳ-kheo hữu học kia muốn cầu hướng thượng, tìm chỗ an ổn, nhưng chưa diệt trừ năm triền cái, đối với bốn niệm xứ không hay tinh cần, đối với bảy giác ý không hay tinh cần, lại muốn chứng được pháp thượng nhân, trí tuệ tăng thượng của hiền thánh, mong cầu muốn biết, muốn thấy, không có trường hợp ấy.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

NĂM TRIỀN CÁI VÀ TỨ THIỀN

Lại như có người mượn tiền đi buôn bán, được lợi lớn mà trở về, trả vốn cho chủ, còn dư tiền đủ dùng, bèn nghĩ rằng: 'Ta trước mượn tiền đi buôn, e không như ý. Nay được lợi mà trở về, trả vốn cho chủ, tiền còn dư đủ dùng, không lo, sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.'

Như người bịnh lâu, nay bịnh đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, bèn nghĩ rằng: 'Ta trước có bịnh, mà nay đã khỏi; ăn uống được tiêu hóa, sức lực dồi dào, không còn lo và sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.

Cũng như người bị nhốt trong ngục đã lâu, nay bình yên ra tù, bèn nghĩ thầm rằng: 'Ta trước đây bị giam giữ, nay được giải thoát, không còn lo và sợ.' Người ấy rất đỗi vui mừng.

Lại như có người cầm nhiều tài bảo, đi qua chỗ hoang mạc, không gặp cướp, bình an qua khỏi, bèn tự nghĩ rằng: 'Ta cầm tài bảo qua khỏi chỗ hiểm nạn này, không còn lo và sợ.'

Người ấy rất đỗi vui mừng, tâm tư an lạc.

Tỳ-kheo bị năm triền cái bao phủ cũng giống như vậy. Như người mang nợ, bịnh lâu, bị giam giữ, đi qua hoang mạc, tự thấy mình chưa thoát ly các ấm che trùm tâm, bị trùm kín trong tối tăm, mắt tuệ không sáng; vị ấy bèn tinh cần, xả dục, xả pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ do viễn ly sanh, chứng nhập sơ thiền. Vị ấy có hỷ lạc nhuần thấm nơi thân, tràn đầy cùng khắp, không đâu là không sung mãn. Như người khéo biết cách tắm, cho thuốc đầy bồn tắm, rồi chế nước vào, trong ngoài đều nhuần thấm, không đâu là không cùng khắp. Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập sơ thiền, hỷ lạc nhuần thấm khắp thân, không đâu không sung mãn. Như vậy, này Ma-nạp, đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ nhất. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, niệm không thác loạn, ưa chỗ nhàn tĩnh mà được vậy.

Vị ấy xả giác, quán, bèn phát sanh tín, chuyên niệm nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng nhập đệ nhị thiền. Vị ấy có hỷ lạc và nhất tâm thấm nhuần châu thân, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như nước suối trong mát từ đỉnh núi chảy ra, không phải từ ngoài đến, mà nước trong mát chảy ra ngay từ trong con suối ấy, trở lại thấm nhuần chính nó, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập nhị thiền, có hỷ lạc do định sanh không đâu không sung mãn. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ hai.

Vị ấy lìa hỷ, an trú xả và niệm, không tán loạn, thân cảm thọ lạc, như điều mà Thánh nói, khởi hộ niệm lạc, chứng nhập tam thiền. Vị ấy thân không hỷ, có lạc thấm nhuần, cùng khắp, tràn đầy, không đâu không sung mãn. Cũng như hoa

ưu-bát, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lị, mới nhô khỏi bùn mà chưa ra khỏi nước, với cọng, rễ, cành, lá còn chìm ngập trong nước, không đâu không cùng khắp. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, chứng nhập tam thiền, lìa hỷ, an trú lạc, nhuần thấm khắp thân, không đâu không cùng khắp. Đó là hiện thân chứng đắc lạc thứ ba.

Vị ấy xả hỷ và lạc; ưu và hỷ đã diệt từ trước, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập tứ thiền. Thân tâm thanh tịnh, tràn đầy cùng khắp, không chỗ nào không thấm nhuần. Cũng như một người đã tắm gội sạch sẽ, khoác lên mình tấm lụa trắng mới tinh, toàn thân thanh tịnh. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập tứ thiền, tâm thanh tịnh, tràn khắp thân, không chỗ nào không thấm.

Lại nhập tứ thiền , tâm không tăng giảm, cũng không dao động, an trú trên mảnh đất không ái, không nhuế, không động. Cũng như mật thất, trong ngoài được sơn quét, đóng chặt các cửa nẻo, không gió không bụi lọt vào, bên trong đốt đèn, không bị khuấy động, ngọn lửa bốc thẳng mà không lay động. Ma-nạp, Tỳ-kheo cũng vậy, nhập đệ tứ thiền, tâm không tăng giảm, cũng không khuynh động, an trú trên đất không ái, không nhuế, không dao động. Đó là hiện thân chứng lạc thứ tư.

(Trường A Hàm, Kinh A-ma-trú, số 20)

NGƯỜI MÙ SỜ VOI

Lâu xa về thời quá khứ có vị vua tên là Kính Diện. Một hôm nhà vua tập họp những người mù lại một chỗ và hỏi: ‘Này những người mù từ khi mới sinh, các ngươi có biết con voi không?’ Họ đáp: ‘Tâu đại vương, chúng tôi không biết!’ Nhà

vua lại hỏi: 'Các ngươi có muốn biết hình loại con voi ra sao không?' Họ đáp: 'Muốn biết.' Bấy giờ nhà vua ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến, và bảo những người mù này dùng tay của mình sờ thử.

Trong đó có người sờ trúng vòi voi, thì vua nói rằng đấy là con voi; có người sờ trúng ngà voi, có người sờ trúng tai voi, có người sờ trúng đầu voi, có người sờ trúng lưng voi, có người sờ trúng bụng voi, có người sờ trúng bắp đùi voi, có người sờ trúng cái chân voi, có người sờ trúng bàn chân voi, có người sờ trúng đuôi voi, thì vua cứ theo chỗ sờ được của họ mà bảo: 'Đó là con voi.'

Phật bảo các Tỳ-kheo:

Các dị học ngoại đạo lại cũng như vậy; không biết Khổ đế, không biết Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, sinh ra những kiến giải khác nhau, tranh chấp thị phi với nhau, họ tự cho mình là đúng, nên đưa đến mọi việc tranh tụng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Khổ Thánh đế, khổ Tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, và Khổ xuất yếu Thánh đế, những vị ấy sẽ tự tư duy, và khéo cùng nhau hòa hợp, cùng một lãnh thọ, cùng một Thầy học, như nước với sữa, thì pháp Phật mới rực rỡ, sống an lạc lâu dài.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 5. Long điểu, số 30)

NHẪN NHỤC LÀ BẬC NHẤT

Nhẫn nhục là bậc nhất

Niết-bàn là tối thượng

Cạo tóc, não hại người

Không phải là Sa-môn.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

NHÂN THỌ MÀ CÓ ÁI

Nhân tham ái mà có tìm cầu, nhân tìm cầu mà đắc lợi, nhân đắc lợi mà thọ dụng, nhân thọ dụng mà tham muốn, nhân tham muốn mà đắm trước, nhân đắm trước mà tật đố, nhân tật đố mà quản thủ, nhân quản thủ mà bảo hộ.

Do bảo hộ nên mới có dao gậy, tranh cãi, gây vô số điều ác. Nghĩa của ta nói là ở đó.

Nghĩa đó thế nào? Giả sử hết thảy chúng sanh không bảo hộ thế thì có dao gậy, tranh cãi, gây ra vô số ác không?

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

NHẤT TÂM

Tỳ-kheo như vậy hoặc tản bộ, hoặc ra vào, hoặc quay nhìn hai bên, co duỗi, cúi ngước, cầm y bát, tiếp nhận ẩm thực, hoặc tả hữu tiện lợi, hoặc ngủ hoặc thức, hoặc ngồi hoặc đứng, nói năng hay im lặng, vào bất cứ lúc nào, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Cũng như một người đi giữa đám đông, hoặc đi ở trước, ở giữa hay ở cuối, thường an ổn, không có điều sợ hãi. Ma-nạp, Tỳ-kheo như vậy,... cho đến, nói năng im lặng, thường niệm nhất tâm, không buồn không sợ.

(Trường A Hàm, KinhA-ma-trú, số 20)

NHƯ LAI VƯỢT KHỎI 62 TÀ KIẾN

Lại còn có pháp khác, là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, duy chỉ đệ tử Hiền Thánh mới có thể tán thán Như Lai bằng pháp này.

Thế nào là pháp đại quang minh mà đệ tử Hiền Thánh tán thán Như Lai?

Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y vào bổn kiếp bổn kiến, mạt kiếp mạt kiến, mà tùy ý lập thuyết với vô số trường hợp khác nhau. Tất cả được tóm thâu vào trong 62 kiến như:

'Bản ngã và thế giới thường tồn' vì nhớ được 20 thành và hoại kiếp

'Bản ngã và thế giới thường tồn' vì nhớ được 40 thành và hoại kiếp

'Bản ngã và thế giới thường tồn' vì nhớ được 60 thành và hoại kiếp

'Bản ngã và thế giới thường tồn' vì nhớ được 80 thành và hoại kiếp

'Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường'; Đại Phạm thường còn, chúng sanh do Đại Phạm sáng tạo ra thì không thường còn.

'Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường'. Nhập định biết đời trước chúng sanh kia không vui đùa nên thường trú, còn chúng ta do vui đùa nên bị biến dịch

'Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường'. Nhập định biết đời trước chúng sanh kia không nhìn ngó nhau nên thường trú, chúng ta vì thất ý ngó nhau nên bị biến dịch

‘Bản ngã và thế gian, một nửa thường và một nửa vô thường’

‘Bản ngã và thế gian là hữu biên’

‘Bản ngã và thế gian là vô biên’

‘Bản ngã và thế gian là hữu biên và vô biên’

‘Bản ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên’

‘Tôi không thấy, không biết, thiện ác có quả báo chăng? Hay không có quả báo chăng?’

‘Tôi không thấy, không biết có thế giới khác chăng? không có thế giới khác chăng?’

‘Tôi không thấy, không biết thiện là gì, bất thiện là gì. Nếu tôi không thấy, không biết mà nói như vầy: đây là thiện, đây là bất thiện, thì do đây tôi sanh ái, từ ái sanh sân nhuế. Có ái, có nhuế, thì có thọ sanh. Tôi vì muốn diệt trừ thọ nên xuất gia tu hành.’

‘Không có nguyên nhân mà xuất hiện có thế gian này’

‘Tôi vốn không có. Nay bỗng nhiên có. Thế gian này vốn không, nay có. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Thế gian này hiện hữu không do nhân. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Thế gian có tưởng.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có tưởng có sắc. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vô sắc có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải vô sắc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên cũng không phải không biên, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh mà thuần lạc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Bản ngã, sau kết thúc này, sanh mà thuần khổ, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Bản ngã, sau kết thúc này, sanh vừa có khổ vừa có lạc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải khổ, không phải lạc, có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có một tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có đa biệt tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có ít tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có vô lượng tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, không phải có sắc cũng không phải không có sắc, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có sắc vừa không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có sắc không phải không sắc, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh vừa có biên vừa không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, sau kết thúc này, sanh không phải có biên không phải không có biên, không phải có tưởng không phải không có tưởng. Đây là thật, ngoài ra là dối.’

‘Ta, với thân bốn đại, sáu nhập, do cha mẹ sanh, được nuôi nấng bằng sữa; trưởng thành nhờ áo cơm, nhờ vuốt ve, bồng ẵm; nhưng là vô thường, chắc chắn đi đến chỗ huỷ diệt.’

‘Cái ta đây không thể gọi là đoạn diệt. Cái ta dục giới thiên mới đoạn diệt hoàn toàn; cho đến mức ấy mới là đoạn diệt.’

‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta sắc giới hoá thân, các căn đầy đủ, đoạn diệt hoàn toàn; chừng mức ấy mới gọi là đoạn diệt.’

‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc giới không xứ mới

đoạn diệt.'

'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc thức xứ mới đoạn diệt.'

'Đấy không phải đoạn diệt. Ta vô sắc bất dụng xứ đoạn diệt.'

'Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc hữu tưởng vô tưởng xứ đoạn diệt.'

'Ta trong hiện tại phóng túng theo năm dục, ấy là ta đạt Niết-bàn trong hiện tại.'

'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng còn có Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ ta biết mà thôi. Như ta ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập sơ thiền.' Đây mới là hiện tại Niết-bàn.'

'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta diệt giác quán, nội tâm tịch tĩnh, nhất tâm, không giác quán, hỷ lạc do định sanh, nhập đệ nhị thiền. Chừng ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn.'

'Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta lìa hỷ, an trú xả và niệm, nhất tâm, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói, an trú lạc và xả, nhập đệ tam thiền. Chừng ấy mới là hiện tại Niết-bàn.'

'Đó là hiện tại Niết-bàn, không phải là không đúng. Nhưng còn hiện tại Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà ngươi không biết.

Chỉ mình ta biết thôi. Như ta lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã trừ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiền. Ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn.'

Duy chỉ Như Lai biết rõ những cơ sở quan điểm này được nắm bắt như vậy, được giữ chặt như vậy, và cũng biết sẽ có báo ứng như vậy. Sở tri của Như Lai vượt qua những thứ ấy. Tuy biết nhưng không bị dính mắc. Do không bị dính mắc nên được tịch diệt; biết sự tập khởi của thọ; biết sự diệt tận, vị ngọt, sự tai hại và sự xuất yếu của thọ, do bình đẳng quán mà được vô dư giải thoát, vì vậy được gọi là Như Lai.

Đó gọi là ánh sáng của đại pháp sâu xa vi diệu, để cho đệ tử Hiền Thánh có thể tán thán Như Lai một cách chơn thật, bình đẳng.

(Trường A Hàm, Kinh Phạm Động, số 21)

NHỮNG CON SỐ BẢY

Có bảy hạng vợ là vợ như người sát nhân, vợ như người ăn trộm, vợ như người chủ nhân, vợ như người mẹ, vợ như người chị, vợ như người bạn, vợ như người nữ tỳ.

Người có đức tin có bảy đặc tính là có tâm xả ly bố thí tài vật, mong mỏi được gặp thánh nhân, mong mỏi được nghe Phật pháp, thường có tâm hoan hỷ với việc thiện, ít khoe khoang về mình, có sự chân thật không giả dối, và tịnh tín nơi đáng tịnh tín.

Bảy chi pháp của bạn hữu là cho những gì khó cho, làm những gì khó làm, nhẫn những gì khó nhẫn, nói lên những gì bí mật của mình, che giấu bí mật của người khác, không từ bỏ khi gặp bất hạnh, không có khinh rẻ khi tài sản khánh tận.

Có bảy sự thù diệu vị Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp; tha thiết quán Pháp và trong tương lai khát vọng quán Pháp; tha thiết nhiếp phục lòng dục, và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục; tha thiết Thiền tịnh, và trong tương lai khát vọng Thiền tịnh; tha thiết tinh cần tinh tấn và trong tương lai khát vọng tinh cần tinh tấn; tha thiết niệm tuệ và trong tương lai khát vọng niệm tuệ; tha thiết thể nhập tri kiến và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến.

Bảy pháp thành tựu là Tỷ-kheo có lòng tin, có giữ giới, có nghe nhiều, sống Thiền tịnh, tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, và có trí tuệ.

Bảy pháp đưa một nam cư sĩ đến thối đọa là quên, không đến thăm Tỷ-kheo; phóng túng nghe diệu pháp; không tu tập tăng trưởng giới; ít tin tưởng các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi các khuyết điểm; tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ trước.

Chúng sanh sinh ra từ bụng mẹ, giai đoạn đầu tiên là kalala, được mô tả là chất nhờn giống như giọt dầu mè dính trên lông con thú, rảy đi bảy lần chỉ còn một chút dính lại ở đầu lông.

Bảy ngày kế tiếp, chất kalala phát triển thành abbuda, giống như nước máu dợt dợt.

Bảy ngày kế tiếp, chất abudda phát triển thành pesi, giống như thịt rất mềm mại.

Bảy sức mạnh là tín lực, tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Bảy thánh sản là tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

Bảy thứ lửa là lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường, lửa củi.

Bảy thứ tưởng là tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán đối với các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ.

NIỆM KHÔNG THÁC LOẠN

Thế nào là Tỳ-kheo niệm không thác loạn?

Tỳ-kheo như vậy, quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân; quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, nhớ nghĩ không quên, trừ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy.

(Trường A Hàm, KinhA-ma-trú, số 20)

OÁN KẾT TỪ ĐÂU SANH

Đế Thích liền bạch Phật:

Oán kết sanh do bởi tham lam, tật đố; khiến cho chư Thiên, người đời, A-tu-la và các chúng sanh khác, sử dụng dao gậy đối với nhau. Con nay nghe lời Phật dạy, lưới nghi đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu sự phát sanh của tham lam tật đố do đâu mà khởi lên; do bởi nhân duyên gì; cái gì làm nguyên thủ, từ cái gì mà có, do cái gì mà không?

Phật bảo Đế Thích: Sự phát sanh của tham lam, tật đố, tất cả đều do bởi yêu và ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét là nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không.

(Trường A Hàm, Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn, số 14)

PHẠM GIỚI CÓ NĂM ĐIỀU SUY HAO

Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

Cầu tài lợi không được toại nguyện.

Dẫu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.

Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.

Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.

Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

PHÁP KÍNH ĐỂ BIẾT CHỖ THỌ SANH

Nay ta sẽ nói cho các ngươi về Pháp kính để các Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh; dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói việc ấy cho người khác nghe.

Pháp kính là Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại tín.

Hoan hỷ tin Phật là đức Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, mười đức hiệu đầy đủ.

Hoan hỷ tin Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến

Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí.

Hoan hỷ tin Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá, và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tư-đà-hàm và được quả Tư đà hàm, có người đang hướng tới A na hàm và được quả A na hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán. Ấy là bốn đôi tám bậc, chúng Hiền Thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời.

Tin giới của Hiền Thánh là thanh tịnh, không nhơ, không bị sứt mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam-muội định vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

KIỀU NỮ KHÔNG NHƯỜNG CÚNG DƯỜNG TRAI TĂNG

Bấy giờ có một dâm nữ tên Am-bà-bà-lê vừa nghe Phật cùng các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn, theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quỳ bạch Phật rằng:

Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật

nhận lời cho con được làm ưu bà di ở trong chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Lại bạch Phật: Cúi mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của con. Còn tối nay thì xin nghỉ tại vườn của con.

Khi ấy Phật im lặng nhận lời.

Nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi đảnh lễ mà trở về. Nàng đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

Ta cùng các ngươi đi đến khu vườn kia.

Đáp: Thưa vâng.

Phật bèn rời chỗ ngồi, ôm y cầm bát cùng chúng đệ tử một nghìn hai trăm năm mươi người đi đến khu vườn ấy.

Lúc bấy giờ, nhóm người Lệ-xa ở Tỳ-xá-ly, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê thì liền thắng những cỗ xe báu năm sắc lộng lẫy; có người cỡi xe xanh, ngựa xanh, phan dù áo mão đều xanh; ngựa xe năm sắc đều như vậy. Rồi thì, những người Lệ-xa với y phục đồng sắc, cả năm trăm người kéo đến Phật. Nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giã Phật trở về, giữa đường gặp xe họ. Lúc đó, xe nàng chạy rất nhanh, cùng với xe báu của họ móc kéo nhau, khiến phướn lọng gãy đổ cả, mà vẫn không chịu tránh đường. Các người Lệ xa trách:

Nàng ỷ thế gì mà không tránh đường cho chúng tôi đi, để tông xe cộ chúng tôi khiến phướn lọng gãy cả?

Am-bà đáp: Thưa quý ngài, tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến

nhà tôi thọ trai. Tôi phải về gấp sửa soạn đồ cúng dường, thành phải đi mau, không tránh kịp.

Nhóm Lệ xa liền bảo nàng: Nàng khoan hãy thỉnh. Để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ cho nàng một trăm ngàn lượng vàng.

Nàng đáp: Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được.

Nhóm Lệ xa tiếp: Chúng tôi sẽ tặng nàng gấp mười sáu lần trăm ngàn lượng vàng. Hãy để chúng tôi thỉnh trước.

Nàng vẫn không chịu: Tôi đã thỉnh rồi. Nhất định không thể làm như thế được.

Các Lệ xa lại nói: Chúng tôi sẽ tặng bằng số tài bảo nửa nước, nàng hãy để chúng tôi thỉnh trước.

Nàng trả lời: Giả sử đem tài bảo của cả nước cấp tôi, tôi cũng không nhận. Vì sao? Vì Phật hiện ở tại vườn tôi, Ngài đã nhận lời tôi thỉnh trước. Việc ấy đã xong, không thể nhường được.

Các Lệ xa khoa tay than tiếc, rằng: Nàng con gái này đã làm chúng ta thiếu mất cái phúc quả đầu tiên."

Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm?

Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời rất khó có được.

Người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được.

Người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được.

Người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được.

Hiểm nguy được cưu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có.

Năm trăm người Lệ-xa sau khi nghe Phật khai thị, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ, liền bạch Phật;

Cúi mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của chúng con.

Phật nói với các người Lệ-xa:

Các khanh đã thỉnh Ta. Ta nay như thế là đã được cúng dường rồi. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước.

Năm trăm người Lệ-xa nghe Am-bà-bà-lê nữ đã thỉnh Phật trước, ai nấy đều vung tay mà nói rằng:

Chúng ta muốn cúng dường Như Lai, mà nay người đàn bà kia đã phổng tay trên ta rồi.

Rồi họ rời chỗ ngồi, đầu mặt lễ Phật, đi quanh Phật ba vòng, sau đó ai về nhà nấy.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

PHÁP KỲ DIỆU

Như Lai có thể biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ;

Biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của tưởng;

Biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của quán.

Đó mới thật là pháp kỳ diệu chưa từng có của Như Lai, ngươi nên ghi nhớ.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

PHÁP SỐ BẢY

Tôn giả Rahula xuất gia và thọ sadi giới lúc lên bảy tuổi.

Ngài Ratthapala đã tuyệt thực bảy ngày để xin cha mẹ cho xuất gia.

Tăng làm phước suốt bảy ngày. Đến ngày thứ bảy ngài hầu chuyện với tôn giả Xá Lợi Phất (Sariputta) và xin xuất gia.

Ngài Tissa do ác nghiệp đã tạo trong kiếp làm trụ trì một ngôi chùa đã bị tái sanh vào một làng chài và làng chài này đã vị hỏa hoạn bảy lần, bị vua phạt vạ bảy lần. Khi lên bảy tuổi ngài xuất gia sa di với ngài Sariputta.

Tôn giả Mahakassapa bị bệnh tu định luôn 7 ngày để trị bệnh.

Đại Đức Sadi Nirodha mới lên bảy tuổi đã tạo được đức tin đặc biệt nơi đức vua Asoka. Do đức tin này hàng ngày đức vua dâng cúng vật thực đến 600.000 tỳ khưu Tăng.

Lạm dụng lòng tịnh tín của đức vua Asoka, nhiều tỳ khưu giả đã chung sống lẫn lộn với tỳ khưu thật trong chùa Asokarama đến bảy năm mới bị đức vua thanh lọc.

Vua Asoka bị sanh làm ác thú trong bảy ngày.

Trước khi vấn đạo ngài Na Tiên, vua Milanda đã giữ gìn cẩn trọng tám giới trong bảy ngày và giới đầu tiên là không hành vương sự trong bảy ngày.

Vua Đại Thiện Kiến, có đủ bảy món báu: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu, tướng quân báu.

Đức Phật thấy vua Suppabuddha sẽ bị đất rút trong bảy ngày.

Bậc Thánh Nhập Lưu chỉ tái sanh cõi người hoặc cõi trời dục giới nhiều nhất là bảy kiếp.

Một triệu phú gia ở Sàvatthi trong tiền kiếp có bố thí đồ ăn khất thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikkhi. Do kết quả hành động ấy, vị ấy được sanh bảy lần lên thiện thú, Thiên giới. Do kết quả dư hưởng còn lại, vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở Sàvatthi.

PHÁP TẨN TÁN NHƯ LAI

Các Mạt-la cùng vào thành, đi đến các ngõ đường, dọn bằng phẳng các con đường, quét tước, đốt hương, xong rồi ra khỏi thành, trở lại rừng Song thọ, dùng hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường kim thân.

Sau bảy ngày, vào lúc trời chiều, họ thỉnh kim thân Phật đặt lên một cái giường, khiến các thanh niên Mạt-la nâng bốn góc khiêng đi thong thả giữa đám đông người hộ tống, có tràng phan, hương hoa, âm nhạc cúng dường. Từ không trung các vị trời Đao-lợi dùng hoa văn-đà-la, hoa ưu-đàm-bát-la, hoa ba-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lị, và bột hương chiên-đàn nhà trời rải trên kim thân và tràn ngập các ngã đường, chư thiên tấu nhạc, quỷ thần ca ngâm.

Khi ấy các người Mạt-la nói với nhau:

Hãy gác qua nhạc loài người. Xin tấu nhạc trời để cúng dường xá-lợi.

Rồi các người Mạt-la khiêng giường tiến tới dần, vào cửa thành phía Đông, đến mỗi ngã đường thì dừng lại để cho dân chúng đốt hương, tán hoa, trỗi nhạc cúng dường. Lúc ấy có nàng Lộ-di dòng Mạt-la vốn dốc lòng tin Phật, cầm một đóa hoa vàng lớn như bánh xe cúng dường kim thân, và một bà lão cất tiếng tán thán rằng: Các Mạt-la này may được phúc lợi lớn. Như Lai cuối cùng diệt độ tại đây. Khắp nước nhân dân hớn hở cúng dường.

Họ cúng dường xong, đưa kim thân ra thành cửa bắc, qua sông Ni-liên-thuyền đến chùa Thiên quan, đặt giường xuống đất rồi thưa với A-nan:

Chúng tôi bây giờ nên cúng dường cách nào nữa?

A-nan bảo: Tôi trực tiếp nghe từ Phật, lãnh thọ lời Phật dạy rằng: muốn tẩn táng xá-lợi hãy làm như pháp tẩn táng Chuyển luân Thánh vương.

Hỏi: Phép táng Chuyển luân Thánh vương là thế nào?

Đáp: Về phép táng Chuyển luân Thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua đã làm lợi ích cho nhiều người. A-nan, ngươi muốn táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể, rồi lấy vải bông mới quấn thân thể, rồi lấy năm trăm tấm vải lần lượt quấn

vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tẩm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương chiên-đàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh thiên. Trừ người đã đắc đạo.

Chúng Mạt-la bảo nhau:

Chúng ta về thành sắm sửa các đồ tẩn táng, các thứ hương hoa, bông gòn, quan quách, dầu thơm và vải lụa trắng.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

PHẬT CHỌN CÂU-THI-LA ĐỂ NHẬP NIẾT BÀN

A-nan bạch Phật: Xin ngài chớ diệt độ tại chỗ đất hoang vu trong thành chật hẹp thô lậu này. Vì sao? Hiện có các nước lớn như Chiêm-bà, nước Tỳ-xá-ly, thành Vương xá, nước Bạt-kỳ, nước Xá-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Ba-la-nại. Ở đó nhân dân đông đúc, nhiều người tín mộ Phật pháp. Phật diệt độ tại các chỗ đó, ắt nhiều người cung kính, cúng dường xá-lợi.

Phật dạy: Thôi, đủ rồi, chớ có nhận xét như thế. Chớ cho nơi này là bỉ lậu. Vì sao thế?

Khi xưa tại nước này, có vị vua tên Đại Thiện Kiến và thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-đề. Đô thành của vua dài 480 dặm, rộng 280 dặm. Bấy giờ được mùa lúa rẻ, nhân dân phồn thịnh. Thành này có bảy lớp, bao quanh cũng có bảy lớp lan can, chạm trổ văn vẻ, linh báu treo xen. Móng thành bề sâu ba

nhẫn, lên cao mười hai nhẫn. Lâu đài trên thành cao mười nhẫn. Vòng cột ba nhẫn. Thành vàng thì cửa bạc, thành bạc thì cửa vàng, thành lưu ly thì cửa thủy tinh, thành thủy tinh thì cửa lưu ly. Quanh thành trang nghiêm bằng tứ bảo, xen kẽ lan can bằng tứ bảo. Lầu vàng thì treo linh bạc, lầu bạc thì treo linh vàng. Có hào bảy lớp, mọc đầy hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Đáy hào toàn lát bằng cát vàng. Hai bên bờ hào có nhiều cây đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Giữa đám cây đa-lân có ao tắm. Dòng nước sâu, trong, thanh khiết không dơ. Hai bên bờ ao lát bằng gạch tứ bảo. Thang bằng vàng thì bậc thang bằng bạc. Thang lưu ly thì bậc bằng vàng. Thềm cấp bằng lưu ly thì bậc thềm bằng thủy tinh. Thềm cấp bằng thủy tinh thì lưu ly làm bậc. Chung quanh, lan can vây bọc liên tiếp nhau. Trong thành ấy nơi nào cũng sanh cây đa-lân. Cây vàng thì lá hoa trái bạc. Cây bạc thì lá hoa trái vàng. Cây thủy tinh thì hoa trái lưu ly. Cây lưu ly thì hoa trái thủy tinh. Khoảng giữa các cây có các ao bằng tứ bảo, sanh bốn loại hoa. Đường xá ngay ngắn, hàng ngũ tương đương. Gió thổi, hoa rơi lá bay hai bên đường. Gió nhẹ thổi qua các cây báu, phát ra âm thanh dịu dàng như thiên nhạc. Người trong nước, trai gái lớn nhỏ, dạo chơi vui vẻ giữa các cây. Nước ấy thường có mười loại âm thanh: Tiếng vỏ sò, tiếng trống, tiếng ba la, tiếng ca, tiếng múa, tiếng thổi, tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng ẩm thực, tiếng cười đùa.

Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy báu và bốn thần đức.

Bảy báu là: bánh xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và quân binh báu.

Bốn thần đức: sống lâu, không yểu, không ai sánh bằng; thân

thể cường tráng, không bịnh hoạn, không ai sánh bằng; nhan mạo đoan chánh, không ai sánh bằng; kho báu tràn đầy, không ai sánh bằng.

Đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

PHẬT DI LẶC XUẤT HIỆN

Tương lai con người sống tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới gả chồng, và có chín thứ bịnh là lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, tham dục, ham ăn và già nua. Cõi đất lúc ấy bằng phẳng không có rạch hầm, gò nổng gai gốc, cũng không mòng muỗi, rắn rết, trùng độc. Ngói, đá, cát, gạch thì biến thành lưu ly. Nhân dân sung túc, ngũ cốc rẻ thường, giàu vui không xiết tả. Có tám vạn thành lớn được dựng lên, thôn thành san sát gần nhau, gà gáy cùng nghe được.

Vào thời kỳ ấy thì có đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, mười hiệu đầy đủ, như đức Thích-ca Như Lai ngày nay không khác. Đức Di-lặc kia tự mình tu chứng ngay ở giữa hàng chư thiên, Đế Thích, Ma, Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, và nhân gian, mà tự thân tác chứng, cũng như ta ngày nay ở ngay giữa hàng chư thiên, Đế Thích, Ma hoặc Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn và nhân gian mà tự mình tác chứng vậy.

Đức Di-lặc sẽ thuyết pháp, khoảng đầu, giữa và cuối đều trọn lành, đầy đủ nghĩa vị, tịnh tu phạm hạnh như ngày nay Ta thuyết pháp, khoảng đầu, giữa, cuối đều chân chánh, nghĩa vị đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh vậy.

Đức Di-lặc có chúng đệ tử vô số ngàn vạn, như Ta ngày nay có đệ tử vài trăm. Nhân dân lúc ấy gọi đệ tử ngài là Từ tử như gọi đệ tử ta nay là Thích tử.

Lúc ấy, có vua tên là Tương-già, là vua Sát-lỵ Chuyển luân Thánh vương quán đảnh, cai trị bốn châu thiên hạ. Vua lấy chánh pháp trị dân, ai nấy đều mến phục. Vua có đủ bảy thứ báu là bánh xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh và ngàn người con dõng mãnh hùng nghị, đủ sức dẹp ngoại địch, được bốn phương kính thuận, không cần binh đao mà thiên hạ thái bình.

(Trường A Hàm, Kinh Chuyển Luân Vương Tu Hành, số 6)

PHƯỚC BÁU CÚNG DƯỜNG

Thế Tôn thuyết pháp cho Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu theo thứ tự, chỉ bày, khuyến khích, khiến được lợi ích, hoan hỷ. Ngài nói về thí, về giới, về sanh thiên; nói dục là tai họa, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng, phân bố, hiển thị các hạnh thanh tịnh.

Rồi Thế Tôn quán sát Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu, ý chí đã mềm dịu, ấm cái đã vơi nhẹ, dễ được điều phục. Như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng thuyết cho ông về khổ thánh đế, phân biệt hiển thị, thuyết tập thánh đế, tập diệt thánh đế. Cứu-la-đàn-đầu ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh. Cũng như tấm lụa trắng rất dễ nhuộm màu. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu đạo quả, quyết định an trú, tự tín không do ai, đắc vô sở úy, bèn bạch Phật rằng:

Nay con ba lần xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Nguyện

Phật chấp thuận con là một ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.

Rồi lại bạch Phật tiếp rằng:

Cúi mong Thế Tôn nhận lời mời của con trong bảy ngày. Thế Tôn khi ấy im lặng nhận lời.

Trong bảy ngày ấy, Bà-la-môn tự tay châm chước, cúng Phật và Tăng. Qua bảy ngày, Thế Tôn du hành trong nhân gian.

Phật đi chưa bao lâu, Cứu-la-đàn-đầu mắc bịnh mà mạng chung. Khi ấy, số đông Tỳ-kheo nghe tin Cứu-la-đàn-đầu sau khi cúng dường Phật bảy ngày, và khi Phật đi chưa lâu, ông lâm bịnh mà mạng chung. Các Tỳ-kheo này bèn nghĩ thầm rằng: Người kia nay mạng chung, sẽ sanh về đâu? Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lễ dưới chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật rằng:

Cứu-la-đàn-đầu nay mạng chung, sẽ sanh về đâu?

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Người ấy tịnh tu phạm hạnh, thành tựu pháp và tùy pháp, và cũng không bị xúc nhiễu bởi pháp, do đã đoạn trừ năm hạ phần kết, hiện bát Niết-bàn ở nơi kia, không trở lại cõi này nữa.

(Trường A Hàm, Kinh Cứu-la-đàn-đầu, số 23)

PHƯỚC LÀ NỀN TẢNG

Nếu đem ẩm thực
Y phục, ngọa cụ

Cho người trì giới
Tất được quả lớn.

Đó là bạn thật
Chung thủy theo nhau
Đến bất cứ đâu
Như bóng theo hình.

Vậy nên gieo thiện
Làm lương đời sau
Phước là nền tảng
Chúng sanh an trụ.

Phước là thiên hộ
Đường đi không nguy
Sống không gặp nạn
Chết được sanh thiên.
(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

QUÁN TOÀN BỘ KHỔ ẤM DIỆT

Bồ-tát lại suy nghĩ: 'Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt?' Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập

không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.

Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sanh minh, phát sanh thông, phát sanh trí, sanh chứng.

Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

QUÁN TOÀN BỘ KHỔ ẤM SANH

Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: ‘Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy khốn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ấm đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ấm, diệt hết sanh già chết?’

Ngài lại suy nghĩ rằng: ‘Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà có ra? Liền dùng trí tuệ quán sát sở do, thấy rằng do sanh mà có già và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có;

hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có, hành là duyên của Thức. Hành do si mà có, si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, não. Cái ấm thân đầy dẫy khổ não này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ.'

Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ấm ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

QUỶ THẦN Ở KHẮP NƠI

Tất cả chỗ ở như nhà cửa của mọi người đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Tất cả mọi đường sá, mọi ngã tư, hàng thịt, chợ búa, cùng bãi tha ma đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có cả. Phàm các loài quỷ thần đều tùy thuộc vào chỗ nương náu mà có tên. Như nếu nương vào người thì gọi là người; nương vào thôn thì gọi là thôn; nương vào thành thì gọi là thành; nương vào nước thì gọi là nước; nương vào đất thì gọi là đất; nương vào núi thì gọi là núi,

nương vào sông thì gọi là sông.

Tất cả mọi loại cây cối dù là cực nhỏ như trục xe cũng đều có quỷ thần nương tựa, không có chỗ nào là không có. Tất cả mọi người nam, người nữ khi mới bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên ủng hộ; nếu khi nào họ chết thì quỷ thần giữ gìn họ, thu nhiếp tinh khí của họ, nên người này sẽ chết ngay.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

QUỶ THẦN QUẤY NHIỄU VÀ KHÔNG QUẤY NHIỄU

Giả như có Phạm-chí ngoại đạo hỏi rằng: 'Chư hiền! Nếu như tất cả nam nữ khi bắt đầu sinh ra đều có quỷ thần theo bên giữ gìn, ủng hộ; khi người kia sắp chết, quỷ thần giữ gìn ủng hộ kia sẽ thu nhiếp tinh khí họ, thì người này chết. Nhưng tại sao người hiện nay lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu?' Nếu có người hỏi câu này, thì các Thầy nên trả lời cho họ rằng:

'Người thế gian hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, những người như vậy, thì trong trăm hay nghìn mới có một thần theo bảo hộ thôi. Giống như đàn bò, đàn dê, trong trăm hay nghìn con cũng chỉ có một người chăn giữ; thì việc này cũng như vậy, vì hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, tạo ra mười nghiệp ác, nên những người như vậy, trong trăm hay nghìn người mới có một thần bảo hộ thôi. Nếu có người nào tu hành pháp thiện, chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười nghiệp thiện, chỉ một người như vậy, thì cũng có trăm nghìn thần bảo hộ rồi. Giống như quốc vương, đại thần của quốc vương có trăm nghìn người hộ vệ một người; thì việc này cũng như vậy, người tu hành pháp thiện,

đầy đủ mười nghiệp thiện, như một người có trăm nghìn thần hộ vệ. Vì nhân duyên này cho nên, người thế gian có nguời bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

SANH VÀO CÁC CÕI TRỜI

Hoặc có chúng sanh với thân làm thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đao-lợi thiên; sau đó thức đời trước diệt; thức kia bắt đầu sinh ra; nhân thức này nên có danh sắc, nhân danh sắc nên có sáu nhập. Kẻ mới bắt đầu sinh của cõi Trời kia, giống như đứa trẻ hai hay ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề, tự nhiên biến hiện ra ở trên đầu gối của Trời, và vị Trời ấy nói: 'Đây là con trai của ta. Đây là con gái của ta.' Cũng lại như đã kể trên.

Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Diệm-ma thiên; kẻ mới bắt đầu sinh của cõi trời kia, giống như đứa trẻ ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề này.

Hoặc có chúng sanh với thân, miệng ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Đâu-suất thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ bốn, năm tuổi ở thế gian này.

Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Hóa-tự-tại thiên; kẻ mới sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ năm, sáu tuổi ở thế gian này.

Hoặc có chúng sanh với thân, miệng, ý đều thiện, sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về cõi Tha-hóa-tự-tại thiên; kẻ mới

sinh ở cõi Trời này, giống như đứa trẻ sáu, bảy tuổi ở thế gian này, cũng lại như vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 8.Đao Lợi Thiên, số 30)

SÁU NGHIỆP TỔN TÀI

Sáu nghiệp tổn tài là đam mê rượu chè, cờ bạc, phóng đãng, đam mê kỹ nhạc, kết bạn người ác và biếng lười.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

SÁU PHÁP

Như Lai nói sáu chánh pháp tức là sáu nội nhập: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Sáu ngoại nhập: sắc, tiếng, hương, vị, xúc, pháp.

Sáu thức thân: nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân, ý thức thân.

Sáu xúc thân: nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân.

Sáu thọ thân: nhãn thọ thân, nhĩ thọ thân, tỷ thọ thân, thiệt thọ thân, thân thọ thân, ý thọ thân.

Sáu tưởng thân : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tưởng thân.

Sáu tư thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tư thân.

Sáu ái thân: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ái thân.

Sáu gốc rễ tranh cãi: 1. Nếu Tỳ-kheo ưa sân không bỏ, không kính Như Lai, cũng không kính Pháp, cũng không kính

Chúng tăng, ở nơi giới có lọt có rĩ, nhiễm ô bất tịnh, ở trong chúng ưa gây tranh cãi mà ai cũng ghét, tranh chấp nhiễu loạn, trời và người bất an. Các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự mình quán sát bên trong, giả sử có sự sân hận như kẻ nhiễu loạn kia, hãy tập hợp hòa hợp chúng, rộng đặt phương tiện, nhỗ sạch gốc rễ tranh cãi ấy. Các ngươi lại hãy chuyên niệm, tự quán sát. Nếu kết hận đã diệt lại hãy thêm phương tiện ngăn cản tâm ấy không để sinh khởi trở lại. 2. Các Tỳ-kheo ngoan cố không chịu nghe. 3. Xan tham tật đố. 4. Xảo ngụy hư vọng. 5. Cố chấp kiến giải của mình không chịu bỏ. 6. Nghe lầm nơi tà kiến cùng với biên kiến cũng như vậy.

Sáu giới: địa giới, hỏa giới, thủy giới, phong giới, không giới, thức giới.

Sáu sát hành: con mắt sát hành sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, ý đối với pháp.

Sáu xuất ly giới: 1. Nếu Tỳ-kheo nói như vầy: 'Tôi tu từ tâm nhưng lại tâm sanh sân nhuế.' Các Tỳ-kheo khác bảo: 'Ngươi chớ nói như vậy. Chớ báng bổ Như Lai. Như Lai không nói như vậy: muốn khiến tu từ giải thoát mà sanh sân nhuế tưởng, không có trường hợp ấy. Phật nói: trừ sân nhuế rồi sau mới đắc từ.' Nếu Tỳ-kheo nói: 'Tôi thực hành bi giải thoát nhưng tâm sanh tật đố.' 2. 'Thực hành bi giải thoát nhưng sanh tâm ưu não.' 4. 'Thực hành xả giải thoát nhưng sanh tâm yêu ghét.' 5 'Thực hành vô ngã nhưng sanh tâm hồ nghi.' 6. 'Thực hành vô tưởng nhưng sanh tâm loạn tưởng;' cũng giống như vậy.

Sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, ức niệm vô

thượng.

Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

SÁU PHÁP BA TỤ

Sáu bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính thiền định, không kính cha mẹ.

Sáu phép kính: Kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính thiền định, kính cha mẹ.

Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

SÁU PHÁP BẤT THOÁI

Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh.

Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ.

Ý niệm từ tâm, không ôm lòng thêm bớt.

Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau.

Giữ giới Thánh Hiền không để khuyết lậu, cũng không cấu uế, nhất định không dao động.

Thấy đạo Thánh Hiền để dứt hết thống khổ.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

SÁU PHÁP LÀM CHÁNH PHÁP ĐƯỢC TĂNG TRƯỞNG

Niệm Phật; 2. Niệm Pháp; 3. Niệm Tăng; 4. Niệm giới; 5. Niệm thí; 6. Niệm thiên.

Sáu niệm ấy làm cho chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

SÁU PHÁP TĂNG NHẤT

Sáu trọng pháp: nếu có Tỳ-kheo tu sáu pháp tôn trọng, đáng kính đáng trọng, hòa hợp với chúng không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp.

i.Tỳ-kheo thân thường hành từ, kính đồng phạm hạnh, sống với tâm nhân ái. Đó gọi là trọng pháp, đáng kính, đáng trọng, hòa hợp với chúng, không có tranh tụng, độc hành không hỗn tạp.

ii-iv. Khẩu hành từ, ý hành từ; được vật lợi dưỡng đúng pháp và những thức ăn ở trong bát cũng đều đem chia cho người khác dùng chung, không phân biệt đây kia.

v.Đối với giới mà bậc Thánh hành trì, không phạm, không hủy, không nhiễm ô, được bậc trí khen ngợi, khéo thọ trì đầy đủ, thành tựu định ý.

Tỳ-kheo chánh kiến về các phạm hạnh để thành tựu sự xuất yếu của Hiền Thánh, để chân chánh diệt tận khổ.

Sáu tu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Sáu nội nhập: nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập.

Sáu ái: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Sáu pháp bất kính: không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính giới, không kính định, không kính cha mẹ.

Sáu pháp kính: kính Phật, kính Pháp, kính Tăng, kính giới, kính định, kính cha mẹ.

Sáu vô thượng: kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi dưỡng vô thượng, giới vô thượng, cung kính vô thượng, niệm vô thượng.

Sáu đẳng pháp: mắt thấy sắc, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm. Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý tưởng pháp, không ưu, không hỷ, an trú xả, chuyên niệm.

Sáu tri pháp: Nếu có Tỳ-kheo nói như vầy: 'Tôi tu từ tâm, lại còn sanh sân nhuế', thì các Tỳ-kheo khác nói: 'Ngươi đừng nói như thế. Chớ hủy báng Như Lai. Như Lai không nói như thế, rằng muốn khiến tu từ giải thoát mà lại sanh sân nhuế, không có trường hợp đó. Phật nói, trừ sân nhuế rồi sau đó mới đắc từ'. Nếu có Tỳ-kheo nói: 'Tôi thực hành bi giải thoát lại sanh tâm tật đố. Hành hỷ giải thoát, sanh tâm ưu não. Hành xả giải thoát, sanh tâm yêu ghét. Hành vô ngã hành sanh tâm hồ nghi. Hành vô tưởng hành, sanh các loạn tưởng', thì cũng giống như vậy.

Sáu thần thông: 1. Thần túc thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Tri tha tâm thông, 4. Túc mạng thông, 5. Thiên nhãn thông. 6.

Lậu tận thông.

Đó là sáu mươi pháp, như thật không hư dối. Như Lai đã biết, rồi thuyết pháp một cách xác thực.

(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

SÁU VỊ PHẬT QUÁ KHỨ

Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp có đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-xá-bà. Như Lai, Chí chân, xuất hiện ở thế gian.

Trong hiền kiếp này có Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp. Ta nay cũng ở trong hiền kiếp này mà thành Tối Chánh giác

Các ngươi nên biết, thời đức Phật Tỳ-bà-thi, nhân loại sống đến tám vạn tuổi; thời đức Phật Thi-khí, nhân loại sống đến bảy vạn tuổi; thời đức Phật Tỳ-xá-bà, nhân loại sống đến sáu vạn tuổi; thời đức Phật Câu-lưu-tôn, nhân loại sống đến bốn vạn tuổi; thời đức Phật Câu-na-hàm, nhân loại sống đến ba vạn tuổi; thời đức Phật Ca-diếp, nhân loại sống đến hai vạn tuổi, và nay Ta ra đời, nhân loại sống đến một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều. (Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

TÁM CHÚNG & ĐỨC PHẬT TỪNG ĐẾN THĂM CHÚNG SÁT LỢI VÀ PHẠM THIÊN

Trong đời có tám chúng:

Sát-lỵ 2) Bà-la-môn

Cư sĩ 4) Sa-môn

5) Tứ thiên vương 6) Đao-lỵ thiên

7) Ma 8) Phạm thiên.

Ta nhớ xưa kia, Ta từng qua lại trong chúng Sát-lỵ, cùng họ nói năng, ngồi đứng, chẳng biết đã bao nhiêu lần.

Nhờ sức thiền định tinh tấn mà nơi nào Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn. Họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn.

Họ từ giã Ta mà đi, nhưng Ta không từ giã họ.

Điều họ nói được, Ta cũng nói được.

Điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được.

Ta thường thuyết pháp cho họ, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ, rồi biến mất khỏi nơi đó, mà họ không biết Ta là trời hay là người.

Như thế cho đến, Ta từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết là bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ, mà họ cũng đều chẳng biết Ta là ai.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TÁM GIẢI THOÁT

Có sắc, quán sắc;

Bên trong có sắc tưởng, quán ngoại sắc;

Tịnh giải thoát;

Vượt sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tạp tưởng, an trú không xứ;

Vượt không xứ, an trú thức xứ;

Vượt thức xứ, an trú vô sở hữu xứ;

Vượt vô sở hữu xứ, an trú phi tưởng phi phi tưởng xứ;

Diệt tận định.

Các Tỳ-kheo đối với tám giải thoát này du hành theo chiều thuận và nghịch, xuất nhập tự tại, Tỳ-kheo như vậy chứng đắc câu giải thoát.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Duyên Phương Tiện, số 13)

TÁM NGUYÊN NHÂN KHIẾN ĐẤT RUNG ĐỘNG

Khi thấy trái đất chấn động, A-nan tâm kinh sợ, lông tóc dựng ngược, vội quỳ bạch Phật:

Lạ thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà trái đất rung động?

Phật bảo A-nan: Ở đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám?

Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khối lớn nước bị khuấy động. Khối nước lớn bị khấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là một nguyên nhân.

Có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

Khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

Khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải, chuyên niệm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

Khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng Chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

Khi Phật vừa thành đạo chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên Ma, Sa-môn, Bà-la-môn thảy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

Khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

Khi Như Lai ở nơi vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TÁM PHÁP

Các Tỳ-kheo, Như Lai nói tám chánh pháp tức là tám pháp ở đời: đắc, thất, vinh, nhục, khen, chê, lạc và khổ.

Tám giải thoát: 1. Sắc quán sắc giải thoát. 2. Nội không sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát. 3. Tịnh giải thoát, 4. Vượt quá sắc tưởng, diệt sân nhuế tưởng, an trú hư không xứ giải thoát. 5. Vượt hư không xứ an trú hư không xứ giải thoát. 6. Vượt thức xứ an trú vô hữu xứ giải thoát, vượt vô sở hữu xứ

an trú phi phi tưởng xứ giải thoát. 8. Vượt phi tưởng phi phi tưởng xứ, an trú diệt tận định giải thoát.

Tám thánh đạo: chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định.

Tám nhân cách: Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả; A-la-hán hướng, A-la-hán quả.

(Trường A Hàm, Kinh Chúng Tập, số 9)

TÁM PHÁP BATỤ

Tám tà hạnh: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

Tám pháp dẫn đến thiện thú: Thế gian chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Tám Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

(Trường A Hàm, Kinh Tam Tụ, số 12)

TÁM PHÁP TĂNG NHẤT

Thế nào là tám thành pháp? Đó lá tám nhân duyên khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh nhưng có thể sở đắc trí , và nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tăng trưởng.

Tỳ-kheo sống nương tựa Thế Tôn, hoặc nương tựa sư trưởng, hoặc nương tựa người phạm hạnh có trí tuệ, sanh tâm tàm

quý, có ái, có kính. Đó là nhân duyên thứ nhất, chưa chứng đắc phạm hạnh nhưng chứng đắc trí; đã chứng đắc phạm hạnh thì trí tăng gia.

Lại nữa, sống nương tựa Thế Tôn, tùy thời mà thưa hỏi: 'Pháp này có ý nghĩa gì? Dẫn đến đâu?' Khi ấy các tôn trưởng liền mở bày cho nghĩa lý thậm thâm

Sau khi nghe pháp thân tâm an lạc, an tĩnh.

Sau khi đã được an lạc, an tĩnh, sẽ không luận bàn những tạp luận làm chướng ngại đạo. Vị ấy đến giữa đại chúng hoặc tự mình thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác thuyết, mà vẫn không bỏ sự im lặng của Hiền Thánh.

Đa văn, quảng bác, ghi nhớ không quên các pháp thâm áo, hay khéo ở khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, có nghĩa có vị, chân thật, đầy đủ phạm hạnh. Sau khi nghe thì ghi nhớ trong lòng, kiến giải không lay động.

Tu tập tinh cần, diệt ác tăng thiện, gắng sức thực hành không bỏ pháp ấy.

Bằng trí tuệ mà nhận thức pháp sanh diệt, chỗ thú hướng của Hiền Thánh, tận cùng biên tế của khổ.

Quán tướng sanh và tướng diệt của năm thọ ấm: Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ tưởng, hành, thức. Đây là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức, sự diệt tận của thọ, tưởng, hành, thức. Đó là nhân duyên thứ tám, khiến cho chưa sở đắc phạm hạnh mà sở đắc trí, nếu đã sở đắc phạm hạnh thì trí tuệ tăng trưởng.

Tám pháp ở đời: lợi, suy, vinh, nhục, khen, chê, khổ, lạc.

Tám diệt pháp: tà kiến, tà tư, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.

Tám pháp giải đãi:

Tỳ-kheo lười biếng, khất thực nhưng không được thực, bèn suy nghĩ: 'Hôm nay ta khất thực dưới xóm nhưng không được thực, thân thể mệt mỏi không đủ sức tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi.' Tỳ-kheo lười biếng suy nghĩ như vậy và nằm nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tỳ-kheo lười biếng nhận được thức ăn đầy đủ, lại suy nghĩ: 'Sáng nay ta vào xóm khất thực, nhận được thức ăn và ăn quá no, thân thể nặng nề không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có làm chút công việc, bèn suy nghĩ: 'Ngày nay ta làm việc, thân thể mệt mỏi không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có chút việc sẽ phải làm, bèn suy nghĩ: 'Ngày mai ta sẽ làm việc, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ.

Tỳ-kheo lười biếng, giả sử có đi lại chút ít bèn suy nghĩ:

'Sáng nay ta đi lại, thân thể mệt mỏi, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ.

Tỳ-kheo lười biếng, giả sử sẽ phải đi lại chút ít, bèn suy nghĩ: 'Ngày mai ta sẽ phải đi lại, thân thể sẽ mệt mỏi, vậy hôm nay không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên nghỉ ngơi trước.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tỳ-kheo lười biếng, giả sử gặp chút bịnh hoạn, bèn suy nghĩ: 'Nay ta bịnh nặng, mệt nhọc gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tỳ-kheo lười biếng, khi bịnh đã bớt, bèn suy nghĩ: 'Ta khỏi bịnh chưa lâu, thân thể gầy yếu, không thể tọa thiền kinh hành. Ta nên ngủ nghỉ.' Tỳ-kheo lười biếng liền ngủ nghỉ, không chịu siêng năng để sở đắc những điều chưa sở đắc, thu hoạch những điều chưa thu hoạch, chứng những điều chưa chứng.

Tám nạn:

Như Lai, Chí chân xuất hiện ở đời, nói pháp vi diệu, tịch diệt, vô vi, hướng về đạo giác ngộ, mà có người sanh vào địa ngục.

Có người sanh vào súc sanh ngạ quỷ,

Cõi trời trường thọ,

Biên địa vô thức,

Chỗ không có Phật pháp.

Có người sanh ở trung ương, nhưng có tà kiến, mang tâm điên đảo, thành tựu ác hành chắc chắn vào địa ngục.

Có chúng sanh sanh ở trung ương nhưng mù, điếc, câm, ngọng, không thể nghe pháp, tu hành phạm hạnh.

Có chúng sanh sanh ở trung ương, các căn đầy đủ để lãnh thọ Thánh giáo nhưng không gặp Phật, không được tu hành phạm hạnh. Đó là tám pháp không thuận lợi.

Tám sự tỉnh giác của bậc đại nhân:

Đạo phải là ít dục; nhiều dục không phải là đạo.
Đạo phải là tri túc; không biết nhàm đủ không phải là đạo.
Đạo cần phải nhàn tĩnh; ưa đám đông không phải là đạo.
Đạo cần phải tự giữ; cười giỡn không phải là đạo.
Đạo cần phải tinh tấn; biếng nhác không phải là đạo.
Đạo cần phải chuyên niệm; hay quên lãng không phải là đạo.
Đạo cần phải định ý; loạn ý không phải là đạo.
Đạo cần phải có trí tuệ; ngu si không phải là đạo.
(Trường A Hàm, Kinh Tăng Nhất, số 11)

TÁM PHÁP VÔ ĐẲNG VỀ THẾ TÔN

Đức Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, đầy đủ mười hiệu. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có đủ mười đức hiệu, Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, như Phật.

Pháp Phật vi diệu, được khéo giảng thuyết, được người trí thật hành. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có giáo pháp vi diệu như Phật.

Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, trú trong an lạc. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể ở nơi pháp ấy mà tự giác ngộ, thông đạt vô ngại, tự tại an vui như Phật.

Phật do pháp ấy mà tự giác ngộ rồi còn có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ví như nước sông Hằng , và nước sông Diệm-ma, cả hai dòng sông đều chảy vào biển cả. Phật cũng vậy. Có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn, thân cận, dần dần đến chỗ nhập vào nơi tịch diệt. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có thể khai thị con đường dẫn đến Niết-bàn được như Phật.

Như Lai thành tựu quyến thuộc, gồm những người có trí tuệ, Sát-lỵ, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại có được quyến thuộc như Phật.

Như Lai thành tựu đại chúng. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di. Ta không thấy ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại thành tựu đại chúng như Phật.

Ngôn và hành của Như Lai tương ưng. Nói đúng như làm, làm đúng như nói, thành tựu pháp và tùy pháp. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại mà ngôn hành tương ưng, pháp pháp thành tựu như Phật.

Như Lai vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người; với lòng từ mẫn, Ngài làm lợi ích cho chư thiên và nhân loại. Ta không thấy có ai trong quá khứ, vị lai, hiện tại vì lợi ích mọi người, vì an lạc mọi người như Phật.

(Trường A Hàm, Kinh Điển Tôn, số 3)

TAM TAI

Ở thế gian có ba thứ tai kiếp: tai kiếp lửa, tai kiếp nước, tai kiếp gió.

Có giới hạn phía trên của ba tai kiếp. Thế nào là ba?

1. Quang âm thiên

2. Biến tịnh thiên

3. Quả thật thiên.

Khi tai kiếp lửa khởi lên, cháy lên cho đến Quang âm thiên, thì Quang âm thiên là giới hạn.

Khi tai kiếp nước khởi lên, ngập cho đến Biến tịnh thiên, thì Biến tịnh thiên là giới hạn.

Khi tai kiếp gió khởi lên, thổi cho đến Quả thật thiên, thì Quả thật thiên là giới hạn.

Thế nào là tai kiếp lửa? Khi tai kiếp lửa bắt đầu sắp sửa khởi, thì con người thế gian này lúc đó đều thực hành chánh pháp, đều chánh kiến không điên đảo, đều tu thập thiện hành. Khi thực hành pháp này, có người đạt được nhị thiền, liền có thể cất mình bay lên ở giữa hư không, trụ vào Thánh nhơn đạo, Thiên đạo, Phạm đạo, và lớn tiếng xướng lên rằng: 'Các hiền giả! Sung sướng thay, đệ nhị thiền không giác không quán! Sung sướng thay, đệ nhị thiền!'

Lúc ấy, người thế gian nghe những lời này rồi, liền ngửa mặt lên trời nói với họ rằng: 'Lành thay! Lành thay! xin vì tôi mà nói đạo của đệ nhị thiền không giác, không quán.'

Lúc này, người ở giữa hư không nghe những lời của người kia rồi liền nói về đạo của nhị thiền không giác, không quán. Sau khi người thế gian nghe nói rồi, liền tu đạo của nhị thiền không giác, không quán, nên khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên.

Lúc ấy, những chúng sanh có tội trong địa ngục, sau khi mạng chung lại được sinh vào cõi Người, và tu tập pháp của đệ nhị Thiền không giác, không quán, nên sau khi thân hoại mạng chung được sinh về Quang âm thiên.

Những chúng sanh ở trong các loài Súc sanh, Ngạ quỷ, A-tu-la, Tứ thiên vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thiên, sau khi thân hoại mạng chung sanh lại cõi nhơn gian; sau đó tu tập nhị Thiền không giác, không quán, thì sau khi thân hoại mạng chung sẽ sinh về Quang âm thiên.

Vì những nhân duyên này nên đường địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, cho đến Phạm thiên tất cả đều diệt. Ngay lúc bấy giờ, trước tiên là địa ngục diệt, sau đó súc sanh diệt; súc sanh diệt rồi thì ngạ quỷ diệt; ngạ quỷ diệt rồi thì A-tu-la diệt; A-tu-la diệt rồi thì Tứ thiên vương diệt; Tứ thiên vương diệt rồi thì Đao-lợi thiên diệt; Đao-lợi thiên diệt rồi thì Diệm-ma thiên diệt; Diệm-ma thiên diệt rồi thì Đâu-suất thiên diệt; Đâu-suất thiên diệt rồi thì Hóa tự tại thiên diệt; Hóa tự tại thiên diệt rồi thì Tha hóa tự tại thiên diệt; Tha hóa tự tại thiên diệt rồi thì Phạm thiên diệt; Phạm thiên diệt rồi thì sau đó con người diệt, không còn sót gì lại sau này. Khi con người đã diệt, không còn gì nữa, thì thế gian này sẽ hủy hoại cho đến thành là tai nạn. Sau đó trời không mưa, trăm thứ lúa thóc, cỏ cây tự nhiên chết khô.

Phật bảo Tỳ-kheo: Vì vậy nên biết tất cả hành là vô thường, biến dịch, mục nát hư hoại, không thể tin cậy nương nhờ. Các pháp hữu vi rất đáng nhàm tởm. Hãy nên tìm con đường giải thoát, vượt qua thế gian.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 9.Tam Tai, số 30)

TĂNG SỐ LƯỢNG CHƯ THIÊN VÀ GIẢM BỚT ATULA

Khi ấy có vị Đao-lợi nói:

Giả sử thế gian được tám đức Phật ra đời một lượt, thời sẽ làm tăng nhiều Chư thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la.

Vị trời khác nói: Đừng nói chi tám đức Phật, dẫu cho có bảy Phật, sáu Phật đến hai đức Phật ra đời, cũng làm cho thêm nhiều chúng chư Thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la.

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói với trời Đao-lợi:

Ta được nghe từ Phật, trực tiếp lãnh giáo từ Phật, thì không bao giờ có thể có hai đức Phật ra đời một lần. Nhưng nếu một đức Như Lai mà Ngài ở đời lâu dài, vì thương mọi người, vì ích lợi cho nhiều người, vì an lạc cho chư thiên và nhân loại, thời cũng có thể tăng nhiều chúng chư thiên mà giảm bớt chúng A-tu-la vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Điển Tôn, số 3)

THÁI TỬ SĨ-ĐẠT-ĐA ĐẢN SANH

Trong thời kỳ đầu tạo 30 pháp hạnh Ba La Mật, Đức Bồ Tát

phát nguyện trong tâm muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác đã trải qua suốt bảy a-tăng-kỳ. Tổng cộng trong bảy a-tăng-kỳ có 125.000 Đức Phật Chánh Đẳng Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Khi ra khỏi thai bào, Đức Bồ Tát đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước.

Hoàng hậu Maya chỉ làm mẹ được bảy ngày rồi qua đời.

Khi hoàng tử Siddhattha được năm ngày, có tám vị đạo sĩ Bà La Môn lỗi lạc đến dự lễ Quáng Đính, bảy vị đưa hai ngón tay lên nói rằng hoàng tử hoặc sẽ thành vị hoàng đế lỗi lạc nhất thế gian hoặc sẽ thành Phật, chỉ có một vị nói hoàng tử sẽ thành Phật.

Khi hoàng tử Siddhattha theo dự lễ Hạ điền với vua cha, ngài ngồi tham thiền dưới gốc cây trâm và đắc được sơ thiền lúc mới vừa bảy tuổi.

Sau khi thọ dụng bát cháo do nàng Sujata dâng cúng, đức Bồ Tát đã nhịn đói suốt bảy tuần để trải qua bốn mươi chín ngày yên lặng suy niệm dưới cội Bồ Đề.

Vào tuần lễ thứ sáu sau ngày thành đạo, Đức Phật di chuyển từ cây Ajapala qua cây Mucalinda để chứng nghiệm Hạnh Phúc Giải Thoát thì bổng nhiên có một trận mưa giông kéo tới. Mãng xà vương Mucalinda từ ổ chui ra quấn bảy vòng quanh mình đức Phật để che mưa gió cho ngài.

Một trong ba mươi hai tướng tốt của đức Phật là bảy chỗ tay, chân, vai, và mình được đầy đặn.

(Trường Bộ Kinh, Đại Bản Nhân Duyên, số 1)

THÂN CÕI DỤC GIỚI

Khi đang hiện hữu thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, thì ngay khi ấy là thân người thuộc Dục giới với bốn đại và các căn, chứ không phải là thân thuộc Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ thiên, thân Thức xứ thiên, thân Vô sở hữu xứ thiên, thân Hữu tưởng vô tưởng thiên. Cũng vậy, cho đến, nếu khi đang hiện hữu thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, thì ngay khi ấy là thân Hữu tưởng vô tưởng thiên, chứ không phải là thân người Dục giới với bốn đại và các căn, không phải là thân Dục giới thiên, thân Sắc giới thiên, thân Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ thiên.

Ví như sữa bò. Sữa biến thành tô. Tô biến thành lạc. Lạc biến thành sanh tô. Sanh tô biến thành thục tô. Thục tô biến thành đề hồ. Đề hồ là bậc nhất. Khi là sữa, thì chỉ được gọi là sữa mà không gọi là lạc, tô, đề hồ. Cũng vậy, lần lượt cho đến khi là đề hồ, thì khi ấy chỉ được gọi là đề hồ mà không gọi là lạc, tô.

(Trường A Hàm, Kinh Bố Tra Bà Lâu, số 28)

THÂN KÍNH VỚI BÀ CON

Người ta phải lấy năm điều thân kính đối với bà con: 1. Chu cấp. 2. Nói lời hiền hòa. 3. Giúp đạt mục đích. 4. Đồng lợi. 5. Không khi dối.

Bà con cũng phải lấy năm điều đối lại: 1. Che chở cho mình khỏi buông lung. 2. Che chờ cho mình khỏi hao tài vì buông lung. 3. Che chở khỏi sự sợ hải. 4. Khuyên răn nhau lúc ở chỗ vắng người. 5. Thường ngợi khen nhau. Này Thiện Sinh! Người biết thân kính bà con như vậy thì phương ấy được yên

ổn không điều chi lo sợ.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

THẦN NÚI TUYẾT CÚNG DƯỜNG NƯỚC CHO PHẬT

Phật bảo: A-nan, ta đang khát. Ta muốn uống nước. Ngươi hãy đi lấy nước đem đến đây.

A-nan thưa: Vừa rồi có năm trăm cỗ xe lội qua khúc trên sông làm nước đục cả. Chỉ có thể dùng rửa chân, không thể dùng uống được.

Phật nói đến ba lần như thế. A-nan thưa:

Hiện chỉ có sông Câu-tôn cách đây không xa, là có nước trong mát. Uống hay tắm rửa đều được.

Lúc đó có một vị thần ở tại núi Tuyết, vốn dốc lòng tin Phật đạo, lấy bát đựng nước quí tịnh đủ tám công đức đem đến dâng Phật.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2).

THẦN TÚC CỦA ĐỆ TỬ PHẬT

Ta vì vậy không giáo sắc các Tỳ-kheo hiện thần túc, pháp thượng nhân, mà chỉ dạy các đệ tử ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức, nên dấu kín. Nếu có sai lầm, nên bày tỏ.

Như vậy, này con trai trưởng giả, đó chính là loại thần túc mà các đệ tử Ta thị hiện.

(Trường A Hàm, Kinh Kiên Cố, số 24)

THẾ NÀO LÀ GIỚI?

Nếu Như Lai xuất hiện ở đời, là vị Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hành túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn, ở giữa chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự thân chứng ngộ, rồi giảng thuyết cho người; lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thảy đều chân chánh, đầy đủ nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh.

Nếu có trưởng giả, hay con trai trưởng giả, sau khi nghe pháp này, tín tâm thanh tịnh. Do tín tâm thanh tịnh, người ấy suy xét như vầy: 'Tại gia thật khó, ví như gông cùm; muốn tu hành phạm hạnh mà không thể tự tại. Ta nay hãy cạo bỏ râu tóc, bận ba pháp y, xuất gia tu đạo.' Người ấy, sau đó, từ bỏ gia đình, bỏ sản nghiệp, từ giã thân tộc, mặc ba pháp y, dẹp các trang sức, đọc tụng tỳ-ni, đầy đủ giới luật, từ bỏ không sát sanh,... cho đến, tâm pháp tứ thiền, đạt được an lạc ngay trong hiện tại. Vì sao? Ấy là do tinh tấn, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình chỗ thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó gọi là giới.

(Trường A Hàm, Kinh Chủng Đức, số 22)

THIỀN LẠC ĐƯỢC PHẬT KHEN NGỢI

Nếu Phạm chí ngoại đạo hỏi: 'Thứ lạc nào mà nếu hưởng thụ thì được Cù-đàm khen ngợi?' Nếu có hỏi như vậy, Phật khuyên nên trả lời rằng:

Có người ly dục, lìa bỏ pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do ly dục, nhập sơ thiền. Lạc như thế là điều Phật khen ngợi.

Có người diệt giác quán, nội tâm hoan hỷ, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, nhập nhị thiền. Lạc như thế được Phật khen ngợi.

Cũng như có người trừ hỷ, nhập xả, tự biết thân lạc, là điều mà Hiền Thánh mong cầu, có xả niệm, nhất tâm, nhập đệ tam thiền. Lạc như thế được Phật khen ngợi.

Lạc hết, khổ hết, ưu và hỷ trước đã diệt, không khổ không lạc, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiền. Lạc như vậy được Phật khen ngợi.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

THỨ TỰ CỦA DIỆT TƯỞNG ĐỊNH

Nếu Như Lai xuất hiện ở đời; là bậc Chí chơn, Đẳng chánh giác, mười hiệu đầy đủ. Có người ở trong Phật pháp mà xuất gia tu đạo, cho đến, diệt năm triền cái che lấp tâm, trừ khử dục, ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập sơ thiền. Trước diệt tưởng về dục, rồi phát sanh tưởng về hỷ và lạc. Phạm chí, vì vậy biết có nhân duyên cho tưởng sanh, có nhân duyên cho tưởng diệt.

Diệt giác, quán, nội tâm hoan hỷ, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ và lạc do định sanh, nhập đệ nhị thiền. Phạm chí, kia tưởng của sơ thiền diệt, tưởng của nhị thiền sanh, vì vậy nên biết có nhân duyên để tưởng diệt; có nhân duyên để tưởng sanh.

Dứt hỷ, an trú xả, chuyên niệm nhất tâm, tự biết thân lạc, điều mà Hiền Thánh mong cầu, hộ niệm thanh tịnh, nhập đệ tam thiền. Phạm chí, kia tưởng của nhị thiền diệt, tưởng của tam thiền sanh. Vì vậy nên biết có nhân duyên để tưởng diệt, có

nhân duyên để tưởng sanh.

Dứt khổ, dứt lạc, ưu và hỷ từ trước đã diệt, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiền. Phạm chí, kia tưởng tam thiền diệt, tưởng tứ thiền sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng diệt; có nhân duyên để tưởng sanh.

Xả hết thảy tưởng về sắc, diệt nhuế, không niệm dị tưởng, nhập không xứ . Này Phạm chí, tưởng về hết thảy sắc diệt, tưởng về không xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

Vượt hết thảy không xứ, nhập thức xứ. Này Phạm chí, tưởng về không xứ diệt, tưởng về thức xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

Vượt hết thảy thức xứ, nhập bất dụng xứ. Này Phạm chí, tưởng về thức xứ diệt, tưởng về bất dụng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt .

Xả bất dụng xứ, nhập hữu tưởng vô tưởng xứ. Này Phạm chí, tưởng về bất dụng xứ diệt, tưởng về hữu tưởng vô tưởng xứ sanh. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

Kia xả hữu tưởng vô tưởng xứ, nhập tưởng tri diệt định. Này Phạm chí, tưởng về hữu tưởng vô tưởng xứ diệt; nhập tưởng tri diệt định. Vì vậy biết rằng có nhân duyên để tưởng sanh, có nhân duyên để tưởng diệt.

Vị ấy khi đạt đến tưởng này rồi, suy nghĩ như vầy: có niệm là ác, không niệm là thiện. Vị ấy khi suy nghĩ như vậy, tưởng vi diệu của vị ấy không diệt, mà tưởng thô lại sanh. Vị ấy lại suy

nghĩ: Nay ta không nên niệm hành, không khởi tư duy. Vị ấy khi không niệm hành, không khởi tư duy, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh. Khi vị ấy không niệm hành, tưởng vi diệu diệt, tưởng thô không sanh, liền nhập định tưởng tri diệt.

(Trường A Hàm, Kinh Bố Tra Bà Lâu, số 28)

THƯỜNG NIỆM NHẤT TÂM

Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, được các căn của Thánh, ăn biết vừa đủ; đầu hôm cuối hôm, tinh tấn tỉnh giác. Lại lúc ban ngày, hoặc đi hoặc dừng, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái. Vị ấy, vào khoảng đầu hôm, hoặc đi hoặc ngồi, thường niệm nhất tâm, trừ các ấm cái. Cho đến giữa đêm, nằm nghiêng hông phải, tưởng niệm sẽ trỗi dậy, đặt ý tưởng vào ánh sáng, tâm không loạn tưởng. Đến lúc cuối đêm, liền dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi, trừ các ấm cái.

Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy đầy đủ, được các căn bậc Thánh, ăn uống biết đủ, đầu hôm cuối hôm, tinh cần tỉnh giác, thường niệm nhất tâm, không có loạn tưởng.

(Trường A Hàm, KinhA-ma-trú, số 20)

TINH TẤN

Này các Tỳ-kheo, hãy ở chỗ thanh vắng, dưới gốc cây hay bãi đất trống, tinh cần tọa thiền, chớ tự để mình buông lung. Nay không gắng sức, về sau hối hận nào có ích gì.

Đó là lời Ta răn dạy, hãy tinh tấn thọ trì.

TỘC NGƯỜI MẠT LA ĐẢNH LỄ PHẬT LẦN CUỐI

Vừa nghe Đức Thế Tôn sắp sữa nhập Niết bàn, những người

Mạt-la cất tiếng kêu than, vật vã xuống đất, có người ngất đi tỉnh lại. Ví như cây lớn khi trốc gốc thì các nhánh cành đều đổ gãy. Họ đồng than:

Phật diệt độ sao mà nhanh thế! Phật diệt độ làm sao nhanh thế! Con mắt của thế gian mà diệt mất, thì chúng sanh bị suy hại lâu dài.

A-nan an ủi họ:

Thôi các người chớ buồn! Trời đất muôn vật hễ có sanh đều có chết. Muốn cho pháp hữu vi tồn tại mãi là điều không thể có được. Phật há chẳng dạy: Có hợp tất có ly, có sanh tất có diệt đó sao!

Rồi thì, các người Mạt-la bảo nhau:

Chúng ta hãy về nhà, đem cả gia thuộc và năm trăm khổ vải trắng, cùng đến Song thọ.

Những người Mạt-la ai về nhà nấy, rồi đem cả gia thuộc, và mang cả năm trăm tấm lụa trắng ra khỏi thành Câu-thi, đến giữa rừng Song thọ, và đi đến chỗ A-nan. A-nan vừa trông thấy từ xa, thầm nghĩ: 'Bọn họ rất đông. Nếu để cho từng người một vào yết kiến Phật, e rằng chưa khắp hết thì Như Lai đã diệt độ rồi! Ta nên bảo họ vào đầu hôm đồng một lượt đến bái yết Phật'.

A-nan liền dắt năm trăm người Mạt-la và gia thuộc đến trước Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch rằng:

Nay có các Mạt-la tên như thế và gia thuộc, xin thăm hỏi đức Thế Tôn sức khoẻ có bình thường không?

Phật nói:

Phiền các ngươi đến thăm. Ta chúc cho các ngươi sống lâu, vô bịnh.

A-nan bằng cách đó đã có thể dẫn hết các người Mạt-la và gia thuộc của họ vào thăm Phật. Khi ấy, các Mạt-la đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Thế Tôn thuyết giảng cho họ về vô thường, chỉ bày, giáo huấn khiến cho được lợi ích, hoan hỷ.

Nghe pháp xong, các Mạt-la ai nấy vui mừng liền đem năm trăm khổ vải trắng dâng Phật. Phật thụ lãnh. Các Mạt-la rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TRÍ TUỆ ĐẦY ĐỦ

Nếu Tỳ-kheo, bằng tam-muội tâm, thanh tịnh không cấu uế, mềm mại, dễ điều phục, an trú trạng thái bất động,… cho đến, chứng đắc ba minh, trừ khử vô minh, phát sanh trí tuệ, diệt trừ tối tăm, sanh ánh sáng đại pháp, xuất trí tuệ lậu tận. Vì sao? Ấy là do tinh cần, chuyên niệm không quên, ưa sống một mình nơi thanh vắng mà được vậy. Bà-la-môn, đó là đầy đủ trí tuệ.

(Trường A Hàm, Kinh Chủng Đức, số 22)

TU-BẠT LÀ ĐỆ TỬ XUẤT GIA CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt là bực kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe đức

Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: 'Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật.' Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay, nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?

A-nan bảo: Thôi đừng Tu-bạt! Phật đang có bịnh. Không nên quấy rầy Ngài.

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng:

Tôi nghe đức Như Lai ra đời như hoa ưu-đàm, rất lâu mới xuất hiện, nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?

A-nan cũng vẫn trả lời như trước: Phật đang có bịnh. Không nên quấy rầy Ngài.

Khi ấy Phật bảo A-nan:

A-nan, ngươi chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của ta, ắt được tỏ rõ.

A-nan liền bảo Tu-bạt: Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào.

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?

Phật nói: Ông cứ tùy ý hỏi.

Tu-bạt hỏi: Bạch Cù-đàm, có những giáo phái khác, họ tự xưng bậc thầy, như các ông Phất-lan Ca-diếp, Mạt-già-lê Kiều-xá-lợi, A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la Ba-phù Ca-chiên Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất, Ni-kiền Tử. Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?

Phật đáp: Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì ngươi nói đến pháp thâm diệu, ngươi hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Này Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở đó có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có qủa vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có.

Phật bảo: Này Tu-bạt! Nếu các Tỳ-kheo thảy đều có thể tự nhiếp tâm thời cõi thế gian này không trống vắng A-la-hán.

Khi ấy Tu-bạt thưa với A-nan:

Những ai theo đức Sa-môn Cù-đàm đã tu hành phạm hạnh, hiện đang tu hành và sẽ tu hành, thảy đều có lợi ích lớn. A-nan, ông theo Như Lai tu hành phạm hạnh cũng được lợi ích lớn. Tôi nay được gặp mặt Như Lai, hỏi những điều nghi ngờ, cũng được lợi ích lớn. Nay Như Lai cũng đã ký biệt cho tôi như là ký biệt cho đệ tử.

Rồi ông bạch Phật: Tôi nay có thể ở trong pháp của Như Lai

mà xuất gia thọ giới cụ túc được chăng?

Phật nói:

Này Tu-bạt, nếu có dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong giáo pháp của ta, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi họ, chí nguyện, tánh nết họ. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ cụ túc giới ở trong giáo pháp Ta. Tuy vậy, này Tu-bạt, còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.

Tu-bạt lại bạch Phật:

Dị học Phạm chí muốn tu hành ở trong Phật pháp, phải được thử qua bốn tháng để xét coi hành vi, chí nguyện, tánh nết. Nếu thấy đủ các oai nghi không điều gì thiếu sót, mới cho phép thọ cụ túc giới ở trong Phật pháp. Nay tôi có thể phục dịch bốn năm ở trong Phật pháp, khi đủ các oai nghi không còn gì thiếu sót mới xin thọ cụ giới.

Phật dạy:

Này Tu-bạt, Ta đã nói trước rồi. Còn tùy thuộc hành vi của mỗi người.

Ngay trong đêm đó, Tu-bạt được xuất gia thọ giới, thanh tịnh tu hành, ngay trong hiện tại, tự thân tác chứng: Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, chứng đắc như thật trí, không còn tái sinh.Lúc gần nửa đêm, ông đã chứng quả A-la-hán, là đệ tử cuối cùng của Phật và diệt độ trước Phật.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TU BỐN THẦN TÚC CÓ THỂ KÉO DÀI MẠNG SỐNG

Này A-nan, những ai tu bốn thần túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều bốn thần túc, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn.

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng, nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: Hãy biết thời. A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TỰ LỢI & LỢI THA

Sa-môn Cù-đàm có thể thuyết bồ đề, có thể tự điều phục mình và cũng có thể điều phục người khác; có thể tự tịch tịnh và có thể khiến người khác tịch tịnh; có thể tự mình qua bờ bên kia và đưa người khác sang bờ bên kia; tự mình giải thoát và có thể khiến người khác giải thoát; có thể tự mình diệt độ và có thể khiến người khác được diệt độ.

(Trường A Hàm, Kinh Tán-đà-na, số 8)

TỨ NIỆM XỨ

Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân trên ngoại thân, quán thân trên nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ức niệm không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán

thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy.

Đó là Tỳ-kheo hãy tự thắp sáng; thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác; hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác.

Thực hành như thế sẽ không bị ma nhiễu hại, công đức ngày một thêm.

(Trường A Hàm, Kinh Chuyển Luân Vương Tu Hành, số 6)

TỰ NƯƠNG TỰA MÌNH

Này các Tỳ-kheo, các ngươi hãy tự thắp sáng. Thắp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thắp sáng ở nơi khác. Hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác.

(Trường A Hàm, Kinh Chuyển Luân Vương Tu Hành, số 6)

TỰ TẠI VỚI LỜI CHÊ BAI

Này các Tỳ-kheo, nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và Chúng Tăng, các ngươi không nên ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấy.

Vì sao vậy? Vì nếu có ai dùng phương tiện hủy báng Như Lai, hủy báng Chánh pháp và Chúng Tăng mà các ngươi ôm lòng phẫn nộ, có ý nghĩ ác hại đối với người ấythì tự các ngươi đã tự hãm nịch rồi. Vì vậy các ngươi không nên ôm lòng oán giận hay có ý nghĩ ác hại đối với người ấy.

(Trường A Hàm, Kinh Phạm Động, số 21)

TỰ THÂN TÁC CHỨNG

Các ngươi nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Tối chánh giác. Đó là bốn niệm xứ, bốn ý đoạn, bốn thần túc, bốn thiền định, năm căn, năm lực, bảy giác ý và tám thánh đạo.

Các ngươi hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hòa đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hòa hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TỪ TỨ THIỀN, ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Thế rồi, Thế Tôn nhập sơ thiền; rồi từ sơ thiền xuất, nhập nhị thiền; từ nhị thiền xuất, nhập tam thiền; từ tam thiền xuất, nhập tứ thiền, từ tứ thiền xuất, nhập không xứ định; từ không xứ định xuất, nhập thức xứ; từ thức xứ định xuất, nhập vào vô sở hữu xứ; từ vô sở hữu xứ định xuất, nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định; từ phi tưởng phi phi tưởng xứ định xuất, nhập diệt thọ tưởng định.

Lúc ấy A-nan hỏi A-na-luật: Thế Tôn đã vào Niết-bàn rồi chăng?

A-na-luật nói:

Chưa, A-nan. Thế Tôn hiện đang ở trong định diệt thọ tưởng. Tôi lúc trước được thân nghe từ Phật rằng, khi Phật từ tứ thiền xuất mới vào Niết-bàn.

Rồi Thế Tôn từ diệt thọ tưởng định xuất, nhập phi tưởng phi

phi tưởng, từ phi tưởng phi phi tưởng xuất, nhập vô sở hữu định; từ vô sở hữu định xuất, nhập thức xứ định; từ thức xứ định xuất, nhập không xứ định; từ không xứ định xuất, nhập tứ thiền; từ tứ thiền xuất, nhập tam thiền; từ tam thiền xuất, nhập nhị thiền; từ nhị thiền xuất, nhập sơ thiền; rồi lại từ sơ thiền xuất lần lượt đến tứ thiền, rồi từ tứ thiền xuất, Phật vào Niết-bàn. Ngay lúc đó, cõi đất rung động, trời người kinh hoàng. Những chỗ tối tăm mà mặt trăng mặt trời không rọi đến được đều được chói sáng. Chúng sanh ở đó trông thấy nhau, và bảo nhau: 'Người kia sinh ra người này. Người kia sinh ra người này.' Ánh sáng ấy chiếu khắp, hơn cả ánh sáng của chư thiên.

Bấy giờ, trời Đao-lợi, ở giữa hư không, dùng hoa văn đa-la, hoa ưu-bát-la, hoa ba-đầu-ma, hoa câu-ma-đầu, hoa phân-đà-lỵ, tán rải trên thân Phật và chúng hội. Rồi lại lấy bột hương chiên-đàn tán rải trên thân Phật và chúng hội.

Phật diệt độ rồi, khi ấy Phạm thiên vương ở giữa hư không ngâm bài kệ rằng:

Hết thảy loài sinh linh
Đều phải bỏ thân mạng
Phật là đấng vô thượng
Thế gian không ai bằng.

Như Lai đại Thánh hùng
Có thần lực vô úy
Đáng lẽ ở đời lâu
Nhưng nay diệt độ rồi!

Trời Thích-đề-hoàn Nhơn đọc bài kệ:

Ấm hành đều vô thường
Chỉ là pháp sinh diệt
Có sanh đều có chết
Phật tịch diệt là vui.

Tỳ-sa-môn-Thiên vương đọc bài kệ:

Đại tòng lâm cây phúc
Sa-la phước vô thượng
Đấng ruộng phước ứng cúng
Diệt độ giữa rừng cây.

Tỳ-kheo A-na-luật đọc bài kệ:

Phật an trú vô vi
Không cần thở ra vào
Vốn từ Tịch diệt đến
Sao Thiêng lặn nơi đây.

Tỳ-kheo Phạm-ma-na đọc bài kệ:

Không sanh tâm giải mạn
Tự ước, tu thượng tuệ
Không nhiễm, không bị nhiễm
Đấng Chí Tôn lìa ái.

Tỳ-kheo A-nan đọc bài kệ:

Trời người lòng kinh sợ
Toàn thân lông dựng lên

Việc giáo hóa thành tựu
Thế Tôn vào Niết-bàn.

Thần Kim-tỳ-la dâng lời tán Phật:

Thế gian mất che chở
Chúng sanh trọn mù lòa
Không còn thấy Chánh giác
Đấng sư tử giữa người.

Mật Tích lực sĩ đọc bài kệ:

Các thiên, nhân, ma, phạm
Đời nay và đời sau
Không còn thấy được Phật
Bậc sư tử giữa người.

Phật mẫu Ma-da đọc bài kệ:

Phật sanh vườn Lâm-tỳ
Đạo Ngài lưu bố rộng
Trở lại chỗ bản sinh
Ngài xả thân vô thường.

Thần Song Thọ đọc bài kệ:

Bao giờ tôi lại lấy
Hoa sái mùa cúng dâng
Đấng trọn đủ mười lực
Như Lai vào Niết-bàn.

Thần rừng cây Sa-la đọc bài kệ:

Chỗ này vui thượng diệu
Phật sanh trưởng tại đây
Ở đây chuyển xe pháp
Lại ở đây Niết-bàn.

Tứ Thiên vương đọc bài kệ:

Như Lai vô thượng trí
Thường diễn lẽ vô thường
Cởi trói chúng sanh khổ
Nay trọn vào Niết-bàn.

Đao-lỵ thiên vương đọc bài kệ:

Trải ức nghìn vạn kiếp
Mong thành Đạo vô thượng
Cởi trói chúng sanh khổ
Nay trọn vào Niết-bàn.

Diệm Thiên vương đọc bài kệ:

Đây mảnh y tối hậu
Dùng quấn thân Như Lai
Nay Phật diệt độ rồi
Y này để cúng ai.

Đâu-suất-đà Thiên vương đọc bài kệ:

Đây là thân cuối cùng

Ấm giới diệt ở đây
Không tâm tưởng lo mừng
Không tai hoạn già chết.

Hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:

Đúng vào giữa đêm nay
Phật nằm nghiêng bên hữu
Ở tại rừng Sa-la
Thích sư tử diệt độ.

Tha hóa tự tại Thiên vương đọc bài kệ:

Thế gian mãi tối tăm
Trăng sao đều rơi rụng
Mây vô thường che kín
Mặt trời đại trí mờ.

Các Tỳ-kheo đọc bài kệ:

Thân này như bèo bọt
Mong manh có gì vui
Phật được kim cang thân
Còn bị vô thường hoại.

Thể kim cang chư Phật
Cũng đều qui vô thường
Tiêu tan như băng tuyết
Huống những người thế gian.
(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

TÚC MẠNG TRÍ

Các hiền giả Tỳ-kheo, duy chỉ đấng Vô thượng tôn, rất kỳ diệu, oai lực lớn lao, thần thông viễn đạt, mới biết rõ quá khứ vô số đức Phật nhập Niết-bàn, dứt sạch các kết sử, tiêu diệt các hý luận, và cũng biết rõ kiếp số các đức Phật ấy dài hay ngắn, cho đến danh hiệu, dòng họ thác sinh, sự ăn uống, thọ mệnh dài ngắn, cảm thọ lạc và cảm thọ khổ như thế nào; lại biết rõ các đức Phật ấy có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, an trụ như vậy.

(Trường A Hàm, Kinh Đại Bản Duyên, số 1)

UỐNG RƯỢU CÓ SÁU LỖI

Uống rượu có sáu điều lỗi: hao tài; sanh bệnh; đấu tranh; tiếng xấu đồn khắp; bộc phát nóng giận; tuệ giảm dần.

Nếu trưởng giả hay con trai trưởng giả ấy uống rượu không thôi thì nghiệp gia sản ngày mỗi tiêu tán.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

VÌ SAO CÓ NĂM LOẠI HẠT Ở THẾ GIAN?

Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống?

Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số

30)

VÌ SAO CÓ SÔNG NGÒI?

Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi?

Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

VÌ SAO GỌI LÀ DIÊM PHÙ ĐỀ?

Diêm-phù-đề, sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm phù sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù.

Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nấm, vị của nó như mật; cây có năm góc lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiện-tỳ-đề; năm, Mạn-đà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lị. Trái ở góc phía Tây được hải trùng ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

VÌ SAO MẶT TRĂNG CÓ BÓNG ĐEN?

Vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen?

Do bóng cây Diêm phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

VÌ SAO MẶT TRĂNG KHUYẾT?

Vì duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít? Có ba nhân duyên nên cung điện mặt trăng khuyết giảm mỗi khi một ít:

Mặt trăng phát xuất từ phương góc.

Trong cung điện mặt trăng có các đại thần đều mặc y phục màu xanh, theo thứ tự mà lên, trú xứ cũng trở thành xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm.

Cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

VÌ SAO MẶT TRĂNG TRÒN DẦN?

Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đầy dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đầy dần:

Mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đầy.

Các thần cung điện mặt trăng hết thảy đều mặc y phục màu

xanh, và Thiên tử mặt Trăng vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lấn át ánh sáng chư thiên, nên ánh sáng đầy khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Thiên tử mặt trăng cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng chư thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy.

Thiên tử mặt trời tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng trong vào ngày rằm, thiên tử mặt trăng cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số 30)

VÌ SAO MẶT TRỜI NÓNG?

Vì duyên gì nên ánh sáng mặt trời nóng bức? Có mười nhân duyên:

Ngoài núi Tu-di có núi Khư-đà-la cao bốn vạn hai nghìn do-tuần, rộng bốn vạn hai nghìn do-tuần, biên núi không ước lượng được; núi được tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

Bên ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà cao hai vạn một nghìn do-tuần, rộng cũng hai vạn một nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

Bên ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đề-đà-la, bên trên cao một vạn hai nghìn do-tuần, rộng một vạn hai nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, tạo thành bởi bảy báu. Khi ánh sáng mặt trời

chiếu đến núi này, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

Ở ngoài cách núi Thọ-đề-đa-la không xa có núi gọi là Thiện kiến, cao sáu nghìn do-tuần, rộng sáu nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt.

Ở ngoài núi Thiện kiến có núi Mã tự cao ba nghìn do-tuần, ngang rộng cũng ba nghìn do-tuần, chu vi là vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt.

Ở ngoài cách núi Mã tự không xa có núi Ni-di-đà-la, cao một nghìn hai trăm do-tuần, rộng một nghìn hai trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt.

Ở ngoài cách núi Ni-di-đà-la không xa có núi Điều phục, cao sáu trăm do-tuần, rộng cũng sáu trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, núi được hình thành bởi bảy báu, khi áng sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát sinh ra nhiệt.

Ở ngoài núi Điều phục có núi Kim cương luân, cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, chu vi thì vô lượng, tạo thành bởi bảy báu, khi ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phát ra nhiệt.

Bên trên một vạn do-tuần có cung điện Trời gọi là Tinh tú, tạo thành bởi lưu ly. Khi ánh sáng mặt trời chiếu vào nó, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

Ánh sáng cung điện mặt trời chiếu xuống đại địa, xúc chạm mà phát sinh ra nhiệt.

(Trường A Hàm, Kinh Thế Ký, Phẩm 12.Thế Bổn Duyên, số

30)

VÍA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

Phật sanh giờ nào? Thành đạo giờ nào? Diệt độ thời nào?

Sanh khi sao Phất mọc. Xuất gia khi sao Phất mọc. Thành đạo khi sao Phất mọc. Diệt độ khi sao Phất mọc.

Lưỡng túc tôn sanh thế nào?
Xuất gia tu khổ thế nào?
Đắc Tối thượng đạo thế nào?
Nhập Niết-bàn thành thế nào?

Mồng tám Như Lai sanh
Mồng tám Phật xuất gia
Mồng tám thành Bồ đề
Mồng tám vào diệt độ.

Sao Phất mọc, Thế Tôn sanh
Sao Phất mọc, Phật xuất gia
Sao Phất mọc, thành Chánh giác
Sao Phất mọc, nhập Niết-bàn.

Mồng tám sanh Lưỡng túc tôn
Mồng tám vào rừng tu khổ
Mồng tám thành Tối thượng đạo
Mồng tám vào thành Niết-bàn.
Tháng hai Như Lai sanh
Tháng hai Phật xuất gia
Tháng hai thành Bồ-đề
Tháng hai vào diệt độ.

Tháng hai sanh Lưỡng túc tôn
Tháng hai vào rừng tu khổ
Tháng hai thành Đạo tối thượng
Tháng hai vào thành Niết-bàn.

Sa-la hoa nở rộ
Đủ màu ánh chói nhau
Tại chỗ bản sanh ấy
Như Lai nhập Niết-bàn.

Đức Đại từ Niết-bàn
Nhiều người xưng tán lễ
Vượt qua các sợ hãi
Quyết định nhập Niết-bàn.
(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

VUA ĐẾ-THÍCH ĐƯỢC THỌ KÝ

Bạch Đức Thế Tôn, con lại thấy các đại thiên thần sau khi tự thỏa mãn với ngũ dục, dần dần từng vị mạng chung. Lúc ấy, bạch Thế Tôn, con rất kinh sợ, lông tóc dựng đứng.

Khi gặp các Sa-môn, Bà-la-môn sống nơi thanh vắng, lìa bỏ gia đình, lìa bỏ dục lạc, con bèn tìm đến hỏi họ rằng: 'Thế nào là cứu cánh?' Con hỏi ý nghĩa ấy, nhưng họ không thể trả lời. Đã không thể trả lời, họ hỏi ngược lại con: 'Ông là ai?' Con liền đáp: 'Tôi là Thích Đề-hoàn Nhân.' Kia lại hỏi: 'Ông là Thích nào?'Con đáp: 'Tôi là Thiên đế Thích. Trong lòng có mối nghi nên đến hỏi.' Rồi con và vị ấy theo chỗ thấy biết của mình cùng giải thích ý nghĩa.

Kia nghe con nói, kia lại nhận làm đệ tử của con. Nay con là đệ tử Phật, chứng đắc Tu-đà-hoàn đạo, không còn đọa cõi dữ; tái sanh tối đa bảy lần tất thành đạo quả. Cúi mong Thế Tôn thọ ký con là Tư-đà-hàm.

(Trường A Hàm, Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn, số 14)

XUẤT GIA HƠN VIỆC TẾ TỰ

Phật nói: Nếu bằng ba tế tự và mười sáu tế cụ, và thường cúng dường chúng tăng không để gián đoạn, và vì chiêu đề tăng mà dựng tăng phòng, nhà cửa, lầu gác; chẳng bằng khởi tâm hoan hỷ, miệng tự phát thành lời rằng: Tôi quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Phước này tối thắng.

Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu hỏi: Chừng ấy ba pháp quy y được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu với tâm hoan hỷ thọ và hành năm giới, suốt đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu; phước này tối thắng.

Lại hỏi: Chừng ấy ba pháp tế tự (...), cho đến năm giới, được quả báo lớn hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu có thể bằng từ tâm nhớ nghĩ chúng sanh bằng khoảnh khắc vắt sữa bò; phước ấy tối thắng.

Lại hỏi: Chừng ấy ba pháp tế tự, cho đến từ tâm, được quả báo lớn, hay còn có cái gì hơn nữa?

Phật nói: Có.

Lại hỏi: Đó là cái gì?

Phật nói: Nếu Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác xuất hiện ở đời, có người theo Phật pháp xuất gia tu đạo, mọi đức đều hoàn bị, cho đến, đầy đủ ba minh, diệt các sự tối tăm, đầy đủ tuệ minh. Vì sao? Vì không buông lung, ưa sống nơi thanh vắng; phước này tối thắng.

Cứu-la-đàn-đầu bạch Phật:

Thưa Cù-đàm! Tôi vì tế tự mà chuẩn bị bò, dê mỗi thứ năm trăm con. Nay sẽ thả hết, mặc chúng tùy ý đi tìm cỏ, nước. Tôi nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin nhận tôi làm ưu-bà-tắc trong chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến hết đời, không giết, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu.

Cúi mong Thế Tôn cùng đại chúng nhận lời mời sáng mai của tôi.

(Trường A Hàm, Kinh Cứu-la-đàn-đầu, số 23)

Ý NGHĨA ĐẲNG CHÁNH GIÁC

Do nghĩa gì mà gọi là Đẳng chánh giác?

Những gì mà Phật thấy biết, diệt trừ, giác ngộ, Phật thảy đều giác ngộ, biết rõ, nên gọi là Đẳng chánh giác.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

Ý NGHĨA NHƯ LAI

Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi, nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Đức Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thảy đều như thật; do đó gọi là Như Lai.

Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự, sự đúng như lời. Do đó gọi là Như Lai.

(Trường A Hàm, Kinh Thanh Tịnh, số 17)

Ý NGHĨA SÁU PHƯƠNG

Thiện Sinh bạch Phật: Khi cha tôi sắp chết có dặn, Nếu con muốn lạy, trước hết hãy lạy các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới. Tôi vâng lời cha dạy không dám chống trái, nên sau khi tắm gội xong, chấp tay hướng mặt về phương Đông mà lễ phương Đông trước rồi tiếp lễ khắp các phương Tây, Nam, Bắc, trên, dưới.

Phật bảo Thiện Sinh: Này con trai trưởng giả! Quả có cái tên các phương đó chứ không phải không. Nhưng trong pháp của bậc Hiền Thánh của ta chẳng phải lễ sáu phương như thế là cung kính đâu.

Thiện Sinh thưa: Cúi xin đức Thế Tôn thương dạy cho con cách lễ sáu phương theo pháp của Hiền Thánh.

Ngươi nên biết ý nghĩa sáu phương. Sáu phương là gì?

Phương Đông là cha mẹ,
Phương Nam là sư trưởng,
Phương Tây là thê thiếp,

Phương Bắc là bạn bè thân thích,
Phương trên là các bậc trưởng thượng,
Sa-môn, Bà-la-môn, phương dưới là tôi tớ.
(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

YÊU GHÉT TỪ ĐÂU CÓ

Tham lam, tật đố phát sanh do bởi yêu ghét; yêu ghét là nhân; yêu ghét làm duyên; yêu ghét làm nguyên thủ; từ đó mà có, từ đó mà không. Con nay nghe lời Phật dạy, mê hoặc đã được dứt bỏ, không còn nghi ngờ nữa. Nhưng con không hiểu yêu ghét do dâu mà sanh; do bởi nhân gì, duyên gì; cái gì làm nguyên thủ; từ cái gì mà có, do cái gì mà không?

Yêu ghét phát sanh ở nơi dục; do nhân là dục, do duyên là dục; dục là nguyên thủ, từ đó mà có; không cái này thì không.

(Trường A Hàm, Kinh Thích Đề Hoàn Nhân Vấn, số 14)

XÁ LỢI CỦA ĐỨC PHẬT ĐƯỢC CHIA LÀM TÁM PHẦN

Xá lợi của Thế Tôn được chia đều cho tám nước của Ấn độ cổ đại:

Câu-thi-la 2) Ba-bà

3) Giá-la 4) La-ma-già

5) Tỳ-lưu-đề 6)Ca-duy-la-vệ

7) Tỳ-xá-ly 8) Ma-kiệt-đà

Bà-la-môn Hương Tánh đem cái bình dùng chia xá-lợi về nhà dựng tháp cúng dường. Dân chúng thôn Tất-bát đem phần tro còn lại về dựng tháp cúng dường.

Như vậy, xá-lợi Phật được chia thờ ở tám tháp nơi tám nước, tháp thứ chín là cái bình, tháp thứ mười là tháp tro và tháp thứ mười một là tháp tóc, thờ tóc Phật khi còn tại thế.

(Trường A Hàm, Kinh Du Bộ, số 2)

XIN QUY Y TAM BẢO

Thiện Sinh bạch Phật:

Lành thay, bạch Thế Tôn! Thật quá chỗ mong ước của con xưa nay, vượt xa những lời dạy của cha con. Như lật ngửa những gì bị úp xuống; như mở ra những gì bị đóng kín; như người mê được tỏ, đang ở trong nhà tối được gặp đèn, có mắt liền thấy. Những gì được Như Lai thuyết giảng cũng như thế; bằng vô số phương tiện khai ngộ cho kẻ ngu tối; làm rõ pháp thanh bạch. Phật là đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, do đó có thể chỉ bày, hướng dẫn cho đời.

Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin đức Thế Tôn chấp thuận cho con được làm ưu-bà-tắc ở trong chánh pháp. Kể từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện không giết, không trộm, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

(Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh, số 16)

***

CHƯƠNG 4

NHỮNG LỜI PHẬT DẠY TRONG TRUNG A-HÀM

ÁC DỤC, NIỆM DỤC

Chư Hiền, nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không ưa thích người đó và nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi.

Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành ác dục, không niệm dục. Nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ Kheo Thỉnh, Phẩm 8, số 89)

ÁC QUẢ, ÁC BÁO

Này A-nan, nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục, trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

ÁC TUỆ

Nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác tuệ. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

ÁI DIỆT KHỔ DIỆT THÁNH ĐẾ

Thế nào là ái diệt Khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thực có sáu xứ tham ái bên trong: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Chúng sanh ấy giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là Khổ diệt.

Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, tư, ái, cũng lại như vậy.

Chúng sanh quả thật có sáu giới tham ái: Đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

ÁI DỤC

Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về tập của ái, diệt của ái và diệt đạo của ái.

Thế nào là biết như thật về ái? Có ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Thế nào là biết như thật về tập của ái? Do thọ mà có ái.

Thế nào là biết như thật về diệt của ái? Thọ diệt tức ái diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của ái? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

ÁI DỤC NHƯ BÓ ĐUỐC

Này Cư sĩ, cũng như một người tay cầm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy không liệng bỏ tức khắc, nhất định có cháy tay và các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp: Thật sự như vậy, Cù-đàm.

Ý Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc, sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng?

Cư sĩ đáp: Không vậy Cù-đàm.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, ‘Dục vọng

như bó đuốc đang cháy; Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi dục vọng thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ CON RẮN

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc địa, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc, chớ không muốn đau đớn, rất ghét đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao, người ấy há lại thò tay cho con rắn cắn, hay các chi thể khác và nói rằng, 'Này, mổ đi! Này mổ đi!' Như vậy chăng?

Cư sĩ đáp: Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ rằng, 'Nếu ta thò tay và các chi thể khác cho con rắn nó mổ, nhất định phải chết chớ không nghi ngờ. Dù không chết thì nhất định phải chịu đau đớn vô cùng'. Người ấy thấy con rắn bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như con rắn độc, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi dục vọng thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ GẶM CỤC XƯƠNG

Như một con chó đói, gầy ốm, mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó lượm được khúc xương rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng, hoặc gây thương hại cuống họng, nhưng con chó không vì vậy mà đoạn trừ được đói.

Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như bộ xương khô. Thế Tôn nói dục vọng như bộ xương khô, hoan lạc ít mà khổ não lại nhiều, đầy dẫy nguy hiểm, nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi sự vật dục của thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy tu tập điều đó.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ GIẤC MƠ

Này Cư sĩ, cũng như một người nằm mộng, thấy mình sung túc, năm thứ dục lạc thỏa thích. Nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây, tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận, không dư tàn. Hãy nên tu tập sự kiện này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ HẦM LỬA

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn, trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chớ không muốn đau đớn, rất ghét sự đau đớn; muốn sống chớ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người ấy lại nhảy vào hầm lửa này chăng?

Cư sĩ đáp: Không phải vậy, Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng, 'Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chớ không nghi ngờ. Dù không chết, nhất định chịu đựng đau đớn vô cùng'. Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc xa lìa, ước mong xa lìa, xả ly.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như hầm lửa. Thế Tôn nói dục vọng như hầm lửa, hoan lạc ít mà khổ não nhiều đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ MIẾNG THỊT

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rơi trên khoảng đất trống; hoặc quạ hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những quạ diều khác đuổi theo để tranh giành. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ diều ấy không chịu xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác vẫn đuổi theo để dành giựt chăng?

Cư sĩ đáp: Thật sự như vậy, Cù-đàm.

Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu quạ diều ấy xả bỏ tức khắc miếng thịt này, các quạ diều khác có còn đuổi theo để dành giựt chăng?

Cư sĩ đáp: Không vậy, Cù-đàm.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Dục vọng như miếng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt; hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lìa đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận không dư tàn. Hãy nên tu tập điều này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ TRÁI CÂY

Này Cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một gốc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Một người đi đến, đói, mệt mỏi, gầy ốm, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng, 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt. Ta đang đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái. Nhưng dưới gốc không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Ta biết leo cây. Bây giờ ta có nên leo lên cây này chăng?' Nghĩ xong, bèn leo lên. Lại cũng có một người khác, đói, gầy ốm, mệt mỏi, muốn được ăn trái, cầm một cái búa rất lớn, bèn nghĩ rằng: 'Cây này thường có nhiều trái ngon lành đẹp mắt nhưng dưới gốc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về, ta không biết leo cây. Bây giờ ta có nên đốn ngã cây này chăng?', bèn đốn ngã cây ấy. Ý Cư sĩ nghĩ sao? Người trên cây nếu không xuống nhanh khi cây ngã xuống đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp: Thật sự như vậy, Cù-đàm.

Ý Cư sĩ nghĩ sao, nếu người trên cây leo xuống nhanh, khi cây ngã xuống đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng?

Cư sĩ đáp: Không vậy, Cù-đàm.

Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy, 'Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm hãy lánh xa đi'. Nếu ai có sự xả ly dục ly ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian, vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập sự kiện này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ÁI DỤC NHƯ VAY MƯỢN

Này Cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi ngựa, xe cộ, hoặc chen gấm mùng mền, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ, hoặc tràng hoa vàng báu, hoặc danh y thượng phục, rồi nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng, 'Như vậy, tốt lành thay! Như vậy, sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vậy'. Nhưng chủ nhân có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn, bèn tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt, những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng, 'Nó là người vay mượn; thật sự là lừa gạt chớ không phải vay mượn. Vì sao?

Vì chủ nhân của sở hữu có thể tước đoạt hay sai người tước đoạt bất cứ lúc nào muốn. Và rồi đã tự mình tước đoạt hay sai người tước đoạt'. Này Cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử tư duy như

vầy, 'Dục vọng như vay mượn. Thế Tôn nói dục vọng như vay mượn hoan lạc ít mà khổ não nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi'. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này, thì ở đây tất cả mọi vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận không dư tàng. Hãy tu tập điều này.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

AI ĐƯỢC HÓA ĐỘ KHI CỒ-ĐÀM VỪA THÀNH CHÁNH GIÁC?

Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la Già-la-ma trước chăng?'

Lúc bấy giờ có Thiên thần trụ trong hư không nói với Ta rằng: Đại Tiên nhân, xin biết cho, A-la-la Già-la-ma vừa mạng chung đến nay đã được bảy ngày'. Ta cũng tự biết A-la-la Già-la-ma đã mạng chung được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vầy, 'A-la-la Già-la-ma, thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu được nghe pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp.

Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, liền nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho Uất-đà-la La-ma Tử trước nhất chăng? Thiên thần lại trụ trong hư không nói với Ta rằng, 'Đại Tiên nhân, xin biết cho, Uất-đà-la La-ma Tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất'. Ta cũng tự biết Uất đầu la La-ma Tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vầy, 'Uất-đà-la La-ma Tử thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này. Nếu nghe được pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy pháp'.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

ÁI SANH SẦU BI NÃO

Giả sử có một người đàn bà đã chết. Người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường, nói như vầy, 'Này các người, có thấy mẹ tôi chăng? Này các người có thấy mẹ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu khi ái sanh, thì cũng sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chị, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát sanh cuồng, loạn trí, cởi áo cởi quần, trần truồng chạy rong khắp cả ngõ đường, nói rằng, 'Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng? Này các ngài, có thấy vợ tôi chăng?' Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

Này Na-lị-ương-già, thuở xưa có một người đàn bà về thăm gia đình, các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải giá. Người đàn bà ấy tức tốc trở về nhà chồng, nói với chồng rằng, 'Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp vợ của ông để gả cho người khác. Ông có mưu kế gì chăng?' Người ấy bèn nắm cánh tay của bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng, 'Chết chung, sang đời khác với nhau! Chết chung, sang đời khác với nhau!' Rồi lấy con dao bén chém chết vợ và mình cũng tự sát luôn. Này Na-lị-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng, 'Nếu ái sanh thì cũng sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não'.

(Trung A Hàm, Kinh Ái Sanh, Phẩm 18, số 216)

ÁI TẬN GIẢI THOÁT

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Mắt vị ấy thấy sắc, nhưng đối với sắc đẹp không hoan lạc chấp trước, đối với sắc xấu không ghét bỏ. Vị ấy lập niệm tại thân với một tâm vô lượng, biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp ác bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Ý biết pháp đối với cái đẹp không hoan lạc, chấp trước, đối với cái xấu không ghét bỏ. Lập niệm tại thân với một tâm vô lượng.

Biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát, các pháp bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Vị ấy như vậy, diệt những gì yêu ghét được lãnh nạp bởi thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Vị ấy không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ ấy. Do không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ theo cảm thọ ấy, nếu có cảm thọ lạc, nó liền diệt. Lạc diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não cũng diệt. Như vậy, toàn vẹn khối lớn khổ đau này đều diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Trà Đế, Phẩm 16, số 201)

ÁI TẬP KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ

Cái gì là ái tập Khổ tập Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh thật có sáu xứ tham ái bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý xứ. Trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có ô nhiễm, có đắm trước thì

gọi là tập.

Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng: 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

Biết như vậy là biết như thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Cũng vậy, ngoại xứ xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

Này chư Hiền, chúng sanh quả thực có sáu giới tham ái: đất, nước, lửa, gió, hư không, thức giới, trong đó nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập.

Này chư Hiền, Đa văn Thánh đệ tử biết rằng 'Ta biết pháp như vậy, thấy như vậy, hiểu như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vậy, đó là ái tập Khổ tập Thánh đế.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

A-LA-HÁN

Như vậy là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy, hãy tu tập bảy đạo phẩm, vô ngại, chánh tư, chánh niệm.

Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát; biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong,

không còn tái sanh nữa'. Nếu có chúng sanh và chín trú xứ của chúng sanh, cho đến cõi đệ nhất hữu với hành còn tàn dư, tức cõi hữu tưởng vô tưởng xứ, ở trong khoảng trung gian đó, là bậc đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu; đó chính là vị A-la-hán ở trong đời. Vì sao vậy?

Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn khoái lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Vô Thường, Phẩm 11, số 120)

A-LA-HÁN DANH TUỆ GIẢI THOÁT

Thế tôn nói: A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân, với các chủng loại tưởng, là loài người và loài trời cõi Dục; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, vị ngọt, tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo kia có thể vui thích nơi trụ xứ của thức ấy, kế trước và trụ nơi trụ xứ ấy của thức chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân nhưng một chủng loại tưởng, là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ; nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tưởng, ấy là

Hoảng dục thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tưởng, ấy là Biến tịnh thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể an lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế

trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trụ xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trụ xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi trụ xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, đối với trụ xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai hoạn, biết xuất yếu, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kế trước và trụ nơi xứ kia của thức chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật bảy trụ xứ của thức và

hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán danh tuệ giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

ẨN CƯ SAU KHI NGHE PHÁP THOẠI

Được nghe pháp Đức Thế Tôn dạy, con sẽ sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo là để đạt được vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời này tự tri tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Úc-già-chi-la, Phẩm 7, số 76)

AN ỔN TRONG CHÁNH PHÁP

Phật thuyết Chánh pháp luật
Nếu có kẻ không tin
Người ấy chắc bị hại
Như bị La-sát thịt.

Phật thuyết Chánh pháp luật
Nếu có kẻ kính tin
Người ấy được an ổn
Như nương Mao mã vương.
(Trung A Hàm, Kinh Thương Nhân Cầu Tài, Phẩm 11, số 136)

AN TRÚ BÊN TRONG

Tỳ kheo, tâm hướng về bên ngoài, bị phân rải, tán loạn, tâm không an trú vào bên trong, không chấp thủ nhưng sợ hãi. Nhưng, này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các ngươi đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị phân rải, tán loạn, tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi.

Như vậy các ngươi không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là tận cùng sự khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

AN TRỤ TỨ NIỆM XỨ VÀ BẢY GIÁC CHI

Nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém mà tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, trường hợp này tất có.

Nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác ý, trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

ÁNH SÁNG NÀO SÁNG HƠN?

Thế Tôn hỏi rằng: Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn

dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?

Dị học Tiễn Mao đáp rằng: Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm, thì ánh sáng đèn dầu tối thượng, tối thắng.

Hỏi: Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng đó, cái nào tối thượng, tối thắng?

Đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa cây lớn đối với ánh sáng đốt đèn dầu thì ánh sáng lửa đống cây lớn tối thượng, tối thắng.

Hỏi: Ưu-đà-di, ý ông thế nào? Ánh sáng chiếu của lửa đống cây lớn, trong đêm tối và ánh sáng chiếu của sao Thái bạch vào buổi sáng, trời không u ám, hai ánh sáng ấy, ánh sáng nào tối thượng, tối thắng?

Đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng của saoThái bạch đối với ánh sáng của lửa đống cây lớn, thì ánh sáng của sao Thái bạch tối thượng, tối thắng.

Hỏi: Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng tỏa chiếu của mặt trăng nửa đêm không u ám, trong ánh sáng ấy, cái nào tối thượng, tối thắng?

Đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng của mặt trăng đối với ánh sáng của sao Thái bạch thì ánh sáng của mặt trăng tối thượng, tối thắng.

Hỏi: Này Ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, và ánh sáng chiếu tỏa của

mặt trời vào mùa thu, đứng ngay giữa bầu trời trong suốt, không u ám, trong hai ánh sáng ấy cái nào tối thượng, tối thắng?

Đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời tối thượng, tối thắng.

Thế Tôn bảo rằng:

Này Ưu-đà-di, có rất nhiều chư Thiên; mà nay ánh sáng của mặt trời và ánh sáng của mặt trăng này, tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhưng ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng của chư Thiên. Ta ngày xưa đã cùng với chư Thiên tụ tập luận sự, nhưng những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: 'Sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng'. Này Ưu-đà-di, còn ông đối với ánh lửa đom đóm, lửa sâu bọ, sắc rất tệ, rất xấu mà nói 'Sắc đó vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng,' và khi được hỏi lại không biết.

(Trung A Hàm, Kinh Tiễn Mao, Phẩm 17, số 208)

BA ĐIỀU ĐÁNG CHÊ

Tôn sư thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng, trung, hạ không học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê.

Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trưởng thượng, trung, hạ không đoạn trừ pháp ấy. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng chê.

Với những điều có thể thủ chứng mà đệ tử trưởng thượng, trung, hạ lại từ bỏ phương tiện. Vị đệ tử này vì vậy mà đáng

chê.

Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử trưởng thượng, trung, hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly thì người đệ tử ấy có ba điều đáng chê trách này.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

BA LOẠI GAI NHỌN

Lành thay! Lành thay! Nếu là Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử, nên nói như thế này: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Đức Thế Tôn cũng nói: 'Âm thanh là gai nhọn đối với thiền'. Vì sao? Vì quả thật Ta có nói như vậy:

Âm thanh là gai nhọn đối với thiền.
Phạm giới là gai nhọn đối với trì giới.
Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn.
Tịnh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh.
Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm.
Uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu.
Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với phạm hạnh.
Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Sơ thiền.
Giác quán là gai đối với nhập đệ Nhị thiền.
Hỷ là gai nhọn đối với nhập đệ Tam thiền.
Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập đệ Tứ thiền.
Sắc tưởng là gai nhọn đối với nhập Không xứ.
Không tưởng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ.
Thức tưởng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ.
Tưởng tri là gai nhọn đối với nhập Tưởng tri diệt định.

Lại cũng có ba loại gai nhọn khác; gai nhọn dục, gai nhọn nhuế và gai nhọn ngu si. Với ba loại gai này, bậc lậu tận A-la-

hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt không còn sanh, ấy là bậc A-la-hán không bị gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai.

(Trung A Hàm, Kinh Vô Thích, Phẩm 7, số 84)

BA MƯƠI HAI TƯỚNG

Này chư Hiền, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chân thật, không hư dối. Nếu ở tại gia thì chắc chắn vị ấy làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh, không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả; không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc.

Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe.

(Trung A Hàm, Kinh Tam Thập Nhị Tướng, Phẩm 6, số 59)

BA MƯƠI HAI TƯỚNG ĐẠI NHÂN

Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân, thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực không sai lầm. Đó là, nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển luân vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là pháp

vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chắc chắn đắc quả Như Lai, Bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe.

(Trung A Hàm, Kinh Phạm Ma, Phẩm 12, số 161)

BA NGHIỆP CỦA THÂN

Những gì là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, phải thọ khổ báo?

Một là sát sanh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh, cho đến loài côn trùng.

Hai là lấy của không được cho, đắm trước tài vật của kẻ khác, chiếm lấy với ý muốn trộm cắp.

Ba là tà dâm; người kia chính mình xâm phạm tới người nữ có cha giữ gìn, hoặc có mẹ gìn giữ, hoặc được cả cha và mẹ giữ gìn, hoặc được chị em giữ gìn, hoặc được anh em gìn giữ, hoặc được cha mẹ vợ gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ; hoặc được bảo vệ bằng đe dọa hình phạt hay roi vọt, hoặc đã được thuê, hoặc đã được hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin.

Đó là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

(Trung A Hàm, Kinh Tư, Phẩm 2, số 15)

BA NGHIỆP CỦA Ý

Những gì ba nghiệp của ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo?

Tham lam; thấy tài vật và các tư cụ sinh sống của người khác thường tham lam ước muốn sao cho được về của mình.

Sân nhuế; trong ý ôm ấp oán ghét, nghĩ rằng: chúng sanh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng.

Tà kiến; sở kiến điên đảo, thấy như vầy, nói như vầy: 'không có bố thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau; không có cha mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến chỗ chí thiện, khéo vượt qua, khéo hướng đến, ở đời này và đời sau mà tự chứng tri, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú.

Đó là ba nghiệp do ý cố tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ ấy khổ báo.

(Trung A Hàm, Kinh Tư, Phẩm 2, số 15)

BA NGUYÊN NHÂN ĐẤT CHẤN ĐỘNG

Có ba nguyên nhân khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Những gì là ba?

Cõi đất này y chỉ trên nước; nước y chỉ trên gió; gió y vào hư

không. A-nan, có khi trong hư không nổi lên gió lớn. Gió nổi lên thì nước bị khuấy động. Nước bị khuấy động thì xảy ra động đất.

Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Vị trời theo hộ vệ vị Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi lên ý tưởng nhỏ đối với đất, khởi ý tưởng vô lượng tưởng đối với nước. Do nguyên nhân ấy nên đất tùy theo sở dục, tùy theo ý tưởng của vị ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động.

Nếu còn không đầy ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Do cớ ấy khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ. Đó là nguyên nhân thứ ba khiến cõi đất bị chấn động mạnh.

Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Vì sao thế? Vì không bao lâu nữa, sau ba tháng, Như Lai sẽ nhập Niết-bàn; bấy giờ khiến cõi đất bị chấn động mạnh. Khi cõi đất bị chấn động mạnh, bốn mặt gió lớn nổi lên, bốn phương sao chổi mọc; nhà cửa, tường vách, tất cả đều sụp đổ.

(Trung A Hàm, Kinh Địa Động, Phẩm 4, số 36)

BA NHÂN DUYÊN SANH VÔ SỞ HỮU ĐỊNH

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô sở hữu định?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba nhân, ba duyên phát sanh vô sở hữu định. Những gì là ba? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng cho đến chứng đắc vô sở hữu xứ thành tựu an trụ. Đó gọi là ba nhân ba duyên phát sanh vô sở hữu định.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

BA SỬ ĐÃ TRỪ

Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh. Sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng rồi đạt đến khổ biên.

BA SỰ KIỆN KHIẾN THÀNH THÂY CHẾT

Ưu-bà-di Tì-xá-khư hỏi rằng: Bạch Ni sư, có bao nhiêu sự kiện mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng: Có ba sự kiện khiến sanh thân sau khi chết, thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba pháp khiến sanh thân sau khi chết thân bị liệng ngoài gò đống như cây gỗ vô tình.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

BA THỌ

Nếu lạc được cảm xúc bởi lạc xúc mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi khổ xúc mà sanh, thân và tâm cảm thọ khổ, không khoái lạc, thì thọ này gọi là cảm thọ khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi xúc không khổ không lạc mà sanh, thân và tâm cảm thọ không khổ không lạc, không phải khoái cảm hay không khoái cảm, thì cảm thọ này gọi là cảm giác không lạc không khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

BA THỌ: TẬP KHỞI, DIỆT ĐẠO CỦA THỌ

Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ.

Thế nào là biết như thật về thọ? Có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ và bất lạc bất khổ thọ.

Thế nào là biết như thật về tập của thọ? Do xúcmà có thọ.

Thế nào là biết như thật về diệt của thọ? Do xúc diệt nên thọ diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thọ? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về tập của thọ, diệt của thọ và diệt đạo của thọ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

BA THỜI HƯ VỌNG

Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ
Tương lai cũng chớ mong cầu
Quá khứ đã qua, đã mất
Tương lai chưa đến, còn xa.

Hiện tại những gì đang có
Thì nên quán sát suy tư
Niệm niệm mong manh không chắc
Người khôn biết vậy nên tu.

Nếu có làm theo hạnh Thánh
Ai hay nỗi chết ưu sầu
Nhất định tránh xa sự chết
Hiểm nguy, khổ lớn dứt trừ.

Như vậy thực hành tinh tấn
Ngày đêm không chút biếng lười
Vì vậy phải thường tụng đọc
Bạt-địa-la-đế kệ này.
(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

BA THỜI LÀ KHỔ THÁNH ĐẾ

Này chư Hiền, thời quá khứ là Khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt

bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

BA TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO

Ta có thể chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta chứng đắc đại tâm, thành tựu và an trú, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy thì tâm như thế không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ nhất.

Những gì là sắc, tất cả những sắc ấy là bốn đại và bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ hai.

Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc đời này hay sắc đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của

đời sau, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt'. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó gọi là thuyết Tịnh bất động đạo thứ ba.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

BA TỊNH VÔ HỮU XỨ ĐẠO

Dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, và bất động tưởng, tất cả tưởng đều là pháp vô thường, khổ và diệt. Vị ấy bấy giờ đắc Vô sở hữu xứ tưởng. Vị ấy bằng sự hành này, bằng sự học này, như vậy mà tu tập để phát triển rộng lớn, liền ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi tâm đã minh tịnh ở nơi xứ, Tỳ-kheo ấy, hoặc nhờ đó mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là gọi là thuyết Tịnh vô sở hữu xứ đạo thứ nhất.

Thế gian này là không, quỷ thần không, sở hữu của quỷ thần không, cái hữu thường không, cái hữu hằng không, cái trường tồn không, cái không biến dịch không. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà tâm nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

Ta không phải được tạo ra vì cái khác, cũng không phải được tạo ra vi chính mình. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

BA TỤ

Có ba tụ là giới tụ, định tụ và tuệ tụ.

Không phải Thánh đạo tám chi thâu nhiếp ba tụ, nhưng ba tụ thâu nhiếp Thánh đạo tám chi. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được nhiếp về Thánh giới tụ. Chánh niệm, chánh định, hai chi này được thâu nhiếp vào Thánh định tụ. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, ba chi này thân nhiếp vào Thánh tuệ tụ.

Đó là nói rằng không phải Thánh đạo tám chi ba tụ, nhưng ba tụ nhiếp Thánh đạo tám chi.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

BA ƯỚC MUỐN CỦA NGƯỜI THỊ GIẢ

Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan, xin nơi Phật ba lời nguyện, nói rằng: Những gì là ba?

Nguyện không đắp y của Thế Tôn, dù cũ hay mới;

Nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Phật;

Nguyện không gặp Thế Tôn phi thời.

Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu Đức Thế Tôn cho phép tôi nguyện ba điều ấy, tôi mới làm thị giả Đức Thế Tôn.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

Đức Thế Tôn nói: Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ hoặc các đồng phạm hạnh, nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, biết trước sẽ có những lời hiềm tỵ, hoặc có vị đồng phạm hạnh sẽ nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời hiềm tỵ hoặc các đồng phạm hạnh nói như vầy: 'Tỳ-kheo A-nan vì đồ ăn nên hầu hạ Đức Thế Tôn'. Thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời, biết lúc nào là thời nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời đến gặp Như Lai;

Biết lúc nào là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, lúc nào không phải là thời chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như

Lai, lúc nào không phải là thời chúng Ưu-bà-tắc và chúng Ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học không nên đến gặp Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có thể bàn luận với Như Lai;

Biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, có lợi ích, loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, có lợi ích; thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào Đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp; đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

BẬC VÔ HỌC

Bạch Thế Tôn, ví như một đồng tử thơ ấu, lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu tiểu căn và tiểu giới, nhưng sau đó được đầy đủ học căn. Như vậy là đồng tử đó lúc bấy giờ đã thành tựu học căn và học giới.

Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo tu học tuy chưa đắc ý nhưng mong cầu quả vị Niết-bàn an ổn vô thượng, vị ấy lúc bấy giờ chỉ mới thành tựu học căn và học giới, nhưng sau đó sẽ dứt trừ các lậu, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái

sanh nữa'. Vị ấy lúc bấy giờ đã thành tựu vô học căn và vô học giới.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

BẰNG HỮU XA LÁNH

Người hay sân nhuế bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

BẤT BẠO ĐỘNG CỦA ĐỨC PHẬT ĐÃ CẢM HÓA SỐ ĐÔNG

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, con tự do trong quốc thổ của mình, muốn giết kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, muốn giết kẻ có lỗi lầm ra lệnh giết; nhưng khi con ngồi trên đô tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vầy, 'Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ có ta mới có thể quyết đoán việc này'. Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi việc khác, không đợi người trước nói xong.

Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng vây quanh. Bấy giờ có một người ngủ gật mà ngáy, thấy gây tiếng động, một người khác bèn nói rằng, 'Ngài chớ có ngáy gây tiếng động. Ngài không muốn nghe pháp được Thế Tôn nói như cam lồ chăng?' Người ấy nghe rồi tức thì im lặng. Con nghĩ rằng, 'Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là Bậc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài không cần dùng dao, dùng gậy,

nhưng tất cả đều đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

BÁT CHÁNH ĐẠO

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về Thánh đạo tám chi, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đó là tám. A-nan, Thánh đạo tám chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BÁT CHÁNH ĐẠO ĐƯA ĐẾN NIẾT BÀN

Chư Hiền, thế nào là có một con đường giữa khác có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và cũng chứng đắc Niết-bàn?

Chư Hiền, đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định, ấy là tám. Chư Hiền, đó là một con đường giữa khác có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

BẤT HOẠI TỊNH

Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu.

Thế nào là biết như thật về lậu? Có ba lậu là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Thế nào là biết như thật về tập của lậu? Do vô minh mới có lậu.

Thế nào là biết như thật về diệt của lậu? Do vô minh diệt thì lậu diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của lậu? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho tới chánh định là tám.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về lậu tập của lậu, diệt của lậu và diệt đạo của lậu như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

BÁT KÍNH PHÁP

Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ nhất.

Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giáo nơi Tỳ-kheo. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ hai.

Nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ ba.

Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng

thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự kiện, thấy, nghe và nghi. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ tư.

Nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo-ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh-Luật hoặc A-tỳ-đàm. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ năm.

Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trái phạm của Tỳ-kheo-ni. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ sáu.

Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố pháp tôn sư thứ bảy.

Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi.

A-nan, Ta đã vì nữ nhân tuyên bố tám pháp tôn sư này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. A-nan, nếu Cù-đàm-di Đại Ái phụng trì tám pháp tôn sư này thì được ở trong Pháp Luật chân chánh mà xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 10, số 116)

BẤT SI PHÁP

Này Phạm chí, nếu có ai với sự thuyết giảng chân chánh mà thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh ra trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh, vị ấy là tối thắng, không bị khổ lạc

phủ kín, nên biết rằng vị thuyết giảng chân chánh ấy chính là Ta. Vì sao? Vì Ta thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh ấy, Ta là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín.

Nghe vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã liền bỏ gậy xuống, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch Thế Tôn:

Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn thật vĩ đại, Thế Tôn tối thượng, Thế Tôn cao tột, Thế Tôn chánh đẳng, Thế Tôn không có ai bằng, Thế Tôn không có một ai so sánh, Thế Tôn không chướng ngại, Thế Tôn là bậc không gây chướng ngại! Bạch Thế Tôn, con nay nguyện đem mình quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo. Mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc bắt đầu từ hôm nay cho đến trọn đời, con nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung.

(Trung A Hàm, Kinh Hoàng Vô Liên, Phẩm 12, số 157)

BẢY GIÁC CHI

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy giác chi, niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả giác chi. A-nan, bảy giác chi này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BẢY BẬC THIỆN NHÂN ĐẾN VÔ DƯ NIẾT BÀN

Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái

của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu, vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn.

Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không; vừa lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên

không, rồi từ không rơi trở lại; rơi chưa đến đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống, tới đất thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhúm cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy; cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã

đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kiết đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.

'Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn'. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, nhưng vẫn chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đóm tung lên không, rồi rơi xuống trên nhiều đám cỏ, liền bốc khói hoặc phụt cháy, cháy luôn cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, cho đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng

Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn.

Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Nhân Vãng, Phẩm 1, số 6)

BẢY BÁU CỦA ĐỨC NHƯ LAI

Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nếu lúc Chuyển luân vương ra đời thì nên biết rằng liền có bảy báu này xuất hiện ở đời. Giống như vậy, lúc Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng cũng có bảy báu giác chi xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy?

Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, tức giác chi, định giác chi và xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời, thì nên biết rằng, có bảy báu giác chi ấy xuất hiện ở thế gian.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Bảo, Phẩm 5, số 58)

BẢY CỖ XE & VÔ DƯ NIẾT BÀN

Có quần thần hỏi vua Ba Tư Nặc: Có phải Ngài cỡi cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế?

Vua trả lời rằng:

Ta ở Xá-vệ có việc ở Sa-kê-đế, ta nghĩ thế này: ‘Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế

được?' Lại suy nghĩ như vầy: 'Nay ta nên từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, bố trí bảy cỗ xe'. Rồi thì, từ Xá-vệ đến Sa-kê-đế, ở giữa đường đó, ta bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy cỗ xe xong, từ Xá-vệ ta đi đến cỗ xe thứ nhất, ngồi trên cỗ xe thứ nhất đi đến cỗ xe thứ hai. Rồi bỏ cỗ xe thứ nhất cỡi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba; bỏ cỗ xe thứ hai ngồi trên cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư; bỏ cỗ xe thứ ba ngồi trên cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm; bỏ cỗ xe thứ tư ngồi trên cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu; bỏ cỗ xe thứ năm ngồi trên cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy; bỏ cỗ xe thứ sáu ngồi trên cỗ xe thứ bảy; trong một ngày là đến Sa-kê-đế.

Như vậy! Thưa Hiền giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la, trả lời câu hỏi của quần thần như vậy.

Cũng vậy, thưa Hiền giả, vì giới thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên tri kiến thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh, nên đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tri kiến thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên Thế Tôn thi thiết Vô dư Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Xa, Phẩm 1, số 9)

BẢY GIÁC CHI

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu pháp,

tinh tấn, hỷ, khinh an, định, tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bảy giác chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

BẢY HẠNG NGƯỜI DƯỚI NƯỚC

Thế nào là hạng người nằm mãi dưới nước?

Hoặc có những người bị pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm ô, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi dưới nước. Cũng như người chìm lỉm, nằm luôn dưới nước, Ta nói người kia cũng giống như vậy. Đó là hạng người thứ nhất của ví dụ về nước, thế gian quả thực có hạng người như vậy.

Thế nào là hạng người ra khỏi nước rồi chìm lại?

Đó là người đã làm trỗi lên tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, không kiên cố.

Thế nào là hạng người ra rồi đứng?

Đó là người đã trỗi tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn kiên cố, chắc chắn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất.

Thế nào là hạng người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh?

Đó là người làm trỗi dậy tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố

thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm kiên cố vẫn không mất, trì giới, bố thí đa văn, trí tuệ vẫn kiên cố không mất; trụ trong thiện pháp; biết như thật về Khổ, biết như thật về Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch, đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ.

Thế nào là người ra rồi đứng; đứng rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lội qua?

Đó là người trỗi được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kiết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si vơi mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đắc Khổ đế.

Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia?

Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn, không mất. Trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều vẫn kiên cố, không mất, trụ trong thiện pháp. Biết như thế, thấy như thế, năm hạ phần kiết dứt sạch. Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ, nghi. Năm hạ phần kiết dứt sạch

rồi, sanh vào cõi ấy, rồi nhập Niết-bàn, chứng pháp bất thối, không trở lại thế gian này nữa.

'Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn quanh rồi lội qua, qua rồi đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia rồi được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ?

Đó là người đã làm trỗi dậy được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp, biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy. Tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Thủy Dụ, Phẩm 1, số 4)

BẢY LẦN TÁI SANH/CHỨNG TU ĐÀ HOÀN

Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh. Sau bảy lần qua lại nhân gian, thiên thượng thì đạt đến tận cùng sự khổ. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: 'Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy'.

Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc thoải mái.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

BẢY LOẠI BỐ THÍ CHO TĂNG CHÚNG

Thiện nam tử hay thiện nữ nhân có tín tâm, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng,

Bố thí cho chúng Tỳ-kheo,

Bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni;

Đi vào tinh xá Tỳ-kheo bạch với chúng rằng 'Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí';

Đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni bạch với chúng rằng 'Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo-ni để chúng con được bố thí'. Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn, vị ấy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì có ở trong chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhân nơi chúng, Ta nói lúc bấy giờ thí chủ sẽ được phước vô lượng không thể đếm, không thể kể, được thiện, được lạc;

Bố thí cho Tỳ-kheo thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyến, thành tựu cả chất trực và nhu nhuyến, thành tựu nhẫn, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh kỹ,

thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du, thành tựu cả oai nghi và hành lai du, thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu cả tín, giới, đa văn, thí, tuệ. Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được quả báo rộng lớn.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 14, số 180)

BẢY LOẠI PHƯỚC THẾ GIAN

Có bảy loại phước thế gian, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy?

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm cúng thí phòng xá, nhà gác cho đại chúng Tỳ-kheo. Đó là loại phước thế gian thứ nhất, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí giường nằm, đồ ngồi, đệm lông, thảm dệt, chăn len, ngọa cụ trong các phòng xá.

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, cúng thí y phục mới mẽ, sạch sẽ, đẹp đẽ.

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, ở trong các phòng xá, thường xuyên cúng thí chúng tăng cháo buổi sáng,

Cúng dường thức ăn buổi trưa,

Cung cấp người làm vườn để sai bảo;

Hoặc gió, mưa, tuyết, lạnh, tự mình thân đến khu vườn mà cúng thí chu cấp thêm. Khiến các Tỳ-kheo sau khi ăn, không lo gió, mưa, tuyết lạnh khiến y phục bị ướt át, mà ngày đêm yên vui, tư duy thiền tọa vắng lặng. Châu-na, đó là loại thế gian phước thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm ấy, đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước đức ấy càng sinh, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng.

(Trung A Hàm, Kinh Thế Gian Phước, Phẩm 1, số 7)

BẢY LOẠI PHƯỚC XUẤT THẾ GIAN

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai đang trú ở nơi nào đó. Sau khi nghe, liền hoan hỷ, trong lòng rất phấn khởi.

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi.

Có tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nghe Như Lai hoặc đệ tử Như Lai sẽ từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi.

Với tâm thanh tịnh, đích thân tới thăm viếng,

Đích thân tới lễ kính,

Đích thân tới cúng dường.

Sau khi cúng dường, thọ pháp ba tự quy, đối với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo mà thọ giới cấm.

Đó là loại phước xuất thế gian thứ bảy, có phước hựu lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn.

Ví như từ châu Diêm-phù có năm con sông: Một là Hằng-già, hai là Dao-vưu-a, ba là Xá-lao-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí, đều chảy về đại hải. Ở khoảng giữa của chúng, không thể tính được số nước của bao nhiêu thăng hộc. Chỉ có thể nói là số nước nhiều không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được.

Cũng vậy, tộc tánh nam hay tộc tánh nữ có tín tâm, nếu tạo được bảy loại phước thế gian này và lại có bảy loại phước xuất thế gian, thì phước của người kia không thể tính được, có chừng ấy phước, có chừng ấy kết quả của phước, có chừng ấy phước báo. Chỉ có thể nói là không thể hạn, không thể lượng, và không thể biết được con số đại phước.

(Trung A Hàm, Kinh Thế Gian Phước, Phẩm 1, số 7)

BẢY LỰC

Trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy lực, tín, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định, tuệ lực. A-nan, bảy lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BẢY PHÁP ĐOẠN TRỪ LẬU HOẶC ĐỂ CHỨNG KHỔ ĐẾ

Có bảy sự đoạn trừ lậu, phiền não, pháp ưu sầu. Những gì là bảy? Có lậu được đoạn do kiến, có lậu được đoạn do hộ, có lậu được đoạn do ly, có lậu được đoạn do dụng, có lậu được đoạn do nhẫn, có lậu được đoạn do trừ, có lậu được đoạn do tư duy.

Thế nào là lậu được đoạn do kiến?

Kẻ phàm phu không được nghe chánh pháp, không gặp bậc chơn trí thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp, không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này:

'Ta có đời quá khứ? Ta không có đời quá khứ? Do nhân duyên gì ta có đời quá khứ? Đời quá khứ ta như thế nào? Ta có đời vị lai? Ta không có đời vị lai? Do nhân duyên gì ta có đời vị lai? Ta có đời vị lai như thế nào?' Người ấy hoài nghi về mình rằng: Thân ta là gì, nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu đến, và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gì mà có, và sẽ do nhân gì mà có?' Người kia khởi tư duy không chánh như vậy rồi, trong sáu tà kiến, một tà kiến khởi lên cho rằng 'Quả thật có thần ngã'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Quả thật không có thần ngã'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Thần ngã thấy là thần ngã'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Thần ngã thấy là phi thần ngã'. Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng 'Chính thần ngã ấy có thể thấy, có thể biết, có thể hành động, có thể sai khiến hành động, có thể đứng dậy, có thể sai khiến đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo; quyết không từ đâu đến, quyết không

phải đã có, quyết không phải sẽ có'. Đó là tệ lậu của kiến; bị kiến lay động, bị kết sử của kiến buộc chặt. Kẻ phàm phu ngu si vì thế mà phải chịu cái khổ của sanh, lão, bệnh, tử.

Đa văn Thánh đệ tử được nghe Thánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, được chế ngự theo Thánh pháp, biết pháp như thật, biết như thật về Khổ, biết Khổ tập, biết Khổ diệt và biết như thật Khổ diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kết tận trừ. Khi ba kết là thân kiến, giới thủ, và nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thăng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong thiên thượng và nhân gian. Sau bảy lần qua lại liền chứng đắc Khổ đế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, ưu sầu, có tri kiến thì không phát sanh phiền não, ưu sầu.

Có lậu được đoạn trừ do hộ là gì? Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn. Nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn, thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh, nếu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán là tịnh. Nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn, nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn.

Có lậu được đoạn trừ do ly là gì? Tỳ-kheo khi thấy voi dữ thì nên xa lánh, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, nhà tiểu, hầm hố, sông ngòi, suối sâu, vách núi, ác tri thức, ác bằng hữu, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, là những trường hợp phải nên xa

lánh. Hãy nên xa lánh tất cả ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, ác dị đạo, chòm xóm xấu, nơi cư trú xấu, hoặc Tỳ-kheo ở chung một chỗ với các người phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ. Nếu không xa lánh thì khởi sanh phiền não, ưu sầu. Nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu.

Có lậu được đoạn trừ do dụng là gì? Tỳ-kheo khi thọ dụng y phục, chẳng phải để cầu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để trang sức, chẳng phải để mập béo mà vì để làm thân thể ở đời lâu dài, trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành phạm hạnh, vì muốn để bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới, và vì để sống lâu, an ổn, không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức, mà vì để lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để được tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang không phải để mưu lợi, không phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo, mà chỉ để trừ bệnh hoạn, để điều hòa mạng căn, để an ổn không bệnh. Nếu không thọ dụng những thứ ấy thì sẽ sanh phiền não, sầu lo, còn thọ dụng thì không sanh phiền não sầu lo.

Có lậu được đoạn trừ do nhẫn là gì? Tỳ-kheo tinh tấn đoạn trừ ác, bất thiện, tu tập thiện pháp, nên luôn luôn có ý tưởng trỗi dậy, chuyên tâm tinh tấn; thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy, thà để khô kiệt tất cả chớ không bỏ tinh tấn. Phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Tỳ-kheo lại phải chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy, dù gió hay nắng bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập, cũng đều có thể nhẫn chịu được. Dù thân mạng bệnh tật rất là

đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng, và những điều không thể ưa vui được, tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh phiền não, ưu buồn, còn nhẫn chịu được thì không sanh phiền não ưu buồn.

Có lậu được đoạn trừ do trừ là gì? Tỳ-kheo nếu sanh khởi dục niệm mà không đoạn trừ, hay xả ly; sanh nhuế niệm, hại niệm mà không đoạn trừ xả ly. Nếu không trừ diệt thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; còn nếu trừ diệt thì không sanh phiền não, ưu buồn.

Có lậu được đoạn trừ do tư duy là gì? Tỳ-kheo tư duy về giác chi thứ nhất là niệm, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định, cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y viễn ly, y vô dục, y diệt tận, thẳng đến xuất yếu; nếu không tư duy thì sanh phiền não, ưu sầu, còn có tư duy thì không sanh phiền não ưu sầu.

Nếu có Tỳ-kheo nào do kiến mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi kiến; do hộ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi hộ; do ly mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi ly; do dụng mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi dụng; do nhẫn mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi nhẫn; do trừ mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi trừ; do tư duy mà đoạn trừ các lậu được đoạn trừ bởi tư duy. Đó gọi là Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết phược, có thể bằng chánh trí mà chứng đắc Khổ đế.

(Trung A Hàm, Kinh Lậu Tận, Phẩm 1, số 10)

BẢY TÀI SẢN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bảy tài sản, tín,

giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ tài. A-nan, bảy tài sản này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiếu, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BẢY TRỤ XỨ CỦA THỨC

Chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân khác nhau, các chủng loại tướng khác nhau, ấy là loài người và loài trời cõi Dục.

Chúng sanh hữu sắc với các chủng loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tưởng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ.

Chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều chủng loại tưởng, ấy là Hoảng dục thiên.

Chúng sanh hữu sắc với một thân, với một loại tưởng, ấy là Biến tịnh thiên.

chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên.

Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. .

Chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu

xứ thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

BIẾT CẢM THỌ

Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-Đà-La, Phẩm 10, số 114)

BIẾT HỮU BÁO CỦA LẬU

Thế nào là biết hữu báo của lậu? Biết bị vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ thấm, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT HỮU BÁO CỦA THỌ

Thế nào là biết hữu báo của thọ? Biết ái, ái là hữu báo của thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT LẬU

Thế nào là biết lậu? Biết có ba lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Đó là biết lậu? Thế nào biết nhân sanh của lậu? Biết từ vô minh, nhân vô minh, do đó có lậu.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT LẬU DIỆT ĐẠO

Thế nào là biết lậu diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến đến chánh định.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT NHÂN SANH CỦA THỌ

Thế nào là biết nhân sanh của thọ? Biết từ xúc, do xúc nên có thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT NIỆM BẤT THIỆN KHỞI LÊN

Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền bằng niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng thẳng lên thân cây, rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm thiện pháp để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

BIẾT THỌ

Thế nào là biết thọ? Biết có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT TƯỞNG

Thế nào là biết tưởng? Biết có bốn tưởng: Tỳ-kheo khi có tưởng nhỏ cũng biết, tưởng lớn cũng biết, tưởng vô lượng cũng biết, tưởng xứ vô sở hữu cũng biết.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

BIẾT XỨ

Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ: nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

BỊNH LÀ KHỔ

Này chư Hiền, nói bệnh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, tai đau, mũi đau, mặt đau, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong suyễn, ho hen, ói mữa, cứng họng, bệnh điên, bệnh động kinh, ung thư, mọc bướu, kinh nguyệt tràn, viêm đỏ, nóng hực, khô héo, bệnh trĩ, mụn nhọt, kiết lỵ, và tất cả những bệnh tương tự như vậy, từ xúc mà sanh ra, không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân. Như vậy gọi là bệnh.

Này chư Hiền, bệnh khổ là: Chúng sanh khi bệnh thì thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm

nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy nói bệnh là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

BỐ THÍ BÁT CƠM

Này chư Hiền, tôi nhân bố thí một bát cơm kia mà thường được người thỉnh cầu thọ nhận đồ ăn thức uống, áo chăn, đệm lông, thảm dệt, giường nệm, thuốc thang trị bệnh và các dụng cụ cần cho sự sống; không gì là không được thỉnh cầu.

Lúc bấy giờ ta biết vị Sa-môn ấy là Bậc Vô Sở Trước Chân Nhân thì phước báo được thu hoạch chắc chắn gấp bội, thọ nhận đại quả báo công đức cực diệu, ánh sáng soi chiếu, thấu suốt rất rộng, rất lớn, cùng khắp.

(Trung A Hàm, Kinh Thiên Sứ, Phẩm 6, số 64)

BỐ THÍ NHƯ Ý NGUYỆN CỦA CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Trưởng giả Úc-già đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan bảo rằng:

Trưởng giả có biết không? Trưởng giả đã tổ chức đại bố thí như sau: đãi ăn cho những khách từ phương xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và các người nuôi bệnh; thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom tăng viện; thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời chúng Tỳ-kheo đến ăn. Trưởng giả tổ chức đại bố thí như vậy. Trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Này Trưởng giả, nên thôi, chớ bố thí nữa. Sau này Trưởng giả sẽ tự biết.

Trưởng giả thưa rằng: Bạch Tôn giả A-nan, đây là lời nói của ai vậy?

Tôn giả A-nan đáp rằng:

Này Trưởng giả, tôi truyền lại lời của chúng Tỳ-kheo.

Trưởng giả thưa rằng: Nếu Tôn giả A-nan truyền lại lời của chúng Tỳ-kheo, thì không có gì phải luận. Còn nếu tự mình nói như vậy thì có thể làm cho con rất không được vừa lòng. Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi. Giống như ý nguyện của Chuyển luân vương vậy.

Tôn giả A-nan hỏi rằng: Này Trưởng giả, thế nào là ý nguyện của Chuyển luân vương?

Trưởng giả đáp:

Bạch Tôn giả A-nan, người nghèo trong thôn nghĩ như vầy: 'Mong sao ta trở nên giàu nhất trong thôn'. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thôn nghĩ như vầy: 'Mong sao ta trở nên giàu nhất trong ấp'. Đó là ý nguyện của người đó. Người giàu trong ấp suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta giàu nhất trong thành'. Đó là ý nguyện của người ấy. Người giàu trong thành nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được chức tông chánh trong thành'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tông chánh trong thành nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được quan quốc tướng. Đó là ý nguyện của người ấy. Quan quốc tướng suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được vị tiểu vương'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tiểu vương suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được Chuyển luân vương'. Đó là ý nguyện của người ấy. Vị Chuyển luân vương suy nghĩ như vầy: 'Mong sao ta làm được điều mà một thiện nam tử có thể làm, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo để thành tựu phạm hạnh vô thượng, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là ý nguyện Chuyển luân vương.

Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có thí xả như thế, có huệ thí như thế, dù cho tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi, như thế là ý nguyện của vị Chuyển luân vương. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Úc Già Trưởng Giả II, Phẩm 4, số 38)

BỞI ÁI MÀ CÓ CẦU MONG

Nhân của cầu, tập khởi của cầu, bản của cầu, duyên của cầu,

gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có cầu.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

BỞI CÓ THỌ MÀ CÓ DỤC ÁI VÀ HỮU ÁI

Dục ái và hữu ái, hai pháp này nhân thọ, duyên thọ đưa đến.

Nếu có người hỏi 'Thọ có duyên không?' thì nên đáp rằng 'Thọ cũng có duyên'. Nếu có người hỏi 'Thọ có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Thọ duyên với xúc'nên biết rằng: duyên xúc có thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

BỐN CHÁNH ĐOẠN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn chánh đoạn:

Tỳ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ.

Đối với các pháp ác bất thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ.

Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ.

Đối với các pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn cụ túc, nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ.

A-nan, bốn chánh đoạn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-

kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn chánh đoạn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN ĐẠI

Này chư Hiền, những gì là bốn đại? Địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

BỐN ĐÀN NAI

Đàn nai thứ nhất đến gần đồ mồi của thợ săn. Sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh kiêu sa phóng dật rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ hai suy nghĩ rằng: 'đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ uống nước. Đến tháng cuối mùa Xuân, cỏ nước đều hết, thân thể chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ rằng, 'Đàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nhưng ở một nơi không xa. Sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Ăn mà không đến gần nên không kiêu loạn

phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ, 'Đàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được, sau đó ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần. Đã ăn mà không đến gần nên không kiêu sa phóng dật, rồi do không kiêu sa phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ rằng: Đàn nai thứ tư này ranh mãnh xảo trá kỳ lạ! Quả thật ranh mãnh xảo trá, nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những nai con khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này'. Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc.

Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn.

Này Tỳ-kheo, ta nói thí dụ này là muốn các giải rõ ý nghĩa. Nay Ta nói đây, các ngươi hãy quán sát nghĩa lý:

Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm công đức của dục: mắt biết sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm.

Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm niệm công đức của dục.

Người thợ săn, nên biết, đó chính là Ác ma vương.

Quyến thuộc của thợ săn, nên biết, đó chính là quyến thuộc của Ma vương.

Đàn nai, nên biết đó chính là Sa-môn, Phạm chí vậy.

Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của tín thí thế gian. Những vị ấy sau khi đến gần đồ ăn bèn sanh kiêu loạn phóng dật. Rồi do kiêu loạn phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương.

Chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được?

Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

Tỳ-kheo tâm câu hữu với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trụ.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tưởng, cho đến thành tựu và an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được.

(Trung A Hàm, Kinh Lạp Sư, Phẩm 14, số 178)

BỐN ĐOẠN

Có sự đoạn mà lạc chậm
Có sự đoạn mà lạc nhanh
Có sự đoạn mà khổ chậm
Có sự đoạn mà khổ nhanh.
Trong đó sự đoạn mà lạc chậm là lạc đưa đến đoạn trừ chậm

chạp cho nên nói là lạc kém. Trong đó, sự đoạn mà lạc nhanh, là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

Trong đó, sự đoạn mà khổ chậm là khổ đưa đến đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên đoạn này cũng được nói là thấp kém.

Trong đó, sự đoạn mà khổ nhanh, là khổ đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng. Cho nên đoạn này không phải là sự tiến triển, không được lưu bố. Cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng không tán thán và phát triển.

Sự đoạn của ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán và phát triển.

Thế nào là sự đoạn của Ta được phát triển, được lưu bố cho đến chư Thiên và Nhân loại cũng tán thán, lưu bố? Đó là Thánh đạo tám chi, chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Ta như vậy. Nhưng các Sa-môn, Phạm chí, hư ngụy, nói láo, bất thiện, không chân thật, xuyên tạc, và hủy báng Ta rằng, 'Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương sự đoạn hoại. Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô'. Quả thật có chúng sanh mà chủ trương sự đoạn hoại, nếu không, Ta sẽ không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết-bàn tịch tịnh, diệt tận.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

BỐN HẠNH

Này Vô Nhuế, ở đây hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh:

Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh.

Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp.

Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người.

Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối.

Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp, tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

BỐN LOẠI THỌ PHÁP

Thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ.
Thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc.
Thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo khổ.
Thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc.
(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp, Phẩm 14, số 174)

BỐN LOẠI TUYÊN THUYẾT

Thấy thì nói là thấy
Nghe thì nói là nghe
Hay thì nói là hay
Biết thì nói là biết.

Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

BỐN LOẠI XOÀI

Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài. Hoặc xoài không chín mà giống như chín. Hoặc chín giống như không chín. Hoặc không chín giống như không chín. Hoặc chín giống như chín.

Bốn thứ xoài được thí dụ với người. Hoặc có người không có mà tợ như có. Hoặc có mà tợ như không có. Hoặc không có tợ như không có. Hoặc có tợ như có.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp, Phẩm 13, số 171)

BỐN NGHIỆP CỦA MIỆNG

Những gì là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo?

Nói dối; người kia hoặc ở giữa đám đông, hoặc trong quyến thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu mà hỏi rằng:

'Ngươi có biết thì nói'. Nhưng nó không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; không thấy nói là thấy, thấy nói không thấy. Vì mình, vì người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối.

Nói hai lưỡi; muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói với người kia vì muốn phá hoại người này. Nghe nơi người kia đem nói với này vì muốn phá hoại người kia. Những kẻ hợp nhau muốn tạo ly tán; những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, vui thích bè đảng, khen ngợi bè đảng.

Nói thô ác; người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai mến nổi, làm cho người khác phải khổ não, khiến cho không được định tâm.

Nói lời thêu dệt; người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không tịch tĩnh, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian mà lại không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng.

Đó là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

(Trung A Hàm, Kinh Tư, Phẩm 2, số 15)

BỐN NHÂN DUYÊN SANH BẤT ĐỘNG ĐỊNH

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh bất động định?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh bất động định. Những gì là bốn? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly

ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền thành tựu an trụ

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

BỐN NHƯ Ý TÚC

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn như ý túc, Tỳ-kheo thành tựu dục định, thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Tinh tấn định, tâm định cũng như vậy. Thành tựu quán định, thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào dô vục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Này A-nan, bốn như ý túc này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn như ý túc này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN NHƯ Ý TÚC ĐOẠN TRỪ VÔ MINH

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên dục tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận thú hướng phi phẩm. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn như ý túc. Như vậy, số đoạn, giải thoát,

quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh nên tu Bốn như ý túc.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

BỐN NIỆM XỨ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn niệm xứ, quán thân như thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp như pháp. A-nan, bốn niệm xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn niệm xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN PHÁP VỊ TẰNG HỮU CỦA A-NAN

A-nan thuyết pháp cho đại chúng, có bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn?

Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo

Chúng Tỳ-kheo-ni

Chúng Ưu-bà-tắc

Chúng Ưu-bà-di bằng chí tâm, không phải không chí tâm.

Chúng Tỳ-kheo Chúng Tỳ-kheo-ni, Chúng Ưu-bà-tắc, Chúng Ưu-bà-di kia cũng nghĩ như vầy: 'Mong Tôn giả A-nan thường thuyết pháp, không dừng lại nửa chừng. Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không chán nản. Nhưng Tỳ-kheo A-nan tự nhiên ngồi im lặng'.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

BỐN SA MÔN QUẢ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn quả Sa-môn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, tối thượng A-la-hán quả. A-nan, bốn quả Sa-môn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn quả Sa-môn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN SỰ CỦA ĐỆ NHẤT THIỆN

Thân không tạo nghiệp ác
Miệng không nói ác
Không sống tà mạng và
Không suy niệm niệm ác.

Này Vật chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô thượng sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

BỐN THÁNH CHỦNG

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn Thánh chủng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhận được cái y thô xấu mà biết hài lòng, tri túc, không phải vì y áo mà mong thỏa mãn ý mình. Nếu chưa được y thì không u uất, không khóc than, không đấm ngực, không si dại. Nếu đã được y áo thì không nhiễm, không trước, không ham muốn, không tham lam,

không cất giấu, không tích trữ. Khi dùng y thì thấy rõ tai hoạn và biết sự xuất ly. Được sự lợi như vậy vẫn không giải đãi mà có chánh trí. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an trụ nơi Thánh chúng cựu truyền. Về ẩm thực và trụ xứ cũng như vậy. Mong muốn đoạn trừ, vui thích đoạn trừ, mong muốn tu, vui thích tu. Vị ấy nhân muốn đoạn, vui đoạn, muốn tu, vui tu nên không quý mình, không khinh người. Sự lợi như vậy, không giải đãi nhưng chánh trí. Đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an trụ nơi Thánh chúng cựu truyền.

A-nan, bốn Thánh chủng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn Thánh chúng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN THÁNH ĐẾ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn Thánh đế, Khổ thánh đế, Tập, Diệt và Đạo thánh đế. A-nan, bốn Thánh đế này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn thánh đế này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN TRỤ XỨ AN ỔN

'Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến

thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời'.

'Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cớ ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có'.

'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác.

'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẩn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

BỐN TƯỞNG

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn tưởng, Tỳ-kheo có tiểu tưởng, có đại tưởng, có vô lượng tưởng, có vô sở hữu tưởng.

A-nan, bốn tưởng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn tưởng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN VÔ LƯỢNG TÂM

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn vô lượng, Tỳ-kheo tâm đi đôi với Từ biến mãn một phương, thành tựu an trụ. Cứ như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới biến khắp tất cả, tâm đi đôi với Từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Bi và Hỷ cũng vậy. Tâm đi đôi với Xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. A-nan, bốn vô lượng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn vô lượng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỐN VÔ SẮC

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn vô sắc, Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả sắc tưởng, cho đến chứng đắc phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. A-nan, bốn vô sắc này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về bốn vô sắc này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

BỎN XẺN VÀ GANH TỴ

Các loại trời, người, A-tu-la, Kiền đạt hòa, La-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kết là bỏn sẻn và ganh tị. Mỗi chủng loại ấy đều nghĩ rằng: 'Mong sao ta không gậy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc.' Chúng tuy nghĩ như vậy, nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có đấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

BUÔNG BÈ

'Tri kiến này của tôi, nó thanh tịnh như vậy, nên chấp trước nó, tiếc nuối nó, thủ trì nó, không muốn xả bỏ' và các ngươi biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè, khi qua bờ rồi thì buông bè.

(Trung A Hàm, Kinh Trà Đế, Phẩm 16, số 201)

CÁC ĐẠI ĐỆ TỬ CỦA PHẬT

Bấy giờ, có các đại đệ tử, là các Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, được nhiều người biết đến; đó là Tôn giả Câu-lân-nhã, A-nhiếp-bối, Tôn giả Thích-ca Vương Bạt-đề, Tôn giả Ma-ha-nam Câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-ma-la, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la, Tôn giả Lệ-ba-đá, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hi-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-da-nậu-tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão, rất nhiều các vị Tỳ-kheo trưởng lão thượng tôn danh đức, đại đệ tử, được mọi người biết đến, tương tự như

vậy, cũng ở thành Vương xá, tất cả đều trú gần ngôi nhà lá của Phật.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

CÁC HÀNH VÔ THƯỜNG

Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhờm tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế, vì có lúc không mưa. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thảy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Nhật, Phẩm 1, số 8)

CÁC LẬU Ô UẾ

Các lậu ô uế là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, già, bệnh, chết; Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ.

Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi sáu xứ, nhân nơi thọ mạng mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ. Như Lai vì những nghĩa này mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải đình chỉ, có cái phải nhả bỏ.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

CÁC PHÁP HỖ TRỢ CHO NHAU

Nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân lạc mà được định.

Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

Đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.

(Trung A Hàm, Kinh Hà Nghĩa, Phẩm 5, số 42)

CÁC PHÁP THÍ

Người tinh tấn thí người không tinh tấn
Thí đúng pháp được tâm hoan hỷ
Vì tin có nghiệp và quả báo
Loại thí này thí chủ thanh tịnh.

Không tinh tấn thí người tinh tấn
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ
Vì không tin nghiệp và quả báo
Loại thí này người nhận thanh tịnh.

Người giải đãi thí không tinh tấn
Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ
Vì không tin nghiệp và quả báo
Loại thí này không được quảng báo.

Người tinh tấn thí người tinh tấn
Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ
Vì tin có nghiệp và quả báo
Loại thí này đạt được quảng báo.

Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng
Hoan hỷ tự mình làm bố thí
Vì tin có nghiệp, có quả báo
Bố thí như vậy thiên nhân khen.

Khéo léo giữ gìn cả thân miệng
Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp
Người ly dục thí người ly dục
Đó chính là tài thí đệ nhất.
(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 14, số 180)

CÁCH BIỆT

Hạng người ngu si đối với pháp luật chân chính này, còn cách biệt quá lâu dài.

(Trung A Hàm, Kinh A-Thấp-Bối, Phẩm 16, số 195)

CÁCH NẰM NHƯ SƯ TỬ CỦA TỲ KHEO

Lại nữa, có một thời Đức Thế Tôn du hóa thành Vương xá, trú trong Nham sơn. Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng: Này A-nan,

ngươi nên nằm như cách nằm của sư tử.

Tôn giả A-nan bạch rằng: Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?

Thế Tôn đáp: Này A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn, xong rồi vào hang; khi muốn ngủ, bốn chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải; qua đêm đến sáng hôm sau, quay lại sau nhìn thân thể. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể không ngay thẳng, thì khi thấy rồi, nó không vui. Nếu sư tử chúa tể của loài thú, mà thân thể được ngay ngắn khắp mọi phía, thì khi thấy rồi nó liền vui mừng. Nó từ chỗ nằm đứng dậy, ở trong hang đi ra; đi ra rồi gầm gừ; gầm gừ rồi tự ngắm thân thể; tự ngắm thân thể rồi nhìn khắp bốn hướng, xoay nhìn khắp bốn hướng rồi liền rống lên ba lần, rống ba lần rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử chúa là như vậy.

A-nan bạch rằng: Bạch Thế Tôn, cách thức nằm của sư tử, chúa tể của loài thú, là như vậy. Còn cách nằm của Tỳ-kheo phải như thế nào?

Thế Tôn đáp rằng: Này A-nan, nếu Tỳ-kheo sống nơi thôn ấp, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, khoác y ôm bát, đi vào thôn khất thực, khéo hộ trì thân thể, nhiếp thủ các căn, trụ với chánh niệm. Vị ấy từ thôn ấp khất thực xong, xếp y cất bát, rửa sạch tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trống, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Ban ngày hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm rồi. Lại vào đầu hôm hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng

ngại trong tâm. Sau khi hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đến nữa đêm đi vào tĩnh thất để nằm, xếp làm tư Ưu-đa-la-tăng, trải lên giường, gấp y tăng-già-lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, buộc ý vào ấn tượng ánh sáng, chánh niệm, chánh trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ trỗi dậy. Sau đêm ấy liền nhanh chóng ngồi dậy, hoăc kinh hành, hoặc tọa thiền, để tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như thế là pháp nằm như sư tử của Tỳ-kheo.

A-nan bạch rằng: Bạch Thế Tôn, cách nằm như sư tử của Tỳ-kheo là như vậy.

A-nan lại nói như vầy: Này chư Hiền, Đức Thế Tôn dạy tôi cách nằm giống như sư tử; từ đó trở đi chưa hề có lần nào tôi nằm nghiêng về bên hông trái. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

CĂN CƠ CÓ KHÁC

Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo y trên y, thiết lập y, giảng thuyết về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận.

Thế Tôn nói: Thật vậy, A-nan! Thật là hy hữu, Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu. Nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng vượt chứng đắc vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao vậy? Vì sự thắng liệt nơi mỗi người cho nên sự tu học có tinh, có

thô. Do sự tu học đạo có tinh có thô, cho nên mỗi người có sự thắng liệt khác nhau. A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng liệt khác nhau.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Phẩm 17, số 205)

CĂN NHÀ

Cũng như nhờ cây gỗ, nhờ bùn đất, nhờ cỏ và nước, che kín trong một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là 'nhà'. Thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt, máu bao bọc một khoảng không nên sanh ra cái tên gọi là 'thân'.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

CẦN TU PHẠM HẠNH

Lành thay! Khi các ngươi nói với nhau rằng:

'Thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.'

Vì sao? Vì ta cũng nghĩ thế này: 'Thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng ngươì đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc thiện, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong.

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

CẦU BẤT ĐẮC LÀ KHỔ

Này chư Hiền, nói sở cầu bất đắc là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, nghĩa là chúng sanh lệ thuộc vào sanh pháp, không thể lìa xa sanh pháp, ước muốn rằng: 'Mong tôi không sanh ra', điều ấy quả thật không thể muốn mà được. Với sự già, sự chết, sự ưu sầu, buồn lo mà ước muốn rằng: 'Mong tôi không có buồn lo'. Điều ấy không thể muốn mà được.

Này chư Hiền chúng sanh quả thật sanh là khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ thế này: 'Nếu ta sanh khổ, không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao được đổi thành đáng yêu, đáng nghĩ nhớ'.

Điều đó không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh lạc đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vầy: 'Nếu ta sanh ra lạc, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cữu và không biến dịch'.

Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, người ấy suy nghĩ thế này: 'Nếu ta sanh tư tưởng mà không đáng vui, không đáng yêu, không đáng nghĩ nhớ, mong sao nó đổi thành mà đáng yêu, đáng nghĩ nhớ'. Điều ấy không thể muốn mà được.

Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng, đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, người ấy nghĩ như vầy: 'Nếu tư tưởng ta sanh ra đáng yêu, đáng nghĩ nhớ, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu và không biến dịch'. Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sở cầu bất đắc là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CẦU PHÁP

Các ngươi nên thực hành sự cầu pháp, đừng thực hành sự cầu ẩm thực. Vì sao? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muốn các đệ tử nên thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực. Nếu các ngươi thực hành cầu ẩm thực, không thực hành sự cầu pháp, không những các ngươi tự xấu xa, mà Ta cũng không được danh dự gì. Nếu các thầy thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực, không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

CÂU THI NA PHÁP

Này các Tỳ-kheo, các ông hãy vâng thọ Ca-hi-na pháp, đọc tụng, tu tập Ca-hi-na pháp, khéo giữ Ca-hi-na pháp. Vì sao? Vì Ca-hi-na pháp cùng tương ưng với pháp, là căn bản phạm hạnh, đưa đến sự thông suốt, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu có người con nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì hãy chí tâm vâng thọ Ca-hi-na pháp.

Vì sao? Vì Ta không thấy trong quá khứ các Tỳ-kheo may y như vậy, như A-na-luật-đà Tỳ-kheo. Cũng như trong vị lai và hiện tại các Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-luật-đà.

Vì sao? Vì hôm nay tám trăm Tỳ-kheo cùng ngồi nơi núi Sa-la-la nham và Thế Tôn cũng có trong đó, may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần.

(Trung A Hàm, Kinh Ca-hi-na, Phẩm 7, số 80)

CHÂN LÝ PHƠI BÀY

Bạch Đức Cù-đàm, cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên; cái gì bị che đậy thì giở ra; đối với người mê thì chỉ đường cho; trong tối tăm thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy ánh sáng màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý, theo đạo thậm thâm.

Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

(Trung A Hàm, Kinh Hòa Phá, Phẩm 2, số 12)

CHÂN THẬT GIẢI THOÁT

Nếu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, đó không phải là tạo tác nghiệp, người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không đắm trước, đoạn bỏ hoàn toàn, vô dục, diệt tận, tĩnh tịch; đó gọi là ái diệt, Khổ diệt Thánh đế. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế.

Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do dó nói là ái diệt Khổ diệt Thánh đế.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÂN THẬT KHÔNG HƯ DỐI

Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, tài vật xuất vốn và lời lãi, tạo tác những nghiệp có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập Khổ tập Thánh đế này. Thời quá khứ là khổ Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư đối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là Khổ Thánh đế.

CHÁNH ĐỊNH

Thế nào là chánh định? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH HẠNH

Người sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành

chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế.

Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh, thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo lại cũng như thế.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 12, số 152)

CHÁNH KIẾN

Thế nào là chánh kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử khi suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh. Hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sáttâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự giản trạch, giản trạch toàn diện, giản trạch quyết định, giản trạch pháp, nhận định, toàn diện nhận định, quán sát minh đạt.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH MẠNG

Thế nào là chánh mạng? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó phải là mong cầu vô lý,

không do nhiều tham dục mà không biết vừa đủ, không làm các thứ xảo quyệt bùa chú, để sinh sống bằng tà mạng. Chỉ theo chánh pháp mà mong cầu y phục, chớ không phải với phi pháp, cũng theo chánh pháp để mong cầu thực phẩm, giường chõng, chớ không phải với phi pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH NGHIỆP

Thế nào là chánh nghiệp? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hành thuộc thân, còn các ác hành khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH NGỮ

Thế nào là chánh ngữ? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hành thuộc miệng, còn các ác hành khác nơi miệng đều viễn ly, đoạn trừ, không hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH NIỆM

Thế nào là chánh niệm? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm tùy thuận niệm, phản chiếu giải thoát niệm, suy niệm, biến mãn suy niệm, liên tục ức niệm, tâm niệm không xao lãng.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH NIỆM CHÁNH TRÍ

Nếu Tỳ-kheo nào không thường hay lãng quên, có chánh trí thì thường xuyên có chánh niệm chánh trí. Nếu có chánh niệm chánh trí thì thường giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát liền chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 5, số 44)

CHÁNH PHÁP TỐI THƯỢNG

Trong đời hiện tại, Ta là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, cũng có sự công bố chánh pháp tối thượng này, tức là bốn Thánh đế, được thâu nhiếp toàn diện, được quán chiếu toàn diện, được phân biệt, được phơi mở, được mở bày, được thi thiết, được hiển thị, được thú hướng.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH QUÁN CÁC PHÁP

Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như vậy.

Biết tập hữu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như vậy.

Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm được tích tập với tưởng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tích tập được tâm xuất gia học đạo, tích tập được tưởng vô thường, tích tập được tưởng vô thường nên khổ, tích tập được tưởng khổ nên vô ngã, tích tập được tưởng bất tịnh, tích tập được tưởng thức ăn ghê tởm, tích tập được tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tích tập được tưởng về sự chết.

Biết sự tốt xấu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết tập hữu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy. Biết như thật sự tập khởi, diệt tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu của thế gian; tâm đã được tích tập với tưởng như vậy; đó được gọi là Tỳ-kheo đoạn ái, trừ kết; đã chánh tri, chánh quán các pháp rồi liền được tận cùng sự khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Chư Pháp Bổn, Phẩm 10, số 113)

CHÁNH TÍN XUẤT GIA

Thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này vô thường, cần phải bỏ đi'. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Lại-Tra-Hòa-La, Phẩm 11, số 132)

CHÁNH TINH TẤN

Thế nào là chánh tinh tấn? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hướng, chuyên chú không xả bỏ, cũng không suy thối, quyết định hàng phục tâm mình.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHÁNH TƯ DUY

Thế nào là chánh tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó là sự tư sát, tư sát toàn diện, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHẤP THỦ

Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về thủ tập, thủ diệt và thủ diệt đạo.

Thế nào là biết như thật về thủ? Đó là bốn thủ: dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó là biết như thật về thủ.

Thế nào là biết như thật về tập của thủ? Do ái mà có thủ. Đó

là biết như thật về tập của thủ.

Thế nào là biết như thật về diệt của thủ? Nghĩa là ái diệt thì thủ diệt. Đó là biết như thật về diệt của thủ.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thủ? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thủ.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về tập của thủ, diệt của thủ và diệt đạo của thủ như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

CHẤP THỦ HIỆN TẠI

Sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do thức bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu có ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại bị nhiễm trước dục. Do bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

CHẤP VÀO HẠNH XẢ

‘Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia, bèn được xả sạch’.

Nếu Tỳ-kheo ấy vui thích với sự xả bỏ ấy, đắm trước nơi sự xả bỏ ấy, trú vào sự xả bỏ ấy, Tỳ-kheo như thế chắc chắn không chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

CHẾT AN LÀNH, MẠNG CHUNG AN LÀNH

Các Tỳ-kheo bạch rằng: Làm thế nào một Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Tứ thiền; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùng đích như vậy là chết an lành mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, lậu tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đó là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành.

(Trung A Hàm, Kinh A-Na-Luật, Phẩm 18, số 218)

CHẾT KHÔNG BỨC RỨC

Các Tỳ-kheo hỏi rằng: Làm thế nào mà một Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới, đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.

Hỏi: Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?

Đáp: Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.

Hỏi: Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không bức rức, mạng chung không bức rức chăng?

Đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.

(Trung A Hàm, Kinh A-Na-Luật II, Phẩm 18, số 219)

CHẾT KHÔNG PHIỀN NHIỆT

Các Tỳ-kheo hỏi:Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng?

Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy, là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt

qua tất cả sắc tưởng, cho đến chứng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Đó là Tỳ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.

(Trung A Hàm, Kinh A-Na-Luật II, Phẩm 18, số 219)

CHẾT LÀ KHỔ

Này chư Hiền, nói chết là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, mạng chung, vô thường, chết chôn, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết.

Đó là chúng sanh khi chết, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện.

Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện.

Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự

bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói chết là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

CHẾT TRƯỚC KHI TÌM ĐƯỢC CÂU TRẢ LỜI

Nếu có người ngu si nghĩ như vầy, 'Nếu Đức Thế Tôn không xác quyết nói cho Ta biết rằng 'Thế giới hữu thường' thì Ta không theo Đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh'. Những người ngu si ấy, chưa biết được gì thì nửa chừng mạng chung.

Ví như một người bị trúng tên độc; do bị trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc đồng tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng nó lại nói rằng,

'Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người bắn tôi đó, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư, là người ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ, hay bằng sừng?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cần cung làm bằng gân bò, bằng gân hươu, nai hay bằng tơ?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết, cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vằng?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết dây cung đó làm bằng gân, bằng tơ, bằng sợi gai hay bằng võ gai?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết tên được quấn bằng gân bò, gân hươu nai, hay bằng tơ?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông phiêu lằng, lông kên kên, lông gà trống, hay lông hạc?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết mũi tên này thuộc loại mũi răng cưa, mũi nhọn, hay mũi bình phi đao?

Khoan hãy nhổ tên! Trước tiên hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc?' Nhưng nó chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

(Trung A Hàm, Kinh Tiễn Dụ, Phẩm 18, số 221)

CHỈ CHẾT MỘT ĐỜI

Các ngươi nghĩ sao, với đống cây lớn phựt cháy hừng hẫy đó mà hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; hay là, với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào vui sướng hơn?

Tỳ-kheo thưa rằng: Bạch Thế Tôn, với đống cây lớn đang phựt cháy hừng hẫy hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, hoặc có người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh,

tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc, trang sức thân thể mà tới hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất vui sướng. Thế Tôn!

Thế Tôn bảo: Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi Sa-môn mà lại mất đạo Sa-môn.

Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đống cây lớn đang phừng cháy hừng hẫy, hoặc ngồi, hoặc nằm. Việc ấy mặc dù vì thế mà phải chịu khổ sở, hoặc chết.

Nhưng không phải do đó mà thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện; không phải là phạm hạnh mà gọi là phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn, hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hoặc thợ thuyền, đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì vậy mà lâu dài không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến cõi xấu, sanh vào địa ngục.

Do đó, các ngươi hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và hãy suy nghĩ như thế này: 'Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ; tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức, đại quả báo, đại quang minh. Hãy nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

CHÍN HẠNG VÔ HỌC

Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học.

(Trung A Hàm, Kinh Phước Điền, Phẩm 11, số 127)

CHÓ LÀ PHỤ THÂN

Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp rằng: Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia đời trước là cha của ông, tên là Đô-đề vậy.

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử nghe nói xong, nổi giận gấp bội và nói với Đức Thế Tôn:

Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ đại, sau khi thân hoại mạng chung nhất định sanh lên Phạm thiên. Chớ do nhơn gì, duyên gì mà sanh vào loài chó hạ tiện này?

Đức Thế Tôn bảo: Đô-đề, cha của ông do bởi tăng thượng mạn ấy nên sanh vào loài chó hạ tiện.

Phạm chí tăng thượng mạn

Chết rồi sanh sáu nơi

Chó, gà, heo và sói

Lừa năm, địa ngục sáu.

Anh Vũ Ma-nạp, nếu ông không tin lời Ta nói, ông có thể trở về nói với con chó trắng rằng, 'Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy trở lên giường lớn'. Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở

lên giường lớn.

'Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ'. Này Ma-nạp, chó trắng tất ăn trong mâm vàng như cũ.

'Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi thấy kho tàng cất dấu vàng bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết'.

Này Ma-nạp, chó trắng chắc chắn sẽ chỉ cho ông thấy kho tàng cất dấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà ông không biết.

Rõ ràng chó trắng làm y như lời Phật nói, nên Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử hết sức khâm phục và tán thán Đức Phật. Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

Anh Vũ Ma-nạp Đô-đề Tử bây giờ mà mạng chung thì như co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc chắc chắn đi đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung tất đến chỗ lành, sanh vào trong thiên giới.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

CHƯA LẦM LỖI

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị Phật khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

CHỨNG ĐẮC KHỔ ĐẾ

Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Do Ái mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Do Ái này mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia, tất cả như vậy đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt.

Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Đó là tám chi thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ, đoạn Khổ tập, thực chứng Khổ diệt, tu Khổ diệt đạo, thì đó là Tỳ-kheo đã tận trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết, có thể bằng chánh trí chứng đắc Khổ đế.

(Trung A Hàm, Kinh Độ, Phẩm 2, số 13)

CHÚNG ĐỆ TỬ CỦA NHƯ LAI THẬT KHÉO THÚ HƯỚNG

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đô tọa, con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau. Trong khi tranh chấp, mẹ nói con xấu, con nói mẹ xấu, cha con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa là người ngoài.

Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn theo Thế Tôn tu hành phạm hạnh. Hoặc nếu có Tỳ-kheo nào gây ra

ít nhiều tranh chấp, xả giới bỏ đạo cũng không nói xấu Phật, không nói xấu pháp, không nói xấu chúng Tăng, mà chỉ tự chê trách rằng, 'Tôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành phạm hạnh'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

CHÚNG ĐÚNG PHÁP

Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chánh pháp luật có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp, tự cho là ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả'.

Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

(Trung A Hàm, Kinh A-Di-Na, Phẩm 15, số 188)

CHÚNG PHI PHÁP

Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp,

theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được. Đối với trong Chánh pháp luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết. Nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là 'Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả'.

Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

(Trung A Hàm, Kinh A-Di-Na, Phẩm 15, số 188)

CHÚNG SANH VÔ TƯỞNG

Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên.

Chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

CHUYỂN LUÂN VÔ THƯỢNG

Hôm nay ngày Rằm tự tứ
Hội tọa Tăng chúng năm trăm
Đoạn tận buộc ràng kiết sử
Tiên nhân vô ngại vô sanh.

Thanh tịnh ngời quang minh
Giải thoát tất cả hữu
Dứt sanh, lão, bệnh, tử

Lậu diệt, việc làm xong.

Diệt hối và nghi kết
Mạn, hữu lậu đã trừ
Nhổ tuyệt gai ái kết
Thành Vô thượng Y sư.
Dõng mãnh như sư tử
Khủng bố đã dứt trừ
Đã vượt sự sanh tử
Diệt lậu tận, vô dư.

Ví như Chuyển luân vương
Quần thần vây xung quanh
Thống lãnh toàn cõi đất
Suốt đại dương vô cùng.

Đấng Đại Hùng tối thắng
Bậc Thượng Chủ, Thượng Tôn
Đệ tử hằng cung kính
Tam minh, ngoài tử sanh.

Tất cả là con Phật
Cành, lá đã loại bỏ
Chuyển pháp luân vô thượng
Kính lạy Đấng Tối Tôn.
(Trung A Hàm, Kinh Thỉnh Thỉnh, Phẩm 11, số 121)

CỎ KHÔ BỐC CHÁY

A-nan, ví như lửa đốt, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý ông nghĩ

sao, ngọn lửa kia càng bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, quả như vậy.

Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

Đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

CÓ NHIỀU CỦA CẢI

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí. Người ấy bố thí cho Sa-môn, Phạm chí và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa tới xin những thứ như đồ, ăn thức uống, áo quần, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

CÓ THỂ DIỆT TẬN CÁC KHỔ

Thế nào là biết khổ? Biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ

chết, khổ oán tắng hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ.

Thế nào là biết nhân sanh của khổ? Biết từ ái, do ái sanh khổ.

Thế nào là biết hữu báo của khổ? Biết có khổ diệt hơi chậm, hoặc có khổ diệt hơi nhanh, hoặc có khổ diệt rất chậm, hoặc có khổ diệt rất nhanh.

Thế nào là biết sự thắng liệt của khổ? Đó là biết phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không điều ngự thánh pháp, nên khi thân sanh cảm thọ rất khổ, cùng cực khổ, mạng sống muốn tuyệt, phải tìm người cứu chữa ở bên ngoài; hoặc có Sa-môn, Phạm chí thọ trì loại chú một câu, loại chú hai, ba, bốn hay nhiều câu, hoặc thọ trì loại chú một trăm câu thần chú, 'Vị ấy trị dứt khổ cho ta', như vậy là nhân mong cầu mà sanh khổ, nhân tập khởi mà sanh khổ.

Nếu Tỳ-kheo biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo như vậy, đó gọi là Đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

CÓ TRÍ TUỆ

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy thường đến nơi ấy mà hỏi đạo nghĩa, rằng 'Thế nào là nghiệp thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào lào đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa

của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào? Hỏi xong lại thường thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tốt đẹp.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

CÓ TU CÓ CHỨNG

Nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý mà muốn chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, trường hợp này hoàn toàn không có.

Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

CỐ Ý HAY KHÔNG CỐ Ý TẠO TỘI

Nếu kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo. Hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.

Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.

(Trung A Hàm, Kinh Tư, Phẩm 2, số 15)

CÕI TRỜI HOẢNG DỤC CŨNG VÔ THƯỜNG

Một thời gian sau, khi thế giới này hủy diệt. Khi thế giới này hủy diệt, chúng sanh lên cõi trời Hoảng dục. Trong ấy chỉ có sắc nương theo ý mà sanh, các chi thể đầy đủ không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực, hình sắc thanh tịnh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài.

Nhưng cõi trời Hoảng dục cũng lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

CON ĐƯỜNG CHÁNH TRỰC

Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Nếu ai tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự. Nếu các ngài đối với con đường chánh trực nên tu tập mà có thể tu tập, thế thì trong đời các ngài là A-la-hán, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ sự.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

CON ĐƯỜNG THIỆN XỨ

Người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ.

Cũng vậy đối với sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Đó là con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ.

Lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ? Đó là tám chi thánh đạo. Từ chánh kiến cho đến chánh định; đó là tám. Đó là lại có con đường vườn hoa, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Già-di-ni, Phẩm 2, số 17)

CÔNG ĐỨC LỚN HAY KHÔNG LỚN?

Nếu sống tại gia có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người làm ruộng, có tai hoạn lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, người sống tại gia cũng lại như thế.

Người xuất gia học đạo ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai hoạn, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh, thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, người xuất gia học đạo cũng lại như thế.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 12, số 152)

CÔNG ĐỨC SANH CÕI TAM THẬP TAM THIÊN

'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nếu nhân gian sống một trăm tuổi, thì ở Tam thập tam thiên mới

một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm và một nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Tam thập tam thiên.

Tất có trường hợp này là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tam thập tam thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

CÔNG ĐỨC SANH CÕI TỨ THIÊN VƯƠNG

'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên'. Nếu nhân gian năm mươi năm, ở trên Tứ vương thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Năm trăm năm như vậy là tuổi thọ của Tứ vương thiên.

Tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân, thọ trì Thánh trai tám chi, thân hoại mạng chung sẽ sanh lên Tứ vương Thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

CỦA CẢI VÔ THƯỜNG

Đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng tài vật sở hữu thảy đều vô thường, bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

CỨU CÁNH TRÍ

Ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng

với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ. Do đây mà Như Lai tự xưng là Bậc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không dua nịnh, không lừa dối, chất trực không hư vọng, Ta giáo huấn cho và theo giáo huấn ấy, chắc chắn sẽ đạt đến cứu cánh trí.

Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay Cư sĩ Thật Ý, vận dụng thần túc, nương hư không mà đi.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

CỬU TƯỞNG

Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới hãy thường xuyên đi đến một nghĩa địa mà quán sát các tướng trạng tử thi: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng bộ xương khô. Vị ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này rồi trở về trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn trên giường, ngồi kiết già và suy niệm về các tướng trạng này: tướng xương, tướng xám xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập bằng các tướng trạng này sẽ đoạn trừ nhanh chóng những bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Tức Chỉ Đạo, Phẩm 11, số 139)

ĐA VĂN

Tỳ-kheo học rộng nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn, đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu

thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh, đối với các pháp như vậy, học rộng nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hằng nghìn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

ĐA VĂN VÀ KHU RỪNG

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Tôn giả A-nan đáp rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như thật lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu Đa-văn.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số

184)

ĐA VĂN THÁNH ĐỆ TỬ

Đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát, y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho, y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo, y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước, y trên không nhuế hại mà đoạn trừ nhuế hại, y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch, y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ĐÁNH ĐÀN HÒA ĐIỆU

Thế Tôn nói: Sa-môn Nhị Thập Ức, phải chăng vừa rồi ngươi sống một mình nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ: 'Nếu có đệ tử nào của Đức Thế Tôn tinh cần học tập pháp luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập các phước nghiệp chăng?'

Khi ấy Tôn giả Sa-môn Nhị Thập Ức thẹn thùng xấu hổ vì Thế Tôn đã biết rõ tâm niệm của mình, liền chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch rằng: Quả thật vậy.

Hỏi: Sa-môn, nay Ta hỏi ngươi; hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý ngươi nghĩ sao, khi ngươi sống tại gia, giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng đàn; có phải vậy chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Hỏi: Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn căng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa không?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không!

Hỏi: Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn chùng quá thì tiếng hòa âm có đáng ưa chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: Ý ngươi nghĩ sao, nếu dây đàn vừa phải, không căng quá, cũng không chùng quá, thì tiếng đàn có đáng ưa không?

Đáp: Bạch Thế Tôn, đáng ưa.

Đức Thế Tôn nói: Cũng vậy, này Sa-môn, quá sức tinh tấn sẽ khiến tâm rối loạn, nhưng chẳng tinh tấn thì tâm sẽ biếng lười. Vì vậy ngươi hãy phân biệt thời gian nào nên quán sát tướng nào, chớ nên buông lung.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

ĐẠI CĂN TRÍ CỦA NHƯ LAI

A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ giỏi, sửa sang khoảnh ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào và mưa xuống phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống ấy có dần dần lớn lên được chăng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, có thể vậy.

Cũng vậy, A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm

người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí lại quán sát tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó, thiện pháp sẽ lại phát sanh. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.
(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

ĐẠI NHƯ Ý TÚC

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-

kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có Đại như ý túc.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

ĐẠI TÂM GIẢI THOÁT

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh, y trên một gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó.

Nếu không y trên một cây, thì hãy y trên hai, hay ba gốc cây, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trụ, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu không y trên hai, hay ba gốc cây thì hoặc y trên một khu rừng. Nếu không y trên một khu rừng thì hoặc y trên hai, ba khu rừng. Nếu không y trên hai, ba khu rừng, nên y trên một thôn. Nếu không y trên một thôn thì nên y trên hai, ba thôn. Nếu không y trên hai, ba thôn thì hoặc y trên một nước. Nếu không y trên một nước, thì nên y trên hai, ba nước. Nếu không y trên hai, ba nước thì hoặc y vào đại địa, cho đến đại hải, ý cởi mở, đại tâm giải thoát biến mãn, thành tựu an trú, với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Hữu Thắng Thiên, Phẩm 7, số 79)

ĐẢNH PHÁP

Đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, phi ngã. Vị ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán

sát, phân biệt như vậy, liền phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Đó gọi là đảnh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

DANH SẮC

Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về tập của danh sắc, diệt của danh sắc và diệt đạo của danh sắc.

Thế nào là biết như thật về danh sắc? Đó là bốn ấm phi sắclà danh. Thế nào là biết về sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo. Đây là nói về sắc, trước đó nói về danh, đó là danh sắc.

Thế nào là biết như thật về tập của danh sắc? Do thức mà có danh sắc.

Thế nào là biết như thật về diệt của danh sắc? Thức diệt tức danh sắc diệt?

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của danh sắc? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

ĐẠO HẠNH SA MÔN

Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thụy miên, không trạo cử kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm chánh trí, không có ngu si.

Tâm vị ấy câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, khắp tất cả, tâm của vị ấy câu hữu với từ, không kết không oán, không nhuế không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ câu hữu với xả, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

Vị ấy tự nghĩ: Có thô, có diệu, có tưởng, dẫn đến thượng xuất yếu, biết như thật. Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát.

Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp II, Phẩm 15, số 183)

ĐẠO TỪ CHÁNH NIỆM MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ chánh niệm chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc?

Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội thọ, nội tâm, nội pháp như pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ KHÔNG HÝ LUẬN MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ không hý luận, ưa không hý luận, hành không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ ưa hý luận, không phải từ hành hý luận mà chứng đắc?

Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hý luận, an lạc, trú trong Vô dư Niết-bàn, tâm thường lạc trú, hoan hỷ, ý giải.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ TINH TẤN MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ tinh tấn chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc?

Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn ác bất thiện, tu các thiện pháp, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, vì các gốc rễ thiện mà không hề từ bỏ khó nhọc.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ TỊNH Ý MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc?

Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ TRI TÚC MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc?

Tỳ-kheo hành tri túc, áo dùng để che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ TRÍ TUỆ MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc?

Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán pháp hưng suy, chứng đắc trí như thật, thánh tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng để dứt sạch khổ một cách chính đáng.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ VIỄN LY MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ viễn ly chứ không phải từ ưa tụ hội, sống chỗ tụ hội, hội hợp nơi tụ hội mà chứng đắc?

Tỳ-kheo thực hành hạnh viễn ly, thực hành hai hạnh viễn ly là thân và tâm đều viễn ly.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠO TỪ VÔ DỤC MÀ CHỨNG ĐẮC

Thế nào là đạo từ vô dục mà chứng đắc, chứ không phải từ hữu dục?

Tỳ-kheo đạt được vô dục, tự biết đạt được vô dục, không tỏ cho kẻ khác biết mình vô dục; đạt được tri túc, đạt được viễn ly, đạt được tinh cần, đạt được chánh niệm, đạt được định ý, đạt được trí tuệ, đạt được không hý luận, tự biết đạt được không hý luận, không muốn tỏ cho người khác biết mình vô dục.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

ĐẠT ĐẾN KHỔ BIÊN

A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác ý, không chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác mà đạt đến khổ biên, trường hợp này hoàn toàn không có.

Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an trụ vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác ý, chứng đắc Vô thượng chánh đẳng giác, đạt đến khổ biên, trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

ĐẠT PHẠM HẠNH

Các ngươi hãy biết lậu, nhân sinh của lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo.

Các ngươi hãy biết thọ, biết nhân sanh của thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo.

Các ngươi hãy biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo.

Các ngươi hãy biết dục, biết nhân sanh của dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục, biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo.

Các ngươi hãy biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp từ đâu sanh, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo.

Các ngươi hãy biết khổ, biết nhân sanh của khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo.

Đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

ĐẠT PHẠM HẠNH CỦA THỌ

Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc.

Khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ.

Khi thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc, liền biết đang thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc.

Khi thân thọ nhận cảm thọ lạc, thân thọ nhận cảm thọ khổ, thân thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc.

Khi tâm thọ nhận cảm thọ lạc, tâm thọ nhận cảm thọ khổ, tâm thọ nhận cảm thọ không khổ không lạc.

Cảm thọ lạc khi ăn, cảm thọ khổ khi ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi ăn.

Cảm thọ lạc khi không ăn, cảm thọ khổ khi không ăn, cảm thọ không khổ không lạc khi không ăn.

Cảm thọ lạc khi có dục, cảm thọ khổ khi có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi có dục.

Cảm thọ lạc khi không có dục, cảm thọ khổ khi không có dục, cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục, thì biết có cảm thọ không khổ không lạc khi không có dục.

Đó là biết sự thắng liệt của thọ.
Thế nào là biết sự diệt tận của thọ? Biết xúc diệt, thọ liền diệt.

Thế nào là biết thọ diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định.

Đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

DẤU CHÂN VOI

Này chư Hiền, cũng như trong các dấu chân của loài thú vật, dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi rất là to lớn vậy.

Cũng vậy, có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế. Nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là tối thượng bậc nhất.

Những gì là bốn? Đó là Khổ Thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ diệt đạo Thánh đế.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

ĐÂU SUẤT ĐÀ THIÊN

'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú của chư Thiên'. Nhân gian bốn trăm năm thì Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Bốn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suất-đà thiên.

Tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Đâu-suất-đà thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

ĐỆ TỬ XỨNG ĐÁNG

Tôn sư thích an trú viễn ly, đệ tử trưởng thượng, trung, hạ cũng học theo hạnh viễn ly. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng.

Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trưởng thượng, trung, hạ đoạn trừ những pháp ấy. Vị đệ tử trưởng thượng này vì vậy đáng tán thưởng.

Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trưởng thượng,

trung, hạ tinh tấn cầu học, không bỏ phương tiện. Vị đệ tử này vì vậy đáng được tán thưởng.

Nếu bậc Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng, trung, hạ cũng thích đời sống viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng tán thưởng này.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Ta xác định rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt.

Ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phẩn sâu rộng, có người bị lọt vào đấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói, 'Người này có chỗ nào như lông, tóc không bị dính phẩn để ta có thể nắm kéo lên chăng?' Người ấy nhìn khắp châu thân nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được'.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

ĐẾN CỘI BỒ ĐỀ

Rồi Ta đi về phía nam núi Tượng đỉnh, đến tại Uất-bệ-la, một ngôi làng của Phạm chí tên gọi là Tư na, đây là một khoảng đất xinh xắn, khả ái, núi rừng sầm uất, sông Ni-liên-thuyền với dòng nước trong xanh chảy lên bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy bèn nghĩ rằng, 'Nếu một thiện nam tử muốn học đạo, nên ở nơi này mà học, Ta cũng học đạo; vậy Ta hãy ở nơi này mà

học. Rồi Ta ôm cỏ đến cây giác thọ. Đến nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết già, kỳ hạn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc Lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc Lậu tận.

Ta tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Liền đạt được sự không già không chết, không ưu bi sầu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

ĐẾN NIẾT BÀN

Tu dục, định thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm. Tu tinh tấn định, tâm định tư duy, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt y xả, thú hướng phi phẩm và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này thành tựu tự thọ, chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng chánh giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

Cũng như gà sanh mười trứng, hoặc mười hai trứng, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con nó sẽ lấy chân mà chọi, lấy mỏ mà mổ vỏ trứng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con đệ nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu, kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn

đạt đến tri kiến, đến chánh đẳng giác, đến cửa cam lồ, cận trụ Niết-bàn. Ta nói, không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm Uế, Phẩm 17, số 207)

ĐỊA GIỚI

Cái gì là địa giới? Nội địa giới và ngoại địa giới.

Nội địa giới là những gì ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân như vật cứng, có tính chất cứng, được chấp thọ bên trong. Đó là những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng, da thô và mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phẩn và những thứ khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong, có tính chất cứng, bị chấp thủ bên trong. Đó là nội địa giới.

Ngoại địa giới là lớn, là tịnh, là không đáng tởm. Có lúc bị thủy tai, khi ấy ngoại địa giới tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

DIỆT TẬN ĐỊNH VÀ VÔ TƯỞNG ĐỊNH

Ưu-bà-di Tì-xá-khư hỏi rằng: Bạch Ni sư, một người diệt tận định và một người nhập vô tưởng định khác nhau thế nào?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng: Một người nhập diệt tận định thì tưởng và tri đều diệt còn một người nhập vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa một người nhập diệt tận định và nhập vô tưởng định.

Hỏi: Bạch Ni sư, một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra khác nhau như thế nào?

Đáp: Tỳ-kheo từ diệt tận định ra không khởi suy nghĩ này, 'Ta từ diệt tận định ra'. Tỳ-kheo khi từ vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ này, 'Ta là hữu tưởng? Hay ta là vô tưởng?' Đó là sự khác nhau giữa một người từ diệt tận định ra và từ vô tưởng định ra.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

DIỆT TẬN LẬU

Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Biết vô minh diệt, lậu liền diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

DIỆT TẤT CẢ NGHIỆP

Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp và nghiệp đã tư.

Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết từ do xúc nên có nghiệp.

Đó là biết nhân sanh của nghiệp báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận.

Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp sanh vào địa ngục, có nghiệp sanh vào súc sanh, có nghiệp sanh vào ngạ quỷ, có nghiệp sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp sanh vào cõi người.

Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt.

Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định.

Đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

DIỆT TRỪ TÂM THAM

Ngay đời này, nay đã đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, ta không móng khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho ta. Đối với tham tâm, ta đã tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi. Ngay trong đời này, ta đã đoạn trừ nghi hoặc, đối với các pháp thiện không còn do dự, đối với tâm nghi hoặc, ta đã tịnh trừ.

Ngay trong đời này các ông cũng nên đoạn trừ tham, tâm không não hại, thấy của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, không nên sanh khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho mình. Đối với tham tâm, các ông nên tịnh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi. Ngay trong đời này, các ông nên đoạn nghi hoặc, đối với các pháp thiện không nên do dự.

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

ĐỊNH CÙNG VỚI HỶ, LẠC, XẢ

Nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán, định không giác không quán, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì này Tỳ-kheo, tâm hãy cùng với từ tương ưng,

biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, hai, ba bốn phương, phương trên, phương dưới, châu biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú. Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nên an trụ phương Đông, chắc chắn được an lạc, không có các tai hoạn đau khổ. Nếu an trụ phương Nam, phương Tây và phương Bắc, chắc chắn an lạc, không có các tai hoạn đau khổ.

Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tu tập các định này một cách khéo léo, đối với các thiện mà ngươi đã an trú, Ta không còn nói đến, huống là sự suy thoái. Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng, chứ không suy thoái.

(Trung A Hàm, Kinh Úc-già-chi-la, Phẩm 7, số 76)

ĐÌNH TRỤ CỦA THIỆN PHÁP

Thế nào là sự đình trụ của thiện pháp, không thối thất không tăng tiến?

Tỳ-kheo nếu có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy trụ, chứ không thối, không tăng.

(Trung A Hàm, Kinh Trụ Pháp, Phẩm 8, số 95)

ĐỊNH VÔ TƯỞNG ĐẠO

Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng

của đời sau và bất động tưởng, vô sở hữu xứ tưởng, tất cả tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt. Bấy giờ vị ấy đắc Vô tưởng.

Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy, thì ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được minh tịnh, Tỳ-kheo ấy hoặc nhờ đó mà nhập vô tưởng, hoặc do tuệ mà giải thoát. Về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến vô tưởng xứ. Đó là nói về định vô tưởng đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

DO BỞI SÂN HẬN

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thân khẩu ý tạo ác nghiệp. Người ấy sau khi thân, khẩu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh trong địa ngục. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

DO BỦN XỈN MÀ CÓ CHẤP THỦ

Nhân của bảo thủ, tập khởi của bảo thủ, bản của bảo thủ, duyên của bảo thủ, gọi đó là keo kiệt vậy. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có bảo thủ.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DO CHẤP THỦ NÊN CÓ HIỆN HỮU

Nhân của hữu, tập khởi của hữu, bản của hữu, duyên của hữu, gọi đó là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DO ĐẮM TRƯỚC MÀ CÓ BỎN XẺN

Nhân của bỏn sẻn, tập khởi của bỏn sẻn, bản nguyên của bỏn sẻn, duyên của bỏn sẻn, gọi đó là đắm trước. Vì sao? Vì duyên đắm trước nên có bỏn sẻn.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DO DỤC MÀ BỊ THOÁI CHUYỂN

Dục tuyệt đối không có lạc, chỉ có vô lượng khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục phủ kín, không đạt được an lạc do xả và vô thượng tịch tĩnh. Ma-ha-nam, Đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

DO DỤC MÀ CÓ ĐẮM TRƯỚC

Nhân của đắm trước, tập khởi của đắm trước, bản của đắm trước, duyên của đắm trước, gọi đó là dục. Vì sao? Vì duyên dục nên có đắm trước.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DO KHÔNG CHẤP THỦ NÊN KHÔNG SỢ HÃI

Những gì thuộc về sáu kiến xứ ấy mà thấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là thần ngã, và do không kiến chấp như vậy, nên không chấp thủ thế gian này.

Do không chấp thủ thế gian này nên không có sợ hãi. Do

không sợ hãi mà chứng đắc Niết-bàn, biết như thật rằng, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

ĐỐ KỴ

Thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo đời này và đời sau. Nếu ta đố kỵ thù nghịch ấy là tự hại và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai đố kỵ thù nghịch tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch chăng?' Rồi vị ấy y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y cứ trên không đố kỵ thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ thù nghịch.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ĐỘ NGỌ

Này các Tỳ-kheo, Ta chỉ ăn trong một lần ngồi. Do chỉ ăn trong một ăn trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường, an ổn khoái lạc. Các ngươi cũng nên chỉ ăn trong một lần ngồi; do chỉ ăn trong một lần ngồi, các ngươi sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng thoải mái, khí lực khang cường an ổn khoái lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Bạt-Đà-Hòa-Lợi, Phẩm 16, số 194)

DO SUY NIỆM

Dục là do nhân niệm và duyên nơi niệm, từ nơi niệm mà phát sanh; do niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

DO XÚC MÀ CÓ BA THỌ

Nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản của thọ, duyên của thọ, gọi đó là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

ĐỌA ĐỊA NGỤC DO DỤC

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Kẻ đó vì thân làm ác, khẩu và ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục.

Đó là những nỗi khổ ở đời sau nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

ĐOAN CHÁNH

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ấy nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cục cằn không nổi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp.

Người ấy thọ nghiệp, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

ĐOẠN TRỪ ÁC BẤT THIỆN

Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, đối với các gốc rễ thiện pháp không từ bỏ phương tiện. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

ĐOẠN TRỪ BỐN THỦ

Nếu có Đức Như Lai ra đời, là Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu, Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thủ. Ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thủ, thi hành đoạn trừ dục thủ, giới thủ, kiến thủ, ngã thủ. Bốn thủ này nhân nơi đâu? Tập khởi do đâu? Phát sinh từ đâu? Lấy gì làm gốc?

Nếu thọ này nhân nơi vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc, nếu có Tỳ-kheo vô minh đã diệt tận, minh tuệ đã phát sanh, vị đó từ đây không còn trở lại chấp thủ dục, chấp thủ giới, chấp thủ kiến và chấp thủ ngã nữa. Vị đó đã không chấp thủ rồi thì không còn lo sợ. Đã không lo sợ nên đoạn trừ nhân duyên, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn và biết

đúng như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh'.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 9, số 103)

ĐOẠN TRỪ NĂM HẠ PHẦN KIẾT SỬ

A-nan, hoặc có một hạng người bị dục quấn chặt. Nếu dục triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi dục triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nhuế quấn chặt; nếu nhuế triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Nếu biết như thật về sự xả ly rồi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. A-nan ở đây có một người bị thân kiến quấn chặt. Nếu thân kiến đã quấn chặt, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây có một người bị giới thủ quấn chặt. Nếu giới thủ triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, giới thủ triền nơi người ấy liền diệt. A-nan, ở đây một người bị nghi quấn chặt, nếu nghi triền đã sanh, liền biết như thật về sự xả ly. Biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt.

Này A-nan, y trên đạo này, y trên đạo tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết.

Cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy suy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc bờ bên kia nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lội sang bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không

trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết người ấy cũng giống như người gầy yếu không sức lực kia.

Cũng như sông Hằng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nếu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Người ấy nghĩ rằng, 'Sông Hằng-già này với nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia. Tự thân ta đủ sức để bình an lội qua bờ bên kia'. A-nan, nên biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn, mà có tâm thú hướng, thanh tịnh mà trụ nơi giải thoát; A-nan, nên biết, người này cũng như người có sức lực kia.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Phẩm 17, số 205)

ĐOẠN TRỪ SÂN HẠI

Thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta hại nhuế ấy là tự hại, mà cũng là hủy báng xuyên tạc người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ĐOẠN TRỪ SÁT SANH

Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai giết chóc phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây

hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai giết chóc như vậy, sẽ chịu quả báo này, trong đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y trên lìa sát mà đoạn trừ sát chăng?'

Rồi vị ấy y trên xa lìa sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy là Đa văn Thánh đệ tử y trên lìa sát mà đoạn trừ sát.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

ĐOẠT ĐƯỢC VẬT NHƯNG BỊ CHỦ BẮT LẠI

Có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài và có tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như người có nhiều uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt lại dê trả cho chủ. Đó là có người dù trộm được dê của kẻ khác, nhưng bị chủ đoạt trở lại.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

ĐỜI NGƯỜI NHƯ HẠT SƯƠNG MAI

Giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu; cũng vậy, sanh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

ĐỜI SỐNG VIỄN LY

Tỳ-kheo ưa thích đời sống viễn ly, thành tựu cả hai sự viễn ly

là thân và tâm. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 10, số 144)

ĐỐI TRỊ NỘI TÂM

Ta sanh niệm vô dục, và tư niệm nhiều. Sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, và tư niệm nhiều. Ta lại suy nghĩ như vầy: 'Nếu tư niệm quá nhiều thì thân mệt, mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định để tâm không bị tổn hại'. Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, khiến thường an trú bên trong, tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định mà tâm không bị tổn hại.

Ta đã sanh khởi niệm vô dục, rồi lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp, sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa, khi đó đứa chăn bò thả bò nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: 'Bò ta ở trong bầy'. Vì sao vậy? Vì đứa chăn bò không thấy rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó đứa chăn bò nghĩ 'Bò ta ở trong bầy' và không thấy rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói, có mất mát. Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp, sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, rồi lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

DÒNG DÕI THẤP

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi đê tiện?

Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính thì không cung kính, đáng tôn trọng thì không tôn trọng, đáng quý thì không quý, đáng phụng thờ thì không phụng thờ, đáng cúng dường thì không cúng dường, đáng nhường lối thì không nhường lối, đáng nhường chỗ ngồi thì không nhường chỗ ngồi, đáng chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì không chấp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi ti tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

DÒNG HỌ CAO QUÝ

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, đại mạn, người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý thì quý, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường lối thì nhường lối, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chấp tay hướng về lễ bái thăm hỏi thì chấp tay hướng về lễ bái thăm hỏi. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào

nhân gian nhằm dòng dõi tôn quý.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

DÒNG NƯỚC SẠCH

Bạch Thế Tôn, cũng như dòng nước rửa sạch tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Nước ấy không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn.

Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như nước kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 3, số 24)

DÒNG SUỐI VÀ BẦY NAI

Khi Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm nhuế, lìa niệm hại thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lìa tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bầy nai nọ đến đó rong chơi. Có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bầy nai đó, vì không muốn sự an ổn khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy là tất cả bầy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích phước lành, được an ổn khoái lạc, liền mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, đuổi người coi giữ. Như vậy, bầy nai được cứu thoát an ổn.

Nên biết Ta nói ví dụ này là muốn để các ngươi biết rõ ý

nghĩa, người trí tuệ nghe ví dụ này sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vầy. Suối nước lớn là năm dục, ái niệm, hoan lạc. Những gì là năm? Sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, lưỡi vị được biết bởi lưỡi và xúc được biết bởi thân. Suối nước lớn nên biết đó là năm thứ dục lạc. Bầy nai, nên biết đó là Sa-môn, Phạm chí. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó là ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm, đó là ba niệm ác bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại. Đường hiểm, nên biết đó là niệm ác bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến và tà định. Đào hầm lớn, nên biết đó là vô minh. Người coi giữ, nên biết đó là quyến thuộc của ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bầy nai được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, nên biết đó chính là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bít lấp con đường hiểm, mở con đường chánh, đó là ba niệm thiện, niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại. Đường chánh, nên biết đó là ba niệm thiện. Lại còn có con đường chánh, đó là bát chánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.

Ta đã mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, san bằng hầm hố, đuổi người coi giữ cho các ngươi rồi. Ví như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Điều đó Ta đã thực hiện rồi, các ngươi cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây, hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

DỤC KHÔNG CÓ LẠC

Ta biết là dục không có lạc mà chỉ là vô lượng khổ hoạn. Biết như thật rồi, Ta không bị dục phủ kín, cũng không bị pháp ác quấn chặt. Vì vậy đạt được an lạc do xả và vô thượng tịch tĩnh. Vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thoái chuyển.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

DỤC LÀ VÔ THƯỜNG

Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vô thường cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

DỤC LÀM CHƯỚNG NGẠI SỰ TU HỌC

Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vầy, 'Thế Tôn nói rằng dục là vô thường, hư ngụy, giả dối, huyễn hóa, khi cuống, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy, tâm mới sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, tham lam, sân nhuế và đấu tranh, làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử'.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

ĐỨC PHẬT MAY Y CHO TÔN GIẢ A-NA-LUẬT-DÀ

Đức Thế Tôn gặp Tôn giả A-nan tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng. Sau khi gặp, Ngài hỏi: A-nan, ông vì việc gì tay cầm chìa khóa cửa, đến khắp các phòng?

Tôn giả A-nan bạch rằng: Bạch Thế Tôn, con nay nhờ các Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Đức Thế Tôn bảo rằng: A-nan, sao ông không thỉnh Như Lai may y cho A-na-luật-đà?

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về Đức Thế Tôn bạch rằng:

Cúi mong Thế Tôn qua núi Sa-la-la nham may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Sa-la-la nham, ngồi trước mặt chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy trong núi Sa-la-la nham có tám trăm Tỳ-kheo và Đức Thế Tôn cũng ngồi chung may y cho Tôn giả A-na-luật-đà.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo:

Đại Mục-kiền-liên, Ta có thể vì A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, cắt rọc rồi khâu may lại thành y. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai hữu, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng: Cúi mong Đức Thế Tôn trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại thành y.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-na-luật-đà trải rộng khuôn khổ tấm y, các vị Tỳ-kheo cùng nhau cắt rọc, khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy may xong ba y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng:

A-na-luật-đà, ông hãy nói pháp Ca-hi-na cho các Tỳ-kheo nghe. Ta đang đau lưng muốn nghỉ một lúc.

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng: Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn xếp chồng bốn lớp y Uất-đa-la-tăng để trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tưởng, thường tác khởi tư tưởng nơi chánh niệm chánh trí.

(Trung A Hàm, Kinh Ca-hi-na, Phẩm 7, số 80)

ĐỨC PHẬT VÀ VUA BA TƯ NẶC

Vua Ba Tư Nặc thưa:

Bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-lợi. Con là người nước Câu-tát-la, Thế Tôn cũng người nước Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế Tôn cũng tám mươi tuổi. Con có thể trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ha-Đề, Phẩm 18, số 214)

DỤC PHỦ KÍN

Nếu ai bị dục phủ kín, bị ác pháp quấn chặt, không được xả lạc, vô thượng tịch tĩnh, thì với người ấy tâm sanh ra tham lam, sân hận, thụy miên, tâm sanh không an lạc, thân sanh ra dã dượi, ăn nhiều, tâm ưu sầu.

Tỳ-kheo ấy không nhẫn nại được đói khát, nóng lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng không thể nhẫn nại được. Thân mắc phải

các bệnh tật thống khổ đến mức muốn chết và gặp những cảnh ngộ không vừa lòng đều không thể nhẫn chịu được. Vì sao? Vì bị dục phủ kín, bị ác pháp quấn chặt, không được xả lạc, vô thượng tịch tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

DỤC VÍ NHƯ CHÍN LOẠI

Dục có chướng ngại, Ta nói dục có chướng ngại.
Dục như bộ xương khô, Ta nói dục như bộ xương khô.
Dục như miếng thịt, Ta nói dục như miếng thịt.
Dục như bó đuốc, ta nói dục như cây đuốc trong tay.
Dục như hầm lửa, Ta nói dục như hầm lửa.
Dục như rắn độc, Ta nói dục như rắn độc.
Dục như mộng, Ta nói dục như mộng.
Dục như đồ vay mượn, Ta nói dục như đồ vay mượn.
Dục như trái cây, Ta nói dục như trái cây.
(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

DỤC, SÂN VÀ VÔ MINH SỬ

Đối với cảm thọ lạc, sanh là lạc, trụ là lạc; biến dịch là khổ; vô thường tức là tai hoạn, và dục là sử; đối với cảm thọ khổ, sanh là khổ, trụ là khổ, biến dịch là lạc, vô thường tức là tai hoạn, sân nhuế là sử. Đối với cảm thọ không khổ không lạc, khổ hay lạc không được biết đến, vô thường tức là biến dịch và vô minh là sử vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

ĐÚNG ĐƯỜNG LỐI

Ví như có người muốn lấy sữa, cho bò ăn uống no nê rồi vắt sữa nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa, cho bò ăn no nê rồi vắt nơi vú nó, thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, là vắt nơi vú con bò.

Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh, chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm, Phẩm 14, số 172)

DỨT TRANH ĐẤU

Nếu lấy tranh dứt tranh

Đời nào dứt cho xong

Nhẫn nhục dứt hận thù

Đó là pháp tối thượng.

(Trung A Hàm, Kinh Trường Thọ Vương Bổn Khởi, Phẩm 7, số 72)

DUYÊN BỎN SẺN NÊN SANH KEO KIỆT

Nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo

kiệt, duyên của keo kiệt, gọi đó là bỏn sẻn. Vì sao? Vì duyên bỏn sẻn nên có keo kiệt.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DUYÊN HỮU CÓ SANH

Đây nói là duyên hữu có sanh; nên biết, điều được nói là duyên hữu có sanh.

Nếu không có hữu, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người. A-nan, các loài chúng sanh ấy, chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy, chỗ ấy; nếu không có sự hữu, mỗi loài và mỗi loài đều không có hữu, thì giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn nói: A-nan, cho nên biết rằng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản của sanh, duyên của sanh, gọi đó là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DUYÊN KHỞI SÂU SẮC

Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vầy, 'Kỳ diệu thay, duyên khởi này! Thật là vô cùng sâu sắc, nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!

Đức Thế Tôn bảo: A-nan, ngươi chớ nghĩ rằng 'Duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!' Vì sao? Vì duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng thật là vô cùng sâu

sắc.

Đối với duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác ngộ, không thấu triệt, nên khiến chúng sanh ấy dính móc nhau như khung cửi rối ren, như đám uẩn-mạn mọc chằng chịt, tấp nập huyên náo, đi từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, qua rồi lại, lại rồi qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. A-nan, cho nên phải biết duyên khởi này thật vô cùng sâu sắc và ánh sáng cũng rất là sâu sắc.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

DUYÊN SANH CÓ GIÀ CHẾT

Đó là duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già và chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn khổ, áo não; đều duyên nơi già chết mà có. Như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

Duyên sanh có già chết. Đây nói duyên sanh có già chết; nên biết, điều được nói là duyên sanh có già chết. A-nan, nếu không sự sanh, như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người; A-nan, các loài chúng sanh ấy, chúng sanh ấy, tùy theo những chỗ ấy, chỗ ấy; nếu không sự sanh, mỗi loài và mỗi loài đều không sanh, thì giả sử tách rời sự sanh, có già chết không?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn nói: A-nan, cho nên biết rằng, nhân của già chết, tập của già chết, bản của già chết, duyên của già chết, gọi đó là sanh. Vì sao? Vì duyên nơi sanh nên có già chết.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

GẦN ĐẾN LÒ SÁT

Giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

GẶP NGƯỜI GHÉT LÀ KHỔ

Nói oán tắng hội là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Oán tắng hội, nghĩa là, chúng sanh thật có sáu nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

Chúng sanh thật có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn không khả ái mà chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp. Sự hòa hợp ấy là khổ. Như vậy gọi là oán tắng hội khổ.

Oán tắng hội là khổ, đó là chúng sanh khi có sự tụ hội của những thứ oán ghét, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Vì lẽ ấy mà nói oán tắng hội là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

GIÀ CHẾT

Tỳ-kheo biết như thật về già chết, biết như thật về tập khởi của già chết, diệt của già chết và diệt đạo của già chết.

Thế nào là biết như thật về già? Đó là, người kia già cả, đầu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà đi, thịt teo rút, da nhăn như cây gai, các căn rụng rời, nhan sắc xấu xí.

Thế nào là biết như thật về chết? Đó là, chúng sanh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, khi mạng chung, cơn vô thường đến, thì chết rồi chôn và tan rã, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc; đó là của chết. Trước kia là nói về già, đây là nói về chết. Đó gọi là lão tử.

Thế nào là biết như thật về tập của già chết? Đó là, do sanh mà có già chết.

Thế nào là biết như thật về diệt của già chết? Đó là, sanh diệt tức già chết diệt. Đó là biết như thật về diệt của già chết.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của già chết? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

GIÀ LÀ KHỔ

Nói già là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, già nghĩa là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, kẻ kia trở nên già yếu, đầu bạc răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy yếu, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà đi, thịt rút, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí..

Già là khổ, là chúng sanh khi già thì thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện.

Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện, vì lẽ ấy mà nói già là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

GIẢI THOÁT CHƯA RỐT RÁO

Cách đây đã lâu, Ta là Thiện Nhãn đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vầy: 'Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục'. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được, sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Nhật, Phẩm 1, số 8)

GIẢI THOÁT DỤC

Thế nào là biết dục? Biết dục có năm công đức của dục, khả

ái, khả hỷ, mỹ sắc, tương ưng với dục, rất khả lạc. Những gì là năm?

Sắc được biết bởi mắt, thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân, pháp được biết bởi ý.

Thế nào là biết nhân sanh của dục? Biết từ xúc, do xúc nên có dục.

Thế nào là biết hữu báo của dục? Tùy theo chủng loại dục mà sanh ái lạc, đắm trước rồi trụ vào đó, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo, đến chỗ có phước, đến chỗ phi phước hay chỗ bất động.

Thế nào là biết sự thắng liệt của dục? Hoặc có dục ham muốn sắc, hoặc có dục ham muốn tiếng, hoặc có dục ham muốn hương, hoặc có dục ham muốn vị, hoặc có dục ham muốn xúc.

Thế nào là biết sự diệt tận của dục? Biết xúc diệt, dục liền diệt.

Thế nào là biết dục diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết dục diệt đạo.

Đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả dục.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

GIẢI THOÁT RỐT RÁO

Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là

Đấng Chúng Hựu.

Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Nhật, Phẩm 1, số 8)

GIẢI THOÁT TAM ĐỘC

Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh tư duy, nhân chánh tư duy nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh tinh tấn, nhân chánh tinh tấn nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si.

Hiền thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

GIẢI THOÁT TAM LẬU

Đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: 'Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay là sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay là dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay là sắc tưởng của đời

sau và bất động tưởng, vô sở hữu tưởng, vô tưởng tưởng, tất cả các tưởng ấy đều là pháp vô thường, khổ và diệt, đó là hữu thân. Nếu là hữu thân thì đó là sanh, đó là già, đó là bệnh, đó là chết.

Nếu có pháp này thì diệt trừ tất cả, không để lưu dư, không để có trở lại. Như vậy thì không sanh, không già, không bệnh, không chết.

Bậc Thánh quán như vậy. Nếu có thì chắc chắn đó là pháp giải thoát. Nếu có Vô dư Niết-bàn thì gọi là cam lộ. Vị nào quán như vậy, chắc chắn tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Đã giải thoát liền biết đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

GIẢI THOÁT TỪ VÔ DỤC

Nếu Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe, các bậc trí phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; họ nghe pháp rồi thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa, và do sự thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa đó nên được hoan duyệt, nhân hoan duyệt mà được hoan hỷ. Nhân hoan hỷ mà được thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc nên được tâm định.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định nên được thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh sự nhàm tởm. Do nhàm tởm nên được vô dục. Do vô dục nên được giải thoát. Do giải thoát mà biết là mình giải thoát, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập,

điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

GIẢI THOÁT XỨ THỨ NĂM

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam muội thì thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa. Do thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa nên được hoan duyệt. Do hoan duyệt nên hoan hỷ. Do hoan hỷ nên được thân khinh an. Do thân khinh an nên được cảm thọ lạc. Do cảm thọ lạc nên được tâm định.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhân tâm định nên được thấy như thật, biết như thật. Do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh nhàm tởm. Do nhàm tởm nên được vô dục. Do vô dục nên được giải thoát. Do giải thoát mà biết là mình đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa'.

Đó là giải thoát xứ thứ năm, nhân đó mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa được giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa dứt sạch các lậu thì được dứt sạch trọn vẹn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

GIỚI BẤT THIỆN

Thân hành bất thiện, miệng, ý hành bất thiện. Đó gọi là giới bất thiện.

Giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ

tâm này.

Giới bất thiện bị diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về miệng, ý, tu tập nghiệp thiện về miệng, ý.

Đệ tử Hiền thánh làm thế nào diệt trừ giới bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

GIỚI THIỆN

Thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.

Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Thế nào gọi là tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.

Giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

GỐC RỄ CỦA CÁC PHÁP

Ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá; ý ông nghĩ sao, ngọn lửa há càng bốc cháy mạnh lên chăng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể vậy.

Thế Tôn nói: Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện, nhưng bất thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt pháp thanh tịnh.

Đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

GỘI GỐC CỦA UNG NHỌT

Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của nó, khiến không thể sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.

Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, cọ xát với y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp tan rã. Như vậy gọi là ung nhọt.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-Đà-La, Phẩm 10, số 114)

GƯƠNG THÁNH TRÍ TUỆ

Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ?

Ngã mạn đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa.

HAI ĐỜI VUI

Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ sát sanh, do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình vui thích, đoạn trừ lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến. Do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc và tâm lạc từ thiện mà sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

HAI MƯƠI MỐT TÂM Ô UẾ

1) Tà kiến	2) Phi pháp dục
3) Ác tham	4) Tà pháp
5) Tham	6) Nhuế
7) Thụy miên	8) Trạo cử hối quá
9) Nghi hoặc	10) Sân triền
11) Phú tàng	12) Xan tham
13) Tật đố	14) Khi trá
15) Dua siểm	16) Vô tàm
17) Vô quý	18) Mạn
19) Đại mạn	20) Ngạo mạn
21) Phóng dật.	

Ví như cái áo bị cáu bẩn đem cho nhà thợ nhuộm. Người thợ nhuộm nhận áo đó, hoặc dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt

hay dùng nước chắt chà xát thật kỹ cho sạch cái áo dơ bẩn đó. Dù người thợ giặt dùng tro sạch, hoặc dùng bột giặt hay dùng nước chắt chà xát thật kỹ cho sạch, nhưng cái áo dơ bẩn ấy vẫn có màu dơ bẩn. Cũng như vậy, nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

(Trung A Hàm, Kinh Thủy Tịnh Phạm Chí, Phẩm 8, số 93)

HAI NHÂN DUYÊN PHÁT SANH VÔ TƯỞNG ĐỊNH

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh vô tưởng định?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên phát sanh vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không suy niệm tất cả mọi tưởng, hai là suy niệm vô tưởng giới.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

HÀNG PHỤC TÂM

Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm ác cũng sanh tiếp niệm bất thiện, và khi phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, cũng lại sanh tiếp về niệm bất thiện nữa; Tỳ-kheo đó nên quán như vầy. Tỳ-kheo, vì nhân niệm này mà sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm, khiến không niệm ác bất thiện.

Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm

ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó, Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm để không sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó dùng tâm tu tâm, giữ chặt tâm và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

(Trung A Hàm, Kinh Tăng Thượng Tâm, Phẩm 9, số 101)

HÀNH

Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về tập của hành, diệt của hành và diệt đạo của hành.

Thế nào là biết như thật về hành? Có ba hành: thân hành, khẩu hành và ý hành.

Thế nào là biết như thật về tập của hành? Do vô minh mà có hành.

Thế nào là biết như thật về diệt của hành? Vô minh diệt tức hành diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của hành? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

HẠNH PHÀM PHU

Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với nghĩa. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, có tán thán và chỉ trích, có sự không tán thán và không chỉ trích mà nói pháp, quyết định đúng mức và sau khi đã biết quyết định, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong. Đừng nói lời ám chỉ, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn; tùy theo phong tục địa phương, đừng nói thị, đừng nói phi.

Đó là những vấn đề của kinh 'Phân biệt vô tránh'.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

HÀNH TƯỚNG CỦA TƯ DUY

Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vị Tỳ-kheo đó vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần niệm ấy, khiến không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần niệm ấy thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: 'Tại sao ta đi nhanh? Giờ ta hãy đi chậm được chăng?' Người đó liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta đi chậm mà chẳng đứng lại?' Người đó liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được

chăng?' Người đó liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: 'Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?' Người đó liền nằm xuống. Như vậy là người đó đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân.

Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy mà giảm dần niệm ấy để không sanh niệm ác bất thiện. Khi đối với niệm này, Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy, giảm dần niệm ấy, thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt, niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

(Trung A Hàm, Kinh Tăng Thượng Tâm, Phẩm 9, số 101)

HẠT GIỐNG BỊ MỤC NÁT

Ví như hạt giống không hư, vỡ, mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, mùa thu không được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống lúa có dần dần lớn lên được chăng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, dạ không.

Thế Tôn nói: Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh, dù bằng sợi lông. Người này pháp ác bất thiện hoàn toàn dẫy đầy, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, lại phiền nhiệt, khổ báo, nguyên nhân của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. A-nan, đó gọi là Đại nhân căn

trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

HẠT GIỐNG GẶP ĐẤT TỐT

Cũng như hạt giống, các loại hạt giống, các loại thảo mộc, trăm giống lúa, cây thuốc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng.

Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

HẠT GIỐNG KHỔNG THỂ NẢY MẦM

Ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ, không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, mùa thu đến được cất giấu kín đáo. Nếu người cư sĩ kia giỏi, sửa sang ruộng tốt rồi vãi hạt giống vào nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý ông nghĩ sao, hạt giống này có dần dần lớn lên được không?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được.

Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất

thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

HAY BỊ BỊNH

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh; người ấy hoặc nắm tay, hoặc dùng cây đá, hoặc dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh.

Người ấy thọ nghiệp này, tạo thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều tật bệnh.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

HIỆN TẠI KHỔ VÀ TƯƠNG LAI KHỔ

Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xỉa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không là khách được lưu, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến; không ăn cá,

không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống;

Hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nữa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự, y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xỏa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chắp tay hướng về kia.

Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức. Vị ấy thọ pháp này khi đã thành tựu đầy đủ rồi, thân hoại mạng chung tất sanh tới chỗ ác, sanh trong địa ngục.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp, Phẩm 14, số 174)

HIỆN TẠI KHỔ VÀ TƯƠNG LAI LẠC

Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục, nặng đắm nhuế,

nặng đắm si, thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu sầu. Tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu sầu. Người ấy vì khổ, vì ưu sầu mà trọn suốt cuộc sống tu hành phạm hạnh, cho đến khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp này, đã thành tựu đầy đủ, thân hoại mạng chung tất sanh lên chỗ lành, sanh trên các cõi trời.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp, Phẩm 14, số 174)

HIỆN TẠI LẠC VÀ TƯƠNG LAI KHỔ

Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm chí ham thích vui đùa chung với người con gái trang điểm mà chủ trương rằng 'Sa-môn, Phạm chí này đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa gì trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Xúc chạm nơi thân thể người nữ trang điểm này thật là sung sướng'.

Người ấy với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hí ở trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy, 'Sa-môn, Phạm chí kia đối với dục thấy những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai cho nên đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, do tranh với dục, duyên do dục cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, sự khổ trọng đại như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp, Phẩm 14, số 174)

HIỆN TẠI LẠC VÀ TƯƠNG LAI LẠC

Hoặc có người bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế, không nặng đắm si. Vị ấy không thường theo tâm dục mà thọ khổ ưu lo, không theo tâm sân nhuế mà thọ

khổ ưu lo và không theo tâm si mà chịu khổ, ưu lo.

Vị ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan hỷ. Vị ấy thọ pháp này, đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kết dứt sạch, hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi này.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp, Phẩm 14, số 174)

HIỂU PHÁP

Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người ấy tay cầm gậy sắt, đi trong rừng hoang, thấy một con rắn rất lớn, liền lấy gậy sắt đè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Con rắn kia tuy ngoặt đuôi lại, hoặc quấn tay chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người kia làm như vậy để tìm bắt rắn và đạt được mục đích, không chuốc lấy cực khổ luống công, cũng không tự gây phiền nhọc.

Vì sao? Vì người ấy khéo biết cách bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có thiện gia nam tử ghi nhớ và hiểu biết về nghĩa và văn không điên đảo. Người ấy do tự mình ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về nghĩa và văn mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Người ấy không vì tranh luận mà biết nghĩa này, nhưng vì giải thoát mà biết nghĩa này. Người ấy biết pháp này vì mục đích ấy nên đạt đến nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

HỘ SÁU CĂN

Tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, rồi lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng mướn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

HÓA ĐỘ NGOẠI ĐẠO

Ta nói như vầy, 'Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau'. Giả sử không nhớ một đời. Khi đệ tử của Ta đến, không nịnh hót, không lừa dối mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ. Nếu cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp.

Khi thuyết pháp này Dị học Bệ-ma-na-tu xa lìa trần cấu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Lúc đó, Dị học Bệ-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà độ nghi, đoạn hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng đối với pháp của Thế Tôn, chứng được vô sở úy, cúi đầu sát chân Phật mà thưa rằng:

Bạch Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh.

Thế Tôn dạy: Thiện lai Tỳ-kheo, hãy hành phạm hạnh! Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành phạm hạnh. Tôn giả Bệ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc rồi, biết pháp, thấy pháp, cho đến chứng được quả vị A-la-hán.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ma-Na-Tu, Phẩm 17, số 209)

HỎA GIỚI

Thế nào là hỏa giới? nội hỏa giới và ngoại hỏa giới.

Nội hỏa giới là ở trong thân, được thâu nhiếp ở trong thân, những gì là lửa, có tính chất nóng, được chấp thủ trong thân. Đó là những gì? Đó là, thân nóng hấp, thân nóng bức, bức rức, ấm áp, và sự tiêu hóa ẩm thực, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, thuộc tính nóng, được chấp thủ bên trong.

Ngoại hỏa giới là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

HÓA LẠC THIÊN

'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nhân gian sống tám trăm tuổi, thì Hóa lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa lạc thiên.

Tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Hóa lạc thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

HỌC ĐẠO

Như các Đức Thế Tôn đó ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên sườn núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng thường thích thiền tọa, an ổn khoái lạc. Vị Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

HỌC ĐẠO CẦN THIẾT

Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: 'Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn. Điều người học đạo cần như áo, chăn, uống, ăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tìm cầu tất cả một cách dễ dàng, không khó khăn.

(Trung A Hàm, Kinh Lâm, Phẩm 10, số 107)

HỌC PHÁP NHƯ THẬT SA MÔN

Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí?

Thân hành, khẩu hành, ý hành và mạng hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết.

Phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu,

hằng muốn khởi ý.

Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những thứ cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

HỘI HỢP CỦA CÁC UẨN

Nhãn xứ bên trong và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc, đó thuộc về sắc uẩn. Nếu có thọ, đó là thọ uẩn. Nếu có tưởng thì đó là tưởng uẩn. Nếu có tư thì đó là tư uẩn. Nếu có thức thì đó là thức uẩn. Như vậy quán sát sự hội hợp của các uẩn.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

HỮU BÁO CỦA TƯỞNG

Thế nào là biết hữu báo của tưởng? Biết tuyên thuyết, tùy tưởng mà tuyên thuyết.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

HỦY BÁNG NGƯỜI

Thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không tham trước mà đoạn trừ tham trước? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tham trước ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác

xứ, sanh trong địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa tham trước mà đoạn trừ tham trước.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

HỶ LẠC DO ĐỊNH

Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi trong sạch không nhơ, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì đáy suối nước tự phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

HỶ LẠC DO LY DỤC

Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc

sanh do ly dục, không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

ÍT BỊNH

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng tay nắm, không dùng cây đá, không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

ÍT MUỐN BIẾT ĐỦ

Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không; cũng vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đều mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

KẾT SỬ HỮU

'Kết sử hữu không được đoạn tận; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, là tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào kết sử hữu không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người ấy nhất định phải khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Không thấu suốt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nghiệt não, có buồn rầu, là tà hành.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

KẾT SỬ HỮU ĐÃ ĐOẠN TẬN

'Kết sử hữu đã đoạn tận; pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, chánh hạnh'. Vị ấy đã biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy, 'Nếu người nào kết sử hữu đã đoạn tận thì sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh'. Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp không khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc về chánh hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

KHÁI NIỆM HỮU

Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về tập của hữu, diệt của hữu và diệt đạo của hữu.

Thế nào là biết như thật về hữu? Có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Thế nào là biết như thật về tập của hữu? Do thủ mà có hữu.

Thế nào là biết như thật về hữu diệt? Thủ diệt tức hữu diệt.

Thế nào là biết như thật về hữu diệt đạo? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

KHÁI NIỆM SANH

Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về tập của sanh, diệt của sanh và diệt đạo của sanh.

Thế nào là biết như thật về sanh? Đó là, chúng sanh kia và tất cả chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, đến lúc sanh thì sanh, đến lúc xuất thì xuất, đến lúc thành thì thành; khi phát khởi năm ấm liền có mạng căn.

Thế nào là biết như thật về tập của sanh? Do hữu mà có sanh.

Thế nào là biết như thật về diệt của sanh? Hữu diệt tức sanh diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sanh? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

KHẨU NGHIỆP

Nếu có lời chê bai sau lưng mà chân thật, không dối láo, tương ưng với cứu cánh, pháp ấy là vô tránh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

KHEN CHÊ

Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì kẻ ấy không được hiểu biết tốt, không biết đúng như pháp. Do đó, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh, thì Ta không khen ngợi kẻ ấy.

Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết tốt, biết đúng như pháp. Do đó, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh, thì Ta khen ngợi kẻ ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 12, số 152)

KHEN NGỢI VIỆC TĨNH TỌA

Hoặc có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa. Nếu có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

KHÉO CỞI BỎ NĂM THỨ TRÓI BUỘC

Thân: Nếu ai thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa

Dục: Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần, tĩnh tọa.

Thuyết giảng: Có một hạng người, đối với những điều được thuyết giảng, tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái, nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi, những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo, mà người ấy tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa.

Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa.

Sự không tụ hội: Không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu xa, nhưng học hỏi, người ấy có tâm thú hướng tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Đó là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội.

Sự thăng tiến: Với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại, nhưng mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trụ, thắng giải, nỗ lực, tinh tấn,

chuyên cần tĩnh tọa.

Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ tạp uế trong tâm khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm Uế, Phẩm 17, số 207)

KHÉO SUY NIỆM

Ta sẽ thuyết pháp cho các ngươi nghe, vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; đó là 'Đạt phạm hạnh', có thể diệt tận các lậu. Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

KHI BAN PHÁP THOẠI

Khi ngươi thuyết pháp, đừng vì tranh luận. Nếu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

Khi ngươi thuyết pháp đừng nói to, nói mạnh, như sư tử. Này Đại Mục-kiền-liên, khi ngươi thuyết pháp hãy hạ ý mà thuyết pháp, không ráng sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức, hãy thuyết pháp bằng sự không dùng cường lực, như sư tử.

(Trung A Hàm, Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Phẩm 7, số 83)

KHI CHẾT VẪN CHƯA THỎA MÃN THAM DỤC

Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhờm tởm, ghê sợ dục cho đến chết. Người đời mà đối với dục có sự thỏa mãn, nhàm tởm, ghê sợ cho đến chết, quả là quá khó kiếm!

Trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhờm tởm, ghê sợ cho đến chết thì thật quá nhiều! Thật quá nhiều! Vì sao? Này A-nan, trong đời quá khứ, có nhà vua tên là Đảnh Sanh làm Chuyển luân vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là pháp vương hành động theo chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dõng mãnh, không khiếp sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho an lạc.

Một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh ấy nghĩ rằng: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu; đầy đủ một ngàn người con. Ta muốn ngay ở cung điện này mưa báu bảy ngày, dâng đến tận đầu gối'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, tức thì ở trong cung mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối.

Một thời gian hết sức lâu xa về sau, vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ rằng: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, dâng đến đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng có châu Cù-đà-ni,

châu Phất-bà-bệ-đà-đề, châu Uất-đơn-viết, châu Cù-đà-ni, cõi Tam thập tam thiên giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem các châu đó. Sau khi đến, ta sẽ thống trị'. Này A-nan, vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà đi, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú và trị vì ở các châu kia.

Vua Đảnh Sanh khi đến cõi Tam thập tam thiên. Đến nơi, nhà vua đi vào nhà Chánh pháp. Ở đó, Thiên Đế-thích nhường một nửa chỗ ngồi cho vua Đảnh Sanh và mời ngồi. Vua Đảnh Sanh liền ngồi xuống trên nửa chỗ ngồi của Thiên Đế-thích. Bấy giờ, nhà vua và Thiên Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng và ánh sáng không khác, màu sắc và màu sắc không khác, hình dung và hình dung không khác, oai nghi lễ tiết và y phục cũng không khác nhau; chỉ có con mắt nháy là khác nhau.

Vua Đảnh Sanh kia một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, lại nghĩ: 'Ta có châu Diêm-phù giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày dâng đến đầu gối. Ta lại có châu Cù-đà-ni, có châu Phất-bà-bệ-đà-đề, có châu Uất-đơn-viết. Ta cũng đã thấy Tam thập tam thiên vân tập đại hội. Ta đã được vào nhà Chánh pháp của chư Thiên, lại được Thiên Đế-thích nhường cho một nửa chỗ ngồi, và ta đã ngồi trên một nửa chỗ ngồi của Thiên Đế-thích. Ta với Thiên Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau; ánh sáng không khác, màu sắc không khác, hình dung không khác, oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không sai khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau mà thôi. Nay có lẽ ta đuổi Thiên Đế-thích đi, cướp

lấy phân nửa chỗ ngồi ấy mà làm vua loài Trời và loài Người, tự do tự tại.

Vua Đảnh Sanh vừa khởi ý niệm như vậy, bất giác rơi xuống châu Diêm-phù, liền mất như ý túc, nhuốm bệnh, đau nguy kịch. Lúc đó, vua Đảnh Sanh bảo các cận thần rằng:

Nếu có Phạm chí, cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: 'Lúc băng hà, nhà vua đã nói những gì?' Thì các khanh nên đáp như thế này: 'Vua Đảnh Sanh đã được châu Diêm-phù, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được bảy báu, nhưng khi chết vẫn chưa được thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã đầy đủ một ngàn người con, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đà-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã được châu Uất-đơn-viết, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã thấy chư Thiên tụ hội, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn. Vua Đảnh Sanh đã hưởng đầy đủ các đặc tính của năm thứ dục lạc, sắc, thanh, hương, vị, xúc; nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn'.

(Trung A Hàm, Kinh Tứ Châu, Phẩm 6, số 60)

KHINH AN

Ta an trụ nơi trụ xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt. Sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định. Định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm chánh trí.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Không, Phẩm 15, số 191)

KHINH NGƯỜI

Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh mà quý mình khinh người. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ CẢ HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

Hoặc có người tự khổ, tự ưu và sát sanh, do sát sanh mà khổ, sanh ưu. Người đó tự khổ, tự ưu và lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, bất thiện từ bất thiện mà sanh, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

KHỔ DIỆT ĐẠO THÁNH ĐẾ

Thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Thời quá khứ là Khổ diệt đạo Thánh đế; thời vị lai và hiện tại là Khổ diệt đạo Thánh đế. Đó là điều chắc thật không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo, được thẩm sát một cách chắc thật. Những gì hợp với sự chắc thật như vậy, là sở hữu của Thánh, được nhận thức bởi Thánh, được thấu suốt bởi Thánh, được thấy bởi Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói Khổ diệt đạo Thánh đế.
(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

KHỔ DO DỤC

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác. Kẻ đó về sau bệnh tật liệt giường, hoặc ngồi hoặc nằm trên đất, vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Kẻ đó vì lúc trước thân làm ác, khẩu làm ác, ý làm ác nên khi sắp chết chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng sườn núi lớn, che lấp mặt đất. Cũng vậy, kẻ ấy bị những ác hành của thân, ác hành của khẩu và của ý che lấp trước mắt, kẻ đó nghĩ rằng: 'Ác hành ta làm trước kia, bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp.

Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thân sanh về cõi nào, ta cũng thác sinh về chỗ đó'. Do đó, sanh hối hận, rồi do hối hận mà chết không an, chết không được phước. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

KHÓ GIỮ ĐƯỢC MẠNG SỐNG

Giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, mạng sống con người như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

KHỔ HẠNH CỦA ĐẠO LÕA THỂ

Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục;

Hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo;

Không ăn đồ ăn xốc xỉa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không làm khách được lưu, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lằng xanh bay đến;

Không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống;

Hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ;

Hoặc ăn cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến chỗ vô sự, y nơi vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ;

Hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa

bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường;

Hoặc nằm cỏ, lấy cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên;

Hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn hựu Đại đức, chắp tay hướng về kia. Những sự như vậy thọ khổ vô lượng, học hạnh nóng bức.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ HẠNH HẤP THU KHÍ TRỜI

Nếu ai hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ HẠNH KHÔNG ĐÚNG CÁCH

Nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh một cách tân khổ nên có sầu, có si, khủng bố, khủng cụ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ HẠNH KHÔNG THÍCH ỨNG

‘Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà

hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy, 'Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh'. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

KHỔ HẠNH MÀ KHÔNG CẤU UẾ

Nếu có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh tân khổ mà không có ác dục, không niệm tưởng dục. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ HẠNH SANH DỤC TƯỞNG

Hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ. Nhân bởi hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ HẠNH VÀ ÁC GIỚI

Nếu có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, đủ cả ác giới. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHỔ THÁNH ĐẾ

Khổ Thánh đế là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán

ghét mà tự hội là khổ, thương yêu mà biệt ly là khổ, mong cầu mà không được là khổ, nói tóm lược năm thủ uẩn là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

KHÔNG ÁC DỤC

Hoặc có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục. Nếu có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

KHÔNG ÁC KHẨU

Nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói thô ác, không nói thêu dệt, không có ác giới. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHÔNG BIẾT PHƯƠNG PHÁP BẮT RẮN

Cũng như có người muốn bắt được rắn, bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, nó đi vào rừng hoang, thấy con rắn rất lớn, liền bước tới, dùng tay nắm lấy lưng rắn; con rắn ngóc đầu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Nó làm công việc tìm bắt rắn, nhưng không đạt được mục đích, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì không biết rõ phương pháp bắt rắn.

Cũng vậy, có thể có người ngu si ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa. Chúng do tự mình hiểu biết điên đảo và ghi nhớ điên đảo mà biết pháp kia như vậy như vậy, tức chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ-tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu pháp và thuyết nghĩa. Chúng vì tranh luận mà biết nghĩa này, chứ không vì giải thoát mà biết nghĩa này. Chúng biết pháp này vì mục đích ấy nên không đạt đến nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì chúng ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

KHÔNG BIẾT TIẾT HẠN

Nếu có người tu khổ hạnh, rồi do tu khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt. Hành khổ hạnh như thế là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHÔNG CHẤP THỦ

A-nan, nếu không có bảo thủ, tất cả đều không có bảo thủ, thì giả sử tách rời bảo thủ sẽ có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện chăng?

A-Nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn nói: A-nan, cho nên biết rằng dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản

của chúng và duyên của chúng chính là bảo thủ vậy. Vì sao? Vì duyên bảo thủ nên có dao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

KHÔNG CHẤP THỦ HIỆN TẠI

Sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi ấy. Do hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nếu ý, pháp và ý thức, đối với hiện tại, vị ấy thức hiện tại không bị nhiễm trước dục. Do thức không bị nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy. Do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

KHÔNG CHẤP THỦ MÀ SỢ HÃI

Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ mà sợ hãi?

Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát, thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng 'Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta'. Khi đã muốn được sắc, truy cầu sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng 'Sắc là ta. Sắc là sở hữu của ta', thì thức nắm bắt sắc. Sau khi thức nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo sắc. Khi thức đã bị chuyển theo sắc thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi,

tâm trú vào trong đó. Nhơn vì tâm không biết nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

KHÔNG CÓ CỦA CẢI

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, cho kẻ nghèo cùng đơn độc ở xa đến xin những thứ như đồ ăn, thức uống, quần áo, mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và sai dịch. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, không có của cải.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

KHÔNG CÓ NIỆM

Nếu không có tư thì không có niệm. Nếu không có niệm thì không có dục. Nếu không có dục thì không có yêu và không yêu. Nếu không có yêu và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị. Nếu không có bỏn sẻn và ganh tị thì không có dao gậy, đấu tranh, thì nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy, toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

KHÔNG CỐNG CAO

Ta còn nhớ khi xưa, lúc Ta thăm ruộng, người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đến dưới gốc cây Diêm-phù

ngồi kiết già, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng đắc được Sơ thiền, thành tựu và an trụ. Ta nghĩ rằng: 'Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình'.

Rồi Ta lại nghĩ: 'Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh. Nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này'. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Nhu Nhuyến, Phẩm 11, số 117)

KHÔNG CỬA

Thế nào là Tỳ-kheo không cửa? Năm hạ phần kiết đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa.

KHÔNG ĐỂ THOÁI CHUYỂN

Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống nhiều với tham lam, sân nhuế tâm, thùy miên triền, trạo cử và cống cao, nghi hoặc, thân tránh, ô uế tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định và sống với nhiều ác tuệ, thì Tỳ-kheo ấy vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên gấp rút tìm phương tiện học hỏi, hết sức tinh cần chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái lui.

Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo, gấp rút cầu phương tiện cứu đầu cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác bất thiện này nên vị Tỳ-kheo ấy gấp rút cầu phương tiện học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, nhẫn, không để thoái

lui.

(Trung A Hàm, Kinh Trụ Pháp, Phẩm 8, số 95)

KHÔNG ĐOAN CHÁNH

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ mà tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp. Người ấy thọ lấy nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

KHÔNG DỰA QUYỀN THẾ

Hoặc có người thuộc hàng Trưởng lão, quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì là Trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân.

Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do Trưởng lão, không phải do quen biết với vua, nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải là Trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc

pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

KHÔNG ĐÚNG ĐƯỜNG LỐI

Ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng con bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng con bò vậy.

Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, tà kiến định, người ấy có ước nguyện nhưng tu hành phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chắn không thể chứng quả. Không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện, hoặc vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm, Phẩm 14, số 172)

KHÔNG HÍ LUẬN

Hoặc có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

KHÔNG KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

Này các thiện nam tử, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhị Thập Ức, đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp; chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lợi, chỉ toàn là sự phiền nhọc. Sa-môn Nhị Thập Ức đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, nói điều nghĩa lợi, hiển hiện pháp tùy theo các trường hợp.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

KHÔNG KHINH MẠN

Bạch Thế Tôn, như một con trâu gãy sừng, rất nhường nhịn, hiền lành, dễ sai khiến, dễ chế ngự. Nó từ thôn này đi đến thôn khác, từ xóm này đi đến xóm khác; những nơi nó đi qua, không có gì bị xâm phạm.

Bạch Thế Tôn, con cũng vậy. Tâm con như con trâu gãy sừng, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Nếu ai không có niệm thân trên thân thì người ấy mới khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Con khéo có niệm thân trên thân, nên con không khinh mạn một vị phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 3, số 24)

KHÔNG KHỞI DỤC TÂM

Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Này Hiền giả A-nan, thầy hầu hạ Đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?

A-nan thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.

Xá-lê Tử lại hỏi rằng: Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?

Xá-lê Tử ba lần lặp lại câu hỏi: Này Hiền giả A-nan, hai mươi lăm năm qua thầy hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?

A-nan cũng ba lần lặp lại câu trả lời rằng: Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, tôi còn là hàng hữu học chưa ly dục.

Xá-lê Tử lại hỏi rằng: Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc hữu học hay vô học. Tôi chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm qua hầu hạ Đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không?

Đại Mục-kiền-liên nói rằng: Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi, này A-nan, thầy đừng xúc nhiễu đến bậc thượng tôn trưởng lão.

A-nan trả lời rằng: Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, hai mươi lăm năm qua, tôi đã hầu hạ Đức Phật, tôi nhớ lại chưa hề có lần nào

phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị đồng phạm hạnh với tâm niệm hổ thẹn. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tăng hữu của Tôn giả A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

KHÔNG KHỞI TÂM CỐNG CAO

A-nan nói: 'Thưa chư Hiền, tôi đã hầu Đức Thế Tôn đã hai mươi lăm năm, nếu do đó mà khởi tâm cống cao, không thể có sự kiện như vậy'. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế, thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

A-nan lại nói: Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi cống cao, điều ấy không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: 'Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vầy'. Này chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

KHÔNG KHUẤT PHỤC BẰNG QUYỀN VỊ

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu được con ban phát tiền tài, và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử

của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.'

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

KHÔNG NHẬN ĐƯỢC SỰ CHIÊM NGƯỠNG

Những người như thế tuy nghĩ rằng: 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

Cũng như con ngựa dữ bị nhốt vào trong chuồng, tuy nó nghĩ rằng: 'Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tươi tốt và thích ngắm nghía tôi', nhưng người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho nó đồ ăn thức uống tốt tươi và không thích ngắm nghía nó. Vì sao? Vì con ngựa ấy có sự dữ, nghĩa là vì nó hết sức thô tệ, không hiền lành, nên khiến cho người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn thức uống tốt tươi và không thích ngắm nghía nó.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

KHÔNG OAI ĐỨC

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố; người ấy thấy kẻ khác được cung kính, cúng dường liền sanh lòng tật đố; nếu thấy kẻ khác có của thì muốn làm sao của ấy được về mình. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

KHÔNG PHẢI ĐẠO HẠNH SA MÔN

Như cái búa mới rèn rất bén, đầu có mũi nhọn, được bọc trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy, nghĩa là có tham lam, không dứt tham lam, có nhuế, không dứt nhuế, có sân, không bỏ sân, có bất ngữ không dứt bất ngữ, có kết không dứt kết, có bỏn sẻn, không dứt bỏn sẻn, có tật đố, không dứt tật đố, có dua nịnh, không dứt dua nịnh, có lường gạt, không dứt lường gạt, có vô tàm, không dứt vô tàm, có vô quý, không dứt vô quý, có ác dục, không bỏ ác dục, có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù khoác Tăng-già-lê, Ta không nói đó là Sa-môn.

Đó gọi là sự cấu uế của Sa-môn, du siểm của Sa-môn, là trá ngụy của Sa-môn, sự cong vạy của Sa-môn, dẫn đến chỗ ác, vì chưa dứt sạch, nên sự học không phải là đạo tích của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp II, Phẩm 15, số 183)

KHỔNG PHẢI LÀ DỤC, SÂN VÀ VÔ MINH SỬ

Ưu-bà-di Tì-xá-khư hỏi rằng: Bạch Ni sư, phải chăng tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử? Tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử? Tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng: Không phải tất cả cảm thọ lạc đều là dục sử, không phải tất cả cảm thọ khổ đều là nhuế sử; không phải tất cả cảm thọ không khổ không lạc đều là vô minh sử. Vì sao cảm thọ lạc không phải là dục sử?

Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ

lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ lạc không phải là dục sử. Vì sao vậy? Vì đã đoạn dục.

Vì sao cảm thọ khổ không phải là nhuế sử? Như mong cầu vô thượng giải thoát lạc, do sự nguyện cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Đó là cảm thọ khổ không không phải là nhuế sử. Vì sao? Vì nó đoạn sân nhuế.

Vì sao cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã có trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là cảm thọ không khổ không lạc không phải là vô minh sử. Vì sao? Vì nó đoạn vô minh.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

KHÔNG PHÓNG DẬT

Nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do hành khổ hạnh tân khổ mà không sầu, không si, không khủng bố, không khủng cụ, không sống lén lút, không nghi ngờ, sợ mất tiếng, không tham lam, không phóng dật. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHÔNG PHÓNG DẬT LÀ TỐI ĐỆ NHẤT

Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

KHÔNG QUÝ MÌNH KHINH NGƯỜI

Hoặc có người vừa được Sơ thiền; người kia nhân vì được Sơ thiền mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Về Sơ thiền, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi là ái vậy. Do đó người ấy được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Hoặc có người được đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; được Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì được phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Phi hữu tưởng phi vô tưởng, Đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi đó là ái, do đó người ấy được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Sau khi biết được pháp thượng nhân và pháp không phải chân nhân rồi, các vị hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy

học pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

KHÔNG SÂN TRIỀN

Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

KHÔNG SANH NIỆM BẤT THIỆN

Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa, Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trụ, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng nhưng không muốn nhìn. Người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi, ý các ngươi nghĩ sao, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được tướng dạng của sắc không?

Đáp rằng: Thưa không.

Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

(Trung A Hàm, Kinh Tăng Thượng Tâm, Phẩm 9, số 101)

KHÔNG SANH TÂM HAM MUỐN

Giả sử có người tâm không sanh ước muốn như vầy, 'Khi các Tỳ-kheo đã vào trong, mong ta ngồi trên ghế cao hơn hết, được ngồi chỗ bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất'. Này Hiền giả, hoặc có vị Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Người ấy nhân vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, không sanh tâm ác. Nếu người ấy không sanh tâm ác, không sanh tâm ham muốn thì cả hai đều là thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

KHÔNG SANH TÂM OÁN HẬN

Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Giả sử có giặc cướp đến cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra. Nếu ngươi khi bị giặc cướp cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ra, mà tâm ngươi hoặc biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các ngươi đã suy thối.

Các ngươi nên nghĩ như vầy: giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén, xẻ manh mún thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, sẽ khởi tâm thương xót đối với người đến xẻ manh mún thân thể ta ra; vì người đó mà tâm ta câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ.

Cũng thế với hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến

mãn tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, kéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ'.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

KHÔNG TÀ HẠNH

Tôi từ bỏ sự phi phạm hạnh, tránh xa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ dâm dục. Đối với tâm phi phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

KHÔNG TÁI SANH

Tỳ-kheo khi đã thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ, vị ấy ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn, quán vô dục, quán diệt, quán xả, vị ấy không chấp thủ đời này, do không chấp thủ đời này mà không bị nhọc nhằn, do không bị nhọc nhằn nên nhập Niết-bàn, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Phẩm 7, số 83)

KHÔNG TÀM QUÝ

Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn lại một ít nước đổ hết ra rồi hỏi rằng:

Này La-vân, ngươi lại có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ ra hết không?

La-vân trả lời rằng: Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo rằng: Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đấy, này La-vân nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

(Trung A Hàm, Kinh La-Vân, Phẩm 2, số 14)

KHÔNG TÁN LOẠN

Với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc của sắc tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước lạc của pháp tướng, thức không bị trói buộc bởi lạc của pháp tướng. Vị ấy không bị vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn.

Như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

KHÔNG THÂN KIẾN

Đa văn Thánh đệ tử, gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo

léo chế ngự trong Thánh pháp, kẻ ấy không thấy sắc là thần ngã, không thấy thần ngã có sắc, không thấy trong sắc có thần ngã, không thấy trong thần ngã có sắc. Không thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, không thấy trong ngã có thức, không thấy trong thức có ngã. Đó gọi là không thân kiến.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

KHÔNG THẤU ĐÁO

Cũng như có người nói như vầy, 'Nếu trong nước có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái đó'. Nếu có người hỏi người đó như vầy, 'Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhưng có biết tên gì, họ gì, sanh sống như thế nào? Là cao hay thấp, thô hay tế, trắng hay đen, hoặc không trắng không đen, là con gái Sát-đế-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam phương Bắc?' Người đó đáp, 'Tôi không biết'. Người kia lại hỏi, 'Ông không biết, không thấy trong nước có người con gái rất đẹp, tên họ như vậy, sanh sống như vậy, dài, ngắn, thô, tế, trắng, đen, không trắng không đen, con gái Sát-lợi, con gái Phạm chí, Cư sĩ, hay người thợ, ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, mà lại nói như vầy, 'Ta muốn được người con gái đó được ư'?'

Cũng vậy, ông nói như vầy, 'Sắc kia là vi diệu, tối vi diệu; sắc kia là tối thắng; sắc kia là tối thượng'. Nhưng khi hỏi sắc đó thì ông lại không biết.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ma-Na-Tu, Phẩm 17, số 209)

KHÔNG THỂ ĐƯỢC

Phạm chí Bệ-lan-nhã chống gậy đứng trước Đức Phật và nói:

Này Cù-đàm, ta nghe Sa-môn Cù-đàm lúc thiếu thời, tuổi còn quá trẻ, vừa mới xuất gia học đạo, thế mà nếu có danh đức Sa-môn Phạm chí nào đích thân đi đến vẫn không kính lễ, cũng không tôn trọng, cũng không đứng dậy, không mời các vị ấy ngồi. Này Cù-đàm, việc ấy quả không thể được.

Thế Tôn đáp: Này Phạm chí, Ta chưa từng thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí nào từ loài Người cho đến Trời đi đến, khiến Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời các vị ấy ngồi. Này Phạm chí, nếu có ai đến mà muốn Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời ngồi, thì đầu của vị ấy chắc chắn vỡ thành bảy mảnh.

Nói: Cù-đàm vô vị.

Đáp: Này Phạm chí, có sự kiện khiến Ta vô vị, nhưng không phải như lời ông nói. Nếu có vị của sắc, vị của tiếng, vị của hương, vị của xúc, thì những thứ ấy đã bị Như Lai đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là kiện khiến Ta vô vị, nhưng không như lời ông nói.

Nói: Cù-đàm không sợ hãi.

Đáp: Này Phạm chí, có sự kiện khiến Ta không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói. Nếu có sợ hãi sắc, thanh, hương, vị, xúc, thì Như Lai đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là sự kiện khiến Như Lai không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói.

Nói: Cù-đàm không nhập thai.

Đáp: Có sự kiện khiến Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói. Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với sự mang thai trong tương lai mà đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ,

không bao giờ sanh lại nữa, Ta nói rằng vị ấy không đầu thai. Như Lai đối với sự mang thai trong tương lai đã vĩnh viễn đoạn trừ, tuyệt diệt, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, cho nên Ta không đầu thai. Đó là sự kiện Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói.

(Trung A Hàm, Kinh Hoàng Vô Liên, Phẩm 12, số 157)

KHÔNG THỌ PHÁP HIỆN TẠI

Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nan Thuyết, Phẩm 13, số 167)

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

KHÔNG THOÁT KHỔ

Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai hoạn và sự xuất yếu, vị đó nhất định có dục, có nhuế, có si, có ái, có thủ, không có tuệ, không có thuyết tuệ, có tắng, có tránh; vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, không chứng đắc khổ biên.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 9, số 103)

KHÔNG THỦ CHẤP

Nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà không sanh thân kiến, biên kiến, tà

kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

KHÔNG THỦ, KHÔNG SỢ HÃI

Nếu Tỳ-kheo nào ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát, thì vị ấy không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng 'Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta'. Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc nghĩ rằng 'Sắc không phải là ta. Sắc không phải là sở hữu của ta' thì thức không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bị chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi.

Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Nếu Tỳ-kheo nào ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát thì vị ấy không muốn đắc thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức không phải là ta. Thức không phải là sở hữu của ta'. Tỳ-kheo ấy khi đã không muốn được thức, không truy cầu thức, không đám trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức không phải là ta. Thức không phải là của ta', thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhơn vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp

thọ, không sợ hãi.

Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ, không sợ hãi.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

KHÔNG THÙ MÀ SỢ HÃI

Nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát, thì vị ấy muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức là ta. Thức là sở hữu của ta'. Vị ấy khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng 'Thức là ta. Thức là sở hữu của ta' thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức nắm bắt thức, lúc thức ấy biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhơn vì tâm không biết nên sanh khiếp hãi, lao nhọc, không chấp thọ mà sợ hãi.

Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

KHÔNG TRẠCH PHÁP

Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào không nên tập hành và không biết như thật pháp nào nên tập hành, do đó pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên hành lại không hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

KHÔNG TRUY NIỆM QUÁ KHỨ

Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục, nên không hoan lạc nơi đó. Do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy không bị nhiễm trước dục; do thức không nhiễm trước dục, vị ấy không hoan lạc. Do không hoan lạc, vị ấy không truy niệm quá khứ.

Như vậy đó là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

KHÔNG Ỷ VÀO SẮC TƯỚNG CỦA MÌNH

Hoặc có người đoan chánh, khả ái, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì mình đoan chánh, khả ái mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân.

Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: ‘Ta không phải do vẻ đoan chánh khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không đoan chánh khả ái nhưng thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó được cúng dường cung kính’. Như vậy vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

KHÔNG Ỷ VÀO TÀI HÙNG BIỆN

Hoặc có một người hùng biện, luận giỏi, những người khác không được như vậy. Người kia nhân vì hùng biện, luận giỏi mà quý mình khinh người. Đó gọi là điều của kẻ không phải chân nhân.

Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do tài hùng biện, luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không có tài hùng biện, luận giỏi, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

KHÔNG Ỷ VÀO TÀI THÔNG MINH

Hoặc có người tụng kinh, trì luật, học A-tỳ-đàm, thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách, người khác không được như vậy. Người kia nhân vì thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách nên quý mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không thuộc làu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không

khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

KIẾN ĐẠO THÀNH TỰU TÁM CHI

Thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

KIỀU ĐÀM DI MẪU

Đây là lần thứ ba, Cù-đàm-di Đại Ái lại đi đến chỗ Phật và cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng:

Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:

Thôi! Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, nguyện suốt đời tịnh tu phạm hạnh!. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái bị Phật ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra.

Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu

khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc, liền hỏi:

Cù-đàm-di, vì cớ gì mà chân cẳng bết bùn, mình mẩy dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa buồn rầu khóc lóc như vậy?

Cù-đàm-di Đại Ái đáp:

Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

Tôn giả A-nan nói:

Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến Đức Phật thưa hỏi việc này cho.

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bạch: Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan.

Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?

Đức Thế Tôn nói:

Thôi! A-nan, người chớ nên nghĩ rằng 'Nữ nhân có thể ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo'. A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống

không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không tồn tại lâu dài. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thịnh lâu không?

Bạch Thế Tôn, không thể vậy.

Cũng vậy, này A-nan, nếu có nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài.

Ví như trong ruộng lúa dé, ruộng lúa tẻ có sanh cỏ uế thì ruộng lúa kia chắc chắn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp Luật chân chánh này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài.

Tôn giả A-nan lại bạch rằng:

Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái đã bảo dưỡng Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói:

Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái nhiều lợi ích. Vì sao? Cù-đàm-di Đại Ái nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ - Tập - Diệt - Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu hạnh bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp

nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu.

Nếu có người nhờ người mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Chúng Tỳ-kheo, không nghi ngờ ba ngôi tôn quý và Khổ -Tập - Diệt - Đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới cấm, tu học bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát; xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy; xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm; xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối; xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu. Rồi, này A-nan, giả như người này cúng dường người kia y phục, ăn uống, tọa cụ, thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống, cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn.

Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

Ví như người thợ đánh cá và đệ tử của người thợ đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám pháp tôn sư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 10, số 116)

KINH ÁI SANH

Bấy giờ có một người Phạm chí, độc nhất chỉ có một đứa con, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên đứa con mạng chung. Sau khi đứa con mạng chung, người Phạm chí ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Rồi Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Thế Tôn hỏi: Ông nay vì sao, các căn không trụ nơi tâm mình?

Phạm chí đáp rằng: Tôi làm sao các căn có thể an trụ nơi tâm mình được? Vì sao vậy? Chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức ái niệm, tâm ý khắng khít, chìu chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu không thể ăn uống được, không mặc áo xiêm, cũng không bôi hương; chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc nhớ tưởng chỗ con nằm.

Thế Tôn nói: Thật vậy, Phạm chí! Nếu khi ái sanh thì phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.

(Trung A Hàm, Kinh Ái Sanh, Phẩm 18, số 216)

KINH BẢY MẶT TRỜI

Lại nữa, có lúc hai mặt trời hay ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thảy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí, các dòng cuối nguồn nước lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không

vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên; sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện như vậy, biển có mực nước bảy trăm do-diên sụt dần đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt một cây Đa-la; sụt dần đến bảy cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy cây Đa-la sụt dần cho đến một cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biển giảm sụt đến mười người; sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy người giảm dần đến vai, đến lưng, đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá; cho đến lúc nước biển ráo hết không đủ chìm một ngón chân. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp chẳng thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di, thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất

hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bừng bừng tạo thành một ngọn lửa. Gió thổi ngọn lửa ấy vươn cho đến trời Phạm thiên. Lúc đó các vị trời Hoảng dục vừa mới sanh lên cõi này, không rõ thành bại của thế gian. Vì không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, đều sợ hãi dựng lông mà suy nghĩ như thế này 'Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?' Các vị trời sinh trước đều biết rõ sự thành bại của thế gian, đều đã thấy việc thành bại của thế gian. Do biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: 'Chớ nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ ngang đó, không thể lên đến đây được'.

Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

Nay Ta nói cho các ngươi biết, ai có thể tin được rằng: 'Núi chúa Tu di sẽ sụp đổ?' Chỉ có những người thấy được sự thật.

Nay Ta nói cho các ngươi biết, ai có thể tin được rằng: 'Nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả?' Chỉ có những người đã thấy

sự thật.

Nay Ta nói cho các ngươi biết ai có thể tin rằng: 'Tất cả đại địa đều cháy sạch?' Chỉ có những người đã thấy sự thật.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Nhật, Phẩm 1, số 8)

KINH CUNG KÍNH

Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc phạm hạnh nên pháp oai nghi đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Pháp oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Học pháp đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Định thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Tuệ thân đầy đủ nên giải thoát thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

Giải thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra.

(Trung A Hàm, Kinh Cung Kính, Phẩm 5, số 49)

KINH GIỚI

Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường không có sự hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

Giống như cây nào mà rễ không hư thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đều thành tựu. Tỳ-kheo cũng như vậy. Nếu ai giữ giới thì thường không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Giới II, Phẩm 5, số 48)

KÍNH LỄ SA MÔN

Người ấy như vậy, nếu có vị phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy nên người ấy như vậy, chính là Sa-môn các vị kia cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh.

Phải biết người như vậy nên gần gũi, nên cung kính lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào đáng gần gũi, đáng cung kính lễ bái mà cung kính lễ bái thì người gần gũi, cung kính lễ bái ấy mãi mãi được thiện lợi, được hữu ích, an ổn khoái lạc và cũng được không khổ, không buồn lo.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ

Đức Thế Tôn ở giữa vô lượng trăm nghìn đại chúng, khen ngợi Thủ Trưởng giả:

Thủ Trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ Trưởng giả ấy, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Trở về nhà, khi từ cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

Khi đến trong cổng ngõ giữa, cổng nhỏ trong nhà và đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ.

Sau khi vào nhà, trải giường, ngồi kiết già, tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết, không nhuế, không oán, không tránh, rộng lớn bao la vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

Cũng vậy, với bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian thành tựu và an trụ.

Hôm nay chư Thiên ở Tam thập tam thiên vì Trưởng già ấy mà tập trung ở pháp đường để khen ngợi: 'Thủ Trưởng giả có đại thiện lợi, đại công đức.'

(Trung A Hàm, Kinh Thủ Trưởng Giả, Phẩm 4, số 40)

KINH THỰC

Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn.

Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn.

Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn.

Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn.

Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn.

Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Suối, chằm trong các sườn núi là thức ăn.

Suối, chằm trong các sườn núi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của suối, chằm trong các sườn núi là gì? Mưa là thức ăn.

Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy. Suối, chằm trong các sườn núi tràn đầy rồi thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy rồi thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Cũng vậy, minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn.

Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn.

Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn.

Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Thủ hộ các căn là thức

ăn.

Thủ hộ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là thức ăn.

Chánh niệm chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn.

Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn.

Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn.

Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn.

Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn.

Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn.

(Trung A Hàm, Kinh Thực, Phẩm 5, số 52)

KINH TIỂU KHÔNG

Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng thức xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô sở hữu xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô tưởng tâm định.

Vị ấy nhận biết như vầy, 'Trống không ý tưởng về vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về vô sở hữu xứ, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất tánh do vô tưởng tâm định. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô sở hữu xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất là về tưởng tâm định'.

Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

Vị ấy lại suy nghĩ như vầy, 'Vô tưởng tâm định mà ta đã có đây vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu nó vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không an trụ trên nó'.

Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Vị ấy biết như vầy, 'Trống không là dục lậu, trống không là hữu lậu, trống không là vô minh lậu; nhưng có cái

không trống không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tồn tại.

Nếu có sự phiền nhọc do dục lậu, thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do hữu lậu và vô minh lậu, ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại'. Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Tiểu Không, Phẩm 15, số 190)

KÍNH TRỌNG NHƯ LAI TỐI TÔN

Vua Ba Tư Nặc thưa:

Bạch Thế Tôn, thuở xưa trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cựu, vào lúc đầu hôm, ngồi kiết già im lặng tĩnh tọa. Đến nửa hôm nọ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay về phía con. Thấy thế con suy nghĩ, 'Hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt, cho nên họ không hạ ý cung kính tôn trọng cúng dường phụng sự ta như hạ ý cung kính tôn trọng, cúng dường phụng sự Thế Tôn'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn.

Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử

của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.'

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

KINH ÚC GIÀ TRƯỞNG GIẢ

Trưởng giả Úc-già đang hoan lạc với các kỹ nữ, như vị quốc vương. Trưởng giả uống rượu say túy lúy, bỏ các phụ nữ kia ở lại đó, đi vào trong Đại lâm. Đang lúc Trưởng giả Úc-già say rượu lúy túy, từ đàng xa trông thấy Đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vầng trăng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nga, các căn tịch tĩnh, không bị ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm vắng lặng tịch mặc. Trưởng giả thấy Đức Phật rồi, lập tức tỉnh rượu. Sau khi tỉnh rượu, Trưởng giả Úc-già liền đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông, khuyến giáo, khích lệ, làm cho hoan hỷ rồi, như thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoan chánh cho người nghe hoan duyệt; tức là nói về thí, về giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai hoạn, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là vi diệu, đạo phẩm thanh tịnh trong trắng. Sau khi Đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho ông rồi, ngài biết ông có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm nhẫn nại, tâm thăng tấn, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức mạnh, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật, Ngài nói về pháp yếu chân chánh, Đức Thế Tôn thuyết cho ông nghe về Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Rồi thì, Trưởng giả Úc-già thấy pháp và đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng ai khác, không còn theo ai khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa rằng:

Bạch Thế Tôn, con nay tự thân xin quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Đức Thế Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay trọn đời, xin tự quy y cho đến mạng chung. Bạch Thế Tôn, từ ngày hôm nay, con xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới.

Sau khi Trưởng giả Úc-già xin theo Đức Thế Tôn, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi.

Ông liền trở về nhà, triệu tập các người vợ lại nói rằng:

Các ngươi biết không? Ta đã theo Đức Thế Tôn trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Các ngươi nếu còn muốn được sống ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bố thí tạo phước. Nếu không muốn ở, ai về nhà nấy. Nếu các ngươi muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho.

Bấy giờ người vợ cả thưa Trưởng giả Úc-già rằng:

Nếu tôn ông đã theo Đức Phật, trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, thì nên đem tôi gả cho người đàn ông kia.

Trưởng giả Úc-già liền gọi người đàn ông kia đến, tay trái cầm tay người vợ cả, tay phải bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng:

Nay ta đem người vợ cả này cho ngươi làm vợ.

Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, nên lông trong thân đều dựng đứng, thưa Trưởng giả Úc-già rằng:

Thưa Trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi chăng?

Trưởng giả trả lời rằng:

Ta không giết ngươi đâu. Vì ta đã theo Phật trọn đời lấy phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó ta sẽ đem người vợ cả này cho ông làm vợ.

Trưởng giả Úc-già khi đã cho người vợ cả này và ngay trong khi đó, hoàn toàn không có lòng hối tiếc.

Bấy giờ, với vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, Đức Thế Tôn ở trong đó tán thán khen ngợi Trưởng giả Úc-già rằng Trưởng giả Úc-già có tám pháp vị tằng hữu.

(Trung A Hàm, Kinh Úc Già Trưởng Giả, Phẩm 4, số 38)

LẠC CỦA BẬC THÁNH

Nếu có Tỳ-kheo nào ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đệ tứ thiền, thành tựu an trụ. Sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thức ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

LẠC CỦA PHÀM PHU

Nếu do năm công đức của dục mà sanh hỷ, sanh lạc, thì sự lạc

ấy là lạc của phàm phu, không phải là lạc của bậc Thánh, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có thức ăn, có sống chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu tập vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

LẠC DO LY DỤC

Trong đó nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, sự lạc nào của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không thức ăn, không có sống chết, nên tu nên tập, nên phát triển. Ta nói pháp ấy nên tu, pháp này là pháp vô tránh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

LẠC DO LY HỶ

Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá đều nhuần thấm, phổ biến sung mãn, không đâu không có.

Cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn; khắp trong thân thể, lạc do ly hỷ không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

LẠI-TRA-HÒA-LA XUẤT GIA

Lại-tra-hòa-la xin ba lần và cả ba lần đều bị cha mẹ từ chối cho đi xuất gia, liền vật mình xuống đất, nói:

Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp luật này chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

Rồi Lại-tra-hòa-la trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bốn ngày, nhiều ngày không ăn. Bấy giờ cha mẹ Lại-tra-hòa-la đến bên con bảo rằng:

Lại-tra-hòa-la, người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Cảnh giới của Đức Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.

Lại-tra-hòa-la vẫn nằm im lặng không đáp.

Rồi cha mẹ đi đến thân bằng quyến thuộc, các quan chức và thiện tri thức đồng bạn khuyên Lại-tra-hòa-la đứng lên. Nhưng Lại-tra-hòa-la vẫn im lặng không đáp và cuối cùng cha mẹ chàng đồng ý...

Khi ấy Đức Thế Tôn độ Lại-tra-hòa-la xuất gia học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi truyền trao giới Cụ túc, Đức Thế Tôn ở lại thôn Thâu-lô-tra một thời gian, sau đó Ngài thâu y mang bát lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, ngài đạt đến mục đích mà một thiện nam tử

cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, là chỉ cầu hoàn thành vô thượng phạm hạnh, ở ngay đời này tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ, biết như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, cho đến, chứng đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la, sau khi đắc quả A-la-hán, khoảng chín mười năm trôi qua, bèn nghĩ rằng: Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ. Ta nay nên trở về để trọn lời hứa đó.

Tôn giả ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khất thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó cha của Tôn giả đứng trong cửa, đang chải tóc cạo râu. Ông ta thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói rằng:

Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!

Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được bố thí, mà lại bị rủa xả nên liền vội vàng bỏ đi.

Lúc đó người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đống rác. Tôn giả thấy người nô tỳ của cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thiu thối, định vất vào đống rác, liền nói:

Này cô em, nếu đồ ăn thiu thối này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát của tôi. Tôi sẽ ăn.

Khi ấy, đứa nô tỳ của cha người nô tỳ của cha Tôn giả đem đồ ăn thiu thối trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả; đó là: tiếng nói và tay chân của Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả thưa:

Thưa ông, nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đế thôn Thâu-lô-tra này rồi. Ông nên đến gặp.

Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đổi vui mừng phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Tôn giả. Khi đó Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang quay mặt vào vách, ăn đồ ăn thiu thối ấy.

Cha Tôn giả thấy Tôn giả đang quay mặt vào vách ăn đồ ăn thiu thối, nói rằng:

Lại-tra-hòa-la con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ăn ngon. Tại sao con lại ăn đồ ăn thiu thối như thế? Vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ?

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa rằng:

Thưa Cư sĩ, con đã vào nhà cha, nhưng không được bố thí mà lại bị rủa xả, mắng rằng: ‘Sa-môn trọc đầu này bị quỷ đen trói chặt, tuyệt chủng không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng những quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn!’ Con nghe như vậy bèn vội vàng bỏ đi.

Cha Tôn giả nói lời xin lỗi rằng:

Con hãy tha lỗi! Cha thật không biết con trở về nhà cha.

Rồi cha Tôn giả với lòng cung kính, dìu đỡ Tôn giả đưa vào trong nhà, trải chỗ ngồi và mời ngồi. Mẹ Tôn giả rất đổi vui mừng, phấn khởi, liền vội vàng sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đống lớn. Đống tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người ngồi bên kia, không trông thấy nhau. Dồn một đống tiền lớn xong, bà đi đến chỗ Tôn giả nói:

Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ. Còn tiền tài của cha con thì nhiều vô lượng trăm ngàn, không thể tính được. Nay giao hết cho con. Con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng tu phước nghiệp. Vì sao như vậy? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó! Xuất gia học đạo lại càng rất khó.

Tôn giả thưa với mẹ rằng: Con nay có một điều muốn nói mẹ có chịu nghe không?

Mẹ nói: Này con nhà Cư sĩ, có điều gì con cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ rằng:

Nên may bao vải mới, đựng đầy tiền, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người lo khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui.

Khi ấy, mẹ Tôn giả nghĩ rằng: Bằng phương tiện này không thể làm cho con ta Lại-tra-hòa-la xả giới bỏ đạo. Ta nên đến mấy con vợ cũ của nó, nói như thế này: ‘Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng thứ anh lạc này trang điểm rồi, các con cùng nhau

đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói rằng: Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?'

Khi ấy, các cô vợ cũ của Tôn giả liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la lúc còn tại gia ưa thích nhất. Dùng loại ngọc đó trang điểm rồi, liền kéo đến bên Tôn giả, mỗi người ôm một chân mà nói như thế này:

Không biết hiền lang có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu phạm hạnh vì nàng?

Tôn giả nói với các cô vợ cũ rằng: Này các cô em, các cô nên biết, tôi không phải vì thiên nữ mà tu phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu phạm hạnh, nay đã được mục đích ấy. Những điều Phật dạy, nay tôi đã làm xong.

Những bà vợ của Tôn giả đứng sang một bên khóc lóc rơi lệ mà nói rằng:

Tôi không phải em gái của hiền lang, nhưng hiền lang lại gọi tôi bằng cô em.

Lúc đó Tôn giả quay nhìn về phía cha mẹ, nói:

Thưa Cư sĩ, nếu có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiền nhau?

Bấy giờ, cha mẹ Tôn giả liền đứng dậy, thân hành lấy nước rửa, dâng ngài các món hào soạn dồi dào, đủ các loại nhai nuốt, tự thân châm chước cho ngài ăn no. Ăn xong thâu dọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài dùng như ý túc nương hư không mà đi.

(Trung A Hàm, Kinh Lại-Tra-Hòa-La, Phẩm 11, số 132)

LẬU SANH UNG NHỌT

Cội gốc của ung nhọt là ba ái: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Như vậy gọi là cội gốc của ung nhọt. Tất cả lậu gây ung nhọt là sáu xúc xứ, mắt lậu thấy sắc, tai lậu nghe tiếng, mũi lậu ngửi mùi, lưỡi lậu nếm vị, thân lậu cảm xúc, ý lậu biết các pháp. Như vậy gọi là tất cả lậu gây ung nhọt.

Ta đã thuyết giảng cho các ngươi nghe về cội gốc của ung nhọt. Như đấng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ đại bi, mong cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc, điều đó Ta đã thực hiện. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hoặc một chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa, tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta! Đó là lời khuyên bảo của Ta!

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-Đà-La, Phẩm 10, số 114)

LẬU TẬN

Trong hiện tại, Ta là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Tiểu Không, Phẩm 15, số 190)

LẬU TẬN THÔNG

Kính trọng, không cười cợt

Không phiếm luận, kiêu ngạo

Hộ căn, ăn biết đủ

Tinh tấn, chánh niệm, trí.

Biết thời, ngồi đúng chỗ

Thảo luận Luật, Tỳ-đàm

Và tịch tĩnh giải thoát

Lậu tận thông cũng vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-Ni-Sư, Phẩm 3, số 26)

LẬU TẬN TRÍ

Ta đã chứng đắc định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Lậu tận thông và chứng đắc.

Ta biết như thật rằng: 'Đây là Khổ,' biết như thật rằng 'đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo'; biết như thật rằng: 'Đây là lậu', biết như thật rằng 'đây là lậu tập, lậu diệt, lậu diệt đạo.' Ta biết như thế, Ta thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'

Bấy giờ là vào lúc cuối đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ ba này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, trí phát sanh, mê ám tiêu tan, minh thành tựu, vô minh hoại diệt, minh phát sanh.

LẤY CỦA KHÔNG CHO

Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai lấy của không cho tất phải chịu quả báo ác trong đời này và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta, thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho.

Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ sự lấy của không cho.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

LOẠI BỐ THÌ NÀO ĐƯỢC THANH TINH

Thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận?

Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'.

Còn người thọ nhận thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như

vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'.

Thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ?

Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo.

Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'.

Thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận?

Là thí chủ thì không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo.

Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'. Và người thọ nhận cũng không tinh tấn, tu hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí'.

Thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy?

Là thí chủ thì tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo. Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'. Và người thọ nhận cũng tinh tấn, tu hành diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo.

Do thấy như vậy nên nói như vậy, rằng 'Có sự bố thí, có quả báo của sự bố thí'.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 14, số 180)

LOẠI TRỪ NIỆM DỤC

Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ; sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả bò không được rộng. Người chăn bò thả bò nơi đầm ruộng, bò vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì người chăn bò biết rằng nhân nơi đó mà có lỗi lầm là sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói. Do đó, chăn bò cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng như vậy, sanh niệm dục, không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Sanh niệm nhuế, niệm hại cũng không thọ nhận, mà đoạn trừ, loại trừ, tống khứ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

LÕI CHẮC CỦA CÂY

Trong số năm trăm Tỳ-kheo này, chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc ba minh đạt; chín mươi Tỳ-kheo đã chứng đắc câu giải thoát; còn các Tỳ-kheo kia đều chứng đắc tuệ giải thoát. Này Xá-lê Tử, trong chúng này không có nhánh, không có cành lá, cũng không có đốt, mà chỉ có lõi chắc thật, thanh tịnh, đều đã chân chánh trụ vị.

(Trung A Hàm, Kinh Thỉnh Thỉnh, Phẩm 11, số 121)

LỜI GIÁO HUẤN CỦA ĐỨC PHẬT

Như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân niệm, mẫn thương mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc. Ta đã thực hiện như vậy, các ông cũng nên tự chính mình thực hiện. Hãy đến nơi rừng vắng, nơi núi rừng, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để ân hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

LỢI ÍCH CỦA KHU RỪNG

Rồi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn.

Những điều người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống tìm cầu tất cả một cách rất khó khăn, vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy, ‘Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uống, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì vật dụng cho đời sống.

Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm thì liền được chánh niệm, tâm chưa định liền được định, chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn.

Tỳ-kheo đã quán như vậy rồi phải nương vào khu rừng này để ở trọn đời cho đến lúc mạng chung.

(Trung A Hàm, Kinh Lâm, Phẩm 10, số 107)

Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Tự Quán Tâm, Phẩm 10, số 109)

LỢI ÍCH CỦA TỨ THIỀN

Trước kia Ta đã nói cho ông nghe về Tứ thiền, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện cho đến được đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Tứ thiền này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về Tứ thiền này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

LỤC HÒA

Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lao. Đó là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn

Khẩu nghiệp nói năng từ hòa

Ý nghiệp từ hòa

Lợi hòa là có lợi lộc nào đúng pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy, mang chia xẻ cho các vị đồng phạm hạnh, pháp đó gọi là pháp ủy lao, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn

Giới hòa: Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị dơ, không bị đen, vững vàng như mặt đất, được Thánh khen ngợi, đầy đủ khéo thọ trì. Với giới phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Kiến hòa: Nếu có kiến giải của Thánh có sự xuất yếu, được thông suốt bằng tuệ kiến, đưa đến sự chân chánh diệt khổ, với kiến phần như vậy, cùng chia xẻ với các vị đồng phạm hạnh, pháp đó là pháp ủy lao là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho đoàn kết, tác thành Sa-môn, tác thành nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn.

Ta vừa nói sáu pháp ủy lao, vì vậy mà ta giảng giải. Nếu các ngươi đối với sáu gốc rễ của đấu tranh mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp đình chỉ đấu tranh, khi trong Tăng chúng khởi lên đấu tranh, thì chấm dứt bằng luật đình chỉ đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lao

ấy, như vậy sau khi Ta khuất bóng, các con sống cộng đồng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, khoái lạc du hành như lúc Ta còn tại thế.

(Trung A Hàm, Kinh Châu Na, Phẩm 16, số 196)

LY ÁC BẤT THIỆN PHÁP

Tôi đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, cho đến, chứng đắc Tứ thiền, thành tựu an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

LY DỤ

Nếu ly dục, không bị ác pháp quấn chặt, chắc chắn sẽ đạt đến xả ly, an lạc vô thượng tịch tịnh. Tâm vị ấy không sanh ra tham lam, sân nhuế, thụy miên, tâm được an lạc. Thân không sanh ra dã dượi, cũng không ăn nhiều, tâm không sầu não. Tỳ-kheo ấy nhẫn nại được đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng đều nhẫn nại được. Thân dù mắc những chứng bệnh hiểm nghèo rất thống khổ đến mức chết được, hay gặp những cảnh ngộ không thể vừa lòng, đều nhẫn nại được.

Vì sao? Vì không bị dục phủ kín, không bị ác pháp quấn chặt, lại đạt đến xả ly, an lạc vô thượng tịch tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

MẠNG CHUNG VỚI DỤC TÂM

Nếu một người không biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết người ấy không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

Cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng, mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ. Người ấy mang mâm về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta thật không có ô uế này', thì nên biết, người kia không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe, nó bị dục tâm ràng buộc. Nó sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Nó chết không an lành, sanh vào cõi bất thiện. Vì sao? Vì nó mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

MẠNG CHUNG VỚI TÂM VÔ CẤU

Nếu một người biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết, người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục

tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào nẻo thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm.

Cũng như có người hoặc từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng không có bụi dơ, sạch bóng. Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng, không để chỗ bụi bặm. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: 'Trong ta không có ô uế; trong ta quả thật không có ô uế này', thì nên biết người ấy giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp mắt thấy tai nghe nên người ấy không bị dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế, không làm ô uế tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

MẠNG NGƯỜI KHÓ GIỮ

Giống như cây gậy ném xuống nước, nó sẽ trồi trở lên rất nhanh; cũng vậy, mạng người cũng như cây gậy ném xuống nước, trồi lên rất nhanh, rất khó giữ được rất ít, quá ít vị ngọt, mà tai hoạn, khổ đau lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

MẠNG NGƯỜI NHƯ MIẾNG THỊT NUNG

Giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên

dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, mạng người cũng như miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn rất nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

MẤT ĐỊNH LỰC

Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ.

Tâm người đó tu tập chánh tư duy, đang từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là sự tịch tịnh thù thắng.

Người hành thiền đó lại nghĩ rằng, 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'. Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Sơ thiền hướng đến Nhị thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'.

Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Hành Thiền, Phẩm 14, số 176)

MẬT HOÀN DỤ

Ví như có người do đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó. Quán

sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt. Quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý thưởng thức được vị ngọt.

Pháp Mật hoàn dụ này có pháp, có nghĩa, là gốc của phạm hạnh, dẫn đến trí thông, dẫn đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Nếu là thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo, thì hãy nên khéo léo nhận lãnh, ghi nhớ pháp 'Mật hoàn dụ' này.

(Trung A Hàm, Kinh Mật Hoàn Dụ, Phẩm 10, số 115)

MẤT NHIỀU TÀI VẬY

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

MẶT TRĂNG MẤT HÚT

Như mặt trăng dần đến biến mất, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần.

Rồi đến một lúc mặt trăng biến mất hẳn, không còn thấy nữa. Người ác tri thức đối với chánh pháp luật của Như Lai cũng có được tín tâm, nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiếu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vững chánh trí, không hướng đến pháp tùy pháp; người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, bác văn, thí, xả, và trí tuệ cũng mất luôn.

Cho đến lúc thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt,

cũng như mặt trăng mất hút. Như vậy hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

MẮT TRÍ TUỆ

Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp chủ, là Pháp tướng. Nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

MINH GIẢI THOÁT LẦN LƯỢT THÀNH TỰU

Minh giải thoát cũng có tập.
Tập của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là tập.
Tập của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là tập.
Tập của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hành là tập.
Tập của ba diệu hành là gì? Thủ hộ các căn là tập.
Tập của sự thủ hộ các căn là gì? Chánh niệm chánh trí là tập.
Tập của chánh niệm chánh trí là gì? Chánh tư duy là tập.
Tập của chánh tư duy là gì? Tín là tập.
Tập của tín là gì? Nghe pháp thiện là tập.
Tập của nghe pháp thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là tập.
Tập của sự gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là tập.

Đó là, có đủ người thiện liền có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Đủ sự gần gũi thiện tri thức liền có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện liền có đủ tín. Có đủ tín liền có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy liền có đủ chánh niệm chánh trí. Có đủ chánh niệm chánh trí mới có đủ sự thủ hộ các căn. Có đủ sự thủ hộ các căn liền có đủ ba diệu hành. Có

đủ ba diệu hành liền có đủ bốn niệm xứ. Có đủ bốn niệm xứ liền có đủ bảy giác chi. Có đủ bảy giác chi liền đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần lượt được thành tựu toàn vẹn.

(Trung A Hàm, Kinh Bổn Tế, Phẩm 5, số 51)

MỖI BƯỚC CHÂN LÀ ĐẾN GẦN CHỖ CHẾT

Giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dẫn đến dưới cây nêu để sát hại, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

MONG ƯỚC VỊ LAI

Nếu Tỳ-kheo có mắt, sắc và thức con mắt, đối với vị lai những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mắt, nũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được. Đã được thì tâm mong ước. Do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó. Do hoan lạc nên mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy đó là Tỳ-kheo mong ước vị lai.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

MỘT LẦN TÁI SANH

Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung nơi ấy, được Đức Phật ghi nhận rằng đã dứt sạch ba kiết sử, đã mỏng

dâm, nộ, si; chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian. Sau khi một lần qua lại ấy thì đạt đến tận cùng sự khổ'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy'. Nghe xong, nhớ rằng: Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy. Sau khi nghe Pháp Luật chân chánh này, vị ấy có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy.

Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

MỘT VIỆC ĐÚNG THỜI

Lúc Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, cũng không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì bấy giờ người ấy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác, có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ'.

Đó là điều không tai nạn, việc đúng thời đối với người tu

phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

MỤC KIỀN LIÊN VÀ TỲ KHEO XÁ LÊ TỬ

Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng, nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lê Tử sanh ra các bậc phạm hạnh, cũng như sanh mẫu; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên trưởng dưỡng các bậc phạm hạnh cũng như dưỡng mẫu. Do đó các bậc phạm hạnh nên phụng sự, cung kính cúng dường, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Mục-kiền-liên. Vì sao vậy?

Vì Tỳ-kheo Xá-lê Tử và Đại Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi và thiện ích, cũng cầu sự an ổn và khoái lạc cho các vị phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

MỪNG VÌ VÔ ÁI NHIỄM

Như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình bẩn thì không vui mừng và mong muốn rửa sạch. Chư Hiền, nếu người có mắt thấy mặt mình không bẩn thì vui mừng rằng: ‘Mặt ta sạch’, nên vui mừng.

Cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được ta có ác dục, niệm dục thì không vui mừng và mong cầu đoạn trừ dục. Chư Hiền, nếu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì vui mừng rằng ‘Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý’ nên vui mừng.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ Kheo Thỉnh, Phẩm 8, số 89)

MƯỜI BIẾN XỨ CŨNG BỊ VÔ THƯỜNG

Các Tỳ-kheo tu tập nơi một biến xứ đất, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng

Tu tập nơi một biến xứ nước

Một biến xứ lửa 4) Một biến xứ gió

5) Một biến xứ xanh 6) Một biến xứ vàng

7) Một biến xứ đỏ 8) Một biến xứ trắng

9) Một biến xứ hư không 10) Một biến xứ thức là thứ mười.

Tu tập một biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là không hai, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thắng ý nơi biến xứ lạc này cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi.

Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy ắt sanh ra nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

MƯỜI BỐN LOẠI BỐ THÍ RIÊNG

Thiện nam tử hay thiện nữ có tín nhân bố thí cho Đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục, bố thí cho người tinh tấn, bố thí cho người không tinh tấn, bố thí cho súc sanh.

Bố thí cho súc sanh được phước trăm lần hơn.

Bố thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn.

Bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn.

Bố thí cho Tiên nhân ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn.

Bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng.

Bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng.

Bố thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng.

Bố thí cho vị đắc Tư-đà-hàm được phước vô lượng.

Bố thí cho vị A-na-hàm hướng được phước vô lượng.

Bố thí cho vị đắc a-na-hàm được phước vô lượng.

Bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng.

Bố thí cho vị đắc A-la-hán được phước vô lượng.

Huống nữa là bố thí cho Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác.

Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo.

(Trung A Hàm, Kinh Cù-đàm-di, Phẩm 14, số 180)

MƯỜI HẠNG NGƯỜI HÀNH DỤC

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ

ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời sống lâu.

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu.

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu.

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu.

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợï con, dầy tớ, người giúp việc, nhưng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu.

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Nhưng khi có của cải rồi lại bị đắm nhiễm, hệ lụy. Khi đã bị hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai hoạn, không biết đến sự xuất yếu mà tiêu dùng

Có hạng người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết được sự xuất yếu mà tiêu dùng.

Nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất.

Nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường sa-môn, phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu, thì kẻ hành dục này so với các

người hành dục khác là tối thượng.

Nếu có người hành dục tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân đầy đủ cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, hưởng thọ lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy. Đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai hoạn, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng, thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

Cũng như con bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này Cư sĩ, cũng như vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu.

(Trung A Hàm, Kinh Hành Dục, Phẩm 11, số 126)

MƯỜI HIỆU CỦA NHƯ LAI

Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ.

(Trung A Hàm, Kinh Phạm Ma, Phẩm 12, số 161)

MUỐI NHIỀU NƯỚC ÍT

Nếu có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục. Ví như có người đem một lạng muối bỏ vào một chút nước, nên nước mặn không thể uống được.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

MƯỜI PHÁP VÔ HỌC

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến cho đến tu vô học chánh trí. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Mười pháp vô học. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

MƯỜI TÁM CÔNG ĐỨC

Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức. Những gì là mười tám công đức?

Tỳ-kheo có thể nhẫn nại những sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, hay gậy đánh, tiếng dữ cũng có thể nhẫn nại. Thân bị bệnh tật hết sức đau đớn, gần như tuyệt vọng, những điều không xứng ý đều có thể kham nhẫn. Đây là đức tánh thứ nhất khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

Tỳ-kheo kham nhẫn điều không vui thích hoan lạc. Nếu sanh điều không hoan lạc thì tâm nhất định không dính trước.

Tỳ-kheo kham nhẫn sự sợ hãi. Nếu sợ hãi phát sanh thì tâm nhất định không dính trước.

4-7) Tỳ-kheo sanh ba ác niệm: dục niệm, nhuế niệm, hại niệm. Nếu ba ác niệm phát sanh, tâm nhất định không dính trước. Đây là đức tánh thứ tư, năm, sáu, bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

8) Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

9) Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa. Sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian sẽ chứng đắc khổ biên.

10) Tỳ-kheo đã diệt tận ba kết sử, dâm, nộ, si đã mỏng, chỉ còn qua lại một lần thiên thượng nhân gian. Sau một lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

11) Tỳ-kheo đã diệt tận năm hạ phần kết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại đời này.

12-17) Tỳ-kheo nếu có tịch tĩnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, định như vậy, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, rồi bằng trí tuệ và quán sát để vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Đây là đức tánh thứ mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy.

18) Tỳ-kheo chứng đắc Như ý túc, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã tận diệt, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Đây là đức tánh thứ mười tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. (Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

MƯỜI TÁM HẠNG HỮU HỌC

Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đảo, thân chứng, gia gia, nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, hành Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh. Đó là mười tám hạng hữu học.

(Trung A Hàm, Kinh Phước Điền, Phẩm 11, số 127)

MUỐN TRỪ VÔ MINH NÊN TU THÁNH ĐẠO TÁM CHI

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu chánh kiến cho đến chánh định. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Thánh đạo tám chi. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

NĂM NHÂN DUYÊN LÀM CHO TÂM SANH ƯU KHỔ

Có năm nhân duyên làm cho tâm sanh ưu khổ. Những gì là năm? Đó là dâm dục triền, do dâm dục quấn chặt nên tâm sanh ưu khổ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, nghi hoặc. Do nghi hoặc quấn chặt, nên tâm sanh ưu khổ. Đó là năm nhân duyên làm tâm sanh ưu khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Ni Kiền, Phẩm 2, số 19)

NĂM ANH EM KIỀU TRẦN NHƯ

Khi Ta vừa chứng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, Ta liền suy nghĩ như vầy, 'Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Xưa kia, năm Tỳ-kheo theo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh, năm Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta, nay Ta có nên thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo trước kia chăng?' Rồi Ta lại nghĩ rằng, 'Năm Tỳ-kheo thuở xưa ấy, bây giờ đang ở đâu?' Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại, Tiên nhân trú xứ, trong vườn Lộc giả.

Ta tùy thuận trụ dưới gốc cây Giác thọ. Sau đó Ta thu vén y, ôm bát đi về Ba-la-nại, đến đô ấp Gia-thi. Bấy giờ Dị học Ưu-đà, từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta rằng, 'Hiền giả Cù-đàm, các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo? Tin tưởng pháp của ai?' Lúc bấy giờ Ta liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà rằng:

Ta tối thượng, tối thắng
Nhiễm trước pháp đã trừ
Giải thoát, ái diệt tận
Tự giác, ai tôn sư?
Bậc Vô đẳng, Đại hùng

Tự giác, Vô thượng giác
Như Lai, Thầy thiên, nhơn
Biến tri, thành tựu lực.
Ưu-đà hỏi rằng: Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng?
Ta lại nói bài kệ trả lời rằng:
Đấng Tối thắng như vậy
Các lậu đã tận trừ
Ta sát hại ác pháp
Nên tối thắng là Ta.
Ưu-đà lại hỏi Ta rằng: Hiền giả Cù-đàm, bấy giờ muốn đi về đâu?
Bấy giờ Ta nói bài kệ rằng:
Ta đến Ba-la-nại
Dóng trống diệu cam lồ
Chuyển pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời.
Ưu-đà lại nói với Ta rằng: Hiền giả Cù-đàm, hoặc có thể là như vậy.
Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui.
Ta một mình đi đến Tiên nhân trụ xứ, trong vườn Lộc dã. Bấy giờ năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đến, ai cũng lập giao ước với nhau rằng, 'Chư Hiền, nên biết đó là Sa-môn Cù-đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diệu, bằng cơm gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, và bôi xoa thân thể bằng dầu mè nay lại đến đây. Các người cứ ngồi. Chớ nên đứng dậy đón tiếp, cũng đừng làm lễ. Dành sẵn cho một chỗ đó, nhưng đừng mời ngồi, hãy nói rằng 'Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy ý'.

Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ

ngồi đứng dậy, người thì ôm y bát của Ta, người thì trải chỗ ngồi, người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng, 'Những người ngu si này sao lại không bền chí, đã tự mình thiết lập điều ước hẹn, rồi lại làm trái điều giao hẹn'. Ta biết như vậy rồi bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên họ Ta và xưng hô với Ta là Bạn.

Ta nói với họ rằng, 'Ta là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các người đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là 'Bạn'. Vì sao vậy? Ta vì tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn. Đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Họ nói với Ta rằng:

Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiến, huống là ngày hôm nay đa dục, đa cầu, ăn với thực phẩm thù diệu với gạo trắng ngon lành, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè chăng?

Ta lại nói rằng: Này năm Tỳ-kheo, các ngươi trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chăng?

Bấy giờ năm Tỳ-kheo lại trả lời với Ta rằng: Trước kia chúng

tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu khuôn mặt sáng ngời.

Ta lúc ấy nói với họ rằng: Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học. Một là đắm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ, là lối sống của phàm phu. Hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền Thánh, không tương ưng với cứu cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa, thành minh, thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là tám con đường chân chánh, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Rồi Ta lần lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai người thì ba người đi khất thực. Ba người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Khi giáo hóa cho ba người thì hai người đi khất thực. Hai người mang thức ăn về cho đủ sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy, họ tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Và đạt được sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế và vô thượng an ổn Niết-bàn; sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết như thật không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

NĂM CĂN

A-nan, Ta đã nói cho ông nghe về năm căn, tín, tinh tấn, niệm, định và tuệ căn. A-nan, năm căn này, ông hãy nói để

dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm căn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

NĂM CĂN VÀ NĂM TRIỀN CÁI

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm căn.

Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

NĂM GIẢI THOÁT TƯỞNG

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm thục giải thoát tưởng: tưởng về vô thường, tưởng vì vô thường cho nên khổ, tưởng khổ cho nên vô ngã, tưởng bất tịnh ố lộ, tưởng hết thảy thế gian không có gì đáng ái lạc.

A-nan, năm thục giải thoát này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thục giải thoát tưởng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

NĂM GIỚI

Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ dao gậy, có tâm tàm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ.

Bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, dứt trừ việc lấy của không cho. Khi nào cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiết, không mong đền trả, không tham lam, thấy tài vật của kẻ khác không lấy về mình. Người ấy đối với việc không cho mà lấy tâm đã tịnh trừ.

Bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm. Người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ, hoặc cả cha cả mẹ cùng giữ, hoặc anh em giữ, hoặc chị em giữ, hoặc gia nương giữ, hoặc thân tộc giữ, hoặc người cùng họ giữ, hoặc là vợ của người khác, hoặc có phạt gậy, khủng bố, hoặc đã có ước hẹn bằng tài hóa, cho đến bằng một tràng hoa; đối với tất cả những người nữ ấy, không xâm phạm đến. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ.

Bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối; nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trụ nơi sự chân thật, không dời đổi sai chạy. Tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ.

Bạch y Thánh đệ tử lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.

Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không còn sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-

đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-bà-tắc, Phẩm 11, số 128)

NĂM HẠ PHẦN KIẾT SỬ

A-nan, ở đây có một hạng người bị dục quấn chặt. Dục tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do không biết như thật về sự xả ly, nên tham dục càng tăng thạnh, không thể chế trừ.

Có một hạng người bị nhuế quấn chặt. Nhuế tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly sân nhuế càng tăng thạnh, không thể chế trừ.

Có một hạng người bị thân kiến quấn chặt. Thân kiến tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, thân kiến càng tăng thạnh, không thể chế trừ.

Có một hạng người bị giới thủ quấn chặt. Giới thủ tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly. Do không biết như thật xả ly, giới thủ càng tăng thạnh. Không thể chế trừ.

Có một hạng người bị nghi quấn chặt. Nghi tâm sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly, nghi càng tăng thạnh. Không thể chế trừ.

A-nan, cũng như có người muốn tìm một cái gì chắc thật. Vì để tìm cái gì chắc thật nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ nơi thân mà tìm được cái gì chắc thật mang về, thì trường hợp này không thể có. Cũng vậy, này A-nan, phải y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ

năm hạ phần kết. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết, trường hợp này không thể có.

Y trên đạo, y trên đạo tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kết, trường hợp này tất có.

Cũng như một người muốn tìm cái gì chắc thật. Vì để tìm cái gì chắc thật, nên xách búa vào rừng, và người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, và lá với lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ, nơi thân và được cái chắc thật để mang về, trường hợp này chắc có. Cũng vậy này A-nan, y trên đạo và y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kết. Nếu ai y trên đạo này và y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kết trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Phẩm 17, số 205)

NĂM KIẾT SỬ ĐÃ ĐOẠN

Đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kết đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không trở lại thế gian này.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 10, số 147)

NĂM LỰC

Trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm lực, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. A-nan, năm lực này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm lực này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

NĂM LỰC VÀ NĂM TRIỀN CÁI

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, tu tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Năm lực.

Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

NĂM NHÂN DUYÊN DIỆT ƯU KHỔ

Có năm nhân duyên để tâm diệt ưu khổ. Những gì là năm? Như do dâm dục triền nên tâm sinh ưu khổ, trừ dâm dục triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục triền nên tâm sanh ra ưu khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt và thường trụ bất biến; đó là sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh.

Cũng vậy, với sân nhuế, thùy miên, nghi hoặc triền; do nghi hoặc quấn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ. Nếu trừ được nghi hoặc triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt.

Vì nghi hoặc quấn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ, trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ bất biến.

Đó là sở tri của Bậc Thánh, sở kiến của Bậc Thánh. Ấy là năm nhân duyên để tâm diệt trừ ưu khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Ni Kiền, Phẩm 2, số 19)

NĂM PHÁP ĐỂ CHO THUẦN THỤC

Đức Thế Tôn bảo: Này Di-hê, tâm giải thoát chưa thuần thục mà muốn cho thuần thục, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm?

Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức.

Tỳ-kheo phải tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát, lại phải khéo thâu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

Tỳ-kheo nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm lần lần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn trừ, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

Tỳ-kheo thường tu hành tinh tấn, đoạn trừ pháp ác bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố; vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

Tỳ-kheo tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau

(Trung A Hàm, Kinh Di Hê, Phẩm 5, số 56)

NĂM PHÁP TRÌ TRAI

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Như Lai rằng, 'Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu'.

Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham nếu có liền bị tiêu diệt. Những pháp tạp uế, ác bất thiện, nếu có cũng bị diệt.

Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị tiêu diệt. Cũng như một người trên đầu có cáu ghét, do cao, nước nóng, sức người tắm gội cho nên được sạch. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì trai giới Phạm thiên, cùng cộng hội với Phạm thiên, nhân Phạm thiên cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Pháp rằng,

'Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí'.

Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền bị diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng bị diệt.

Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì pháp trai, cùng cộng hội với pháp, nhân pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, bất thiện nếu có cũng được

diệt.

3) Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng Tăng rằng,

'Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú, trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng. Đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ. Đó là chúng tăng đệ tử của Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước là ruộng phước tốt cho trời và người'.

Người đó sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này Bà cư sĩ, Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người nơi áo có cấu ghét, bất tịnh, nhờ tro, bột kết, bột giặt, nước nóng, sức người giặt giũ, nên nó được sạch sẽ như vậy. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì tăng trai, cùng tăng cộng hội, nhân tăng mà tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy Giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không uế, không ô, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng Giới mình đang thọ rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Giới, nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một tấm gương bụi nhơ, không sáng, nhờ đá, đá mài, ngọc oanh, và sức người lau chùi, mài dũa mà được trong sáng. Đó gọi là Đa văn Thánh đệ tử thọ trì giới trai. Cùng Giới cộng hội, nhân Giới, tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai niệm tưởng chư Thiên rằng,

'Thật sự có Tứ vương thiên. Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tín ấy.

Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy.

Thật sự có Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên. Hàng Thiên ấy, thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy, tôi cũng có tín ấy.

Hàng Thiên ấy, nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng thành tựu tuệ ấy'.

Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, và chư Thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Đa văn Thánh đệ tử duyên nơi chư Thiên nên tâm tĩnh, được hỷ, ác tham lam nếu có liền được diệt, pháp tạp uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt.

Cũng như vàng ròng thượng sắc, bị bụi đóng bất tịnh, nhờ lửa, bài, kiềm, chùy, đất đỏ, sức người lau chùi mài dũa mà

được minh tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

NĂM THẠNH ẤM

Tự thân là năm thạnh ấm. Đó là sắc thạnh ấm, là thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Đó là năm thạnh ấm được Thế Tôn nói.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

NĂM THỦ UẨN

Này chư Hiền, những gì là năm thủ uẩn?

Đó là sắc thủ uẩn, thọ, tưởng hành và thức thủ uẩn.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

NĂM THỦ UẨN ĐOẠN TRỪ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Này A-nan, năm thủ uẩn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thủ uẩn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

NĂM THỦ UẨN LÀ KHỔ

Năm thủ uẩn là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Đó là sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói năm thủ uẩn là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

NÊN QUÁN BIẾT

Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, 'Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thùy miên triền, không trạo hối cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uế, tín, tinh tấn, suy niệm, định, thường hành không ác tuệ'. Tỳ-kheo ấy trụ nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ lậu tận trí thông.

(Trung A Hàm, Kinh Tự Quán Tâm, Phẩm 10, số 109)

NGHÈO CHÁNH PHÁP

Người có tham dục lại bần cùng là đại bất hạnh.

Người có tham dục vay nợ tài vật của người khác là đại bất hạnh.

Người có tham dục vay nợ tài vật của người khác mà khất mãi là đại bất hạnh.

Người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại bất hạnh.

Người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại bất hạnh.

Người có tham dục bị chủ nợ bắt trói là đại bất hạnh.

Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ cấm giới, không nghe nhiều, không bố thí, không trí tuệ; đối với thiện pháp, dù có nhiều kim ngân, lưu ly, thủy tinh, ma ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi xa cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo nàn cô thế.

Như vậy, trong Thánh pháp của Ta, gọi là sự bần cùng, bất

thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

NGHI HOẶC ĐÃ DỨT

Tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Tôi sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Tôi đối với tham lam, tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

NGHIỆP HÈN HẠ

'Nếu lạc có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu; pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

NGHIỆP HÈN HẠ LÀ HẠNH CỦA PHÀM PHU

Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh,

rất khổ, không tương ưng với cứu cánh'. Vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Ở đây, 'Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu'. Đây là nói về một một cực đoan. 'Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa'. Đây là nói về một cực đoan nữa. Do bởi sự kiện này mà nói 'Đừng nên mong cầu dục lạc, là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu. Cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

NGHIỆP HIỆN TẠI LÀ DO CHÍNH MÌNH TẠO

Ma Mạp nên biết, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tất chịu đoản thọ.

Tạo nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ.

Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh.

Tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh.

Tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải thọ sự không đoan chánh.

Tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh.

Tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chịu không oai đức.

Tạo tác nghiệp tương xứng với oai đức, tất được oai đức.

Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi ti tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi ti tiện.

Tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý.

Tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất bị không của cải.

Tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải.

Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất bị trí tuệ kém cỏi.

Tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp.

Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

NGHIỆP THIỆN LÀ TRẮNG

Những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được chánh kiến. Nếu được số đông người đến chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Già-di-ni, Phẩm 2, số 17)

NGHIỆP THIỆN THEO TA

Cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hủ dầu ném vào nước; hủ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rỉa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Già-di-ni, Phẩm 2, số 17)

NGỌN GIÓ

Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn gió thổi bay đi đồ sạch đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Gió cũng không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như gió kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 3, số 24)

NGỌN LỬA

Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả các đồ sạch, đồ dơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng. Lửa không vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm sỉ nhục, xấu xa, không hổ, cũng không thẹn. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Tâm con như lửa kia, không ghét, không oán, cũng không sân nhuế, không não hại, rộng lớn, vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 3, số 24)

NGŨ ẤM VÔ NGÃ

Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

Thọ cũng vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

Tưởng cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

Hành cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

Thức cũng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên phi ngã.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Vô Thường, Phẩm 11, số 120)

NGŨ DỤC CÕI TRỜI

Ngũ dục nhân gian xú uế, ở nơi bất tịnh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô sáp bất tịnh. Này Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối thắng, là tối hảo, là tối thượng.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ Tứ, Phẩm 6, số 71)

NGU SI VÀ KHÔNG NGU SI

Thế gian này có ham muốn như vầy, ước vọng như vầy, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy, 'Mong sao các pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt; và các pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt sanh ra'. Nó ham muốn như vầy, ước vọng như vầy, yêu thích như vầy, vui sướng như vầy và ý hướng như vầy như vậy. Song, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

Pháp của Ta rất là sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt. Như vậy, pháp của Ta rất sâu xa, khó thấy, khó giác ngộ, khó thông đạt, là pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý tiêu diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý được sanh. Đó là pháp không ngu si.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

NGỰA LÀNH

Người này tuy không nghĩ rằng: 'Mong các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự nơi ta', nhưng các vị đồng phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều lành này. Nhân người ấy có vô lượng điều lành này khiến cho các vị đồng phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ sự người ấy.

Giống như con ngựa hiền nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ rằng: 'Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức ống tốt tươi và thích ngắm nghía tôi', nhưng người ta

vẫn nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và vẫn thích ngắm nghía nó. Vì sao? Bởi vì đó là con ngựa lành, nghĩa là nó rất thuần thục, rất hiền lành, nên người ta nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn thức uống tốt tươi và thích ngắm nghía nó.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

NGỰA THUẦN HÓA

Cũng như người biết cách huấn luyện ngựa, được một con ngựa tốt thuần giống. Người giỏi huấn luyện ấy trước hết trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động, muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì chưa từng được trị.

Nếu con ngựa tốt thuần giống tuân theo cách trị của người huấn luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dàm mõm, cùm chân; cùm chân, dàm mõm, nhưng khiến nó sãi, đi, cần phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gìn hơn; trị các chi thể khác, thảy đều huấn luyện cho thành tựu. Tất nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì bị sửa trị nhiều lần.

Nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huấn luyện, được sửa trị nhiều lần cho đến thành tựu. Lúc bấy giờ nó là con ngựa thuần thục, khéo thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi xung vào cho vua cỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua.

Cũng vậy, nếu bấy giờ có một người hiền minh, có trí, thành

tựu mười pháp vô học, vô học chính kiến cho đến vô học chánh trí, người ấy lúc bấy giờ là một người thuần thục, khéo thuần thục, vô thượng thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng tĩnh chỉ, đệ nhất tĩnh chỉ, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt trừ tất cả siểm nịnh, lặng đọng mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trược, không còn gì để bị dính trước đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thảy chư Thiên và Nhân loại.

(Trung A Hàm, Kinh Bạt-Đà-Hòa-Lợi, Phẩm 16, số 194)

NGƯỜI TỐI THẮNG VÀ HẠ TIỆN

Chư Hiền, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu một người bên trong thật có ô uế nhưng tự biết như thật, biết như thật bên trong thật có ô uế, thì trong loài người, người này là tối thắng.

Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật không có ô uế, thì trong loài người, người này là tối hạ tiện.

Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà tự biết, biết như thật bên trong thật không có ô uế, thì trong loài người, người này là tối thắng.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

NHÃN CĂN

Như có người bị hư nhãn xứ bên trong, nên ngoại sắc không

được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm và nhãn thức không phát sanh. Nếu nội nhãn xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sanh ra nhãn thức.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

NHẪN CHỊU

Đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn; thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không khả lạc thảy đều có thể nhẫn nại.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

NHÂN DUYÊN KHỞI SỞ SANH PHÁP

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp: 'Nếu có cái này thì có cái kia, nếu không có cái này thì không có cái kia. Nếu sanh cái này thì sanh cái kia, nếu diệt cái này thì diệt cái kia. Duyên vô minh, hành. Duyên hành, thức. Duyên thức, danh sắc. Duyên danh sắc, sáu xứ. Duyên sáu xứ, xúc. Duyên xúc, thọ. Duyên thọ, ái. Duyên ái, thủ. Duyên thủ, hữu. Duyên hữu, sanh. Duyên sanh, già chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết diệt. A-nan, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho

các Tỳ-kheo niên thiếu về nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

NHÂN NƠI DỤC

Yêu và không yêu là nhân nơi dục và duyên nơi dục mà phát sanh, do dục mà có. Nếu vô dục thì không có yêu và không yêu vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

NHÂN SANH CỦA TƯỞNG

Thế nào là biết nhân sanh của tưởng? Biết từ xúc, do xúc nên tưởng.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

NHẪN SỰ SỢ HÃI

Đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi. Khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bị vướng bận.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

NHANH CHÓNG DIỆT TRỪ PHÁP ÁC

Nếu Tỳ-kheo khi quán liền biết, 'Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thùy miên triền, trạo hối, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uế, bất tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm định, thường hành ác tuệ'.

Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo muốn diệt trừ pháp ác bất thiện này phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập, tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thoái chuyển.

(Trung A Hàm, Kinh Tự Quán Tâm, Phẩm 10, số 109)

NHỊ BIÊN

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vị đó nhất định nương nơi hai kiến, hữu kiến và vô kiến.

Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền bám dính hữu kiến, nương cậy nơi hữu kiến, y trụ nơi hữu kiến và tắng, tránh với vô kiến. Nếu nương nơi vô kiến, vị đó liền bám dính vô kiến, nương cậy nơi vô kiến mà tắng tránh với hữu kiến.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 9, số 103)

NHỊ THIỀN LÀ CHƯA RỐT RÁO

Lại nữa, hoặc có một người được đệ Nhị thiền; được đệ Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

Như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều thành bùn. Này chư Hiền, nếu có người nói như thế này: ‘Bùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại

thành bụi đất được nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?

Không đúng. Vì sao? Vì ngã tư đường này hoặc voi đi, ngựa đi, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rọi, thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại.

Cũng như vậy, hoặc có người được đệ Nhị thiền; được đệ Nhị thiền rồi, người ấy liền an trụ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

(Trung A Hàm, Kinh Chi-ly-di-lê, Phẩm 7, số 82)

NHÌN TƯƠNG LAI

Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc thọ, tưởng, hành, thức tương lai, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nan Thuyết, Phẩm 13, số 167)

NHƯ LAI

Như Lai chánh giải thoát như vậy, dù Nhân-đà-la, dù Thiên Y-sa-na, dù Phạm thiên và quyến thuộc, không ai có thể tìm

thấy thức sở y của Như Lai.

Như Lai là Phạm, Như Lai là Mát lạnh, Như Lai là Không phiền nhiệt, Như Lai là Bất dị. Ta nói như vầy, Các Sa-môn Phạm chí xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng không chân thật rằng, 'Sa-môn Cù-đàm chủ trương hư vô. Quả thật có chúng sanh, nhưng lại chủ trương là đoạn, diệt, hoại. Nhưng nếu trong đó không có, thì Ta đã không nói rằng, 'Như Lai ấy trong đời hiện tại, được nói là không ưu phiền, nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai; trong trường hợp đó Như Lai không sân hận, không thù hận, trọn không có hại tâm.'

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

NHƯ LAI CÓ THỂ KHUẤT PHỤC TẤT CẢ NGOẠI ĐẠO

Bạch Cù-đàm, nếu có những người không dua nịnh, cũng không dối trá, biết thi ân, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có niệm, có định và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính, tu tập phát triển. Với những người như vậy có thể cộng sự. Vì sao vậy? Những người như vậy là phạm hạnh thanh tịnh.

Cũng như trong các loại căn hương, trầm hương là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì trầm hương đối với các loại căn hương, nó là tối thượng.

Cũng như trong các loại Sa-la thọ hương, xích chiên đàn là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì chiên đàn đối với các thứ sa-la thọ hương, nó là tối thượng.

Cũng như trong các loại thủy hoa, hoa sen xanh là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì hoa sen xanh đối với các loại thủy hoa, nó là

tối thượng.

Cũng như trong các thứ hoa trên đất, hoa Tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Tu-ma-na hoa đối với các loại lục hoa, nó là tối thượng.

Bạch Cù-đàm, cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm như một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo dị học vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

NHƯ LAI KHÔNG BAO GIỜ HÀNH BẤT THIỆN

Vua Ba-tư-nặc lại hỏi: A-nan, tại sao Như Lai không bao giờ hành những pháp bất thiện?

Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện. Đây là Bậc Thầy khuyến giáo, Bậc Thầy vi diệu, Bậc Thầy khéo tùy thuận, là Vị dẫn dắt điều ngự, tùy thuận điều ngự, là Vị nói năng toàn thiện, nói năng vi diệu, nói năng khéo tùy thuận.

Cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ha-Đề, Phẩm 18, số 214)

NHƯ LAI LÀ BẬC NHẤT

Cũng như do bò mà có sữa; nhân sữa có tô; nhân tô có sanh tô; nhân sanh tô có thục tô; nhân thục tô có tô tinh; tô tinh là

bậc nhất, là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu. Cũng như thế, trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

NHƯ Ý TÚC

Đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc là thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

NIỆM BẤT THIỆN

Thế nào gọi là niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại. Đó gọi là niệm bất thiện.

Niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tưởng. Thế nào gọi là tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng.

Chúng sanh do tưởng dục giới mà sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với dục giới.

Chúng sanh do tưởng nhuế giới, hại giới cho nên sanh niệm

bất thiện tương ưng với nhuế và hại giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới. Đó là niệm bất thiện phát sanh từ tưởng này.

Niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu Đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền, thành tựu và an trụ, đây là niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện? Nếu Đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

NIỆM DỤC HẠI MÌNH VÀ NGƯỜI

Ta thực hành như vầy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền tiêu diệt nhanh chóng.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

NIỆM NHƯ LAI

Đó là bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân

Sư, Phật Chúng Hựu. Nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử nương vào Như Lai, tâm tịnh được hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt.

Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không phải khó được.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-bà-tắc, Phẩm 11, số 128)

NIỀM HỶ LẠC CỦA XUẤT GIA VÀ TẠI GIA

Này Phạm chí, nếu người tại gia mà được tiền tài tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng trưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng. Lúc bấy giờ tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

Người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế, lúc bấy giờ xuất gia học đạo là khoái lạc hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc hoan hỷ.

Như vậy người tại gia vì tự do mà được hoan lạc, người xuất gia vì không tự do mà được hoan lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

NIỆM THÂN

Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đang đi, đứng thì biết mình đang đứng, ngồi thì biết mình đang ngồi, nằm thì biết mình đang nằm, ngủ thì biết mình đang ngủ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy thân

hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

NIỆM THIỆN

Thế nào gọi là niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại. Đó gọi là niệm thiện.

Niệm này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tưởng. Thế nào gọi là tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tưởng, vô nhuế tưởng, vô hại tưởng.

Chúng sanh do tưởng trong vô dục giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới.

Chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô nhuế, vô hại giới. Đó là niệm thiện phát sanh từ tưởng này.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

NIỆM THIỆN ĐỐI TRỊ BẤT THIỆN

Tỳ-kheo khi sanh niệm ác bất thiện, liền niệm điều thiện để đối trị, đoạn trừ, tiêu diệt, tĩnh chỉ. Như người thợ mộc hoặc học trò thợ mộc, kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

NIỆM XỨ QUÁN THÂN NHƯ THÂN

Tỳ-kheo khi đi thì biết mình đi, đứng thì biết mình đứng, ngồi thì biết mình ngồi, nằm thì biết mình nằm, ngủ thì biết mình ngủ, thức thì biết mình thức, ngủ say thì biết mình ngủ say. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thân như thân; quán ngoại thân như thân; lập niệm tại thân, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

NIẾT BÀN LÀ Ý NGHĨA CÁC PHÁP

Tỳ-kheo, đó là, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng thủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chắc thật của các pháp, và Niết-bàn là ý nghĩa của các pháp. Tỳ-kheo, hãy nên học tập như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Chư Pháp Bổn, Phẩm 10, số 113)

NỢ TIỀN

Có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ khổ là quả báo trong địa ngục. Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Cũng như có người nợ kẻ khác năm tiền, bị chủ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng như bị chủ nợ bắt trói.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

NÓI DỐI

Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự chân thật không sai chạy. Tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Đối với tâm nói láo, tôi đã dứt trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

NÓI DỐI LÀ ĐẠO BỊ MẤT

Đức Thế Tôn lại cầm chậu trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi rằng:

Này La-vân, ngươi lại có thấy Ta cầm chậu không này úp xuống đất không?

La-vân trả lời: Con có thấy, bạch Thế Tôn.

Phật bảo rằng: Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không biết xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không được đùa giỡn và nói dối.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu úp lật ngửa lên rồi hỏi rằng:

Này La-vân, ngươi có thấy Ta cầm cái chậu úp này giở ngửa lên không?

La-vân trả lời rằng: Con có thấy, bạch Thế Tôn!

Đức Phật bảo La-vân rằng: Ta nói rằng đạo của người kia bị lật ngửa, cũng lại như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà

vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

Này La-vân, cũng như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, rồi suy nghĩ như thế này: 'Thớt voi lớn này của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vòi'. Này La-vân, nếu thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi đều dùng tất cả. Tượng sư thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: 'Thớt voi lớn của nhà vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng'. Này La-vân, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Này La-vân, Ta nói thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm.

Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

(Trung A Hàm, Kinh La-Vân, Phẩm 2, số 14)

NÓI DỐI MÀ KHÔNG XẤU HỔ

La-vân, ngươi nay có thấy Ta cầm chậu nước này đổ đi, chỉ lưu lại một ít không?

La-vân đáp: Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Phật bảo: Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm không quý. Này La-vân, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không đùa giỡn và nói dối.

(Trung A Hàm, Kinh La-Vân, Phẩm 2, số 14)

NÓI HAI LƯỠI

Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia; người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp, tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng, không khen ngợi phe đảng.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

NỖI KHỔ CỦA TẠI GIA & XUẤT GIA

Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng, kim ngân, chơn châu, lưu ly, thủy tinh thảy đều không tăng trưởng; súc mục, lúa, gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng; lúc bấy giờ người tại gia ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà

người tại gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi.

Nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, theo sân nhuế, ngu si, lúc bấy giờ xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà có người xuất gia có nhiều ưu tư khổ nhọc, trong lòng chất nhiều sầu bi.

Như vậy người tại gia vì không được tự do mà khổ, và người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

NỘI KHÔNG

Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không.

Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định. Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm trong nhà rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín đáo không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn. Hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn.

NÓI LÁO

Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta nói láo ấy là tự hại mà cũng xuyên tạc phỉ báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, khi thân hoại mạng chung tất sẽ phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta nên y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo chăng?' Rồi vị ấy y cứ trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên xa lìa nói láo mà đoạn trừ sự nói láo.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

NỘI TÂM TĨNH CHỈ

Một thiện nam tử dòng Phạm chí, Cư sĩ, Công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ.

Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp II, Phẩm 15, số 183)

NÓI THÊU DỆT

Tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

NÓI THÔ ÁC

Tôi từ bỏ lời nói thô ác, tránh xa lời nói thô ác, giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa không mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

NỖI THỐNG KHỔ

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang khôi giáp, khoác trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn, đi vào quân trận. Hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

NỖI THỐNG KHỔ TRONG ĐỜI NÀY

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên, hoặc cầm dao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách phá kho, cướp đoạt tài vật, chận đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm phá làng, phá thành diệt nước. Trong đó, hoặc người của vua bắt được, đem khảo đủ cách; chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải

hỏa thiêu, hoặc lấp trong cát, lấy cỏ quấn lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt, hoặc bỏ vô miệng heo sắt, hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ vô vạc đồng, hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm, hoặc lấy móc sắt móc, hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót, hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã, hoặc cho rắn rít mổ cắn, hoặc dùng roi quất, hoặc dùng gậy thọt, hoặc dùng dùi đánh, hoặc buộc sống treo trên nêu cao, hoặc chém đầu rồi bêu.

Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

NƠI XỨNG ĐÁNG THEO TU TẬP

Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng Tỳ-kheo và đệ tử Thế Tôn, đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí xứng đáng thờ tự, thật sự có trí xứng đáng cúng thực, thật sự có trí xứng đáng phụng sự người trí tuệ.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

NÔNG NỔI, KHÔNG SÁNG SUỐT

Một người Phạm chí có người vợ trẻ, vừa mới mang thai, người vợ cả đã có một đứa con trai. Trong thời gian ấy, Phạm chí kia bỗng nhiên mạng chung.

Sau khi mạng chung, con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế như thế này: 'Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vào'. Bà mẹ kế đáp: 'Ta nay đang có thai, nếu sanh con trai thì nó phải được phần. Nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn của cậu'. Con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế ba lần như thế này: Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn thuộc về tôi, không ai được dự phần vào'. Bà mẹ kế cũng trả lời ba lần như thế này: 'Nay ta đang có thai, nếu sanh con trai thì phải được chia phần. Nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn thuộc về cậu'.

Bấy giờ bà mẹ kế ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo toàn sự sống mà trở lại hại mình. Bà vào trong phòng lấy dao bén mổ bụng xem là trai hay gái. Bà ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo vệ sự sống mà lại tự hại mình và đứa con trong bụng.

Này vua Bệ-tứ, nhà vua cũng lại như vậy, ngu si không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: 'Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thích của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bỏn sẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời, thì tôi, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các thiện nghiệp, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ Tứ, Phẩm 6, số 71)

NÚI TU DI SƠN VƯƠNG

Cũng như trong các ngọn núi, Tu di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suối, biển lớn thu nhập nước, biển lớn là bậc nhất. Cũng như trong các loại đại thân, A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chiêm thị, Ma vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại hành dục, Đảnh sanh vương là thứ nhất. Cũng như trong các Tiểu vương, Chuyển luân vương là bậc nhất. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhất. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng tinh là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng hội, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; sắc, vô sắc, có tưởng, không tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng, trong đó Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối tôn, là tối diệu.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

NƯỚC NHIỀU MUỐI ÍT

Có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài và có tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như có người đem một lạng muối bỏ vào sông Hằng. Vì nước sông Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít, do đó không thể làm mặn để đến nổi không uống được. vì bất thiện ít như muối và thiện hạnh nhiều như nước.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

NƯƠNG PHÁP TỐI THẮNG

Nếu Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian. Vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng các đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động mà thú hướng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng 'Đây là Khổ, đây là Khổ tập, đây là Khổ diệt, biết như thật đây là Khổ diệt đạo'.

Cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tận, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

Như vậy gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng. Chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương nơi Ta mà tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

NƯƠNG VÀO SỰ YỂM LY

Cũng giống như giòng nước lũ rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiều thứ, mà ở quãng giữa không thuyền, không

cầu, giả sử có một người đến, có công việc ở bờ bên kia, nên tìm cách để qua. Khi tìm cách để qua, người ấy nghĩ rằng, 'Nay giòng nước lũ này rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ, ở khoảng giữa lại không có thuyền, không cầu để có thể qua. Với phương tiện để ta có thể bình an sang bờ bên kia. Ta có công việc ở bờ bên kia cần đi qua. Với phương tiện nào để ta có thể bình an qua bờ bên kia?' Rồi người ấy lại nghĩ rằng, 'Bây giờ ở bờ bên này ta hãy thu lượm cỏ, cây buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang'. Người ấy bèn ở bên này thu lượm cỏ cây buộc lại làm thành chiếc bè, rồi bình an bơi sang bờ bên kia.

Nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yểm ly, y trên sự yểm ly, an trụ nơi yểm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Phẩm 17, số 205)

Ô UẾ

Vô lượng pháp ác bất thiện từ dục mà sanh, đó là ô uế. Vì sao? giả sử có một người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong rằng người khác đừng biết ta phạm giới'. Hiền giả, nhưng có người khác biết nó phạm giới, bởi vì người khác biết nó phạm giới, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

OAI ĐỨC

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường không sanh lòng tật đố. Nếu thấy kẻ khác có của, không có lòng ham muốn của ấy được về ta. Người ấy tạo nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

OAI NGHI NGHIÊM TÚC

Tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, Thánh thủ hộ các căn, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

PHÁ ĐỔ THÀNH QUÁNH

Thế nào là Tỳ-kheo phá đổ thành quách.

Sanh tử vô cùng đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

PHẠM CHÍ

Thế nào gọi là Phạm chí?

Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

PHẠM GIỚI KHÔNG THỂ LÊN LẦU CHÁNH PHÁP

Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới, giới bị vỡ, giới bị khuyết, giới bị thủng, giới tạp uế, giới đen, mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lên lầu gác chánh pháp, nhất định không có điều đó.

Ví như cách thôn không xa, nhà lớn, nhà nhỏ, lầu cao, lầu thấp, trong đó có một cái thang, nếu người nào đến cầu xin, leo lên nhà gác đó, nhưng nếu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thang thứ hai thì không thể được. Nếu không leo lên nấc thang thứ hai, thứ ba, thứ tư mà lên đến nhà gác cũng không thể được.

(Trung A Hàm, Kinh Ca-hi-na, Phẩm 7, số 80)

PHẠM GIỚI MÀ NHẬN CỦA CẢI CÚNG DƯỜNG

Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm lấy người kia ném ngược vào trong đó; hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp. Đằng nào vui sướng hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem cái nồi lớn bằng sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi túm

lấy người kia ném ngược vào trong đó; thế thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp; thế thì rất vui sướng.

Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi tóm giở ngược lên quăng vào trong nồi, mặc dù vì như thế mà chịu đau khổ hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục.

Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, nhà cửa được tô trét đất bùn, cửa sổ và cửa lớn kín và chặt; có lò sưởi ấm áp của người. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung, thẳng đến ác xứ, hay sanh vào địa ngục.

Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sinh đến thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ẩm thực, giường nệm, thuốc thang của người, là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như thế.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

PHẠM GIỚI MÀ NHẬN GIƯỜNG TÒA CÚNG DƯỜNG

Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực, rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trong đó hoặc là từ các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng hay ngọa cụ của người; việc nào vui sướng hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rất khổ. Bạch Thế Tôn, nếu theo các người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, giường chõng, ngọa cụ của người; thì rất vui sướng.

Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các ngươi muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng, thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngồi trên đó, việc đó vì thế mà chịu sự khổ sở hoặc chết. Nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục.

Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng làm Sa-môn, rồi từ những người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh sự tín thí, ngọa cụ, giường chõng của người; người ngu si đó vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, áo mền, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

PHẠM GIỚI MÀ NHẬN SỰ LỄ BÁI

Các ngươi nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là từ nơi người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi, thì rất khổ. Thế Tôn, còn từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, hay thợ thuyền để thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, đón rước thì rất vui sướng.

Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để cho các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi. Việc ấy dù do đó mà chịu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì vậy mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng

phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền, mà thọ nhận sự tín thí, lễ bái, cung kính, tiếp đón. Người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không được thiện, không được nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Do đó, các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ, để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, thực phẩm, giường chiếu của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang vinh lớn, nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

PHẠM GIỚI MÀ NHẬN THỰC PHẨM CÚNG DƯỜNG

Các ngươi nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kềm sắt nóng, kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng. Viên sắt nóng đó đốt môi; đốt cháy môi rồi đốt cháy lưỡi; đốt lưỡi rồi đốt lợi; đốt lợi rồi đốt cổ; đốt cổ rồi đốt tim; đốt tim rồi đốt bao tử và ruột; đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, thọ nhận sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Việc nào vui sướng hơn?

Các Tỳ-kheo bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng, rồi lấy viên sắt đã cháy hừng hực bỏ vào miệng. Viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống dưới. Việc ấy rất khổ, bạch Thế Tôn, nếu từ người Sát-lợi,

Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị; việc ấy rất vui sướng.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Ta sẽ nói cho các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà để mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thà để lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi rơi xuống đất. Điều ấy dù do vậy mà phải chịu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục.

Nếu người ngu si phạm giới, không tinh tấn, sanh ra ác pháp bất thiện, chẳng có phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn. Từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự tín thí, đồ ăn, vô lượng mùi vị. Người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Vì thế các ngươi nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh sự tín thí, y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người là làm cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

PHẠM GIỚI MÀ NHẬN Y PHỤC CÚNG DƯỜNG

Các ngươi nghĩ sao? Hoặc có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực, rồi quấn quanh thân thể; hoặc từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền, để nhận sự tín thí y phục của người; cái nào vui sướng hơn?

Các Tỳ-kheo bạch rằng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ. Nếu từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh tín thí, y phục của người, thì rất vui sướng.

Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói các ngươi biết, không để các ngươi học Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các ngươi nếu muốn thành tựu phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem lá đồng sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể. Dù việc đó vì thế sẽ chịu sự khổ, nhưng không do vậy mà khi thân hoại mạng chung phải thẳng đến ác xứ, sanh trong địa ngục.

Nếu người ngu si, phạm giới, không tinh tấn, sanh ra pháp ác bất thiện, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn; rồi từ người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền thọ lãnh sự tín thí, y phục của người. Người ngu si kia, vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp. Sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục.

Do đó, các ngươi quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa. Nên nghĩ thế này: Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không luống không, mà có quả có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ. Nhận lãnh y phục, chăn mền, đồ ẩm thực, giường chiếu, thuốc thang của người tín thí là làm cho các thí chủ được phước đức

lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn. Nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Mộc Tích Dụ, Phẩm 1, số 5)

PHÂN BIỆT PHÁP SƯ

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là Phân biệt pháp sư.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

PHẦN NÀO SỐNG TRONG SỰ AN LẠC

Tỳ-kheo nào nghe rằng: 'Tôn giả ấy lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau một lần qua lại thì đạt đến tận cùng sự khổ'. Hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 'Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí

như vậy, trí tuệ như vậy'. Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: 'Tôn giả kia có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vậy. Nghe Pháp Luật chân chánh này rồi, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy...'

Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

PHÁP CHÂN NHÂN

Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đất trống, hoặc nơi gò mả, hoặc có thể biết thời; người khác không được như vậy. Người kia nhân vì biết thời mà quý mình khinh người. Đó không phải là pháp chân nhân.

Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải do sự biết thời này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không biết thời nhưng người ấy thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường cung kính'. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế, nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

PHÁP CHÂN NHÂN VÀ KHÔNG PHẢI CHÂN NHÂN

Ở đây có một người thuộc dòng dõi hào quý, xuất gia học đạo và những người khác thì không như vậy. Người ấy nhân vì dòng dõi hào quý mà quý mình khinh người. Đó gọi là pháp

không phải chân nhân.

Pháp chân nhân xét nghĩ như thế này: 'Ta không phải nhân bởi dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si. Hoặc có người nào đó không phải dòng dõi hào quý mà xuất gia học đạo, thực hành pháp như pháp, tùy thuận pháp, hướng đến pháp và thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính'.

Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không quý mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

(Trung A Hàm, Kinh Chân Nhân, Phẩm 7, số 85)

PHÁP CỦA TRỜI NGƯỜI

Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố tuyên truyền cho đến trời người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày được quảng bá, không có trống khuyết, được lan bố, tuyên truyền cho đến trời người như vậy, nếu có ai với tâm tín lạc nơi Ta mà mạng chung, chắc chắn sẽ mau vào thiện xứ.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

PHÁP DO NƠI MIỆNG MÀ DIỆT TRỪ

Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ?

Tỳ-kheo khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ và dính trước nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: 'Hiền giả, khẩu hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi miệng? Hiền giả, nên bỏ khẩu

hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện'. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ, Phẩm 8, số 92)

PHÁP DO NƠI THÂN MÀ DIỆT TRỪ

Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng diệt trừ?

Tỳ-kheo có thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, dễ dính trước nơi thân, các thầy Tỳ-kheo thấy vậy khiển trách Tỳ-kheo ấy rằng: 'Hiền giả, thân hành bất thiện sung mãn, thọ trì đầy đủ, sao lại dính trước nơi thân? Hiền giả, nên bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện'. Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ, Phẩm 8, số 92)

PHÁP DO TUỆ KIẾN MÀ DIỆT TRỪ

Thế nào là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, nhưng chỉ do tuệ kiến để diệt trừ? Tham lam không từ thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thế, tranh tụng, nhuế, hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, tật đố, lừa gạt, dua siểm, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ, Phẩm 8, số 92)

PHÁP HỮU TRÁNH

Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh phàm phu, pháp này là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải chánh hạnh, không tương ưng với nghĩa, thì pháp này là hữu tránh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

PHÁP LẤY GÌ LÀM GỐC

Nếu có dị đạo đến hỏi các ông 'Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?' thì các ông nên trả lời họ như thế này: 'Tất cả các pháp lấy dục làm gốc'.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm hòa hiệp?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy xúc làm hòa hiệp'.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm dẫn khởi?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy thọ làm dẫn khởi'.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm hữu?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy tư tưởng làm hữu.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm thượng thủ?' thì nên đáp như vầy: Lấy niệm làm thượng thủ'.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm tiền đạo?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy định làm tiền đạo.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm tối thượng?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy tuệ làm tối thượng.'

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm chắc thật?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy giải thoát làm chắc thật'.

Nếu lại hỏi, 'Lấy gì làm ý nghĩa?' thì nên đáp như vầy, 'Lấy Niết-bàn làm ý nghĩa'.

(Trung A Hàm, Kinh Chư Pháp Bổn, Phẩm 10, số 113)

PHÁP NGU SI

Như thuốc A-ma-ni-dược, một phần có sắc, có hương, có vị, nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống thì sắc, hương và vị ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng rồi lại chẳng thành thuốc.

Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu lấy quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật liền tập hành không đoạn trừ. Sau khi tập hành không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý lại sanh; pháp đáng thích, đáng yêu, đáng vừa ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

PHÁP NHƯ CHIẾC BÈ QUA SÔNG

Ta thường nói cho các ngươi nghe về thí dụ chiếc bè, là để cho các thầy biết xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ.

Ví như, con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. Ở khoảng giữa đó không có thuyền, bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc ở bờ bên kia nên cần phải qua. Người ấy bèn nghĩ rằng, 'Ở đây con nước từ trên núi chảy xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi rất nhiều thứ. Ở khoảng giữa

không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc ở bờ bên kia cần phải qua phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn?' Rồi người ấy tự suy nghĩ, 'Nay ở bên này, ta hãy góp nhặt cỏ, cây, cột lại làm bè[8] để bơi qua.' Người ấy bèn ở bên bờ bên này, góp nhặt cỏ cây, cột lại làm bè rồi bơi qua. Đến bờ bên kia được yên ổn, rồi tự nghĩ rằng, 'Chiếc bè này có nhiều lợi ích. Nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia đến bờ bên này. Nay ta hãy vác nó lên vai phải hoặc đội trên đầu mà đi.' Người ấy bèn vác lên vai phải, hoặc trên đầu mà mang đi. Ý các ngươi nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có lợi ích gì đối với chiếc bè không?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn lại nói: Người ấy phải làm thế nào mới có thể có lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy nghĩ như vầy, 'Chiếc bè này có nhiều lợi ích, nhờ nó mà ta an ổn từ bờ bên kia đến bờ này. Nay ta có nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chăng?' Người ấy mang chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó bên bờ rồi bỏ đi. Ý các ngươi nghĩ sao? Người ấy làm như vậy, có thể có lợi ích đối với chiếc bè chăng?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, có.

Thế Tôn lại nói: Cũng vậy, Ta thường nói cho các ngươi nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các ngươi biết mà xả bỏ, chứ không phải để chấp thủ. Nếu các ngươi biết Ta thường nói thí dụ về chiếc bè, đối với pháp còn phải xả bỏ huống là phi pháp chăng?

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

PHÁP SUY THOÁI

A-nan, ví như từ lúc xế trưa cho đến khi mặt trời lặn, ánh sáng diệt, bóng tối sanh; A-nan, ý ông nghĩ sao, sau khi mặt trời lặn, phải chăng ánh sáng đã diệt, bóng tối đã sanh?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện; người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện, thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

PHÁP THANH TỊNH

Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện.

Ví như sáng sớm, mặt trời vừa xuất hiện, bóng tối diệt, ánh sáng sanh. A-nan, ý ông nghĩ sao, mặt trời lên dần cho đến giờ ăn trưa, phải chăng bóng tối đã diệt, ánh sáng đã sanh?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện,

nhưng thiện căn còn sót lại, chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp thiện. Như vậy, người này đạt được pháp thanh tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)

PHÁP TUỆ

Như đại tiểu tiện có hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh uống; khi uống, sắc xấu, hôi thối, không mùi vị, không ngon miệng mà hại đau cuống họng, nhưng uống vào trong bụng lại thành thuốc.

Cũng vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành nó mà không đoạn trừ. Do tập hành mà không đoạn trừ, pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh. Đó gọi là pháp tuệ.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

PHẬT PHÁP THẬM THÂM

Pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc, mà Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

PHI THÁNH CẦU

Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ

thuộc bệnh tật nhưng lại tìm cầu tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết nhưng lại tìm cầu sự chết, thật sự lệ thuộc vào ưu bi khổ não, lệ thuộc sự tạp uế, nhưng lại tìm cầu sự tạp uế.

Thế nào là thật sự lệ thuộc vào bệnh tật nhưng lại tìm cầu sự bệnh tật? Thế nào là sự tật bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh pháp. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là sự bệnh pháp. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu.

Thế nào là sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi ưu não, sự tạp uế? Con cái, anh em đó là sự tạp uế. Voi, ngựa, bò, dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, đó là sự tạp uế, sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo mà thọ nhập, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Người đó muốn tìm cầu cái không tật bệnh, an ổn, vô thượng, Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn an ổn vô thượng là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, nhưng đạt được Niết-bàn vô thượng an ổn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ THIÊN

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ tưởng, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trụ phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên. Chư Thiên trên cõi trời Phi hữu

tưởng phi vô tưởng xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng. Hai tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy?

Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

PHONG GIỚI

Thế nào là phong giới? nội phong giới và ngoại phong giới.

Nội phong giới là ở trong thân, được thâu nhiếp ở trong thân những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là gió đi lên, gió đi xuống, gió trong bụng, gió ngang, gió co thắt lại, gió như dao cắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi thở vào, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là gió, thuộc tính chuyển động của gió, được chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội phong giới.

Ngoại phong giới là lớn, là tịnh, là không đáng tởm.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

PHỤNG SỰ THIỆN TRI THỨC

Như vậy, nếu ai phụng sự thiện tri thức thì có tập phụng sự. Nếu đã phụng sự thì có tập đi đến. Nếu đã đi đến thì có tập nghe pháp thiện. Nếu đã nghe pháp thiện thì có tập lỗ tai. Nếu

có lỗ tai thì có tập quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có tập thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có tập tụng đọc pháp. Nếu đã đọc tụng pháp thì có tập quán pháp nhẫn. Nếu đã quán pháp nhẫn thì có tập tín. Nếu đã có tín thì có tập chánh tư duy. Nếu đã có chánh tư duy thì có tập chánh niệm chánh trí. Nếu đã chánh niệm chánh trí thì có tập thủ hộ các căn, thủ hộ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có tập tận trí.

(Trung A Hàm, Kinh Tận Trí, Phẩm 5, số 54)

PHƯỚC BÁU CÚNG DƯỜNG

Con sông Hằng-già
Trong sạch, dễ qua
Biển nhiều báu quý
Là vua các sông.
Cũng như nước sông
Người đời kính phụng
Mọi nơi chảy về
Tuôn về biển cả.
Cũng vậy, người nào
Cúng y, thực phẩm
Giường chõng, đệm chăn
Và những tọa cụ.

Phước báo không lường
Đưa đến cõi lành
Cũng như nước sông
Tuôn về biển rộng.
(Trung A Hàm, Kinh Thế Gian Phước, Phẩm 1, số 7)

PHƯỚC BÁU CỦA NIỆM THÂN

Đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo sung mãn, khéo thực hành, ở trong một tâm. Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

PHƯỚC BÁU CỦA TU TẬP VÀ BỐ THÍ

Không có một tí sắc nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn; cũng như vậy, không có một tí giác, tưởng, hành, thức nào thường trụ, bất biến, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Vì sao? Nhớ lại xưa kia, trong một thời gian dài, Ta thường làm phúc. Sau một thời gian dài làm phúc ấy, Ta thọ quả báo an lạc. Vào thuở xưa đó, Ta tu hành về từ tâm trong bảy năm; trải qua bảy kiếp thành hoại vẫn không trở lại thế gian này. Vào thời kiếp hoại, Ta sanh vào cõi trời Hoảng dục. Vào thời kiếp thành, Ta sanh vào trong cung điện trống không của Phạm thiên, ở trong cõi Phạm kia, làm Đại Phạm thiên; và qua một ngàn lần tái sanh vào những nơi khác, Ta làm Thiên vương trời Tự tại; ba mươi sáu lần tái sinh làm Thiên Đế-thích, rồi lại vô lượng lần tái sinh làm Sát-lợi Đảnh Sanh vương.

Lúc làm vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe,tám vạn bốn ngàn thành lớn, tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, tám vạn bốn ngàn ngự tòa, tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y,

áo sơ-ma, áo gấm, áo lụa, áo kiếp bối, có tám vạn bốn ngàn người nữ xinh đẹp, tám vạn bốn ngàn món ăn, vv…Bấy giờ Ta nghĩ rằng: 'Đó là nghiệp quả gì, là nghiệp báo gì, mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần?'

Ta lại nghĩ: 'Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo, khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần:

Bố thí 2) Điều phục 3) Thủ hộ

Này Tỳ-kheo, ngươi hãy quán sát rằng, tất cả những gì sở hữu đều phải tiêu diệt, cả đến như ý túc cũng phải mất.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Phấn Dụ, Phẩm 6, số 61)

PHƯỚC BÁO CÚNG DƯỜNG

Khi ta mang đồ lượm mót về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhìn thì thấy Bích-chi-phật Vô Hoạn đi đến, theo sau tôi bén gót, như bóng theo hình. Tôi thấy ngài, liền nghĩ: 'Sáng sớm, lúc đi ra, mình thấy vị Tiên nhân này đi vào thành khất thực. Bây giờ vị Tiên nhân này có lẽ chưa có gì ăn. Ta hãy sớt bớt phần ăn của mình cho Tiên nhân này'. Nghĩ như vậy xong, tôi liền mang phần cơm bố thí cho Đức Bích-chi-phật và bạch rằng: 'Mong Tiên nhân biết cho, cơm này là phần ăn của con. Vì lòng từ mẫn, mong ngài thương xót nhận cho'. Bấy giờ, vị Bích-chi-phật tức thì trả lời tôi rằng: 'Cư sĩ nên biết, năm nay hạn hán, sương móc và trùng hoàng làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Thí chủ có thể bớt phân nửa bỏ vào trong bát của ta và dùng phân nửa kia, cả hai cùng được sống còn. Như vậy đã

là tốt rồi'. Tôi lại thưa rằng: 'Tiên nhơn, xin biết cho, trong nhà con sẵn có chảo, có bếp, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ giấc. Tiên nhơn, xin hãy thương xót con mà nhận hết thức ăn này'. Bấy giờ Tiên nhân vì lòng từ mẫn mà nhận hết.

Tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà bảy lần tái sanh vào cõi trời, được làm Thiên vương; bảy lần tái sanh vào loài người lại làm bậc nhân chủ.

Tôi nhân phước bố thí cho Tiên nhân kia một bát cơm mà được sanh vào dòng họ Thích như thế này, giàu có cùng tột, súc vật chăn nuôi vô số, phòng hộ, thực ấp, của cải vô lượng, châu báu đầy đủ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Bổn, Phẩm 6, số 66)

QUÁ ÍT VỊ NGỌT

Giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy, mạng người cũng như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

QUẢ KHỔ VÌ PHẠM GIỚI

Hoặc có một người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh. Do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình, vui sướng, tự mình vui thích trong việc lấy của không cho, nói láo, cho đến tà kiến, nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc, bất thiện, từ bất

thiện mà sanh ra, không hướng đến trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

QUẢ VỊ CHÂN CHÁNH

Ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, người ấy muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn có được tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách chân chánh, là khuấy lạc.

Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí chánh kiến, chánh kiến định, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh nên chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, là đúng đường lối.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm, Phẩm 14, số 172)

QUÁN 32 THÂN PHẦN

Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não căn, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu.

Như một cái bồn chứa đủ loại hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng, 'Đây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau'.

Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh. Tức là, trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm giải, nước tiểu. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

QUÁN CHIẾU

Ta lại nghĩ rằng: 'Phàm phu ngu si không đa văn, tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, mà không tự quán sát mình'.

Rồi Ta lại nghĩ: 'Ta tự có sẵn sự già, không thoát khỏi sự già. Nếu Ta thấy người già cả mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp này'. Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Nhu Nhuyến, Phẩm 11, số 117)

QUÁN NỘI NGOẠI PHÁP NHƯ PHÁP

Nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nên tu thêm quán nội pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán nội ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não.

Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi lúc đến, hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Úc-già-chi-la, Phẩm 7, số 76)

QUÁN NỘI NGOẠI TÂM NHƯ TÂM

Lại nữa, cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với định, định câu hữu với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì nên tu thêm quán nội tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại nên quán ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại nên quán nội ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như vậy.

Lại nữa, cũng nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán, định không giác không quán. Cũng nên tu tập định câu hữu với hỷ, định câu hữu với lạc, định câu hữu với xả.

(Trung A Hàm, Kinh Úc-già-chi-la, Phẩm 7, số 76)

QUÁN NỘI NGOẠI THỌ NHƯ THỌ

Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì này Tỳ-kheo, phải tu thêm quán nội thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não. Lại quán nội ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, giữ vững chánh niệm chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bỏn sẻn tham lam, ý không sầu não.

Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến, hãy khéo tu tập. Lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy, cũng đều tu tập như thế.

(Trung A Hàm, Kinh Úc-già-chi-la, Phẩm 7, số 76)

QUÁN PHÁP

Hoặc có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

QUÁN PHÁP HƯNG SUY

Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy, được như thật trí, thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt để chân chánh diệt tận sự khổ. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

QUÁN PHÁP NHƯ PHÁP

Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là đang có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục. Ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật. Ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với sân nhuế, thùy miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là đang có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi. Nghi chưa sanh, nay đã sanh, biết đúng như thật. Nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, lập niệm tại pháp, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

QUÁN SẮC VI TẾ

'Những gì có sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu,

hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia'.

Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật.

'Những gì có giác, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc xa, hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, ta phải là sở hữu của cái kia'. Hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đúng như thật.

Này Tỳ-kheo, nếu Đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức. Do nhàm chán mà vô dục; do vô dục nên giải thoát; sau khi giải thoát thì biết là giải thoát, biết đúng như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.

Tỳ-kheo ấy sau khi thọ nhận lời giáo hóa của Đức Phật, liền sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Vị ấy đã sống một mình, viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, đạt đến mục đích mà vì đó thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; đó là chỉ cầu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự ngộ, tự thân chứng, thành tựu an trú, biết đúng như thật rằng: Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Như vậy, Tỳ-kheo ấy, sau khi đã biết pháp, cho đến chứng đắc A-la-hán.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Phấn Dụ, Phẩm 6, số 61)

QUÁN SÁT CHÂN CHÁNH

Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết tập, biết diệt, biết vị ngọt, biết tai hoạn và biết sự xuất yếu của chúng; bằng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-Đà-La, Phẩm 10, số 114)

QUÁN SÁT SỰ ÁC

Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng, tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện, Tỳ-kheo đó quán rằng: Suy niệm ác này có tai họa, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ám, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện'. Vị Tỳ-kheo đó quán sự ác như vậy, niệm bất thiện sanh khởi liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi liền tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sình chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy, người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, Tỳ-kheo quán rằng 'Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không thể chứng đắc trí thông, không chứng đắc giác đạo, không chứng đắc Niết-bàn vì nó khiến sanh niệm ác bất thiện'. Tỳ-kheo đã quán sự ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc định.

(Trung A Hàm, Kinh Tăng Thượng Tâm, Phẩm 9, số 101)

QUÁN SÁT THÂN NGHIỆP

Này La-vân, ngươi nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?

La-vân trả lời rằng: Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch.

Cũng vậy, này La-vân, nếu ngươi sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình mà làm hay vì người khác?'

Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, ngươi nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi.

Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo'. Này La-vân, ngươi hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

(Trung A Hàm, Kinh La-Vân, Phẩm 2, số 14)

QUÁN SÁU GIỚI

Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới'. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn. Cũng vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: 'Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới,

thức giới'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

QUÁN TÂM NHƯ TÂM

Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân hay không sân, có si hay không si, có ô uế hay không ô uế, có hợp hay có tan, có thấp hay có cao, có nhỏ hay có lớn; tụ hay không tụ, định hay không định, giải thoát hay không giải thoát. Cũng như vậy, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật có tâm giải thoát; có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, lập niệm tại tâm, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

QUÁN THỌ NHƯ THỌ

Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc, khi thọ nhận cảm giác khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ, khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận

cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không khổ không lạc khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, quán nội thọ như thọ, quán ngoại thọ như thọ, lập niệm tại thọ, có tri, có kiến, có minh, có đạt. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni từng chi tiết quán thọ như thọ như vậy, gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

QUẢNG TUỆ

Nếu Tỳ-kheo không có niệm gây tự hại, không có niệm gây hại người, cũng không có niệm gây hại cả hai. Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân và lợii ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích và phước lành, được an ổn khoái lạc. Như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ, Như Lai tuyên bố như vậy là Tỳ-kheo thông minh có hiệt tuệ, quảng tuệ.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm, Phẩm 14, số 172)

RA KHỎI VỎ TRỨNG VÔ MINH

Ta ở trong chúng sanh này đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị phủ kín trong vỏ trứng vô minh, thì Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất.

Cũng như gà mái sanh trứng, mười hoặc mười hai trứng, luôn luôn nghĩ, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, giả sử gà mái buông trôi; gà con ở bên trong, hoặc dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân mà chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn, đối với các gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, Ta ở trong chúng sanh này, đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị bọc kín trong vỏ trứng vô minh. Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy Ta là bậc nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Hoàng Vô Liên, Phẩm 12, số 157)

SA MÔN

Thế nào gọi là Sa-môn?

Là người đã đình chỉ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

SA MÔN CHẤT TRỰC

Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi.

Này Vật chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô thượng sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Chi Vật Chủ, Phẩm 14, số 179)

SA MÔN HẠNH

Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ.

Cũng vậy, sân nhuế, thùy miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

SẮC QUÁ KHỨ

Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ, ham muốn, đắm trước, an trú.

Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nan Thuyết, Phẩm 13, số 167)

SẮC THÂN VẪN XẤU

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thânvẫn xấu.

Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi mà bọn nam nữ nổi lên sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

SẮC TƯỚNG ĐỆ TỬ CỦA PHẬT VÀ CÁC VỊ KHÁC

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thân thể gầy còm tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn. Các Tôn giả này ắt không tu phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng không ai muốn nhìn'. Con đến hỏi họ, 'Các Tôn giả vì sao thân hình tiều tụy gầy còm, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả thân thể gầy còm tiều tụy?' Những vị ấy đáp, 'Đại vương, đây là bệnh trắng! Đại vương, đây là bệnh trắng'.

Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng, 'Các Tôn giả này vì sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng? Tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh?

Các Tôn giả hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc tăng

thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trụ chứng đạt dễ dàng không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh, khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rằng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ năm thứ diệu dục, một cách dễ dàng không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú thành tựu dễ dàng không khó. Vì vậy cho nên các Tôn giả này sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tịnh khiết, vô vi vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành phạm hạnh. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn, do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

SÁM HỐI

Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn và các pháp. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn, không tùy thuộc ai nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc; đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật mà bạch rằng:

Bạch Thế Tôn, con ăn năn! Bạch Thiện Thệ, con ngay từ đầu như ngu, như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không

nhận ra Bậc Lương Điền mà không tự biết. Vì sao? Vì con đã gọi Như Lai –Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác– là Hiền giả. Mong Đức Thế Tôn cho con sám hối. Sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa.

Đức Thế Tôn đáp: Này Tỳ-kheo, ngươi quả thực ngu si, quả thực là khờ dại, không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là Hiền giả. Này Tỳ-kheo, nếu ngươi tự sám hối, đã thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, này Tỳ-kheo, đối với pháp luật của bậc Thánh như vậy là tăng ích chứ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Lục Giới, Phẩm 13, số 162)

SÂN CHI PHỐI KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm mềm, hai đầu kê gối, được phủ bằng thảm quý, bằng da sơn dương, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo, đau khổ. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

SÂN HẬN HẠI MÌNH VÀ NGƯỜI

Nếu lại sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn.

Biết rằng, hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều

phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn, nó liền được tiêu diệt nhanh chóng.

SÂN KHIẾN BẤT LỢI

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, thì người ấy đáng lẽ được lợi, hai điều ấy không trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

SÂN TRIỀN VÀ PHÚ KIẾT

Nếu ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, dua siểm, dối trá, vô tàm, vô quý. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

SẮN UẨN

Này chư Hiền, cái gì là sắc thủ uẩn?

Những gì có sắc, tất cả đều là bốn đại và bốn đại tạo.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

SANH LÀ KHỔ

Nói sanh là khổ; nói thế là vì lẽ gì? Này chư Hiền, sanh là chúng sanh kia, với chủng loại sai biệt của chúng sanh kia, sanh thì sanh, xuất hiện thì xuất hiện, thành hình thì thành hình, hiện khởi năm uẩn rồi liền có mạng căn. Như vậy gọi là sanh.

Sanh là khổ, đó là chúng sanh khi sanh thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác toàn diện.

Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện.

Tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm nóng, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác nóng, cảm giác toàn diện. Thân cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện.

Tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện.

Thân tâm cảm nghiệm sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác sự nóng hực, sự bức rức, ưu sầu buồn bã, cảm giác toàn diện. Này chư Hiền, vì lẽ ấy mà nói sanh là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

SANH MẠNG TỐI HẬU

Này Tỳ-kheo, ví như đèn sáng là nhờ dầu và nhờ bấc. Nếu không có ai đổ thêm dầu, nối thêm bấc, như vậy khi dầu và

bấc có trước đã cháy hết mà những cái sau không được tiếp nối sẽ không còn gì để chấp thọ nữa.

Tỳ-kheo ấy cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu; cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu; và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt thì tất cả những gì được cảm thọ thảy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là trở thành rất mát lạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Lục Giới, Phẩm 13, số 162)

SANH VÀO CÕI LẠC TƯỞNG CŨNG CÒN VÔ THƯỜNG

Lại nữa, có bốn sự tưởng. Tỳ-kheo suy tưởng về tưởng nhỏ, tưởng lớn, về tưởng vô lượng và tưởng vô sở hữu. Chúng sanh đó thắng ý nơi lạc tưởng như vậy cũng lệ thuộc vào sự biến dịch, lệ thuộc vào thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

SANH VÀO LOÀI CHỒN

Ưu-đà-la La-ma-tử ở trong chúng hội thường nói như vầy, ‘Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, nhưng sau đó biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt.’

Ưu-đà-la La-ma-tử không biết tất cả, tự xưng biết tất cả, thật không có giác ngộ tự xưng có giác ngộ. Ưu-đà-la La-ma-tử thấy như vậy, nói như vậy, ‘Nếu có tưởng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai, còn như không có tưởng thì đó là kẻ ngu si.

Nếu có cái được cảm thọ, thì đó là tĩnh chỉ, là tối diệu, tức là cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ'.

Ông ấy sau khi ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, sau đó tu tập cho đến phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi trời phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó, lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-Đà-La, Phẩm 10, số 114)

SANH VỀ CÕI HOẢNG DỤC

Tỳ-kheo giác quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ. Đối với định lực này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này, khi đã trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi trời Hoảng dục. Các trời Hoảng dục sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh; và Tỳ-kheo trụ ở đây, nhập đệ nhị thiền, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đâu hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Hoảng dục thiên. Như vậy gọi là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

SÁT SANH

Tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ kiếm gậy, biết hổ, biết thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

SÁU ÁI THÂN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu ái thân: nhãn ái, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý ái. Này A-nan, sáu ái thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu ái thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU CĂN VÀ SÁU THỨC

Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các ngươi hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Ta cũng nói pháp như vậy: 'Thức do duyên mà sanh. Ta nói thức do duyên là khởi. Thức có duyên thì sanh, không duyên thì diệt'. Thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên ấy.

Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi theo duyên đó. Lửa duyên cây mà khởi được gọi là lửa cây. Lửa duyên cỏ rác mà sanh được gọi là lửa cỏ, lửa rác.

Cũng vậy, thức tùy theo những gì nó duyên vào đó để sanh thì gọi tên theo duyên đó. Mắt duyên sắc sanh thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức. Tai mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Pháp duyên ý sanh thức, thức sanh khởi ấy gọi là ý thức.

(Trung A Hàm, Kinh Trà Đế, Phẩm 16, số 201)

SÁU GIỚI

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu giới: địa giới, thủy, hỏa, phong, không, thức giới. A-nan, sáu giới này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu giới này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU GIỚI & NGŨ ẤM XÍ THẠNH

Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà ta đã tự tri tự giác, đã nói cho các ngươi biết.

Do hòa hiệp của sáu giới nên sanh thai mẹ. Nhân sáu giới mà có sáu xứ; nhân sáu xứ có xúc, nhân xúc mà có thọ.

Này các Tỳ-kheo, nếu ai có cảm thọ liền biết như thật về Khổ, biết về Khổ tập, biết về Khổ diệt, biết như thật về Khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại, năm ấm xí thạnh là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Độ, Phẩm 2, số 13)

SÁU KIẾN XỨ

Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu?

Tỳ-kheo đối với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa; tất cả những sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, nó cũng không phải là tự ngã.

Những gì thuộc thọ, tưởng, những gì thuộc về kiến này, đều thấy chúng không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, và cũng không phải là thần ngã. Như vậy do tuệ, quán sát mà biết như thật về chúng.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

SÁU NĂM HỌC ĐẠO VỚI CÁC THIÊN SƯ

Ta vào thời thiếu niên trong trắng, mái tóc xanh mướt, cho đến thời tráng niên năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, vui đùa, trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy mặc dù cha mẹ khóc lóc, thân thuộc không ai vui, nhưng Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, để học đạo; thủ hộ thân mạng thanh tịnh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh.

Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm nơi A-la-la Già-la-ma, hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, tôi muốn theo pháp của người để tu học phạm hạnh được chăng?' A-la-la trả lời rằng, 'Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành'. Ta lại hỏi, 'Người làm thế nào để tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?'

A-la-la đáp, 'Ta vượt qua tất cả thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Do đó, pháp của ta được tự tri, tự giác, tự tác chứng'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này. Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này'. A-la-la đối với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta muốn chứng pháp này nên sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh. Sau khi tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy.

Sau khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la Già-la-ma, hỏi rằng, 'Thưa A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ?' A-la-la trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, đó là pháp ta tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, đạt được vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ'. A-la-la lại nói với Ta rằng, 'Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của ta đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, ta cũng vậy. Hiền giả, người hãy đến đây, cùng ta lãnh đạo đồ chúng này'. Đó là A-la-la đối xử với Ta với địa vị Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ.

Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí; pháp này không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này, để cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta bèn bỏ pháp này đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn.

Rồi Ta đi đến chỗ Uất-đà-la La-ma Tử, hỏi rằng, 'Thưa Uất-đà-la, tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học'. Ta lại hỏi, 'Thưa Uất-đà-la, cha ngài là La-ma, người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì?' Uất-đà-la La-ma Tử đáp, 'Hiền giả, ta vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Hiền giả, pháp mà cha ta La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp này'. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Không chỉ riêng La-ma mới có niềm tin này, Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này, Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này, Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này, tại sao ta lại không tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?' Vì Ta muốn chứng pháp này, cho nên sống cô độc tại một nơi xa vắng, không nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc, viễn ly, tại một nơi trống vắng, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy.

Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến Uất-đà-la La-ma Tử hỏi rằng, 'Thưa Uất-đà-la La-ma Tử, cha ngài là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ?' Uất-đà-la La-ma Tử trả lời Ta rằng, 'Hiền giả, cha ta là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, đạt được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ'. Uất-đà-la lại nói với Ta rằng, 'Cũng như cha ta tác chứng pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như Hiền giả tác chứng pháp này, cha ta cũng vậy. Hiền giả hãy đến đây cùng ta lãnh đạo

đồ chúng này'. Uất-đà-la đối xử với Ta ngang địa vị Tôn sư, coi Ta cũng như bậc Tôn sư, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy, 'Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không đưa đến Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để đi tìm cầu thêm nữa, sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn'. Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm cầu sự không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

SÁU NGOẠI XỨ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu ngoại xứ: sắc xứ, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. A-nan, sáu ngoại xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu ngoại xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU NỘI XỨ

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu nội xứ: nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. A-nan, sáu nội xứ này ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu nội xứ này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU THÂN THỨC

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu thức thân: nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. A-nan, sáu thức thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu thức thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU THỌ THÂN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu thọ thân: nhãn thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thọ. A-nan, sáu thọ thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu thọ thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU TRỤ XỨ THIỆN

Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trú xứ thiện.

Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ nhất.

Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ,

không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí.

Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ sáu.

(Trung A Hàm, Kinh Hòa Pháp, Phẩm 2, số 12)

SÁU TƯ THÂN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu tư thân: nhãn tư, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tư. A-nan, sáu tư thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu tư thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SÁU TƯỞNG THÂN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu tưởng thân: nhãn tưởng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tưởng. A-nan, sáu tưởng thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu tưởng thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

SÁU XỨ

Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về tập của sáu xứ, diệt của sáu xứ và diệt đạo của sáu xứ.

Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

Thế nào là biết như thật về tập của sáu xứ? Do danh sắc mà có sáu xứ.

Thế nào là biết như thật về diệt của sáu xứ? Danh sắc diệt tức sáu xứ diệt.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của sáu xứ? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám.

Đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

SÁU XÚC THÂN

A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về sáu xúc thân: nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc. A-nan, sáu xúc thân này, ông hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về sáu xúc thân này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SO SÁNH PHẠM HẠNH CỦA ĐỆ TỬ ĐỨC PHẬT VÀ CÁC VỊ KHÁC

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, lại nữa, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác đã ít nhiều học hành phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia, rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu.

Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây chúng Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn tự nguyện trọn đời tu tập phạm hạnh, cho đến ức số. Ngoài đây ra con không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp của Đức Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

SƠ THIỀN CÓ NĂM CHI

Sơ thiền có năm chi là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm. Đó là năm chi của Sơ thiền.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

SƠ THIỀN LÀ CHƯA RỐT RÁO

Như lúc mưa to, hồ ao trong thôn xóm đều đầy nước. Có người trước khi chưa mưa, thấy trong hồ ao đó có cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mưa, ao hồ đầy nước, người đó không còn thấy như thế nữa. Chư Hiền, nếu người kia nói như thế này: 'Trong hồ ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ếnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?

Không đúng. Vì sao? Vì hồ ao đầy nước kia, hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò, lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy

dùng, gió thổi, mặt trời rọi, thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ ao không thấy cát, đá, cỏ cây, một vài loại giáp trùng, cá, rùa, ểnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên, nhưng sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ.

Cũng vậy, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

(Trung A Hàm, Kinh Chi-ly-di-lê, Phẩm 7, số 82)

SỔ TỨC

Tỳ-kheo-niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào; niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra; thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài; thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn. Học toàn thân thở vào, học toàn thân thở ra. Học thở vào thân hành tĩnh chỉ, học thở ra khẩu hành tĩnh chỉ. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. (Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

SỐNG ĐÚNG PHÁP

Chư Thiên và Nhân loại thân làm điều phi pháp và làm điều dữ, miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ, lúc bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ tổn giảm, A-tu-la tất sẽ hưng thạnh. Này Phạm chí, nếu chư Thiên và Nhân loại mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân và ý làm đúng như pháp, thủ hộ miệng và ý, thì bấy giờ chư Thiên và Nhân loại tất sẽ hưng thạnh, A-tu-la tất sẽ tổn giảm.

Như vậy chư Thiên và Nhân loại nếu sống bằng phi pháp và làm điều dữ, tất không được ích lợi, tất phải khổ nhọc. Nếu chư Thiên và Nhân loại sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được ích lợi, tất được hoan lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

SỐNG LÂU

Do nhơn gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn dao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng. Người ấy thọ nghiệp này, tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời. Mãn kiếp ở cõi trời, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

SỐNG NƠI RỪNG VẮNG

Sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, ưa sống nơi vách núi cao, vắng vẻ không tiếng động, viễn ly, không có sự ác, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa như thế?

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

SỰ ĐÒI NỢ BẤT THIỆN

Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các người phạm hạnh thấy được bèn nói như thế này: 'Này chư Hiền, người này làm như thế, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế. Đó là cái gai của thôn ấp'. Kẻ ấy liền bào chữa, 'Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bất tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ấp'. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

SỰ KHÁC NHAU GIỮA MỘT NGƯỜI CHẾT VÀ MỘT NGƯỜI NHẬP DIỆT TẬN ĐỊNH

Ưu-bà-di Tì-xá-khư hỏi rằng: Bạch Ni sư, một người chết và nhập diệt tận định khác nhau như thế nào?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp rằng: Chết là mạng đã dứt, hơi ấm lìa thân, các căn bại hoại. Còn Tỳ-kheo nhập diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân, các căn không bại hoại. Đó là sự khác biệt giữa một người chết và nhập diệt tận định.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

SƯ KHẤT NỢ BẤT THIỆN

Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải. Muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ

bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khất nợ bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

SỰ KHÔNG NGỚT ĐÒI NỢ BẤT THIỆN

Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ vắng vẻ, nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: dục, nhuế, hại. Như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

SỰ TẬN CÙNG KHỔ

Duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.

Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, trong đó đối với pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là tận cùng sự khổ. Dục sử, nhuế sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tắng tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác bất thiện khác. Đó gọi là tận cùng sự khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Mật Hoàn Dụ, Phẩm 10, số 115)

SỰ THẮNG LIỆT CỦA LẬU

Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu? Biết có lậu sanh vào địa ngục, có lậu sanh vào súc sanh, có lậu sanh vào ngạ quỷ, có

lậu sanh vào cõi trời, hoặc có lậu sanh vào cõi người.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

SỰ TRÓI BUỘC CỦA BẤT THIỆN

Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ấy khi thân hoại mạng chung nhất định sanh vào chỗ ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện.

Ta không thấy có sự trói buộc nào đau khổ bằng, nặng nề bằng, tàn khốc bằng, khó yêu nổi bằng sự trói buộc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

SƯ TỬ LÀ ĐỆ NHẤT

Cũng như trong các loài thú, Sư tử vương là tối đệ nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thệ là thứ nhất. Cũng như các đòn tay của lầu gác, tất cả đều y cứ trên đòn dông, thiết lập trên dông, được duy trì bởi đòn dông, đòn dông là bậc nhất vì duy trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

SỰ VAY NỢ BẤT THIỆN

Kẻ ấy thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác, như thế trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

SỰ XUẤT LY KHỎI DỤC

Đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra, bị vứt bỏ đi, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm.

Giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát dục. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát dục nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không gần gũi với dục, không quyết tâm nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được mở rộng ra. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự dục.

Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, gần gũi vô dục, quyết tâm nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, giải chúng, thoát chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa, tức các cảm thọ sanh ra bởi dục. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi dục.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SỰ XUẤT LY KHỎI SÂN HẬN

Đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không gần gũi với sân nhuế, không quyết tâm nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ di. Vị ấy không trụ nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế. Giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở

Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sân nhuế nên tâm không hướng theo nhuế, không vui say nhuế, không quyết định nơi nhuế. Tâm nhuế vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi, vị ấy không an trụ nơi nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự nhuế.

Vị ấy quán sát vô nhuế, tâm hướng về vô nhuế, vui say vô nhuế, gần gũi vô nhuế, quyết định nơi vô nhuế, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

SUY THOÁI TỊNH PHÁP

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không được nghe pháp chưa từng nghe; pháp đã nghe thì lại quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, nhưng vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu. Đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni suy thoái tịnh pháp.

TÀ DÂM

Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tà dâm tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta tà dâm ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương thảy đều nghe đồn tiếng xấu của ta. khi thân hoại mạng chung phải đi đến ác thú, sanh trong địa ngục. Ai tà dâm tất phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy, nay ta có nên y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chăng?' Rồi vị ấy y trên xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

Như vậy, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

TÀ HẠNH

Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không tương ưng với nghĩa. Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, là tà hạnh'.Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì Sa-môn Phạm-chí kia sợ hãi sự khổ nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Nhưng Sa-môn Pham-chí này lại ôm cái khổ này nữa, cho nên họ nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

TÀ KIẾN

Ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, cũng chẳng phải không có ước nguyện. Người ấy muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên, thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao vậy? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, là khuấy nước lã.

Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí tà kiến, người ấy có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy, chắc chắn không thể chứng quả. Nếu không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện, chẳng phải không có ước nguyện, tu hành phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, là không đúng đường lối.

(Trung A Hàm, Kinh Tâm, Phẩm 14, số 172)

TAI HỌA CỦA DỤC

Thế nào là tai họa của dục? Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; nó phải làm nghề nghiệp như thế để

mong kiếm được tiền của.

Thiện nam tử bằng những phương tiện như thế, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si dại, nói rằng 'Luống công làm lụng khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả'. Trái lại, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của nó sanh yêu quý, giữ gìn, chôn giấu.

Vì sao vậy? Nó nghĩ: 'Tài vật này của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu'. Kẻ đó giữ gìn, chôn giấu như vậy nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu hư hại mất thì sinh khổ sở, lo buồn rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: 'Vật ta yêu quý, nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn'. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

TAI HỌA QUÁ NHIỀU

Lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng vậy, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai hoạn rất lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

TÁI SANH CHỖ BẤT THIỆN

Nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người

ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cầu phương tiện, không tinh cần học. Người ấy khi mạng chung, với ô uế làm ô uế tâm, do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

Cũng như có một người từ chợ, quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi dơ làm dơ. Người ấy mang về nhưng không năng rửa bụi, không năng lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm nên đồng càng dính thêm bụi bặm dơ bẩn. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong thật có ô uế, thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không cần phương tiện, không tinh cần học, nó mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với sự ô uế làm ô uế tâm, nó chết không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì nó mạng chung với ô uế làm ô uế tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

TÁI SANH CÕI THIỆN

Nếu có một người biết như thật rằng: 'Trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này', thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

Cũng như có người từ chợ, quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi bặm làm dơ bẩn.

Người ấy mang mâm về, thường năng rửa bụi bặm, thường năng lau chùi, thường năng phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Hiền giả, cũng vậy, nếu có một người biết như thật rằng: 'Trong ta có ô uế; trong ta quả thật có ô uế này', thì nên biết, người ấy muốn đoạn trừ ô uế đó, cầu phương tiện và tinh cần học. Người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm. Do mạng chung không có ô uế, không làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế, không làm ô uế tâm.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

TAM BẢO

Trong Pháp Luật chân chánh như vậy, nếu người nào tin Đấng Tôn Sư thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin Pháp thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin sự thành mãn của giới đức, đồng đạo có ái kính, thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu đồng đạo có ái kính, có phụng sự chân thành thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 9, số 103)

TÂM BỊ PHÂN RẢI

Thế nào là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn?

Với con mắt, Tỳ-kheo con mắt thấy sắc, thức ăn tướng của sắc, thắc đắm trước vị lạc của tướng của sắc, thức bị trói buộc bởi vị lạc của tướng của sắc; vị ấy bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra ngoài, bị phân rải, tán loạn. Cũng

vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đắm trước vị lạc của pháp tướng, thức bị trói buộc bởi vị lạc của pháp tướng, vị ấy bị vị của vị ngọt của pháp tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị phân rải, tán loạn.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

TÁM GIẢI THOÁT

Sắc quán sắc

Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc

Với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ

Vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào vô lượng không xứ, thành tựu an trụ vô lượng không xứ

Vượt qua tất cả vô lượng không xứ, vào vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ

Vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ Vô sở hữu xứ

Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ

Vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

TÂM KHÔNG CHẤP TRƯỚC

Đa văn Thánh đệ tử khi sanh khởi ba niệm ác bất thiện là: niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, với ba niệm ác bất thiện này, trong tâm không hề bị dính trước.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

TÂM KHÔNG NHIỄM NHƯ HOA SEN TỨ SẮC

Như Lai cũng biết người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Lý do vì sao? Vì người này tâm không sanh nơi ác tham mà trụ. Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, tật đố, lừa gạt, dua nịnh, vô tàm, vô quý, diệt được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này tâm không sanh ác dục, ác kiến mà trụ.

Giống như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước. Cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian.

(Trung A Hàm, Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ, Phẩm 8, số 92)

TÁM NẠN KHÔNG GẶP CHÁNH PHÁP

Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu, xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo, những điều Thiện Thệ dạy, thì người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào chốn địa ngục

Người ấy lúc bấy giờ đang sanh vào loài súc sanh

Loài ngạ quỷ

Cõi trời Trường thọ

Xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

Người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh nhưng lại điếc, câm, ú ớ như dê kêu, dùng tay thay lời, không thể nói nghĩa thiện ác

Bấy giờ người ấy tuy sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhưng lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Không bố thí, không trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này đời khác, không cha không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ'

Người ấy lại sanh nhằm chốn văn minh, không điếc, không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, lại có thể nói nghĩa thiện ác và có chánh kiến, không có điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy, 'Có bố thí, có trai tự, cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo của thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, ở đời có bậc chân nhân, đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự tác chứng thế giới này và thế giới khác, thành tựu an trụ'.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Nạn, Phẩm 11, số 124)

TÁM PHÁP SUY NIỆM CỦA BẬC ĐẠI NHÂN

Đạo từ vô dục chứ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.

Đạo từ tri túc chứ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc.

Đạo từ viễn ly chứ không phải từ chỗ ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự sống hội hợp tụ hội mà chứng đắc.

Đạo từ tinh cần chứ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc.

Đạo từ chánh niệm, chứ không phải từ tà niệm mà chứng đắc.

Đạo từ chỗ định ý chứ không phải từ loạn ý mà chứng đắc.

Đạo từ trí tuệ chứ không phải từ ngu si mà chứng đắc.

Đạo từ chỗ không hý luận, ưa sự không hý luận, hành sự không hý luận; chứ không phải từ hý luận, không phải từ sự ưa hý luận, không phải từ sự hành hý luận, mà chứng đắc.

(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

TÁM PHÁP TẰNG HỮU CỦA A-TU-LA

Vua A-tu-la là Bà-la-la con trai của Mâu-lê-già A-tu-la trả lời rằng:

Bạch Thế Tôn. Các A-tu-la của con ở trong đại hải không bị các sự suy thối này, là tuổi thọ của A-tu-la, sắc tướng của A-tu-la, sự hoan lạc của A-tu-la, sức mạnh của A-tu-la. Các A-tu-la thích sống trong đại hải.

Thế Tôn lại hỏi: Này Bà-la-la, trong đại hải có mấy pháp vị

tằng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy?

Bà-la-la trả lời rằng: Trong đại hải của con có tám pháp vị tằng hữu, khiến cho các A-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám?

Đại hải của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài.

Thủy triều trong đại hải của con chưa từng sai thời.

Nước trong đại hải của con rất sâu không có đáy, rất rộng không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con rất không sâu có đáy, rất rộng không thấy bờ; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ ba trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

Nước trong đại hải của con đều cùng một vị. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong đại hải của con cùng một vị; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

Trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Bạch Thế Tôn, nếu trong đại hải của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi

mồi, đá đỏ, tuyền châu; thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

Đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong đại hải.

Đại hải của con thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào mạng chung thì qua một đêm gió liền thổi tấp vào bờ.

Trong đại hải của con thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Chảy vào đó rồi, thảy đều bỏ tên cũ, gọi chung là đại hải. Đó là pháp vị tằng hữu thứ tám trong đại hải của con, các A-tu-la thấy vậy bèn thích sống trong đó.

(Trung A Hàm, Kinh A-Tu-La, Phẩm 4, số 35)

TÁM PHÁP TẰNG HỮU CỦA CHƯ TỲ KHEO

Này Bà-la-la, trong Chánh pháp luật của ta cũng có tám pháp vị tằng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được bèn hoan lạc trong đó. Những gì là tám?

Giống như đại hải, từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi tạo thành bờ biển. Nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, dần dần thực

hành, dần dần học tập, dần dần đoạn trừ và dần dần giáo hóa.

Giống như thủy triều trong đại hải chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, những cấm giới được thi thiết cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; các thiện nam tử ấy dù cho đến mạng chung cũng không phạm giới.

Giống như nước trong đại hải rất sâu không đáy, rộng không thấy bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu không đáy, rất rộng không thấy bờ.

Giống như nước trong đại hải cùng một vị mặn. Này Bà-la-la, Chánh pháp của ta cũng giống như vậy, chỉ có một vị là vị vô dục, vị giác, vị tịch tĩnh và vị đạo.

Giống như đại hải có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đồi mồi, đá đỏ, tuyền châu. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quí báu lạ mắt; đủ các loại đồ trân kỳ được chứa đầy trong đó. Những pháp trân bảo đó là: bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi.

Giống như đại hải là chỗ cư trú của các vị thần lớn. Những vị thần đó tên là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa, La-sát, cá kình, rùa, cá sấu, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la, Đề-đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong đại hải, rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, cho đến ba trăm do-diên, bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong trong đại

hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như vậy, có các thần to lớn, là Thánh chúng, đều cư trú trong đó. Tên của các thần to lớn đó là: A-la-hán, Hướng A-la-hán, A-na-hàm, Hướng A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Hướng Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hoàn.

Giống như đại hải thanh tịnh không dung chứa tử thi, nếu có người mạng chung trong biển, thì qua một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi. Nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, phi Sa-môn mà xưng là Sa-môn; người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa; Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa.

Giống như đại hải thuộc về châu Diêm-phù có năm sông lớn, là Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xa-lao-phù, A-di-la-ba-đề, Ma-xí. Tất cả đều chảy vào đại hải. Này Bà-la-la, Chánh pháp luật của Ta cũng giống như thế; thiện nam tử, thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn.

Đó là tám pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi ưa thích trú trong đó.

(Trung A Hàm, Kinh A-Tu-La, Phẩm 4, số 35)

TÁM PHÁP VỊ TẰNG HỮU CỦA THỦ TRƯỞNG GIẢ

Thủ Trưởng giả có tám pháp vị tằng hữu. Những gì là tám? Thủ Trưởng giả có thiểu dục, có tín, có tàm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có định, có tuệ.

Thủ Trưởng giả tự thân thiểu dục, không muốn để cho người khác biết mình có thiểu dục.

Thủ Trưởng giả có lòng tin kiên cố, tin tưởng thâm sâu nơi Như Lai, tín căn đã xác lập, hoàn toàn không theo Sa-môn, Phạm chí, Ngoại đạo, hoặc Thiên, Ma, Phạm và tất cả những người khác trong thế gian.

Trưởng giả thường hành xấu hổ, điều gì đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, xấu hổ đối với pháp ác bất thiện, phiền não ô uế đưa đến thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử.

Thủ Trưởng giả thường thực hành sự hổ thẹn, điều nào đáng thẹn thì biết thẹn, thẹn các pháp ác bất thiện và phiền não ô uế đưa đến thôi các ác báo, tạo gốc sanh tử.

Thủ Trưởng giả thường thực hành sự tinh tấn, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp, có ý tưởng ngồi dậy, chuyên nhất và kiên cố, tạo gốc rễ thiện, không hề từ bỏ sự tinh cần.

Thủ Trưởng giả quán nọâi thân như thân, quán nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp.

Thủ Trưởng giả ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ.

Thủ Trưởng giả tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy tàn của các pháp; đạt được trí tuệ như vậy, Thánh tuệ minh đặt, phân biệt rõ ràng để hoàn toàn thoát khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Thủ Trưởng Giả II, Phẩm 4, số 41)

TÁM THẮNG XỨ VẪN CÒN BỊ VÔ THƯỜNG

Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến.

Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài có quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến

Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến.

Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến.

Như áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, màu xanh, ánh sáng xanh. Vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến.

Như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mắt, vàng, màu vàng, ánh sáng vàng. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc vàng, màu vàng, ánh sáng vàng; vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri đã thắng kiến.

Như chiếc áo bằng thứ lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, màu đỏ, ánh sáng đỏ, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến.

Như sao Thái bạch màu trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng như chiếc áo bằng lụa Ba-la-nại, được giặt, được vỗ, được nhồi, được vò kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng tươi mát, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng. Cũng vậy Tỳ-kheo bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, trắng, màu trắng, ánh sáng trắng, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc không ghê tởm. Đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến, tưởng như vậy được gọi là đệ bát thắng xứ.

Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy, cũng lệ thuộc vào sự biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy ắt sanh nhàm tởm sự ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

TÂM SANH ÁC

Giả sử có người tâm sanh ước muốn như vầy, 'Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, chứ đừng quở trách ta phạm giới ở trong chúng'. Nhưng có người khác quở trách nó ở trong chúng chứ không ở chỗ kín đáo. Do bởi người khác quở trách nó ở trong chúng, chứ không ở chỗ kín đáo, nên người ấy tâm sanh ác. Nếu người ấy tâm sanh ác và tâm sanh dục thì cả hai đều là bất thiện.

(Trung A Hàm, Kinh Uế Phẩm, Phẩm 8, số 87)

TÂM TĂNG THƯỢNG

Tỳ-kheo suy niệm về một tướng tương ưng thiện, nếu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Cũng như người thợ mộc hay học trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác bất thiện không sanh nữa. Khi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này, lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ chuyên nhất, đắc định.

(Trung A Hàm, Kinh Tăng Thượng Tâm, Phẩm 9, số 101)

TÀM QUÝ

Nếu Tỳ-kheo nào biết hổ thẹn thì có ái và kỉnh. Nếu có ái và kỉnh thì thường có tín. Nếu có tín thì thường có chánh tư duy. Nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm chánh trí. Nếu có chánh niệm chánh trí thì thường giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Nếu giải thoát thì liền được Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tàm Quý II, Phẩm 5, số 46)

TÂM THANH TỊNH BIẾN MÃN

Tỳ kheo ở trong thân này biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cởi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

TAM THIỀN LÀ CHƯA RỐT RÁO

Hoặc có một người được đệ Tam thiền; được đệ Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Như nước suối, nước hồ lặng trong, ngang bờ đứng yên, không xao động và cũng không có sóng. Này chư Hiền, nếu có người nói như thế này: 'Nước suối, nước hồ kia nhất định không bao giờ xao động và nổi sóng nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?

Không đúng. Vì sao? Vì hoặc ở phương Đông gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, gió lớn chợt thổi đến làm cho nước trong hồ xao động nổi sóng.

Cũng như vậy, hoặc có một người được đệ Tam thiền; được đệ Tam thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó gọi là có một người.

(Trung A Hàm, Kinh Chi-ly-di-lê, Phẩm 7, số 82)

TÂM TRÚ

Thế nào là có một con đường giữa, có thể được tâm trú, được định, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn?

Niệm tham dục là ác pháp, ghét bỏ niệm tham dục cũng là ác pháp. Người ấy đoạn trừ niệm tham dục và cũng đoạn trừ sự ghét bỏ niệm tham dục. Cũng vậy, sân nhuế, oán kết, bỏn sẻn, ganh tị, dối trá, vô tàm, vô quý, mạn, tối thượng mạn, cống cao, phóng dật, hào quý, tăng tránh.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

TĂNG THƯỢNG GIỚI

Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ Tùng giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ Thế, nếu chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

TĂNG THƯỢNG MẠN

Thế nào là Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy, 'Ai tăng thượng mạn tất thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc hủy báng người khác. Chư Thiên và các vị phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta, các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta. Khi thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh trong địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo này đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng?'

Rồi vị ấy y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy Đa văn Thánh đệ tử y trên không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn.

(Trung A Hàm, Kinh Bô-lị-đa, Phẩm 17, số 203)

TĂNG TIẾN CỦA THIỆN PHÁP

Thế nào là sự tăng tiến của thiện pháp, không thối thất cũng không đình trụ?

Tỳ-kheo có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo; đối với các pháp này vị ấy tăng, không thối, không trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Trụ Pháp, Phẩm 8, số 95)

(Trung A Hàm, Kinh Vô, Phẩm 8, số 96)

TĂNG TRƯỞNG TỊNH PHÁP

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni pháp chưa nghe thì được nghe; pháp đã nghe thì không quên mất. Giả sử có pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng và đã được hiểu bởi tuệ, rồi vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu, thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Vô, Phẩm 8, số 96)

TẬP GIẢI THOÁT

Như vậy, duyên vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc có sáu xứ; duyên sáu xứ có xúc; duyên xúc có thọ; duyên thọ có ái; duyên ái có thủ; duyên thủ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có già chết; duyên già chết có khổ. Tập khổ mới có tín; tập tín mới có chánh tư duy; tập chánh tư duy mới có chánh niệm chánh trí; tập chánh niệm chánh trí mới có thủ hộ các căn, hộ trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, lạc, định, tri kiến như thật, yếm ly, vô dục, giải thoát. Có tập giải thoát mới chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tập Giải Thoát, Phẩm 5, số 55)

THA HÓA LẠC THIÊN

'Lạc thú của nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Nhân gian một ngàn sáu trăm năm, thì Tha hóa lạc thiên mới một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha hóa lạc thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thì trì Thánh trai tám chi này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tha hóa lạc thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

THÁC ĐỔ

Giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; cũng vậy, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Mạng sống con người cũng như giòng nước chảy nhanh, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

THÂM ÂN

Thưa Tôn sư, những gì chúng con đã biết đều nhờ ơn Tôn sư chỉ dạy, nếu Tôn sư cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì chúng con cũng sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo theo gót Tôn sư.

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

THAM SÂN SI ĐÃ NHẸ

Đa văn Thánh đệ tử ba kết sử đã đoạn tận, dâm, nộ và si đã

mỏng, chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại thiên thượng và nhân gian rồi đạt đến khổ biên.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

THÂN HÀNH BỊ NGƯỜI TRÍ GHÊ TỞM

Vua Ba-tư-nặc hỏi: Thế nào là thân hành bất thiện?

A-nan đáp: Đó là những thân hành có tội.

Hỏi: A-nan, thế nào là thân hành có tội?

Đáp: Đại vương, đó là những thân hành bị người trí ghê tởm.

Hỏi: A-nan, thế nào là thân hành bị người trí ghê tởm?

Đáp: Đại vương, đó là những thân hành hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ha-Đề, Phẩm 18, số 214)

THÂN HÀNH ĐƯỢC NGƯỜI TRÍ TÁN DƯƠNG

Vua Ba-tư-nặc hỏi: A-nan, thế nào là thân hành thiện?

A-nan đáp: Đại vương, đó là thân hành không có tội.

Hỏi: A-nan, thế nào là thân hành không có tội?

Đáp: Đại vương, đó là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm.

Hỏi: A-nan, thế nào là thân hành mà kẻ trí không ghê tởm?

Đáp: Đại vương, đó là những thân hành không hại mình,

không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ bởi sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ-Ha-Đề, Phẩm 18, số 214)

THÂN KIẾN

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết Thánh pháp, không chế ngự theo Thánh pháp, kẻ ấy thấy sắc là thần ngã, thấy thần ngã có sắc, thấy trong thần ngã có sắc, thấy trong sắc có thần ngã. Thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã. Đó gọi là thân kiến.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

THẦN THÔNG

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp rằng: Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc,

đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên.

Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

THẮNG LIỆT CỦA TƯỞNG

Thế nào là biết sự thắng liệt của tưởng? Biết có tưởng tưởng về sắc, có tưởng tưởng về tiếng, có tưởng tưởng về hương, có tưởng tưởng về vị, hoặc có tưởng tưởng về xúc.

Thế nào là biết sự diệt tận của tưởng? Biết xúc diệt, tưởng liền diệt.

Thế nào là biết tưởng diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết tưởng diệt đạo.

Nếu Tỳ-kheo biết tưởng, biết nhân sanh của tưởng, biết hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả tưởng.

(Trung A Hàm, Kinh Đạt Phạm Hạnh, Phẩm 10, số 111)

THẠNH ẤM

Hoặc ấm tức là thạnh ấm. Hoặc ấm chẳng phải là thạnh ấm. Sao gọi là ấm tức là thạnh ấm? Nếu sắc hữu lậu, được chấp thủ; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, được chấp thủ, thì nói ấm tức là thạnh ấm.

Thế nào nói ấm tức chẳng phải là thạnh ấm? Sắc vô lậu, không bị chấp thủ, thì nói ấm chẳng phải là thạnh ấm.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

THÁNH CẦU

Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này:

'Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh, nhưng không bỏ tìm cầu sự tật bệnh.Ta thật sự lệ thuộc sự già, sự chết, sự sầu bi khổ não, sự tạp uế, nhưng không bỏ sự tìm cầu tạp uế. Vậy ta hãy tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn Niết-bàn. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu bi ưu não, không tạp uế, vô thượng an ổn, Niết-bàn'.

(Trung A Hàm, Kinh La-Ma, Phẩm 17, số 204)

THÁNH LẠC

Thế nào là có sự lạc được gọi là thánh lạc? Đó là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tĩnh, lạc chánh giác, không có thức ăn, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển, Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập.

Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu và an trụ. Đó là sự lạc được gọi là thánh lạc, là sự lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không thực, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập. (Trung A Hàm, Kinh Ca-Lâu-Ô-Đà-Di, Phẩm 16, số 192)

THÁNH NHÂN

Thế nào gọi là Thánh?

Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

THÁNH TRAI TÁM CHI

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng, vị ấy đối với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ dao gậy, có tàm có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh nay tôi tịnh trừ tâm ấy.Tôi do chi này mà đồng đẳng không khác với A-la-hán'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời không lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho rồi mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bỏn sẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Vị ấy đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những gì được cho mới lấy, vui thích trong việc

lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bỏn sẻn, thường không trông chờ sự báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình hay tự chế ngự. Đối với việc không cho mà lấy, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh, tu hành phạm hạnh, chí thành tâm tịnh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm, vị ấy đối với phi phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa phi phạm hạnh, đoạn trừ phi phạm hạnh tu hành phạm hạnh, chí thành tịnh tâm, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Đối với phi phạm hạnh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịch trừ. Tôi nay trọn đời không nói dối, đoạn trừ sự nói dối, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trụ nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Đối với sự nói dối, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa việc uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Vị ấy đối với việc uống rượu buông lung, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay cũng trọn đời xa lìa sự uống rượu buông lung, đoạn trừ sự uống rượu buông lung. Đối với việc uống rượu buông lung, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Vị ấy đối với giường lớn cao rộng, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa giường lớn cao rộng, đoạn trừ giường lớn cao rộng, vui thích nằm ngồi chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Đối với giường lớn cao rộng, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy, 'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Vị ấy đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe.

Đoạn trừ tràng hoa anh lạc, hương bột phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe. Đối với tràng hoa anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ và đi đến xem nghe, nay tôi tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này đồng đẳng không khác với A-la-hán, cho nên nói là trai.

Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy,

'A-la-hán chân nhân trọn đời xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Vị ấy đối với sự ăn phi thời tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Đối với sự ăn phi thời, tôi nay tịnh trừ tâm ấy'.

Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau không khác, do đó gọi là trai.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

THÀNH TỰU AN TRỤ

Tỳ-kheo các lậu đã diệt tận, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào các lậu đã diệt tận, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

THÀNH TỰU AN TRÚ MƯỜI PHƯƠNG

Tâm ta cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.

Các ông cũng nên thực hành tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú.

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

THÀNH TỰU CHÁNH NIỆM

Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm thì chúng tôi thường ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

THÀNH TỰU HOAN HỶ

'Tự mình thiểu dục, tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lâu tận và khen ngợi lâu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ'.

(Trung A Hàm, Kinh Thất Xa, Phẩm 1, số 9)

THÀNH TỰU THÁNH GIỚI

Tôi đã thành tựu Thánh giới này, thân lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt đủ để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào mang theo y bát, không có luyến tiếc, ví như chim nhạn cùng với hai cánh bay liệng trong không theo hai cánh, tôi cũng như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

THÀNH TỰU THIÊN NHÃN

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Hiền giả A-na-luật-đà liền đáp rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nỗng

với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã thành tựu Thiên nhãn.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

THÀNH TỰU VIỆC QUÁN TÂM

Cũng như vua và đại thần tắm nước trong mát, thoa bột hương tốt khiến thân thể thơm sạch, thì này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tự quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh, cũng giống như thế. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc quán tâm mình, khiến cho thân tịch tịnh thì có thể kính trọng, phụng sự Thế Tôn, Pháp và chúng Tỳ-kheo, cùng với giới, bất phóng dật, bố thí và định.

(Trung A Hàm, Kinh Tam Thập Dụ, Phẩm 6, số 69)

THẤY BIẾT NHƯ THẬT

Đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly, do yểm ly nên được vô dục, do vô dục nên được giải thoát, do giải thoát mà được tri giải thoát, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh'.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ Kheo Thỉnh, Phẩm 8, số 89)

THẤY DUYÊN KHỞI LÀ THẤY PHÁP

Đức Thế Tôn cũng nói như vầy: 'Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp; nếu thấy pháp tức thấy duyên khởi'. Vì sao thế? Đức Thế Tôn nói năm thủ uẩn từ nhân duyên mà sanh. Sắc thủ uẩn; thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn cũng vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

THẤY NGÀN THẾ GIỚI

Tôi nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện như quán sát ngàn thế giới.

Như người có mắt đứng trên lầu cao, với phương tiện nhỏ, nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất. Tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, với phương tiện nhỏ thấy ngàn thế giới.

(Trung A Hàm, Kinh Ca-hi-na, Phẩm 7, số 80)

THẤY NHƯ THẬT

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, thú hướng ly si; vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh, hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo, vị ấy đã thấy hiện tượng ấy đúng như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ Tứ, Phẩm 6, số 71)

THẦY TRÒ ĐỒNG TÂM

Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời và loài người.

Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là bậc thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho trời, người.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

THẾ GIỚI TUYỆT ĐỐI LẠC

Nếu khi Như Lai xuất thế, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu; người ấy đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm tạp uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp; có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Sơ thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, về kiến vậy. Vị ấy giác quán đã dứt, nội tâm tịch tĩnh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ, cùng với chư Thiên kia tương đồng về giới, về tâm, và về kiến vậy. Vị đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là được Thánh xả, có niệm, an trú lạc, chứng Tam thiền thành tựu an trú, cùng với chư Thiên tương đồng về giới, về tâm và về kiến

vậy. Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc.

(Trung A Hàm, Kinh Tiễn Mao, Phẩm 17, số 208)

THẾ TÔN KHÔNG GIẢI THÍCH NHỮNG TRIẾT LÝ TRỪU TƯỢNG

Có những quan điểm Đức Thế Tôn, Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là:

Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường,

Thế giới hữu biên hay thế giới vô biên,

Sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác,

Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt, hay Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt,

Như Lai cũng không phải tuyệt diệt cũng không phải không tuyệt diệt?'

(Trung A Hàm, Kinh Kiến, Phẩm 18, số 220)

THẾ TÔN LÀ GỐC CỦA PHÁP

Tôn giả A-na-luật-đà thưa rằng: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của Pháp, Thế Tôn là Chủ của Pháp, Pháp do Thế Tôn nói. Mong Thế Tôn giảng giải cho chúng con. Sau khi nghe xong, chúng con sẽ được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

THỊ XỨ PHI XỨ

Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Nếu trong đời có hai vị Chuyển luân vương cùng cai trị, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu trong đời có một Chuyển luân vương cai trị, trường hợp này tất có.

Nếu trong đời có hai Đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không. Nếu trong đời này có một Đức Như Lai, trường hợp này tất có.

Nếu một người đã thấy đế lý mà có ý sát hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý hại cha mẹ, giết A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu, trường hợp này tất có xảy ra.

Nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo, trường hợp này tất có.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

THIỀN HÀNH VÀ THIỀN TỌA

Vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

Tỳ-kheo với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Không, Phẩm 15, số 191)

THIÊN NHÃN THANH TỊNH

Cũng như lúc mưa lớn, bọt nước sanh ra rồi diệt. Nếu ai có mắt đứng yên một nơi mà quán sát bọt nước khi sinh, khi diệt. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật.

Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

(Trung A Hàm, Kinh Thiên Sứ, Phẩm 6, số 64)

THIÊN NHÃN THANH TỊNH THẤY KHẮP BA CÕI

Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh.

Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình

với người sát sanh.

Không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp.

Không phạm con gái của người, không bảo người khác phạm con gái của người, không đồng tình với người phạm con gái của người.

Không nói dối, không bảo người khác nói dối, không đồng tình với người nói dối.

Vị đó bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật, nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu, diệu hạnh về ý, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

THIỆN PHÁP ĐẦY ĐỦ NHƯ TRĂNG TRÒN

Cũng như mặt trăng trong thời mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Cũng vậy, thiện tri thức đối với pháp luật của Như Lai mà có được tín tâm, người ấy

được tín tâm rồi, sau đó lại có hiếu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đến pháp tùy pháp. Người ấy lúc bấy giờ tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Cho đến một lúc, thiện pháp nơi thiện tri thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Như vậy hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

THIỆN THẮNG BẤT THIỆN

Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó.

Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; vì tư niệm nhiều về niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó.

Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên ham thích trong đó.

Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu và an trụ.

Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả, niệm, an trú lạc, chứng đắc đệ Tam thiền, thành tựu an trụ.

Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, rồi thì không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

THIỆN TRI THỨC

Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ tùng giải thoát, lại khéo thâu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ cũng sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới.

Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết, vị ấy nói điều đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm chẳng bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về pháp diệt, nói về vô dục, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi. Có được những điều được nói như vậy của Sa-môn, được trọn đủ, dễ được chứ không khó.

Nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn thường tu hành tinh tấn, đoạn các pháp ác bất thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, vì mục đích tìm cầu gốc rễ thiện mà không xả bỏ phương tiện.

Nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, cùng sống chung với thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức, thì nên biết rằng, vị ấy chắc chắn tu hành về trí tuệ, quán sát sự hưng thịnh và suy vi của các pháp; chứng trí như vậy, bằng Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, mà chân chánh diệt tận khổ đau.

(Trung A Hàm, Kinh Di Hê, Phẩm 5, số 56)

THIỆN TRI THỨC ĐÁNG TÔN TRỌNG

Lại nữa, Tỳ-kheo ấy xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện bằng hữu, xứng đáng là người bạn đồng hành tốt. Khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng là thiện tri thức, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

THIỆN TUỆ

Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ mà có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác tuệ. Hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

THIỆN XẢO QUÁN TỰ TÂM

Thế nào gọi là Tỳ-kheo thiện xảo quán tự tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này, chắc chắn được nhiều lợi ích.

Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam?

Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuế?

Ta thường hành thùy miên triền hay thường hành không thùy miên triền?

Ta thường hành trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao?

Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc?

Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh?

Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế?

Ta thường hành tín hay thường hành bất tín?

Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi?

Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm?

Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định?

Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác tuệ?

(Trung A Hàm, Kinh Tự Quán Tâm II, Phẩm 10, số 110)

THỌ BÁO NHẸ NHÀNG

Có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có một người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như có người dù mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ bắt trói; cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Người ấy ở trong đời hiện tại giả sử có thọ báo của thiện hay ác nhưng chỉ nhẹ nhàng, chút ít thôi.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

THỌ CỰC TRỌNG KHỔ

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, mặc trường bào, cầm giáo mác, cung tên,

hoặc cầm dao thuẫn, đi tranh đoạt nước người, công thành phá lũy, chống cự lẫn nhau, thúc trống thổi kèn, lớn tiếng reo hò, hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá kè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Ma-ha-nam, đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

THỌ KÝ ĐỨC PHẬT DI LẶC

Này Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở thời vị lai, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, ngươi sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Giống như Ta hiện nay là Như Lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu.

(Trung A Hàm, Kinh Thiên Sứ, Phẩm 6, số 64)

THỌ MẠNG CÕI TRỜI

Tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì ngắn ngủi; một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở Tam thập tam thiên; một ngày một đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư Thiên ở Tam thập tam thiên đến một ngàn năm.

(Trung A Hàm, Kinh Bệ Tứ, Phẩm 6, số 71)

THỌ MẠNG NGẮN NGỦI

Do nhân gì, do duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, cho đến các loài côn trùng. Người ấy lãnh thọ nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngắn ngủi.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

THỌ PHÁP HIỆN TẠI

Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muốn, đắm trước, an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nan Thuyết, Phẩm 13, số 167)

THỌ SANH THEO Ý HÀNH

Sao gọi là sự tái sinh do ý hành đưa tới?

Nếu các Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác, có quán, chứng được Sơ thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy đối với định này, vui sướng trụ ở đó. Vị ấy đối với định kia đã ham muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ vào đó, khoái lạc đó, mạng chung sanh trong cõi Phạm thiên. Các trời Phạm thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng hỷ lạc phát sanh do ly dục; và Tỳ-kheo sống ở đây nhập Sơ thiền, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai thứ hỷ và lạc do ly dục sanh này không có

sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thân. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

THỌ THỰC NHƯ MỤC ĐỒNG

Mục đồng buổi sáng thả trâu trong đầm, buổi xế dẫn trâu về thôn. Khi về thôn, nó nghĩ rằng, 'Ngày hôm nay ta thả trâu ở chỗ này; ngày mai ta sẽ thả trâu ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho trâu uống ở chỗ này; ngày mai ta sẽ cho trâu uống nước tại chỗ kia.

Này Bà cư sĩ, nếu người trì trai nghĩ rằng, 'Ngày hôm nay ta ăn đồ ăn như vầy; ngày mai ta sẽ ăn đồ ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vầy; ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta nuốt thức ăn như vầy; ngày mai ta sẽ nuốt thức ăn như thế kia'. Người ấy ở đây trải qua ngày đêm hoan lạc, đắm trước trong dục vọng như vậy. Đó gọi là loại trai của mục đồng. Nếu trì loại trai mục đồng như vầy, không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

THỌ TRAI NHƯ NGOẠI ĐẠO NI-KIỀN

Nếu có người xuất gia học theo Ni-kiền, vị ấy khuyên người rằng, 'Ngươi đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy. Cũng vậy, đối với phương Tây, phương Nam và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên mà có chúng sanh nào, vì để ủng hộ

chúng sanh ấy, hãy loại bỏ dao gậy'. Người ấy khuyến khích sách tấn người khác như vậy.

Hoặc chúng sanh có tưởng được thủ hộ, hoặc chúng sanh không có tưởng không được ủng hộ, ngươi vào ngày mười lăm là ngày thuyết Tùng giải thoát, cởi bỏ y phục, để mình trần truồng, đứng ngay về phương Đông, nói như vầy, 'Ta không có cha mẹ, không thuộc về cha mẹ. Ta không có vợ con, không thuộc về vợ con. Ta không có nô tỳ, không thuộc về nô tỳ'.

Người ấy khuyến khích sách tấn bằng lời nói chân thật, nhưng ngược lại sự khuyến khích sách tấn trở thành những lời nói hư dối. Người ấy ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ rằng, 'Đây là cha mẹ ta'. Cha mẹ người ấy ngày ngày cũng thấy con mình cũng nghĩ rằng, 'Đây là con ta'. Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng, 'Đây là vợ con ta'. Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng 'Đây là tôn trưởng của ta'. Người ấy gặp mặt nô tỳ cũng nghĩ rằng, 'Đây là nô tỳ của ta'. Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng, 'Đây là chủ của ta'.

Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng. Đó gọi là loại trai của Ni-kiền như vậy không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được phát triển.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

THỌ TRÌ PHÁP

Các ngươi phải cùng nhau vâng lãnh pháp như pháp, hãy tụng tập, chấp trì. Vì sao? Vì pháp như pháp này có pháp, có nghĩa, là căn bản phạm hạnh, được trí thông, được giác ngộ

và cũng chứng đắc Niết-bàn. Các thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

THOÁI CHUYỂN LỰC ĐỊNH

Người hành thiền, giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do định, chứng đệ Nhị thiền, thành tựu an trụ.

Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó gọi là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ rằng 'Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Sơ thiền và diệt mất định'.

Người hành thiền ấy không biết như thật rằng 'Tâm ta tu tập chánh tư duy, khoái lạc tịch tịnh, từ Nhị thiền hướng đến Tam thiền, đó là tịch tịnh thù thắng'.

Vị đó do không biết như thật như vậy, nên đối với sự như thật mà thoái chuyển ý, bèn mất định. Hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là thoái chuyển vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Hành Thiền, Phẩm 14, số 176)

THOÁT VÒNG TỬ SANH

Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng, nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ kiến đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, định này được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tinh tô. Tô tinh này

được nói là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, trụ ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đó là tận cùng sự khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

THỐI THẤT CỦA THIỆN PHÁP

Thế nào là sự thối thất của thiện pháp, không đình trụ cũng không tăng tiến?

Tỳ-kheo nếu có dốc tín, cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài, thánh giáo và sở đắc của thánh giáo, đối với các pháp này, vị ấy thối thất, chứ không trụ, cũng không tăng.

(Trung A Hàm, Kinh Trụ Pháp, Phẩm 8, số 95)

THU NHIẾP GIỚI LUẬT

Sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ Tùng giải thoát, tôi lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhiệm cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

THỨC

Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức.

Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đó là biết như

thật về thức.

Thế nào là biết như thật về tập của thức? Do hành mà có thức. Đó là biết như thật về tập của thức.

Thế nào là biết như thật về diệt của thức? Hành diệt tức thức diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thức.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về tập của thức, diệt của thức và diệt đạo của thức như vậy, đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

THỨC ĂN

Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, thực diệt và thực diệt đạo của thức ăn.

Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn: Một là đoàn thực, thô và tế; hai là xúc thực; ba là ý tư thực; bốn là thức thực. Đó là biết như thật về thức ăn.

Thế nào là biết như thật về tập của thức ăn? Do ái mới có thức ăn. Đó là biết như thật về tập của thức ăn.

Thế nào là biết như thật về diệt của thức ăn? Ái diệt tức là thức ăn diệt. Đó là biết như thật về diệt của thức ăn.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của thức ăn? Tám chi

Thánh đạo, từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về diệt đạo của thức ăn.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về thức ăn, biết như thật về tập của thức ăn, thực diệt và thực diệt đạo của thức ăn như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh, và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

THỨC VÀ DANH SẮC

A-nan, nếu có người hỏi 'Danh sắc có duyên chăng?' thì nên đáp rằng 'Danh sắc có duyên'. Nếu có người hỏi 'Danh sắc có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Duyên thức'. Nên biết rằng duyên thức có danh sắc.

Thế Tôn hỏi: A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc, thì có thành thân này chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, nếu thức mới vào thai, liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái, bị đoạn hoại không còn, thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, cho nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, bản của danh sắc, duyên của danh sắc, gọi đó là

thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc.

Nếu có người hỏi 'Thức có duyên chăng?' thì nên đáp rằng 'Thức có duyên'. Nếu có người hỏi 'Thức có duyên gì?' thì nên đáp rằng 'Duyên danh sắc'. Nên biết rằng duyên danh sắc có thức.

Nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết chăng? Có khổ chăng?

Đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Hỏi: A-nan, cho nên biết rằng nhân của thức, tập khởi của thức, bản của thức, duyên của thức, gọi đó là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

A-nan, đó là duyên danh sắc có thức; duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

THỨC XỨ THIÊN

Tỳ-kheo vượt qua vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ vô lượng thức xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng thức xứ thiên. Các trời Vô lượng thức xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng vô lượng thức xứ tưởng; và Tỳ-kheo sống ở đây thọ hưởng vô lượng thức xứ tưởng. Hai vô lượng thức tưởng này không có

sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô lượng thức xứ. Như vậy là ý hành sanh.

THUỐC MẬT

Như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc, hoặc có người bị bệnh nên uống, khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng, uống vào bụng lại thành thuốc. Cũng vậy, pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết một cách như thật rằng pháp thọ này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ; pháp không đáng thích, không đáng yêu, không vừa ý diệt, mà pháp đáng thích đáng yêu, đáng vừa ý sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Hành Thiền, Phẩm 14, số 176)

THỦY GIỚI

Cái gì là thủy giới? nội thủy giới và ngoại thủy giới.

Nội thủy giới là ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Đó là mỡ, óc, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, tủy, nước dãi, nước tiểu, tất cả những chất khác tương tự như vậy ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, những gì là nước, thuộc về nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Đó là nội thủy giới.

Ngoại thủy giới là lớn, là tịnh, là không đáng tởm. Có lúc bị hỏa tai, khi ấy ngoại thủy giới tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

THUYẾT PHÁP

Thế nào là 'Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp'? 'Nếu có lạc tương ưng với dục, cùng đi với hỷ, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, thì pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh'. Vị ấy biết điều này rồi liền thuyết pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy, 'Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt'. Vị ấy đã biết dục là vô thường cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh. Không thấu đạt pháp này chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, tà hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

THUYẾT PHÁP VÌ NGƯỜI

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di nào tìm đến Ta, Ta bèn vì họ mà an trụ trong tâm như vậy như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Không, Phẩm 15, số 191)

TÍCH TẬP TƯỞNG VỀ SỰ CHẾT

Tích tập tâm xuất gia học đạo
Tích tập tưởng vô thường
Tích tập tưởng vô thường nên khổ
Tích tập tưởng khổ nên vô ngã
Tích tập tưởng bất tịnh
Tích tập tưởng thức ăn ghê tởm

Tích tập tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc
Tích tập tưởng về sự chết.
(Trung A Hàm, Kinh Chư Pháp Bổn, Phẩm 10, số 113)

TỊNH HẠNH THANH TU

Tuổi già, tật bệnh

Và sự tử vong
Là pháp có sẵn
Người ngu khinh nhờn.

Nếu ta miệt thị
Tưởng mình không vướng
Thật chẳng hợp lý
Vì đó sự thường.

Ai hành như thế
Biết pháp ly sanh
Không bệnh, còn trẻ
Tưởng thọ kiêu căng.

Đoạn trừ kiêu ngạo
Vô dục bình an
Ai hiểu như vậy
Nơi dục sợ gì!

Được vô hữu tưởng
Tịnh hạnh thanh tu.
(Trung A Hàm, Kinh Nhu Nhuyến, Phẩm 11, số 117)

TỊCH TỊNH GIẢI THOÁT

Đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, với định như thế mà thân tác chứng, thành tựu an trụ, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

TỊCH TỊNH XỨ

Thế nào là thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

Cũng như cách thôn không xa có một bụi chuối to lớn, nếu có một người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xả làm mười phần, hoặc làm trăm phần. Sau khi xả làm mười phần hoặc trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy, quán sát thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau

khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'.

(Trung A Hàm, Kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Phẩm 17, số 205)

TIẾNG XẤU ĐỒN XA

Người hay sân nhuế bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô tiếng xấu đồn khắp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế.

(Trung A Hàm, Kinh Oán Gia, Phẩm 11, số 129)

TIẾP ĐÃI CÁC ĐỒNG PHẠM HẠNH

Hoặc có người có tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh. Nếu có người tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, khen ngợi việc tiếp đãi các vị đồng phạm hạnh, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

TÌM CẦU TỊCH DIỆT

Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự tìm cầu cứu cánh tịch diệt. Đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập.

(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

TỊNH DỤC

Thế nào gọi là Tịnh dục?

Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử.

(Trung A Hàm, Kinh Mã Ấp, Phẩm 15, số 182)

TINH TẤN

Vị ấy suy nghĩ thế này: 'Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi lớn bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp phá hoại, pháp diệt tận, pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao gậy đập'. Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định.

Vị ấy nghĩ như vầy: 'Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao gậy đập, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của Đức Thế Tôn'.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

TỊNH TĨNH

Thế Tôn nhập định quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó Thế Tôn thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thụy miên vì đã dứt trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm

thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu.

(Trung A Hàm, Kinh Tam Thập Dụ, Phẩm 6, số 69)

TĨNH TỌA

Tỳ-kheo ưa thích sự tĩnh tọa, nội hành tĩnh chỉ vắng lặng, cũng không rời tư sát, thành tựu quán hạnh, tăng trưởng không hành. Này Vũ Thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất ưa thích sự tĩnh tọa, thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ sự Tỳ-kheo ấy.

(Trung A Hàm, Kinh Toán Số Mục-Kiền-Liên, Phẩm 12, số 144)

TĨNH TỌA NƠI RỪNG VẮNG

Này Đại Mục-kiền-liên, ở nơi rừng vắng kia, Ta nói pháp này có thể cùng hợp hội: núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh không nhàn, núi cao, hang đá, vắng bặt âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có thể tùy thuận mà tĩnh tọa.

(Trung A Hàm, Kinh Trưởng Lão Thượng Tôn Thụy Miên, Phẩm 7, số 83)

TỊNH TU PHẠM HẠNH

Thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã nhàm tởm sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này.

Sau khi đã nhàm tởm ghê sợ, tôi quán sát, tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao bụi bặm. Xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích

quấn chặt, không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh.

Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Sau đó, tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

TÍNH ƯU VIỆT CỦA ĐỨC PHẬT

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí khác thông minh trí tuệ, tự xưng là thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục được cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá chủ trương tông chỉ của người mà lập luận điểm của mình mà nói rằng, Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi ông cách kia. Nếu ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi ông rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, Sa-môn Phạm chí này vui mừng phấn khởi bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo.

Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo rồi, sống cô độc một nơi xa vắng, tâm không buông lung, tinh cần tu tập. Vị ấy sau khi sống cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt

đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu vô thượng phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ an trú, biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán; chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng, 'Này chư Hiền, trước kia tôi gần bị suy vong gần bị hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn tự xưng là Sa-môn; không phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, không phải A-la-hán tự xưng A-la-hán. Bấy giờ chúng ta mới thực sự là Sa-môn, thực sự là phạm hạnh, thực sự là A-la-hán'. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

TỌA THIỀN

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Hiền giả Ly-việt-đa đáp rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa ưa Tọa thiền.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

TOÀN KHỐI KHỔ ĐAU XUẤT HIỆN

Có ba sự kiện hội hợp để thác vào thai mẹ. Đó là cha mẹ tụ tập tại một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai, và hương ấm đã đến. Do ba sự kiện này hợp hội mà thác vào thai mẹ. Thai mẹ kéo dài chín tháng hay mười tháng rồi sanh. Sau rồi được nuôi dưỡng bằng máu. Máu đó ở trong Thánh pháp gọi là sữa mẹ. Rồi thì các căn lớn dần cho đến thành tựu, ăn cơm, ăn cháo, dầu tô thoa mình, rồi mắt nó thấy sắc, ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu.

Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn; nó không như thật biết tâm giải thoát, tuệ giải thoát, những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại, không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân ý cũng như vậy. Ý biết pháp, ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu. Nó không lập niệm tại thân, với một tâm nhỏ mọn. Nó không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Những pháp ác bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại, không dư tàn. Nó tùy những gì ưa, ghét mà lãnh nạp cảm thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc, không khổ. Nó hoan lạc với cảm lạc ấy, tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy. Nó sau khi hoan lạc với cảm thọ ấy, tìm cầu chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy rồi. Nếu nó là cảm thọ lạc, vì do chấp thủ và duyên thủ mà có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, ưu bi,

khóc lóc, ưu khổ, ảo não.

Như vậy toàn vẹn khối lớn khổ đau này phát sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Trà Đế, Phẩm 16, số 201)

TỘI BẤT HIẾU

Nếu chúng sinh nào sinh ở nhân gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh ấy sanh vào cảnh giới của Diêm vương. Người của Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng:

Tâu Thiên vương, chúng sinh này lúc còn làm người, không hiếu thảo cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau. Mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó.

(Trung A Hàm, Kinh Thiên Sứ, Phẩm 6, số 64)

TỐI THẮNG TỊCH TĨNH XỨ

Tỳ-kheo nào tâm bị dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát, Tỳ-kheo ấy tận diệt tất cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tịnh, tĩnh chỉ, chứng đắc tối thắng, tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu tối thắng tịch tĩnh xứ.

Ai nghĩ rằng 'Tôi đang là', ấy là tự đề cao. Rằng 'Tôi sẽ hiện hữu', ấy là tự đề cao. Rằng Tôi sẽ không hiện hữu, cũng không phải không hiện hữu', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ có sắc', ấy là tự đề cao.

'Tôi sẽ không có sắc', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ có tưởng', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ không có tưởng', ấy là tự đề cao. 'Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng', ấy là tự đề cao. Đó là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật.

Nếu không có tất cả những sự tự đề cao, cống cao, kiêu ngạo, phóng dật ấy thì ý tịch tĩnh.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Lục Giới, Phẩm 13, số 162)

TỐI THẮNG TUỆ XỨ

Như thế vị ấy được gọi là Tỳ-kheo tối thắng chánh tuệ, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng chánh tuệ xứ.

Sự giải thoát này an trú nơi chân đế, không bị di động. Chân đế là pháp như thật. Giả dối là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu tối thắng chân đế xứ.

Với thí xả, nếu trước kia có oan gia cố cựu thì bấy giờ vị ấy phóng xả, lìa bỏ, giải thoát, dứt trừ. Đó là Tỳ-kheo tối thắng chánh huệ thí, là xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tĩnh, tĩnh chỉ. Thành tựu như thế là thành tựu tối thắng huệ thí xứ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Lục Giới, Phẩm 13, số 162)

TỐI THƯỢNG CỦA CÕI TRỜI CŨNG KHÔNG CẦU UỀ VÌ CÒN VÔ THƯỜNG

Những cảnh giới mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiếu đến, tức Thế giới ngàn.

Trong Thế giới ngàn này, có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt

trăng, một ngàn châu Phất-vu-đãi, một ngàn châu Diêm-phù, một ngàn châu Câu-đà-ni, một ngàn châu Uất-đơn-việt, một ngàn Tu di sơn, một ngàn Tứ đại vương thiên.

Một ngàn Tứ thiên vương tử, một ngàn Tam thập tam thiên, một ngàn Thích Thiên Nhân-đà-la, một ngàn Diệm-ma thiên, một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử, một ngàn Đâu-suất-đà thiên, một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử, một ngàn Hóa lạc thiên, một ngàn Thiện hóa lạc thiên tử, một ngàn Tha hóa lạc thiên, một ngàn Tự tại thiên tử, một ngàn Phạm thế giới, và một ngàn Biệt phạm. Trong đó có Phạm Đại Phạm, là đấng Phú hựu, là Tạo hóa tôn, là tổ phụ các loài chúng sanh, đã sanh và sẽ sanh. Nhưng Đại Phạm ấy cũng là lệ thuộc biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi.

Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm tởm cái đệ nhất ấy. Nhàm tởm rồi, đối với cái đệ nhất không ham muốn huống là cái hạ tiện.

(Trung A Hàm, Kinh Đệ Nhất Đắc, Phẩm 18, số 215)

TÔN GIẢ A-NA-LUẬT CHỨNG ĐẮC

Vô thượng thế gian sư
Xa biết con tư niệm
Chánh thân tâm nhập định
Nương không, chợt đến đây.

Biết con tâm niệm này
Thuyết pháp vượt lên nữa
Chư Phật không hý luận
Hý luận đã xa lìa.

Đã biết pháp Như Lai
Ưa trú trong chánh pháp
Rồi tam muội chứng ngay
Pháp Phật đã thành đạt.

Con chẳng ưa sự chết
Cũng không nguyện nơi sanh
Tùy thời, tùy sở thích
Niệm, chánh trí vững vàng.

Tỳ-da-ly, trú lâm
Nơi đó mạng con dứt
Ở ngay dưới khóm trúc
Nhập Vô dư Niết-bàn.
(Trung A Hàm, Kinh Bát Niệm, Phẩm 7, số 74)

TÔN SƯ VÀ ĐỆ TỬ

Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong sự thiện lợi, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

Nếu một Tôn sư có pháp luật, thích an trú viễn ly, mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích đời sống viễn ly, thì pháp luật đó không ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải là mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn khoái lạc cho loài trời, loài người.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

TRẢ LẠI TIỀN ĐOẠT VẬT CỦA NGƯỜI KHÁC

Có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Ví như có người đoạt lấy con dê của người khác; người chủ dê kia nói : 'Thưa Tôn giả, xin ngài trả lại dê cho tôi. Hoặc trả tôi đúng giá tiền'. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

(Trung A Hàm, Kinh Diệm Dụ, Phẩm 2, số 11)

TRÁI ĐẤT CHẤN ĐỘNG

Này Tỳ-kheo, đây há không phải là đầy đủ về ái diệt, giải thoát chăng?

Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ về ái diệt giải thoát.

Khi nói pháp này, ba ngàn đại thiên thế giới ba lần chấn động, hết động lại động nữa, hết rung lại rung nữa, hết rền lại rền nữa. Cho nên kinh này gọi là: Ái tận giải thoát.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

(Trung A Hàm, Kinh Trà Đế, Phẩm 16, số 201)

TRẦM HƯƠNG LÀ TỐT ĐỆ NHẤT

Cũng như trong các căn hương, trầm hương là tối đệ nhất. Cũng như trong các thọ hương, xích chiên-đàn là tối đệ nhất.

Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là tối đệ nhất. Cũng như trong các hoa trên đất, hoa Tu-ma-na là tối đệ nhất. Cũng như trong các dấu chân của loài thú, thì tất cả đều nhập vào trong dấu chân voi; dấu chân voi gồm chứa hết là bậc nhất; dấu chân voi ấy là tối đệ nhất, vì rất rộng, rất lớn. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm căn bản, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu.

Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.

(Trung A Hàm, Kinh Dụ, Phẩm 11, số 141)

TRĂNG RẰM KHÔNG BỢN

Như thể trăng tròn không bợn
Du hành trong khoảng hư không
Sáng lấp muôn ngàn tinh đẩu
Rạng ngời một cõi mênh mông.

Cũng vậy, tín tâm, bác văn
Thi ân, độ lượng, bao dung
Sáng lấp trần gian bỏn sẻn
Rạng ngời thí xả mênh mông.

Như thể đại long thần lực
Kéo mây, nổi sóng, điện giăng
Mưa đổ nước trào lai láng
Tràn đầy mặt đất mênh mông.

Cũng vậy, tín tâm, bác văn

Thi ân, độ lượng, bao dung
Ẩm thực cho người no đủ
Hằng khuyên thí xả gia tăng.
Như thể sấm truyền vang dội
Như trời hắt trận mưa rào
Phước thí như mưa quảng đại
Cơn mưa thí chủ dâng cao.

Đời này tiền tài, danh dự
Đời sau cõi thiện sanh lên
Phước báo người này lãnh tho
Chết rồi tất sẽ sanh thiên.
(Trung A Hàm, Kinh Văn Đức, Phẩm 12, số 147)

TRANH CẢI

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh cãi với con, con tranh cãi với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ tranh cãi lẫn nhau. Vì tranh cãi lẫn nhau như vậy nên mẹ nói xấu con, con nói xấu mẹ. Cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ nói xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy, huống nữa là người dưng. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

TRANH GIÀNH ĐÁNH NHAU

Vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, Cư sĩ tranh giành với Cư sĩ, dân tranh giành với dân,

nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau, rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, hoặc chết, hoặc sợ hãi, thọ cực trọng khổ. Đó là những nỗi thống khổ ở đời này nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

TRÌ GIỚI

Hoặc có người không phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới; không làm rách giới, ô uế giới và khen ngợi việc trì giới. Nếu có người không phạm giới, vượt giới, sứt mẻ giới; không làm rách giới, ô uế giới và khen ngợi việc trì giới, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

TRÌ GIỚI CÓ THỂ LÊN LẦU CHÁNH PHÁP

Nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, giới không bị vỡ, giới không bị khuyết, giới không bị thủng, giới không tạp uế, giới không đen, nếu muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng tuệ, lầu gác chánh pháp, điều đó chắc chắn có.

Như cách thôn không xa có ngôi nhà gác, trong đó có một cái thang, hoặc có mười nấc thang hay mười hai nấc thang. Nếu có người muốn cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nấc thứ nhất của thang ấy rồi, muốn leo lên nấc thứ

hai thì chắc chắn có thể được. Nếu leo lên nấc thứ hai, rồi muốn leo lên nấc thức ba, thứ tư thì chắc chắn có thể được.

(Trung A Hàm, Kinh Ca-hi-na, Phẩm 7, số 80)

TRÌ GIỮ NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA PHẬT

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, thọ trì không quên; nếu nhân điều đó mà khởi cống cao, sự kiện như vậy không thể có. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

A-nan nói: Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hỏi lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy cũng không dễ. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

A-nan nói: Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, chưa hề thọ pháp từ người khác. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

A-nan nói: Thưa chư Hiền, tôi thọ tám văn pháp tụ từ Đức Như Lai, khởi đầu chưa có tâm này, rằng 'Tôi thọ trì pháp ấy để dạy lại người khác'. Này chư Hiền, tôi chỉ muốn tự chế ngự, tự tịch tịnh, tự Bát-niết-bàn thôi. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

TRI PHÁP

Như người giàu to mà tự nói không giàu, cũng có phong ấp mà nói là không có phong ấp. Lại có súc mục mà nói là không có súc mục. Nếu lúc muốn tiêu dùng thì có sẵn vàng bạc,

chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy, nói rằng: 'Anh thật giàu to mà nói là không giàu, cũng có phong ấp mà nói không có phong ấp. Lại có súc mục mà nói không có súc mục, nhưng khi muốn dùng thì có sẵn vàng bạc, chơn châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách; có súc mục, lúa gạo và cũng có nô tỳ'.

Cũng giống như thế, nếu có Tỳ-kheo không nói như thế này: 'Tôi biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và không tồn tại.

Cũng như vậy, tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến, nhưng trong tâm Hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại.

Các người đồng phạm hạnh biết Hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm Hiền giả ấy hướng đến chỗ diệt tận tham lam, sân triền, phú kết, bỏn sẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm Hiền giả kia hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, đến Vô dư Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tri Pháp, Phẩm 8, số 90)

TRÍ SÁNG NHƯ NGỌC LƯU LY

Cũng như ngọc lưu ly, thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, trắng; người nào có mắt, đứng yên một chỗ mà quán sát ngọc lưu ly

này thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo trau chuốt, được xâu qua bằng sợi dây đẹp hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, đen, trắng. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sinh này lúc sinh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sinh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật.

Nếu chúng sinh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sinh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, thì do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sinh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời.

(Trung A Hàm, Kinh Thiên Sứ, Phẩm 6, số 64)

TRO LỬA ĐÃ TẮT

Ví như tro lửa đã tắt từ lâu, đã nguội lạnh, có một người thêm đầy cỏ khô rồi chất củi khô lên; này A-nan, ý ông nghĩ sao, tâm nguội lạnh há có thể bốc cháy được chăng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, không thể được.

Cũng vậy, Như Lai dùng Tha tâm trí quán sát tâm người khác. Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện dẫy đầy, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ mà được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn

trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nô-Ba, Phẩm 10, số 112)
(Trung A Hàm, Kinh Chư Pháp Bổn, Phẩm 10, số 113)

TRỞ VỀ PHẬT

Thuở xưa, ở châu Diêm-phù này có các thương nhân đi thuyền ra biển, mang theo con ó tìm bờ. Bọn người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả, nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyền. Nếu con ó tìm bờ không đến được bờ của biển cả, nó sẽ trở lại thuyền. Ngươi cũng vậy, bởi vì ngươi bị các Ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các chùa địa phương nên ngươi mới trở về chỗ Ta. Thôi, đủ rồi Đàm-di, còn cần gì phải nói điều đó nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Giáo, Phẩm 11, số 130)

TRỜI BIẾN TỊNH QUANG THIÊN

Nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ được thụy miên, không chấm dứt trạo hối một cách khéo léo. Sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không cực kỳ minh tịnh.

Ví như đèn cháy là nhờ nơi dầu và tim đèn. Nếu dầu có cặn, tim lại không sạch, do đó ánh sáng của đèn phát ra không sáng tỏ. Này Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở nơi vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy không cực kỳ đình chỉ được thụy

miên, không chấm dứt khéo léo trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không cực kỳ minh tịnh.

Lại có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo trạo hối. Khi thân hoại mạng chung sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

Cũng như vậy, đèn do dầu và do tim. Nếu dầu rất sạch và tim rất sạch, nhờ đó ánh sáng phát ra rất trong sáng. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ nhàn tịnh, vô sự, đến dưới gốc cây, ý cởi mở, Biến tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ. Vị ấy cực kỳ đình chỉ được thụy miên, chấm dứt khéo léo được trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, sanh lên Biến tịnh quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ minh tịnh.

(Trung A Hàm, Kinh Hữu Thắng Thiên, Phẩm 7, số 79)

TRÓI BUỘC VÀO KHỔ HẠNH

Nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao cho rằng đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

TRỜI QUANG THIÊN

Có ba loài trời: Quang thiên, Tịnh quang thiên và Biến tịnh thiên. Trong đó, chư Thiên trong cõi Quang thiên sanh tại một chỗ, không nghĩ rằng: ‘Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của

ta'. Nhưng Quang thiên kia tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say nơi đó.

Ví như con ruồi ở nơi miếng thịt, không nghĩ rằng: 'Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta', nhưng con ruồi tùy theo miếng thịt ở đâu mà vui say chỗ đó. Cũng vậy, chư Thiên cõi Quang thiên không nghĩ rằng: 'Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta', nhưng Quang thiên tùy chỗ họ đến nơi nào thì liền vui say trong đó.

(Trung A Hàm, Kinh Hữu Thắng Thiên, Phẩm 7, số 79)

TRỜI TỊNH QUANG

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, chỗ an tịnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy định này không tu, không tập, không phát triển, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy sau đó, khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không được cực kỳ tĩnh chỉ, không được cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

Ví như hoa sen màu xanh, vàng, đỏ, trắng, sanh ra và lớn lên đều ở dưới đáy nước. Khi ấy, rễ, cọng, lá, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước, không gì là không bị thấm nước. Này Hiền giả Chân Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn thành tựu an trụ; vị ấy định này không tu, không tập, không làm rộng lớn, không cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên, sanh rồi không cực kỳ tĩnh chỉ, không cực kỳ tịch tịnh, cũng không sống trọn tuổi thọ.

Lại có Sa-môn, Phạm chí, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sau khi sanh, được cực kỳ tĩnh chỉ, cực kỳ tịch tịnh, cũng được sống trọn tuổi thọ.

Ví như hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng sanh dưới nước, lớn dưới nước, vượt lên trên nước, nước không thể thấm ngập được. Hiền giả Ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu lại có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tĩnh không nhàn, ý cởi mở, Tịnh quang thiên biến mãn, thành tựu an trụ; vị ấy định này nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, cực kỳ thành tựu. Vị ấy khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh quang thiên. Sanh lên rồi, được cực kỳ tĩnh chỉ, cực kỳ tịch tịnh, và cũng được sống trọn tuổi thọ.

(Trung A Hàm, Kinh Hữu Thắng Thiên, Phẩm 7, số 79)

TRỘM CẮP

Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không cầu mong sự đáp lại.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

TRÚ Ở TAM THIỀN VÀ CÕI BIẾN TỊNH THIÊN

Tỳ-kheo, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, lạc trụ, chứng đệ Tam thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này, vị kia vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này,

trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến tịnh thiên. Các trời Biến tịnh sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ; và Tỳ-kheo sống ở đây nhập Tam thiền này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đâu hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

TRÚ VÀO BÊN TRONG

Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đắc đệ Nhị thiền, thành tựu an trú. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của định, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trụ, vô cầu, chánh niệm chánh trí, thân cảm giác lạc, điều được Thánh nói là được Thánh xả, niệm, an trú lạc, đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của ly hỷ, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ và ưu có trước kia, không

khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của xả và vị của niệm thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai biệt, nhập vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị của không trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô sở hữu trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô tưởng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong.

Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

TRỤ VÔ TƯỞNG ĐỊNH

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên trụ vô tưởng định?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên trụ vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không niệm tất cả tưởng, hai là niệm vô tưởng giới. Đó là hai nhân duyên hai duyên trụ vô tưởng định.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

TRUNG ĐẠO

'Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn'. Vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào?

Ở đây, Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói 'Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn'.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

TRUY NIỆM QUÁ KHỨ

Thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ?

Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có

sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, ý niệm, sắc ái, tâm lạc tương ưng với dục, tâm mò bắt cái gốc. Gốc tức quá khứ vậy. Thức quá khứ vị ấy bị nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc. Do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ.

(Trung A Hàm, Kinh Ôn Tuyền Lâm Thiên, Phẩm 13, số 165)

TỪ BỎ BUÔN BÁN

Tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ thói cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người. Đối với sự sinh hoạt buôn bán, tâm tôi đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Trí, Phẩm 15, số 187)

TU ĐỊNH

Nếu có thiện tâm thuần nhất được gọi là định. Bốn niệm xứ được gọi là định tưởng. Bốn chánh đoạn được gọi là định lực. Bốn như ý túc được gọi là định công. Nếu tu tập các thiện pháp này rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần, đó gọi là tu định.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

TU HẠNH VÔ SỰ

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi rằng: Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền đáp rằng, 'Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự khen ngợi ở nơi vô

sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh Vô sự.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

TỰ KHEN MÌNH

Nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do duyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: 'Tôi hành tân khổ; hành của tôi rất khó'. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

Hoặc có người hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ sự liền sanh lòng tật đố, nói rằng 'Sao lại kính trọng, lễ sự, cúng dường Sa-

môn, Phạm chí ấy? Hãy nên kính trọng, cúng dường, lễ sự tôi đây. Vì sao vậy? Vì tôi hành khổ hạnh'. Hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-đàm-bà-la, Phẩm 9, số 104)

TỰ MÌNH THẮP ĐUỐC

Nếu ai tự mình thắp lên ngọn đèn chánh pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thắp lên ngọn đèn khác, không nương tựa một pháp khác, thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng.

(Trung A Hàm, Kinh Chuyển Luân Vương, Phẩm 6, số 70)

TU MƯỜI BIẾN XỨ

Nếu khi Như Lai xuất thế, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu thứ nhất địa biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ, tu thứ mười vô lượng thức biến xứ, bốn duy, trên dưới là không hai, là vô lượng.

Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Mười biến xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

TỨ NHIẾP PHÁP

Có bốn sự nhiếp, như Đức Thế Tôn đã dạy. Một là huệ thí, hai là ái ngôn, ba là dĩ lợi, bốn là đẳng lợi. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn phương pháp ấy để nhiếp hóa đồ chúng này, hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng ái ngôn, hoặc là dùng lợi, hoặc là dùng đẳng lợi.

Đức Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Này Thủ Trưởng giả, ông có thể bằng như pháp ấy mà nhiếp hóa đại chúng, lại bằng như môn ấy mà nhiếp hóa đại chúng, lại bằng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng. Nếu trong quá khứ có Sa-môn, Phạm chí nào, bằng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, tất cả những sự nhiếp hóa đấy đều hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này. Nếu trong vị lai có Sa-môn, Phạm chí nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những sự nhiếp hóa ấy hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này.

Này Thủ Trưởng Giả, nếu trong hiện tại có Sa-môn, Phạm chí nào bằng như pháp nhiếp hóa đại chúng, tất cả những pháp ấy đều hoàn toàn ở trong bốn sự nhiếp này.

(Trung A Hàm, Kinh Thủ Trưởng Giả, Phẩm 4, số 40)

TỨ NHIẾP PHÁP TĂNG TRƯỞNG

Đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không quên mất, không suy thoái, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn.

Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Bốn chánh đoạn. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

TƯ NIỆM QUÁ NHIỀU VỀ DỤC

Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục, tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục cho nên tâm sanh ham thích trong đó.

Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại. Vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ.

Ta thực hành như vậy. Sống viễn ly, cô độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta biết liền là đang sanh niệm vô dục, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết rằng, không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ không phiền nhọc mà

chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm, Phẩm 9, số 102)

TỨ NIỆM XỨ VÀ BẢY GIÁC CHI

Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp. Đó là Bốn niệm xứ.

Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái, tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

Các Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều đoạn trừ năm triền cái là thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ.

Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều đoạn trừ năm triền cái làm tâm ô uế, tuệ yếu kém. Ta cũng lập tâm chánh trụ nơi Bốn niệm xứ, tu Bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng chánh tận.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Xứ, Phẩm 9, số 98)

TỰ PHỤ

Phàm phu ngu si không đa văn, vì chưa bị tật bệnh nên tâm tự cao, tự phụ, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập phạm hạnh. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao tự phụ, không tu tập phạm hạnh, rồi tham dục mà sanh si ám. Phàm phu ngu si không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám,

không tu tập phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Nhu Nhuyến, Phẩm 11, số 117)

TỰ TẠI KHÔNG SỢ HÃI

Tôn giả A-nan lại nói như vầy: Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có số đông Sa-môn, Phạm chí dị học đến hỏi tôi sự việc gì, nếu vì thế mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng; không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: 'Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vầy'. Này chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

A-nan lại nói: Thưa chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này. Đó là có bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi cống cao, điều ấy không thể có được. Tôi cũng không hề tác ý trước rằng: 'Nếu có ai đến hỏi, ta sẽ trả lời như vầy'. Này chư Hiền, tôi ngay trên chỗ ngồi tùy theo nghĩa người kia hỏi mà trả lời. Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan.

(Trung A Hàm, Kinh Thị Giả, Phẩm 4, số 33)

TỪ TÂM MÀ KHỞI

Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật, thì vị ấy do thủ hộ thành thật cho nên được hỷ, được duyệt. Nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện đó từ tâm mà khởi.

Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, là do tu tập những pháp ấy. Như vậy, vị ấy, được hành sự bố thí, được sự tụng

tập, được sự hành khổ hạnh, được sống Phạm hạnh. Vị ấy do sống Phạm hạnh cho nên được hỷ, được duyệt.

Nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, tâm ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

Cũng như có người khéo thổi tù và. Nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên núi cao, đem hết sức thổi tù và, phát ra âm thanh vi diệu, biến mãn cả bốn phương; cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trụ; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cả thế gian, thành tựu an trụ; cũng vậy với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh chấp, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 12, số 152)

TỰ THÂN DIỆT

Sắc thạnh ấm bị đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô

nhiễm, diệt, tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm đoạn trừ không dư tàn, xả, nhả sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Đó là tự thân diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, Phẩm 17, số 210)

TỬ THI QUÁN

Tỳ-kheo quán xác chết mới chết, từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ, diều bươi mổ, sài lang cấu xé; hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị rữa nát hư hoại.

Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt sắc xanh, rửa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất.

Thây chết không còn da thịt, máu, mà chỉ còn gân nối liền với xương.

Xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi.

Xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn.

Quán sát rồi, tự so sánh: 'Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi'. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai hoạn của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

TỨ THIỀN

Nếu khi Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành Tựu, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đó là, nếu muốn đoạn trừ vô minh nên tu Tứ thiền. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

TỨ THIỀN LÀ CHƯA RỐT RÁO

Hoặc có một người được đệ Tứ thiền; được đệ Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn vi diệu, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Nếu có lời nói như thế này: 'Cư sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng? Không đúng. Vì sao? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói, thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại có thể ăn như trước.

Hoặc có một người được đệ Tứ thiền; được đệ Tứ thiền rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Đó gọi là có một người.

(Trung A Hàm, Kinh Chi-ly-di-lê, Phẩm 7, số 82)

TỨ THIỀN VÀ QUẢ THẬT THIÊN

Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đệ Tứ thiền, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Quả thật thiên. Các trời Quả thật thiên, sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh; và Tỳ-kheo sống ở đây, nhập đệ Tứ thiền, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tịnh. Hai diệu lạc do xả niệm thanh tịnh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy?

Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả thật thiên. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

TU TỨ NIỆM XỨ ĐỂ ĐOẠN TRỪ VÔ MINH

Nếu khi Đức Như Lai xuất thế, là Vô Sở Trước, Minh Hạnh Thành Tựu, Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp.

Đó là nếu muốn đoạn trừ vô minh, nên tu Bốn niệm xứ. Như vậy, số đoạn, giải thoát, quá độ, bạt tuyệt, diệt, chỉ, tổng tri và biệt tri.

(Trung A Hàm, Kinh Lệ, Phẩm 18, số 222)

TỪ VÔ MINH SANH

Cũng như lửa cháy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lầu các, điện đường. Cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh chứ không từ trí tuệ. Những ai vướng tai hoạn, ưu não, tất cả chúng đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

TÚC MẠNG TRÍ

Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Túc mạng trí thông và chứng đắc, nhớ vô lượng đời trước mà Ta đã trải qua, có hành động và có dung mạo thế nào, nghĩa là Ta nhớ lại một đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành và hoại, chúng sanh kia tên như thế, thuở xưa trải qua đó. Ta từng sanh ở đó, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt tuổi thọ như thế, chết nơi này sanh nơi kia, chết

chỗ kia sanh chỗ này; Ta sanh nơi này, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và an lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt mạng sống như thế. Bấy giờ là lúc vào khoảng đầu, chứng đắc minh đạt thứ nhất này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn, nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

TUỆ GIẢI THOÁT VỮNG BỀN

Ví như cách thôn không xa, có tòa núi đá lớn, không vỡ, không sứt mẻ, không yếu dòn, vững chắc, không trống hở, là một khối hợp nhất. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Đông đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Đông dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Nam đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Nam dời đến phương Tây. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Tây đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Tây dời đến phương Nam. Nếu có gió, mưa lớn từ phương Bắc đến thì cũng không thể lay chuyển, không thể di động; cũng không phải gió phương Bắc dời đến các phương.

Vị ấy nếu có sắc được nhận thức bởi mắt, khi sắc đó đến với mắt thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trụ, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Nếu có tiếng được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được

nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý. Khi pháp đó đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này sẽ bị vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

TUỔI THỌ CỦA DIỆM MA THIÊN

'Lạc thú nhân vương không bằng lạc thú chư Thiên'. Ở nhân gian hai trăm năm thì Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. Hai nghìn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên. Này Bà cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhân thọ trì Thánh trai tám chi, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trên Diệm-ma thiên.

(Trung A Hàm, Kinh Trì Trai, Phẩm 17, số 202)

TUỔI THỌ VÀ HƠI ẤM

Do dầu do bấc mà đốt được đèn; và ở đây do ngọn mà có ánh sáng, do ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì không có ánh sáng, không có ánh sáng thì không có ngọn.

Nhân tuổi thọ mà có hơi ấm, nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm, không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

TƯỞNG GIỚI

Bạch y Thánh đệ tử tự niệm tưởng giới, giới này không sứt mẻ, không rách nát, không ô uế, không cấu bẩn, vững như mặt đất, không hư vọng, đó là điều mà Đức Phật ngợi khen, thọ trì đầy đủ tốt đẹp. Người ấy tự nhớ nghĩ giới như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, sầu khổ, nhớp nhơ, âu lo cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm định được hỷ. Nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt.

Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, ngạ quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vị Chánh giác, tối đa chịu bảy lần sanh tử nữa, sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-bà-tắc, Phẩm 11, số 128)

TƯƠNG LAI KHÔNG MONG CẦU

Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai, không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai, sẽ không ham muốn, không đắm trước, không an trú. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

(Trung A Hàm, Kinh A-Nan Thuyết, Phẩm 13, số 167)

TƯỞNG PHÁP

Bạch y Thánh đệ tử niệm tưởng Pháp được Thế Tôn khéo giảng, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di động. Quán pháp như vậy, biết

pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào pháp, tâm tịnh được hỷ. Nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-bà-tắc, Phẩm 11, số 128)

TƯỞNG TĂNG

Bạch y Thánh đệ tử niệm chúng Tăng, Thánh chúng của Như Lai là những bậc thiện thú hướng, chánh thú hướng, như lý hành, pháp tùy pháp hành, chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả. Đó là bốn cặp tám bậc, là chúng của Như Lai thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng cúng, là ruộng phước an lành của thế gian. Người ấy nhớ nghĩ chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt.

Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt. Trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo cũng được tiêu diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Ưu-bà-tắc, Phẩm 11, số 128)

TÙY DỤNG TÂM TỰ TẠI

Nếu Tỳ Kheo muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú

định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

TÙY DỤNG TÂM TỰ TẠI VÀ KHU RỪNG

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi rằng: 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

Tôn giả Xá-lê Tử liền đáp rằng, 'Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng

khu rừng Ngưu giác sa-la'.

Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã nói. Vì sao? Vì Xá-lê Tử Tỳ-kheo tùy dụng Tâm tự tại.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

TỲ KHEO BĂNG HÀO

Thế nào là Tỳ-kheo băng hào?

Hào vô minh đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa. (Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

TỲ KHEO BIẾT CHÚNG HỘI

Thế nào là Tỳ-kheo biết chúng hội? Tỳ-kheo biết đây là chúng hội Sát-lợi, đây là Phạm chí, đây là chúng hội Cư sĩ, đây là chúng hội Sa-môn. Ở nơi các chúng hội ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Pháp, Phẩm 1, số 1)

TỲ KHEO BIẾT GIỚI

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười tám giới: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Sáu giới: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Sáu giới: dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới.

Sáu giới: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới.

Bốn giới: thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới.

Ba giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Ba giới: sắc giới, vô sắc giới, diệt giới.

Ba giới: quá khứ giới, vị lai giới, hiện tại giới.

Ba giới: diệu giới, bất diệu giới, trung giới

Ba giới: thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới.

Ba giới: học giới, vô học giới, phi học vô học giới.

Hai giới: hữu lậu giới, vô lậu giới.

Hai giới: hữu vi giới, vô vi giới.

Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu mươi hai giới này.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

TỲ KHEO BIẾT MÌNH

Thế nào là Tỳ-kheo biết mình?

Tỳ-kheo tự biết mình có mức độ ấy tín, giới thí, tuệ, biện, a-hàm và sở đắc.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Pháp, Phẩm 1, số 1)

TỲ KHEO BIẾT NHÂN DUYÊN

Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp khởi từ nhân duyên, rằng 'Nhân cái này có, cái kia có; cái này không, cái kia không. Cái này sanh, cái kia sanh; cái này diệt cho nên cái kia diệt'. Tức là duyên vô minh có hành..., cho đến duyên sanh có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

TỲ KHEO BIẾT PHÁP

Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp?

Nghĩa là Tỳ-kheo biết chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết, kệ tha, nhân duyên, soạn lục, bản khởi, thử thuyết, sanh xứ, quảng giải, vị tằng hữu và thuyết nghĩa.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Pháp, Phẩm 1, số 1)

TỲ KHEO BIẾT SỰ HƠN KÉM CỦA NGƯỜI

Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người?

Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín là kém.

Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém.

Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính.

Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém.

Người có lễ kính lại có hai hạng: có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là hơn, người không hỏi kinh là kém.

Người có hỏi kinh lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh.

Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp.

Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém.

Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa.

Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém. Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp.

Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém.

Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi

cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian không cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người.

Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người. Người ấy là bậc nhất là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu giữa mọi người khác.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sinh tô, từ sinh tô có thục tô, từ thục tô có tô tinh. Tô tinh là thứ bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu đối với những loại kia.

Nếu người nào tự làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời người, thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết, người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quí, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Pháp, Phẩm 1, số 1)

TỲ KHEO BIẾT TIẾT ĐỘ

Thế nào là Tỳ-kheo biết tiết độ?

Đó là Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Pháp, Phẩm 1, số 1)

TỲ KHEO KHÔNG TRÚ VÀO BÊN TRONG

Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của xả và của niệm, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai khác, nhập vô lượng không, thành vô lượng không xứ, thành tựu và an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị ngọt của không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của tưởng trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó, nên thức của vị ấy không trú vào bên trong.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Quán Pháp, Phẩm 13, số 164)

TỲ KHEO TRÍ TUỆ

Tôn giả A-nan buồn rầu, khóc lóc, nước mắt chảy, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ?

Thế Tôn đáp rằng: Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ phi xứ. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ.

Nếu Tỳ-kheo nào biết giới, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ; A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si.

(Trung A Hàm, Kinh Đa Giới, Phẩm 14, số 181)

UY ĐỨC CỦA THẾ TÔN

Vua Ba Tư Nặc thưa: Bạch Thế Tôn, con thấy một Sa-môn Phạm chí thông minh trí tuệ, tự xưng mình thông minh trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường dịch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào thảy đều đả phá tông chủ của người mà tự lập luận điểm của mình, và nói rằng, 'Chúng ta hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, mà hỏi ông những điều như vầy, như vầy. Nếu ông trả lời được như thế này, thì ta vặn hỏi thế kia. Nếu ông không trả lời được thì ta cũng vặn hỏi rồi bỏ đi'. Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, vị này liền tìm đến, nhưng khi gặp Phật thì lại chẳng dám hỏi lời nào huống nữa là vấn nạn. Đó là sự loại suy về pháp của con đối với Thế Tôn.

Do đó con nghĩ rằng, 'Pháp được Như Lai Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử

của Thế Tôn thật là khéo thú hướng'.

(Trung A Hàm, Kinh Pháp Trang Nghiêm, Phẩm 18, số 213)

VẤN NẠN

Phạm chí liền hỏi: Thưa Cù-đàm, kinh điển của Phạm chí nương vào đâu mà tồn tại?
Đức Thế Tôn đáp: Kinh điển của Phạm chí nương vào con người mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Con người nương vào lúa gạo mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Lúa gạo nương vào đất mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, đất nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Đất nương vào nước mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, nước nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Nước nương vào gió mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, gió nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Gió nương vào hư không mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Hư không không có nương tựa, nhưng nhân mặt trời, mặt trăng mà có hư không.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ thiên vương mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Tứ thiên vương nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Tứ Thiên vương nương vào Tam thập tam thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Tam thập tam thiên nương vào đâu mà

tồn tại?
Đáp: Tam thập tam thiên nương vào Diệm-ma thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Diệm-ma thiên nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Diệm-ma thiên nương vào Đâu-suất-đà thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Đâu-suất-đà thiên nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Đâu-suất-đà thiên nương vào Hóa lạc thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Hóa lạc thiên nương vào Tha hóa lạc thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Tha hóa lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Tha hóa lạc thiên nương vào Phạm thiên mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Phạm thiên nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Phạm thiên nương vào Đại phạm mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Đại phạm nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Đại phạm nương vào nhẫn nhục, ôn hòa mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, nhẫn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Nhẫn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại.
Hỏi: Thưa Cù-đàm, Niết-bàn nương vào đâu mà tồn tại?
Đáp: Ý muốn của Phạm chí nương vào những sự kiện không cùng nên ông nay đã hỏi Ta về sự không có giới hạn, nhưng Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niết-bàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Này Phạm chí, vì mục đích này mà nhiều người theo ta mà tu hành Phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

VÌ ÁI NÊN MUỐN SỞ HỮU

Thế Tôn nói: Duyên ái có thủ. Đây nói là duyên ái có thủ; nên biết, điều được nói là duyên ái có thủ. A-nan, nếu không có ái, mỗi loài và mỗi loài đều không có ái, thì giả sử tách rời ái, sẽ có thủ chăng? Thiết lập có thủ chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế tôn nói: Cho nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản của thủ, duyên của thủ, gọi đó là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ.

A-nan, đó là duyên ái có cầu, duyên cầu có lợi, duyên lợi có phân, duyên phân có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có trước, duyên trước có keo kiệt, duyên keo kiệt có bủn xỉn, duyên bủn xỉn có bảo thủ.

A-nan, vì duyên bảo thủ nên có dao gậy, đấu tranh, dua siểm, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

VÌ KHÔNG NIỆM THÂN NÊN MA DỄ PHÁ

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người lực sĩ khiêng hòn đá to, nặng, quăng vào trong vũng bùn thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Hòn đá có bị lún vào bùn không?

Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún vào bùn. Vì sao? Vì bùn lầy mà đá nặng, cho nên chắc chắn phải lún vào.

Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chánh lập an

trụ niệm thân, sống với tâm nhỏ hẹp, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, sống với tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người lực sĩ cầm một trái cầu nhẹ bằng lông, ném vào một cánh cửa đóng kín, thì Tỳ-kheo nghĩ sao? Cánh cửa kia có nhận cầu chăng?

Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không thể nhận. Vì sao? Vì trái cầu thì nhẹ mà cánh cửa đứng thẳng, không thể nhận được.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chánh lập an trụ niệm thân, tâm vô lượng, vị ấy nếu ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

(Trung A Hàm, Kinh Niệm Thân, Phẩm 7, số 81)

VÌ MIẾNG ĂN MÀ XUẤT GIA

Thế nào là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp? Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư; sau đó có hai Tỳ-kheo đến, đói khát, sức lực hao mòn, Ta nói với họ rằng: ‘Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, các ngươi muốn ăn thì lấy mà ăn. Nếu các ngươi không lấy thì Ta sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc đổ trong nước không có trùng’.

Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ nhất suy nghĩ như vầy, ‘Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, nếu ta không lấy tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đổ nơi đất sạch,

hoặc trong nước không có trùng. Vậy ta hãy lấy mà ăn'. Tỳ-kheo ấy liền lấy mà ăn. Tuy được một ngày một đêm an ổn khoái lạc, nhưng vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư đó nên không vừa ý Phật.

Vì sao? Vì Tỳ-kheo đó nhận lấy đồ ăn đó nên không thể thiểu dục, không thể tri túc, không thể dễ nuôi, không thể dễ thỏa mãn, không thể biết thời, không thể biết tiết độ, không thể tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không thể có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do bởi Tỳ-kheo nhận lấy đồ ăn dư mà không vừa ý Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà theo Phật tu hành, chứ không phải vì cầu pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

VỊ NGỌT CỦA DỤC

Có năm công đức của dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, đáng vui thích, có liên hệ đến dục, khiến cho người khoái lạc. Những gì là năm? Đó là, sắc được biết bởi mắt, âm thanh được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Do đây mà nhà vua và quyến thuộc của nhà vua được an lạc hoan hỷ. Vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều.

(Trung A Hàm, Kinh Khổ Ấm, Phẩm 9, số 100)

VÌ PHÂN BIỆT MÀ SANH KHÁT ÁI

Thế Tôn nói: A-nan, duyên phân biệt có nhiễm dục. Đây nói là duyên phân biệt có nhiễm dục; nên biết, điều được nói là

duyên phân biệt có nhiễm dục. A-nan, nếu không có phân biệt, tất cả đều không có phân biệt thì giả sử tách rời phân biệt, có nhiễm dục chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn nói: A-nan, cho nên biết rằng nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nguyên của nhiễm dục, gọi đó là phân. Vì sao? Vì duyên phần nên có nhiễm dục vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Nhân, Phẩm 9, số 97)

VÌ PHÁP MÀ XUẤT GIA

Thế nào là các đệ tử thực hành sự cầu pháp, chứ không thực hành cầu ẩm thực? Trong hai người ấy, Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vầy, 'Đức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư. Nếu ta không lấy thì tất nhiên Đức Thế Tôn sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng.

Nhưng Đức Thế Tôn có dạy rằng: 'Điều thấp kém nhất trong việc ăn uống là ăn đồ ăn dư.' Vậy ta không nên nhận lấy đồ ăn đó'. Nghĩ như thế rồi, Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn. Tỳ-kheo kia không nhận lấy đồ ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khổ sở, không được an ổn, nhưng nhân vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn đó nên được vừa lòng Phật.

Vì sao? Tỳ-kheo ấy do bởi không nhận lấy đồ ăn dư nên được sự thiểu dục, được sự tri túc, được sự sống dễ nuôi, dễ thỏa mãn, biết thời, có tiết độ, có tinh tấn, có thể tĩnh tọa, có tịnh hạnh, có thể sống viễn ly, được nhất tâm, được tinh cần và cũng có thể chứng đắc Niết-bàn. Cho nên, do bởi Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn này mà được vừa lòng Phật. Như thế, gọi là các đệ tử vì cầu pháp mà theo Phật tu hành, chứ không

phải vì cầu ẩm thực.

(Trung A Hàm, Kinh Cầu Pháp, Phẩm 8, số 88)

VÌ SAO CÓ ĐẸP XẤU?

Bạch Cù-đàm, do nhân gì, do duyên gì, chúng sanh kia đều thọ thân người mà có người cao kẻ thấp, có người đẹp kẻ xấu. Vì sao vậy? Tôi thấy có kẻ sống lâu, người chết yểu; có kẻ nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có kẻ có oai đức, người không oai đức; lại thấy có kẻ sanh nhằm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thấy có kẻ thiện trí, có người ác trí.

Đức Thế Tôn trả lời: Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, nhân bởi nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy theo nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

VÌ SAO ÍT THÔNG MINH?

Do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc. Nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo nghĩa, rằng 'Thưa chư tôn, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là không tội? Thế nào là vi diệu, thế nào là không vi diệu? Thế nào là trắng, thế nào là đen? Trắng đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào? Ý nghĩa quả báo hậu thế như thế nào?' Giả

sử có hỏi nhưng không chịu thực hành. Người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục. Mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi.

(Trung A Hàm, Kinh Anh Vũ, Phẩm 13, số 170)

VÌ SAO NHƯ LAI SỐNG TRONG RỪNG SÂU?

Này A-nan, như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

Sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình.

Từ mẫn đối với những người đời sau.

Hoặc giả, đời sau người người noi bóng Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có giận dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Không, Phẩm 15, số 191)

VÌ THƯƠNG CHÚNG SANH ĐỜI SAU

Không phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.

Sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

Vì thương xót chúng sanh đời sau.

Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng người, tùy thuận tĩnh tọa. Vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

VÔ DƯ NIẾT BÀN

Vô dư Niết-bàn là gì?

Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: ‘Ta không có ta, cũng không có cái của ta. Trong tương lai không có ta, cũng không có cái của ta. Cái đã có thì đoạn’. Sau khi đoạn, chứng đắc xả. Có

lạc mà không nhiễm, hiệp hội mà không đắm trước. Thực hành như thế, sẽ do tuệ mà thấy được đạo lộ tịch tĩnh vô thượng, và đã được chứng ngộ. Ta nói rằng Tỳ-kheo kia không đi đến phía Đông, không đi đến phía Tây, Nam, Bắc, tứ duy hay thượng, hạ, mà ngay trong đời này chứng được đạo lộ tịch tĩnh, diệt độ.

(Trung A Hàm, Kinh Thiện Nhân Vãng, Phẩm 1, số 6)

VÔ LƯỢNG KHÔNG XỨ THIÊN

Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, hữu đối tưởng, không truy niệm bất cứ tưởng nào, nhập vô biên không, thành tựu an trụ không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô lượng không xứ thiên. Các trời Vô lượng không xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng vô lượng không xứ tưởng; và Tỳ-kheo ở đây thọ hưởng vô lượng không xứ tưởng. Hai vô lượng không xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô lượng không xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

VÔ LƯỢNG PHÁP ÁC PHÁT SANH

Do niệm có dục, do dục có yêu và không yêu. Do yêu và không yêu có bỏn sẻn và ganh tị. Do bỏn sẻn và ganh tị mà sanh ra dao, gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, nói hai lưỡi, trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác bất

thiện. Như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

VÔ LƯỢNG TÂM GIẢI THOÁT

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tịnh trống trải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Như vậy, hai, ba, bốn phương, trên dưới cùng khắp nơi, tâm đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian.

Cũng như vậy, tâm đi đôi với hỷ, bi, xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian. Đó là vô lượng tâm giải thoát.

(Trung A Hàm, Kinh Hữu Thắng Thiên, Phẩm 7, số 79)

VÔ MINH BAO PHỦ

Giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, co khi trúng chỗ đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, sanh vào súc sanh hay loài ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuống đất, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ, tai hoạn lại lớn, tai hoạn quá nhiều!

(Trung A Hàm, Kinh A-Già-la-ha-na, Phẩm 12, số 159)

VÔ MINH ĐÃ DỨT

Nếu có Tỳ-kheo vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị ấy vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; cảm giác về hậu thân sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu thân sanh khởi; khi cảm giác về hậu mạng sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu mạng sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bặt, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn.

Cũng như nhân cây mà có bóng. Giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành nhiều khúc, phá làm mười phần, hoặc trăm phần, đốt cháy thành tro, rồi hoặc để gió thổi bay đi, hoặc mang bỏ vào trong nước. Bóng nhân cây mà có; bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sanh nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Hòa Phá, Phẩm 2, số 12)

VÔ NGÃ

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:Nếu có ai mạ lỵ đánh đập, trách mắng các ngươi; hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các ngươi; các ngươi nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có tâm hại, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc.

Vì sao? Hãy nghĩ rằng, Chúng ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã. Ví như nay đây, ngoài cửa Thắng lâm này có cỏ khô, cây khô, có một người mang đi đốt, tùy ý mà dùng. Ý các ngươi nghĩ sao? Cây cỏ khô kia có nghĩ rằng, 'Người ấy mang ta đi đốt, tùy ý mà dùng không'?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không.

Cũng vậy, nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng các

ngươi hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các ngươi; các ngươi nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm cũng chớ có vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng, 'Ta không có thần ngã, không có sở hữu của thần ngã.'

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

VÔ NGÃ VÀ NIẾT BÀN

Tỳ-kheo nào hành như vầy, 'Không có ta, không có sở hữu của ta; ta sẽ không tồn tại, sở hữu của ta sẽ không tồn tại; những gì có trước kia, bèn được xả sạch'.

Nếu Tỳ-kheo ấy không vui thích với sự xả bỏ ấy, không đắm trước sự xả bỏ ấy, không trú vào sự xả bỏ ấy, Tỳ-kheo thực hành như thế, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tịnh Bất Động Đạo, Phẩm 7, số 75)

VÔ SÂN

Hoặc có người không có sân triền, không phú kết, không bỏn sẻn, tật đố, không dua siểm, dối trá, không vô tàm, không vô quý và khen ngợi tàm quý. Nếu có người không có sân triền, không phú kết, không bỏn sẻn, tật đố, không dua diểm, dối trá, không vô tàm, không vô quý và khen ngợi tàm quý, thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Hắc Tỳ-kheo, Phẩm 8, số 94)

VÔ SỞ HỮU XỨ THIÊN

Tỳ-kheo vượt qua vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu thì thành tựu an trụ vô sở hữu xứ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định này khi đã vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô sở hữu xứ thiên. Các trời Vô sở hữu xứ thiên sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng vô sở hữu xứ tưởng; và Tỳ-kheo trụ ở đây thọ hưởng vô lượng thức xứ tưởng. Hai vô sở hữu xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đây hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào cõi Vô sở hữu xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

(Trung A Hàm, Kinh Ý Hành, Phẩm 13, số 168)

VÔ SỰ

Nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự khen ngợi ở nơi vô sự;

Tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục;

Tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc;

Tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly;

Tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn;

Tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí;

Tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định;

Tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã

sạch, khen ngợi các lậu đã sạch;

Tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.

Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.

(Trung A Hàm, Kinh Ngưu Giác Sa-la Lâm, Phẩm 15, số 184)

VÔ THƯỢNG ÁI TẬN

Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát, kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh phạm hạnh, thành tựu cứu cánh phạm hạnh.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

VÔ TRÁNH

Xa lìa hai cực đoan ấy, có trung đạo, tác thành con mắt, tác thành trí tự tại, thành định, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc về chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh.

(Trung A Hàm, Kinh Câu-Lâu-Sấu, Phẩm 13, số 169)

VÔ TƯỞNG ĐỊNH LÀ CHƯA RỐT RÁO

Hoặc có một người được Vô tưởng tâm định; được vô tưởng tâm định rồi thì người ấy liền an trụ, không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó

người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.

Ví như ở một khu rừng vắng, người ta nghe tiếng dế kêu. Khi vua hoặc đại thần ngủ đêm tại khu rừng vắng đó, bấy giờ người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng đi bộ, tiếng trống, tiếng trống cơm, tiếng trống múa, tiếng múa, tiếng hát, tiếng đàn cầm, tiếng ăn uống, chứ không nghe tiếng dế kêu như trước tại khu rừng này nữa. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: 'Khu rừng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa'. Người ấy nói như vậy có đúng chăng?

Không đúng. Vì sao? Vì vua hoặc đại thần ấy qua đêm, trời sáng rồi đều trở về. Nếu chỗ đó vì nghe các tiếng voi, ngựa, xe cộ, đi bộ, tiếng ốc, tiếng trống, trống cơm, trống múa, tiếng múa, ca, tiếng đàn, ăn uống nên không nghe tiếng dế kêu, nhưng khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ.

Có một người được Vô tưởng tâm định; được Vô tưởng tâm định rồi liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Đó gọi là có một người.

(Trung A Hàm, Kinh Chi-ly-di-lê, Phẩm 7, số 82)

VONG ÂN

Nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không ưa thích người ấy, và nếu tôi vong ân, không biết ân thì người ấy cũng chẳng ưa thích tôi.

Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy, không hành sự vong ân không biết ân. Nên học như vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Tỳ Kheo Thỉnh, Phẩm 8, số 89)

VUI NƠI TÂM BẤT ĐỘNG

Nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, hữu kết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, bằng chánh trí mà chứng đắc giải thoát, thì tức khắc vị ấy liền vui nơi sáu trường hợp: vui nơi vô dục, vui nơi viễn ly, vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

VUI NƠI VIỄN LY

Hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên vui nơi viễn ly'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi viễn ly.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

VUI NƠI VÔ DỤC

Hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này do y tín tâm nên vui nơi vô dục'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô dục.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

VUI NƠI VÔ TRÁNH

Hoặc có người nghĩ rằng: 'Hiền giả này do y trên giới nên vui nơi vô tránh'. Người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới vui nơi vô tránh, vui nơi ái tận, vui nơi thủ tận, và vui nơi tâm không di động.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-môn Nhị Thập Ức, Phẩm 11, số 123)

VUI VÌ TRÌ GIỚI

Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu, đoạn trừ việc sát sanh, do sự đoạn trừ việc sát hại mà sanh khổ, sanh ưu, người đó tự khổ, tự ưu; đoạn trừ việc lấy của không cho, tà dâm, nói láo, cho đến đoạn trừ tà kiến, do đoạn tà kiến mà sanh khổ sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ, thiện sanh, hướng đến trí, hướng đến giác, hướng đến Niết-bàn.

(Trung A Hàm, Kinh Thọ Pháp II, Phẩm 14, số 175)

VƯỢT HÀO

Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào?

Hào hữu ái đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan không còn sanh trở lại nữa.

(Trung A Hàm, Kinh A-lê-tra, Phẩm 16, số 200)

VƯỢT KHỎI BỜ KHỔ

Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, sự tai hoạn và sự xuất yếu, vị đó nhất định không có dục, không có nhuế, không có si, không có ái, không có thủ, có tuệ, có thuyết tuệ, không có tắng, không có tránh, vị đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, cũng có thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, áo não, vượt khỏi bờ khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Sư Tử Hống, Phẩm 9, số 103)

VƯỢT QUA SẮC TƯỞNG

Tỳ-kheo nào không ham nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất di động tâm giải thoát, trường hợp này tất có xảy ra.

Vì sao vậy? Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn hoan lạc. Sắc ấy bại hoại, biến dịch, và khi nó đổi khác thì sanh ra sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trụ nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trụ nơi ngoại không.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Không, Phẩm 15, số 191)

XA LÌA NÓI DỐI

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói dối, đoạn trừ sự nói dối;

nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với việc nói dối, tâm đã trừ sạch.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA NÓI HAI LƯỠI

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này muốn phá hoại người kia; những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không khen việc kết bè đảng. Vị ấy đối với việc việc nói hai lưỡi, tâm đã trừ sạch.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA NÓI THÊU DỆT

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt; nói đúng lúc, đúng sự thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Vị ấy đối với việc nói lời thêu dệt, tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA NÓI THÔ ÁC

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác. Nếu có những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được an ổn, vị ấy

đoạn trừ những lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã dịu dàng, xuôi tai, đi sâu vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thành vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được an ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy đối với việc nói lời thô ác, tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA SÂN HẬN

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa giận dữ, đoạn trừ giận dữ, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Vị ấy đối với sự giận dữ tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA SÁT SANH

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc giết hại, dứt bỏ sự giết hại, dẹp bỏ dao gậy; có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sanh, tâm đã trừ sạch.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA TÀ HẠNH

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc phi phạm hạnh, đoạn trừ việc phi phạm hạnh; siêng tu phạm hạnh, siêng tu diệu hạnh, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với việc việc phi phạm hạnh, tâm đã trừ sạch.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA TÀ KIẾN

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chánh kiến, không điên đảo; thấy như vậy, nói như vậy: 'Có sự bố thí, có sự trai phước, và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác. Có đời này và đời sau. Có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến, trong đời này và đời sau mà tự tri tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ. Vị ấy đối với việc tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA THAM LAM

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng não hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác không móng lòng tham lam, muốn cho được trở về mình. Vị ấy đối với việc tham lam tâm đã tịnh trừ.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA LÌA TRỘM CẮP

Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; vui thích trong việc lấy của đã cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ không keo kiệt, không mong người kia đền trả. Vị ấy đối với việc lấy của không cho, tâm đã trừ sạch.

(Trung A Hàm, Kinh Già Lam, Phẩm 2, số 16)

XA NGƯỜI THƯƠNG LÀ KHỔ

Nói ái biệt ly khổ; nói thế là vì lẽ gì? Ái biệt ly khổ, đó là

chúng sanh thật có sáu xứ bên trong: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ vốn khả ái, nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, biệt ly không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ: xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy.

Chúng sanh quả thực có sáu giới: đất, nước, lửa, gió, hư không và thức giới vốn nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ứng, không gắn bó, không hòa hợp, không tập hợp, đó là khổ. Như vậy gọi là ái biệt ly.

Ái biệt ly là khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Thân tâm cảm nghiệm khổ, cảm nghiệm toàn diện; cảm giác khổ, cảm giác toàn diện. Vì lẽ ấy mà nói ái biệt ly khổ là khổ.

(Trung A Hàm, Kinh Phân Biệt Thánh Đế, Phẩm 3, số 31)

XẢ TÂM GIẢI THOÁT

Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?

Các Tỳ-kheo thưa rằng: Bạch Thế Tôn, không thể.

Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này.

Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: 'Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa'. Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

(Trung A Hàm, Kinh Tư, Phẩm 2, số 15)

XẤU HỔ VỚI MÌNH

Như người dâu lúc mới rước về, gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng.

Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy, nên xấu hổ thẹn thùng rằng: 'Ta ở trong sự lợi mà không có lợi, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhân nơi Phật, Pháp và Chúng mà vẫn không an trụ nơi xả tương ứng với thiện'. Người ấy do hổ thẹn xấu hổ, nên liền an trú nơi xả tương ứng với thiện. Đó là diệu, là tịnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn.

(Trung A Hàm, Kinh Tượng Tích Dụ, Phẩm 3, số 30)

XUẤT GIA CẠO BỎ RÂU TÓC

Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Đại vương, thế cho nên Đức Thế Tôn dạy rằng: 'Thế gian này, tất cả đều đi đến chỗ già nua'. Tôi muốn tiếp nhận điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín từ bỏ gia đình, sống không gia đình học đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Lại-Tra-Hòa-La, Phẩm 11, số 132)

XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Các ngươi lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân thể thạnh trắng, vui thích trong du hý, vui thích trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. Về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyến, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các ngươi xuất gia học đạo.

Các ngươi đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bần cùng, cũng không phải vì sợ không sống được mà phải xuất gia học đạo, mà chỉ vì nhờm tởm sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, sầu khổ, hoặc vì muốn đạt đến tận cùng của khối khổ đau vĩ đại này nên xuất gia học đạo.

(Trung A Hàm, Kinh Sa-kê-đế Tam Tộc Tánh Tử, Phẩm 7, số 77)

XUẤT LY KHỎI HẠI

Đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự não hại. A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát não hại. Vị ấy do cực kỳ quán sát não hại nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không

quyết định nơi hại. tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hại.

Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng về vô hại, vui say vô hại, gần gũi vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi hại

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

XUẤT LY KHỎI SẮC

Đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say trong sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra.

Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát sắc. Vị ấy do cực kỳ quán sát sắc nên tâm không hướng theo sắc, không vui say sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, gần

gũi vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc, viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi sắc. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi sắc.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

XUẤT LY KHỎI THÂN

Đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng khéo léo, quán sát tự thân một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo tự thân, không vui say trong tự thân, không gần gũi với tự thân, không quyết định nơi tự thân. Khi tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự tự thân. Giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại chứ không được nở rộng ra. Đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân. Vị ấy do cực kỳ mãnh liệt quán sát tự thân nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, không quyết định nơi thân. Tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi.

Vị ấy không an trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô thân, vui say vô thân, gần gũi vô thân, quyết định vô thân, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do

thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa, tức cảm thọ sanh ra bởi thân. Như vậy, đó là sự xuất ly khỏi thân.

(Trung A Hàm, Kinh Thuyết Xứ, Phẩm 7, số 86)

XUẤT VÔ TƯỞNG ĐỊNH

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân bao nhiêu duyên ra khỏi vô tưởng định?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba nhân ba duyên ra khỏi vô tưởng định. Những gì là ba? Một là niệm tất cả tưởng; hai là không niệm vô tưởng giới; ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là có ba nhân, ba duyên ra khỏi vô tưởng định.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-Hy-La, Phẩm 17, số 211)

XÚC CHẠM

Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc.

Thế nào là biết như thật về xúc? Có ba xúc: lạc xúc, khổ xúc và bất lạc bất khổ xúc. Đó là biết như thật về xúc.

Thế nào là biết như thật về tập của xúc? Do sáu xứ mà có xúc. Đó là biết như thật về tập của xúc.

Thế nào là biết như thật về diệt của xúc? Sáu xứ diệt tức xúc diệt. Đó là biết như thật về diệt của xúc.

Thế nào là biết như thật về diệt đạo của xúc? Tám chi Thánh đạo từ chánh kiến đến chánh định là tám. Đó là biết như thật

về diệt đạo của xúc.

Nếu có Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về tập của xúc, diệt của xúc và diệt đạo của xúc như vậy; đó là Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập chánh pháp.

(Trung A Hàm, Kinh Đại Câu-hi-la, Phẩm 3, số 29)

YÊU VÀ KHÔNG YÊU

Bỏn sẻn và ganh tị nhân nơi yêu và không yêu, duyên nơi yêu và không yêu; từ nơi yêu và không yêu sanh ra; do yêu và không yêu mà có. Nếu không có yêu, và không yêu thì không có bỏn sẻn và ganh tị vậy.

(Trung A Hàm, Kinh Thích Vấn, Phẩm 11, số 134)

***

MỤC LỤC CHI TIẾT

MỤC LỤC CHƯƠNG 3
NHỮNG LỜI PHẬT DẠY
TRONG TRƯỜNG A HÀM

1. Ba Bậc Thầy 26
2. Ba Mươi Hai Tướng Đại Nhân 27
3. Ba Pháp 29
4. Ba Pháp Tăng Nhất 30
5. Ba Thọ 31
6. Ba Trung Kiếp 32
7. Bậc Chuyển Luân Vương Có Bốn Điều Được Ân Sủng 32
8. Bậc Đại Oai Đức Phải Tránh Chỗ Cho Thiên Thần Vào Lễ 32
9. Báo Nhập Niết Bàn 34
10. Ba Pháp Ba Tụ 34
11. Bảy Pháp 35
12. Bảy Pháp Bất Thoái 36
13. Bảy Pháp Làm Chánh Pháp Không Bị Suy Thoái 36
14. Bảy Pháp Làm Chánh Pháp Không Bị Tổn Giảm 37

15. Bảy Pháp Làm Chánh Pháp Tăng Trưởng 37
16. Bảy Pháp Tăng Nhất 38
17. Bảy Trụ Xứ Của Thức 39
18. Bảy Quả Dị Thục Của Như Lai40
19. Bốn Loại Bạn Đáng Thân 40
20. Bốn Đại Giáo Pháp 41
21. Bốn Đại Sẽ Về Đâu? 45
22. Bốn Điều Đặc Biệt Của Tôn Giả A-Nan 46
23. Bốn Giai Cấp Bình Đẳng 46
24. Bốn Kẻ Thù Mà Như Người Thân 48
25. Bốn Loại Đại Thiên Thần49
26. Bốn Loại Kim-Sí Điểu 50
27. Bốn Loài Rồng50
28. Bốn Loại Thức Ăn 50
29. Bốn Màu Của Mây 52
30. Bốn Pháp53
31. Bốn Pháp Ba Tụ 56
32. Bốn Pháp Tăng Nhất 56
33. Bốn Sự Kiện Về Thế Giới Sanh Diệt 57
34. Cảm Hóa Ngoại Đạo A-Ma-Trú 58
35. Cảm Hóa Vua A Xà Thế Muốn Chinh Phục Nước Khác 60
36. Căn Cơ Chúng Sanh Đa Dạng 62
37. Chân Lý Thậm Thâm 63
38. Châu Na Cúng Đức Phật Bữa Ăn Cuối Cùng 64
39. Châu-Na Nhập Niết Bàn Trước 65
40. Chỉ Tán Thán Oai Nghi Giới Hạnh Của Như Lai 65
41. Chia Nhau Đi An Cư Vì Dân Chúng Thất Mùa 67
42. Chín Nơi Cư Trú Của Chúng Sanh 67
43. Chín Pháp 68
44. Chín Pháp Tăng Nhất 69
45. Chớp Và Mây 71
46. Chư Tăng Và Đàn Việt 72
47. Chúng Sanh Đau Buồn Và Chư Thiên Quở 72
48. Cờ Bạc Có Sáu Lỗi 74

49. Có Bốn Bậc Cao Quý Nên Xây Tháp Thờ 74
50. Cõi Dục Có 12 Loại Chúng Sanh 74
51. Cõi Trời Sắc Giới Có 22 Loại 75
52. Cõi Trời Uất-Đan-Viết 75
53. Cõi Trời Vô Sắc Có Bốn Loại Chúng Sanh 78
54. Công Đức Hành Hương Các Thánh Tích 79
55. Công Đức Của Sa Môn Cù-Đàm 80
56. Cốt Lõi Của Khổ Hạnh 83
57. Đại Khổ Ấm 83
58. Đại Thiên Thế Giới 83
59. Địa Ngục 84
60. Diêm Phù Đề Có Ba Điều 85
61. Đợi Tôn Giả Ca Diếp Về Dùng Lửa Tam Muội Tẩn Táng Như Lai 86
62. Đối Xử Với Ác Tỳ Kheo 88
63. Đối Xứ Với Nữ Nhân 89
64. Đối Xử Với Tôi Tớ 89
65. Đức Phật An Ủi Và Tán Thán Công Đức A-Nan 90
66. Đức Phật Không Trả Lời Về Những Câu Hỏi Trừu Tượng 91
67. Dưới Các Gốc Cây Chứng Ngộ 92
68. Giáo Giới Thần Túc 93
69. Giữ Giới Có Năm Công Đức 93
70. Giữa Hai Cây Sa La Song Thọ 94
71. Hai Duyên Cớ Khiến Sắc Diện Đức Phật Khác Thường 95
72. Hai Nhập Xứ 96
73. Hai Pháp 96
74. Hai Pháp Ba Tụ 97
75. Hai Pháp Hiền Thánh 98
76. Hai Pháp Tăng Nhất 98
77. Hãy Nêu Nghi Vấn Trước Khi Phật Nhập Diệt 99
78. Hóa Độ Lõa Thể Phạm Chí 100
79. Hưởng Phước Báu 102
80. Kệ 32 Tướng Đại Nhân 103
81. Khổ Hạnh Không Phải Là Pháp Thanh Tịnh 106
82. Khổ Hạnh Kiên Cố Không Hoại 108

83. Khổ Hạnh Thù Thắng Bậc Nhất 109
84. Không Gian Không Cách Trở 110
85. Không Làm Chín Việc 111
86. Kiếp Cuối Cùng 112
87. Kiếp Đao Binh 112
88. Kiếp Đói Kém 115
89. Kiếp Hỏa Tai 116
90. Kiếp Phong Tai 117
91. Kiếp Sơ 121
92. Kiếp Tật Dịch 123
93. Kiếp Thủy Tai 125
94. Kinh Sa Môn Quả 128
95. Kinh Tam Minh 135
96. Lo Hậu Sự Cho Đức Phật Như Bậc Chuyển Luân Vương 141
97. Lời Di Giáo Của Đức Phật 142
98. Lực Định Mạnh Nên Dẫu Có Sấm Sét Cũng Không Hay Biết 143
99. Lười Biếng Có Sáu Lỗi 145
100. Lý Duyên Khởi 145
101. Ma Ba-Tuần Thỉnh Phật Nhập Niết Bàn 146
102. Mặt Trăng 148
103. Mồng 8, 14 & 25 Là Các Ngày Trai 151
104. Một Pháp 152
105. Một Pháp Ba Tụ 153
106. Một Pháp Tăng Nhất 153
107. Mười Pháp 154
108. Mười Pháp Dẫn Đến Ba Cõi 154
109. Mười Pháp Tăng Nhất 155
110. Năm Điều Vợ Đối Với Chồng 158
111. Năm Điều Chồng Đối Với Vợ 158
112. Năm Điều Cung Phụng Sư Trưởng 159
113. Năm Điều Để Chăm Sóc Con Cái 159
114. Năm Điều Hiếu Thuận 159
115. Năm Điều Săn Sóc Đệ Tử 160
116. Năm Dục Lạc Nên Tránh 160

117. Năm Pháp 161
118. Năm Pháp Ba Tụ 164
119. Năm Pháp Tăng Nhất 164
120. Năm Phước Báo Của Cõi Trời 167
121. Năm Triền Cái 168
122. Năm Triền Cái Và Tứ Thiền 169
123. Người Mù Sờ Voi 172
124. Nhẫn Nhục Là Bậc Nhất 173
125. Nhân Thọ Mà Có Ái 173
126. Nhất Tâm 174
127. Như Lai Vượt Khỏi 62 Tà Kiến 174
128. Những Con Số Bảy 182
129. Niệm Không Thác Loạn 184
130. Oán Kết Từ Đâu Sanh 185
131. Phạm Giới Có Năm Điều Suy Hao 185
132. Pháp Kính Để Biết Chỗ Thọ Sanh 186
133. Kiều Nữ Không Nhường Cúng Dường Trai Tăng 187
134. Pháp Kỳ Diệu 191
135. Pháp Số Bảy 191
136. Pháp Tẩn Tán Như Lai 193
137. Phật Chọn Câu-Thi-La Để Nhập Niết Bàn 195
138. Phật Di Lặc Xuất Hiện 197
139. Phước Báu Cúng Dường 199
140. Phước Là Nền Tảng 201
141. Quán Toàn Bộ Khổ Ấm Diệt 201
142. Quán Toàn Bộ Khổ Ấm Sanh 203
143. Quỷ Thần Ở Khắp Nơi 204
144. Quỷ Thần Quấy Nhiễu Và Không Quấy Nhiễu 205
145. Sanh Vào Các Cõi Trời 206
146. Sáu Nghiệp Tổn Tài 207
147. Sáu Pháp 207
148. Sáu Pháp Ba Tụ 209
149. Sáu Pháp Bất Thoái 210
150. Sáu Pháp Làm Chánh Pháp Được Tăng Trưởng 210

151. Sáu Pháp Tăng Nhất 211
152. Sáu Vị Phật Quá Khứ 213
153. Tám Chúng & Đức Phật Từng Đến Thăm Chúng Sát Lợi Và Phạm Thiên 214
154. Tám Giải Thoát 215
155. Tám Nguyên Nhân Khiến Đất Rung Động 215
156. Tám Pháp 217
157. Tám Pháp Batụ 218
158. Tám Pháp Tăng Nhất 218
159. Tám Pháp Vô Đẳng Về Thế Tôn 223
160. Tam Tai 224
161. Tăng Số Lượng Chư Thiên Và Giảm Bớt Atula 227
162. Thái Tử Sĩ-Đạt-Đa Đản Sanh 228
163. Thân Cõi Dục Giới 229
164. Thân Kính Với Bà Con 230
165. Thần Núi Tuyết Cúng Dường Nước Cho Phật 231
166. Thần Túc Của Đệ Tử Phật 231
167. Thế Nào Là Giới? 232
168. Thiền Lạc Được Phật Khen Ngợi 232
169. Thứ Tự Của Diệt Tưởng Định 233
170. Thường Niệm Nhất Tâm235
171. Tinh Tấn 236
172. Tộc Người Mạt La Đảnh Lễ Phật Lần Cuối 236
173. Trí Tuệ Đầy Đủ 238
174. Tu-Bạt Là Đệ Tử Xuất Gia Cuối Cùng Của Đức Phật 238
175. Tu Bốn Thần Túc Có Thể Kéo Dài Mạng Sống 242
176. Tự Lợi & Lợi Tha 243
177. Tứ Niệm Xứ 243
178. Tự Nương Tựa Mình 244
179. Tự Tại Với Lời Chê Bai 244
180. Tự Thân Tác Chứng244
181. Từ Tứ Thiền, Đức Phật Nhập Niết Bàn 245
182. Túc Mạng Trí 251
183. Uống Rượu Có Sáu Lỗi 251

184. Vì Sao Có Năm Loại Hạt Ở Thế Gian? 251
185. Vì Sao Có Sông Ngòi? 252
186. Vì Sao Gọi Là Diêm Phù Đề? 252
187. Vì Sao Mặt Trăng Có Bóng Đen? 253
188. Vì Sao Mặt Trăng Khuyết? 253
189. Vì Sao Mặt Trăng Tròn Dần? 254
190. Vì Sao Mặt Trời Nóng? 255
191. Vía Đức Phật Thích Ca 257
192. Vua Đế-Thích Được Thọ Ký 258
193. Xuất Gia Hơn Việc Tế Tự 259
194. Ý Nghĩa Đẳng Chánh Giác 261
195. Ý Nghĩa Như Lai 261
196. Ý Nghĩa Sáu Phương 262
197. Yêu Ghét Từ Đâu Có 263
198. Xá Lợi Của Đức Phật Được Chia Làm Tám Phần 263
199. Xin Quy Y Tam Bảo 264

MỤC LỤC CHƯƠNG 4
NHỮNG LỜI PHẬT DẠY
TRONG TRUNG A HÀM

1. Ác Dục, Niệm Dục 265
2. Ác Quả, Ác Báo 266
3. Ác Tuệ 266
4. Ái Diệt Khổ Diệt Thánh Đế 266
5. Ái Dục 267
6. Ái Dục Như Bó Đuốc 268
7. Ái Dục Như Con Rắn 269
8. Ái Dục Như Gặm Cục Xương 270
9. Ái Dục Như Giấc Mơ 270
10. Ái Dục Như Hầm Lửa 271

11. Ái Dục Như Miếng Thịt 272
12. Ái Dục Như Trái Cây 272
13. Ái Dục Như Vay Mượn 274
14. Ai Được Hóa Độ Khi Cồ-Đàm Vừa Thành Chánh Giác? 275
15. Ái Sanh Sầu Bi Não 276
16. Ái Tận Giải Thoát 277
17. Ái Tập Khổ Tập Thánh Đế 278
18. A-La-Hán 279
19. A-La-Hán Danh Tuệ Giải Thoát 279
20. Ẩn Cư Sau Khi Nghe Pháp Thoại 283
21. An Ổn Trong Chánh Pháp 283
22. An Trú Bên Trong 284
23. An Trụ Tứ Niệm Xứ Và Bảy Giác Chi 284
24. Ánh Sáng Nào Sáng Hơn? 285
25. Ba Điều Đáng Chê 287
26. Ba Loại Gai Nhọn 288
27. Ba Mươi Hai Tướng 289
28. Ba Mươi Hai Tướng Đại Nhân 290
29. Ba Nghiệp Của Thân 290
30. Ba Nghiệp Của Ý 291
31. Ba Nguyên Nhân Đất Chấn Động 292
32. Ba Nhân Duyên Sanh Vô Sở Hữu Định 293
33. Ba Sử Đã Trừ 294
34. Ba Sự Kiện Khiến Thành Thây Chết 294
35. Ba Thọ 295
36. Ba Thọ: Tập Khởi, Diệt Đạo Của Thọ 295
37. Ba Thời Hư Vọng 296
38. Ba Thời Là Khổ Thánh Đế 297
39. Ba Tịnh Bất Động Đạo 297
40. Ba Tịnh Vô Hữu Xứ Đạo 299
41. Ba Tụ 300
42. Ba Ước Muốn Của Người Thị Giả 300
43. Bậc Vô Học 303
44. Bằng Hữu Xa Lánh 303

45. Bất Bạo Động Của Đức Phật Đã Cảm Hóa Số Đông 304
46. Bát Chánh Đạo 305
47. Bát Chánh Đạo Đưa Đến Niết Bàn 305
48. Bất Hoại Tịnh 306
49. Bát Kính Pháp 306
50. Bất Si Pháp 308
51. Bảy Giác Chi 309
52. Bảy Bậc Thiện Nhân Đến Vô Dư Niết Bàn 309
53. Bảy Báu Của Đức Như Lai 313
54. Bảy Cổ Xe & Vô Dư Niết Bàn 314
55. Bảy Giác Chi 315
56. Bảy Hạng Người Dưới Nước 316
57. Bảy Lần Tái Sanh/Chứng Tu Đà Hoàn 318
58. Bảy Loại Bố Thí Cho Tăng Chúng 319
59. Bảy Loại Phước Thế Gian 321
60. Bảy Loại Phước Xuất Thế Gian 322
61. Bảy Lực 323
62. Bảy Pháp Đoạn Trừ Lậu Hoặc Để Chứng Khổ Đế 324
63. Bảy Tài Sản 329
64. Bảy Trụ Xứ Của Thức 329
65. Biết Cảm Thọ 330
66. Biết Hữu Báo Của Lậu 330
67. Biết Hữu Báo Của Thọ 330
68. Biết Lậu 331
69. Biết Lậu Diệt Đạo 331
70. Biết Nhân Sanh Của Thọ 331
71. Biết Niệm Bất Thiện Khởi Lên 331
72. Biết Thọ 332
73. Biết Tưởng 332
74. Biết Xứ 332
75. Bịnh Là Khổ 333
76. Bố Thí Bát Cơm 334
77. Bố Thí Như Ý Nguyện Của Chuyển Luân Vương 335
78. Bởi Ái Mà Có Cầu Mong 337

79. Bởi Có Thọ Mà Có Dục Ái Và Hữu Ái 337
80. Bốn Chánh Đoạn 338
81. Bốn Đại 339
82. Bốn Đàn Nai 339
83. Bốn Đoạn 342
84. Bốn Hạnh 343
85. Bốn Loại Thọ Pháp 344
86. Bốn Loại Tuyên Thuyết 344
87. Bốn Loại Xoài 345
88. Bốn Nghiệp Của Miệng 345
89. Bốn Nhân Duyên Sanh Bất Động Định 347
90. Bốn Như Ý Túc 347
91. Bốn Như Ý Túc Đoạn Trừ Vô Minh 348
92. Bốn Niệm Xứ 348
93. Bốn Pháp Vị Tằng Hữu Của A-Nan 349
94. Bốn Sa Môn Quả 349
95. Bốn Sự Của Đệ Nhất Thiện 350
96. Bốn Thánh Chủng 350
97. Bốn Thánh Đế 351
98. Bốn Trụ Xứ An Ổn 351
99. Bốn Tưởng 352
100. Bốn Vô Lượng Tâm 353
101. Bốn Vô Sắc 354
102. Bỏn Xẻn Và Ganh Tỵ 354
103. Buông Bè 354
104. Các Đại Đệ Tử Của Phật 355
105. Các Hành Vô Thường 355
106. Các Lậu Ô Uế 356
107. Các Pháp Hỗ Trợ Cho Nhau 357
108. Các Pháp Thí 357
109. Cách Biệt 358
110. Cách Nằm Như Sư Tử Của Tỳ Kheo 359
111. Căn Cơ Có Khác 361
112. Căn Nhà 361

113. Cần Tu Phạm Hạnh 362
114. Cầu Bất Đắc Là Khổ 362
115. Cầu Pháp 364
116. Câu Thi Na Pháp 364
117. Chân Lý Phơi Bày 365
118. Chân Thật Giải Thoát 365
119. Chân Thật Không Hư Dối 366
120. Chánh Định 367
121. Chánh Hạnh 367
122. Chánh Kiến 368
123. Chánh Mạng 368
124. Chánh Nghiệp 369
125. Chánh Ngữ 369
126. Chánh Niệm 370
127. Chánh Niệm Chánh Trí 370
128. Chánh Pháp Tối Thượng 371
129. Chánh Quán Các Pháp 371
130. Chánh Tín Xuất Gia 372
131. Chánh Tinh Tấn 372
132. Chánh Tư Duy 373
133. Chấp Thủ 373
134. Chấp Thủ Hiện Tại 374
135. Chấp Vào Hạnh Xả 375
136. Chết An Lành, Mạng Chung An Lành 375
137. Chết Không Bức Rức 376
138. Chết Không Phiền Nhiệt 377
139. Chết Là Khổ 377
140. Chết Trước Khi Tìm Được Câu Trả Lời 378
141. Chỉ Chết Một Đời 380
142. Chín Hạng Vô Học 382
143. Chó Là Phụ Thân 382
144. Chưa Lầm Lỗi 384
145. Chứng Đắc Khổ Đế 384
146. Chúng Đệ Tử Của Như Lai Thật Khéo Thú Hướng 385

147. Chúng Đúng Pháp 386
148. Chúng Phi Pháp 387
149. Chúng Sanh Vô Tưởng 387
150. Chuyển Luân Vô Thượng 388
151. Cỏ Khô Bốc Cháy 389
152. Có Nhiều Của Cải 390
153. Có Thể Diệt Tận Các Khổ 390
154. Có Trí Tuệ 391
155. Có Tu Có Chứng 392
156. Cố Ý Hay Không Cố Ý Tạo Tội 392
157. Cõi Trời Hoảng Dục Cũng Vô Thường 393
158. Con Đường Chánh Trực 393
159. Con Đường Thiện Xứ 394
160. Công Đức Lớn Hay Không Lớn? 394
161. Công Đức Sanh Cõi Tam Thập Tam Thiên 395
162. Công Đức Sanh Cõi Tứ Thiên Vương 396
163. Của Cải Vô Thường 396
164. Cứu Cánh Trí 396
165. Cửu Tưởng 397
166. Đa Văn 397
167. Đa Văn Và Khu Rừng 398
168. Đa Văn Thánh Đệ Tử 399
169. Đánh Đàn Hòa Điệu 399
170. Đại Căn Trí Của Như Lai 401
171. Đại Như Ý Túc 401
172. Đại Tâm Giải Thoát 402
173. Đảnh Pháp 403
174. Danh Sắc 404
175. Đạo Hạnh Sa Môn 404
176. Đạo Từ Chánh Niệm Mà Chứng Đắc 406
177. Đạo Từ Không Hý Luận Mà Chứng Đắc 406
178. Đạo Từ Tinh Tấn Mà Chứng Đắc 406
179. Đạo Từ Tịnh Ý Mà Chứng Đắc 407
180. Đạo Từ Tri Túc Mà Chứng Đắc 407

181. Đạo Từ Trí Tuệ Mà Chứng Đắc 407
182. Đạo Từ Viễn Ly Mà Chứng Đắc 408
183. Đạo Từ Vô Dục Mà Chứng Đắc 408
184. Đạt Đến Khổ Biên 408
185. Đạt Phạm Hạnh 409
186. Đạt Phạm Hạnh Của Thọ 410
187. Dấu Chân Voi 411
188. Đâu Suất Đà Thiên 412
189. Đệ Tử Xứng Đáng 412
190. Đề-Bà-Đạt-Đa 413
191. Đến Cội Bồ Đề 413
192. Đến Niết Bàn 414
193. Địa Giới 415
194. Diệt Tận Định Và Vô Tưởng Định 416
195. Diệt Tận Lậu 416
196. Diệt Tất Cả Nghiệp 417
197. Diệt Trừ Tâm Tham 417
198. Định Cùng Với Hỷ, Lạc, Xả 418
199. Đình Trụ Của Thiện Pháp 419
200. Định Vô Tưởng Đạo 419
201. Do Bởi Sân Hận 420
202. Do Bủn Xỉn Mà Có Chấp Thủ 420
203. Do Chấp Thủ Nên Có Hiện Hữu 420
204. Do Đắm Trước Mà Có Bỏn Xẻn 421
205. Do Dục Mà Bị Thoái Chuyển 421
206. Do Dục Mà Có Đắm Trước 421
207. Do Không Chấp Thủ Nên Không Sợ Hãi 422
208. Đố Kỵ 422
209. Độ Ngọ 423
210. Do Suy Niệm 423
211. Do Xúc Mà Có Ba Thọ 423
212. Đọa Địa Ngục Do Dục 424
213. Đoan Chánh 424
214. Đoạn Trừ Ác Bất Thiện 425

215. Đoạn Trừ Bốn Thủ 425
216. Đoạn Trừ Năm Hạ Phần Kiết Sử 426
217. Đoạn Trừ Sân Hại 427
218. Đoạn Trừ Sát Sanh 428
219. Đoạt Được Vật Nhưng Bị Chủ Bắt Lại 428
220. Đời Người Như Hạt Sương Mai 429
221. Đời Sống Viễn Ly 429
222. Đối Trị Nội Tâm 429
223. Dòng Dõi Thấp 431
224. Dòng Họ Cao Quý 431
225. Dòng Nước Sạch 432
226. Dòng Suối Và Bầy Nai 432
227. Dục Không Có Lạc 434
228. Dục Là Vô Thường 434
229. Dục Làm Chướng Ngại Sự Tu Học 435
230. Đức Phật May Y Cho Tôn Giả A-Na-Luật-Dà 435
231. Đức Phật Và Vua Ba Tư Nặc 437
232. Dục Phủ Kín 437
233. Dục Ví Như Chín Loại 438
234. Dục, Sân Và Vô Minh Sử 438
235. Đúng Đường Lối 439
236. Dứt Tranh Đấu 440
237. Duyên Bỏn Sẻn Nên Sanh Keo Kiệt 440
238. Duyên Hữu Có Sanh 440
239. Duyên Khởi Sâu Sắc 441
240. Duyên Sanh Có Già Chết 442
241. Gần Đến Lò Sát 443
242. Gặp Người Ghét Là Khổ 443
243. Già Chết 444
244. Già Là Khổ 445
245. Giải Thoát Chưa Rốt Ráo 446
246. Giải Thoát Dục 447
247. Giải Thoát Rốt Ráo 448
248. Giải Thoát Tam Độc 449

249. Giải Thoát Tam Lậu 449
250. Giải Thoát Từ Vô Dục 450
251. Giải Thoát Xứ Thứ Năm 451
252. Giới Bất Thiện 452
253. Giới Thiện 452
254. Gốc Rễ Của Các Pháp 453
255. Gội Gốc Của Ung Nhọt 454
256. Gương Thánh Trí Tuệ 454
257. Hai Đời Vui 455
258. Hai Mươi Mốt Tâm Ô Uế 455
259. Hai Nhân Duyên Phát Sanh Vô Tưởng Định 456
260. Hàng Phục Tâm 456
261. Hành 457
262. Hạnh Phàm Phu 458
263. Hành Tướng Của Tư Duy 459
264. Hạt Giống Bị Mục Nát 460
265. Hạt Giống Gặp Đất Tốt 461
266. Hạt Giống Khổng Thể Nảy Mầm 461
267. Hay Bị Bịnh 462
268. Hiện Tại Khổ Và Tương Lai Khổ 462
269. Hiện Tại Khổ Và Tương Lai Lạc 464
270. Hiện Tại Lạc Và Tương Lai Khổ 464
271. Hiện Tại Lạc Và Tương Lai Lạc 465
272. Hiểu Pháp 466
273. Hộ Sáu Căn 467
274. Hóa Độ Ngoại Đạo 467
275. Hỏa Giới 468
276. Hóa Lạc Thiên 469
277. Học Đạo 469
278. Học Đạo Cần Thiết 469
279. Học Pháp Như Thật Sa Môn 470
280. Hội Hợp Của Các Uẩn 471
281. Hữu Báo Của Tưởng 471
282. Hủy Báng Người 471

283. Hỷ Lạc Do Định 472
284. Hỷ Lạc Do Ly Dục 472
285. Ít Bịnh 473
286. Ít Muốn Biết Đủ 473
287. Kết Sử Hữu 474
288. Kết Sử Hữu Đã Đoạn Tận 474
289. Khái Niệm Hữu 475
290. Khái Niệm Sanh 475
291. Khẩu Nghiệp 476
292. Khen Chê 476
293. Khen Ngợi Việc Tĩnh Tọa 477
294. Khéo Cởi Bỏ Năm Thứ Trói Buộc 477
295. Khéo Suy Niệm 479
296. Khi Ban Pháp Thoại 479
297. Khi Chết Vẫn Chưa Thỏa Mãn Tham Dục 480
298. Khinh An 483
299. Khinh Người 484
300. Khổ Cả Hiện Tại Và Tương Lai 484
301. Khổ Diệt Đạo Thánh Đế 484
302. Khổ Do Dục 485
303. Khó Giữ Được Mạng Sống 486
304. Khổ Hạnh Của Đạo Lõa Thể 486
305. Khổ Hạnh Hấp Thu Khí Trời 488
306. Khổ Hạnh Không Đúng Cách 488
307. Khổ Hạnh Không Thích Ứng 488
308. Khổ Hạnh Mà Không Cấu Uế 489
309. Khổ Hạnh Sanh Dục Tưởng 489
310. Khổ Hạnh Và Ác Giới 489
311. Khổ Thánh Đế 489
312. Không Ác Dục 490
313. Không Ác Khẩu 490
314. Không Biết Phương Pháp Bắt Rắn 490
315. Không Biết Tiết Hạn 491
316. Không Chấp Thủ 491

317. Không Chấp Thủ Hiện Tại 492
318. Không Chấp Thủ Mà Sợ Hãi 492
319. Không Có Của Cải 493
320. Không Có Niệm 494
321. Không Cống Cao 494
322. Không Cửa 495
323. Không Để Thoái Chuyển 495
324. Không Đoan Chánh 496
325. Không Dựa Quyền Thế 496
326. Không Đúng Đường Lối 497
327. Không Hí Luận 498
328. Không Khen Mình Chê Người 498
329. Không Khinh Mạn 499
330. Không Khởi Dục Tâm 499
331. Không Khởi Tâm Cống Cao 501
332. Không Khuất Phục Bằng Quyền Vị 501
333. Không Nhận Được Sự Chiêm Ngưỡng 502
334. Không Oai Đức 502
335. Không Phải Đạo Hạnh Sa Môn 503
336. Khổng Phải Là Dục, Sân Và Vô Minh Sử 504
337. Không Phóng Dật 505
338. Không Phóng Dật Là Tối Đệ Nhất 505
339. Không Quý Mình Khinh Người 506
340. Không Sân Triền 507
341. Không Sanh Niệm Bất Thiện 507
342. Không Sanh Tâm Ham Muốn 508
343. Không Sanh Tâm Oán Hận 508
344. Không Tà Hạnh 509
345. Không Tái Sanh 509
346. Không Tàm Quý 510
347. Không Tán Loạn 510
348. Không Thân Kiến 511
349. Không Thấu Đáo 512
350. Không Thể Được 512

351. Không Thọ Pháp Hiện Tại 514
352. Không Thoát Khổ 514
353. Không Thủ Chấp 515
354. Không Thủ, Không Sợ Hãi 515
355. Không Thù Mà Sợ Hãi 516
356. Không Trạch Pháp 517
357. Không Truy Niệm Quá Khứ 517
358. Không Ỷ Vào Sắc Tướng Của Mình 518
359. Không Ỷ Vào Tài Hùng Biện 519
360. Không Ỷ Vào Tài Thông Minh 519
361. Kiến Đạo Thành Tựu Tám Chi 520
362. Kiều Đàm Di Mẫu 520
363. Kinh Ái Sanh 524
364. Kinh Bảy Mặt Trời 525
365. Kinh Cung Kính 528
366. Kinh Giới 529
367. Kính Lễ Sa Môn 530
368. Kinh Thủ Trưởng Giả 530
369. Kinh Thực 532
370. Kinh Tiểu Không 534
371. Kính Trọng Như Lai Tối Tôn 536
372. Kinh Úc Già Trưởng Giả 537
373. Lạc Của Bậc Thánh 540
374. Lạc Của Phàm Phu 540
375. Lạc Do Ly Dục 540
376. Lạc Do Ly Hỷ 541
377. Lại-Tra-Hòa-La Xuất Gia 541
378. Lậu Sanh Ung Nhọt 547
379. Lậu Tận 548
380. Lậu Tận Thông 548
381. Lậu Tận Trí 549
382. Lấy Của Không Cho 550
383. Loại Bố Thì Nào Được Thanh Tinh 550
384. Loại Trừ Niệm Dục 552

385. Lõi Chắc Của Cây 553
386. Lời Giáo Huấn Của Đức Phật 553
387. Lợi Ích Của Khu Rừng 553
388. Lợi Ích Của Tứ Thiền 554
389. Lục Hòa 555
390. Ly Ác Bất Thiện Pháp 557
391. Ly Dụ 557
392. Mạng Chung Với Dục Tâm 558
393. Mạng Chung Với Tâm Vô Cấu 559
394. Mạng Người Khó Giữ 560
395. Mạng Người Như Miếng Thịt Nung 560
396. Mất Định Lực 560
397. Mật Hoàn Dụ 561
398. Mất Nhiều Tài Vậy 562
399. Mặt Trăng Mất Hút562
400. Mắt Trí Tuệ 563
401. Minh Giải Thoát Lần Lượt Thành Tựu 563
402. Mỗi Bước Chân Là Đến Gần Chỗ Chết 564
403. Mong Ước Vị Lai 564
404. Một Lần Tái Sanh 565
405. Một Việc Đúng Thời 566
406. Mục Kiền Liên Và Tỳ Kheo Xá Lê Tử 566
407. Mừng Vì Vô Ái Nhiễm 567
408. Mười Biến Xứ Cũng Bị Vô Thường567
409. Mười Bốn Loại Bố Thí Riêng 568
410. Mười Hạng Người Hành Dục 570
411. Mười Hiệu Của Như Lai 573
412. Muối Nhiều Nước Ít 574
413. Mười Pháp Vô Học 574
414. Mười Tám Công Đức 574
415. Mười Tám Hạng Hữu Học 576
416. Muốn Trừ Vô Minh Nên Tu Thánh Đạo Tám Chi 577
417. Năm Nhân Duyên Làm Cho Tâm Sanh Ưu Khổ 577
418. Năm Anh Em Kiều Trần Như 578

419. Năm Căn 582
420. Năm Căn Và Năm Triền Cái 583
421. Năm Giải Thoát Tưởng 583
422. Năm Giới 584
423. Năm Hạ Phần Kiết Sử 585
424. Năm Kiết Sử Đã Đoạn 587
425. Năm Lực 587
426. Năm Lực Và Năm Triền Cái 587
427. Năm Nhân Duyên Diệt Ưu Khổ 588
428. Năm Pháp Để Cho Thuần Thục 589
429. Năm Pháp Trì Trai 590
430. Năm Thạnh Ấm 594
431. Năm Thủ Uẩn 594
432. Năm Thủ Uẩn Đoạn Trừ 594
433. Năm Thủ Uần Là Khổ 595
434. Nên Quán Biết 595
435. Nghèo Chánh Pháp 595
436. Nghi Hoặc Đã Dứt 596
437. Nghiệp Hèn Hạ 597
438. Nghiệp Hèn Hạ Là Hạnh Của Phàm Phu597
439. Nghiệp Hiện Tại Là Do Chính Mình Tạo 598
440. Nghiệp Thiện Là Trắng 599
441. Nghiệp Thiện Theo Ta 600
442. Ngọn Gió 601
443. Ngọn Lửa601
444. Ngũ Ấm Vô Ngã 601
445. Ngũ Dục Cõi Trời 602
446. Ngu Si Và Không Ngu Si 602
447. Ngựa Lành 603
448. Ngựa Thuần Hóa 604
449. Người Tối Thắng Và Hạ Tiện 605
450. Nhãn Căn 606
451. Nhẫn Chịu 606
452. Nhân Duyên Khởi Sở Sanh Pháp 606

453. Nhân Nơi Dục 607
454. Nhân Sanh Của Tưởng 607
455. Nhẫn Sự Sợ Hãi 608
456. Nhanh Chóng Diệt Trừ Pháp Ác 608
457. Nhị Biên 608
458. Nhị Thiền Là Chưa Rốt Ráo 609
459. Nhìn Tương Lai 610
460. Như Lai 610
461. Như Lai Có Thể Khuất Phục Tất Cả Ngoại Đạo 611
462. Như Lai Không Bao Giờ Hành Bất Thiện 612
463. Như Lai Là Bậc Nhất 613
464. Như Ý Túc 613
465. Niệm Bất Thiện 613
466. Niệm Dục Hại Mình Và Người 614
467. Niệm Như Lai 615
468. Niềm Hỷ Lạc Của Xuất Gia Và Tại Gia 616
469. Niệm Thân 616
470. Niệm Thiện 617
471. Niệm Thiện Đối Trị Bất Thiện 617
472. Niệm Xứ Quán Thân Như Thân 618
473. Niết Bàn Là Ý Nghĩa Các Pháp 618
474. Nợ Tiền 618
475. Nói Dối 619
476. Nói Dối Là Đạo Bị Mất 619
477. Nói Dối Mà Không Xấu Hổ 621
478. Nói Hai Lưỡi 622
479. Nổi Khổ Của Tại Gia & Xuất Gia 622
480. Nội Không 623
481. Nói Láo 624
482. Nội Tâm Tĩnh Chỉ 624
483. Nói Thêu Dệt 624
484. Nói Thô Ác 625
485. Nỗi Thống Khổ 625
486. Nổi Thống Khổ Trong Đời Này 626

487. Nơi Xứng Đáng Theo Tu Tập 627
488. Nông Nổi, Không Sáng Suốt 627
489. Núi Tu Di Sơn Vương 629
490. Nước Nhiều Muối Ít 629
491. Nương Pháp Tối Thắng 630
492. Nương Vào Sự Yểm Ly 631
493. Ô Uế 632
494. Oai Đức 632
495. Oai Nghi Nghiêm Túc 633
496. Phá Đổ Thành Quánh 633
497. Phạm Chí 633
498. Phạm Giới Không Thể Lên Lầu Chánh Pháp 633
499. Phạm Giới Mà Nhận Của Cải Cúng Dường 634
500. Phạm Giới Mà Nhận Giường Tòa Cúng Dường 636
501. Phạm Giới Mà Nhận Sự Lễ Bái 637
502. Phạm Giới Mà Nhận Thực Phẩm Cúng Dường 639
503. Phạm Giới Mà Nhận Y Phục Cúng Dường 640
504. Phân Biệt Pháp Sư 642
505. Phần Nào Sống Trong Sự An Lạc 643
506. Pháp Chân Nhân 643
507. Pháp Chân Nhân Và Không Phải Chân Nhân 644
508. Pháp Của Trời Người 645
509. Pháp Do Nơi Miệng Mà Diệt Trừ 645
510. Pháp Do Nơi Thân Mà Diệt Trừ 646
511. Pháp Do Tuệ Kiến Mà Diệt Trừ 646
512. Pháp Hữu Tránh 647
513. Pháp Lấy Gì Làm Gốc 647
514. Pháp Ngu Si 648
515. Pháp Như Chiếc Bè Qua Sông 649
516. Pháp Suy Thoái 650
517. Pháp Thanh Tịnh 651
518. Pháp Tuệ 652
519. Phật Pháp Thậm Thâm 652
520. Phi Thánh Cầu 652

521. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên 653
522. Phong Giới 654
523. Phụng Sự Thiện Tri Thức 655
524. Phước Báu Cúng Dường 655
525. Phước Báu Của Niệm Thân 656
526. Phước Báu Của Tu Tập Và Bố Thí 657
527. Phước Báo Cúng Dường 658
528. Quá Ít Vị Ngọt 659
529. Quả Khổ Vì Phạm Giới 659
530. Quả Vị Chân Chánh 660
531. Quán 32 Thân Phần 661
532. Quán Chiếu 662
533. Quán Nội Ngoại Pháp Như Pháp 662
534. Quán Nội Ngoại Tâm Như Tâm 663
535. Quán Nội Ngoại Thọ Như Thọ 664
536. Quán Pháp 664
537. Quán Pháp Hưng Suy 665
538. Quán Pháp Như Pháp 665
539. Quán Sắc Vi Tế 666
540. Quán Sát Chân Chánh 667
541. Quán Sát Sự Ác 667
542. Quán Sát Thân Nghiệp 668
543. Quán Sáu Giới 669
544. Quán Tâm Như Tâm 670
545. Quán Thọ Như Thọ 670
546. Quảng Tuệ 671
547. Ra Khỏi Vỏ Trứng Vô Minh 672
548. Sa Môn 672
549. Sa Môn Chất Trực 673
550. Sa Môn Hạnh 673
551. Sắc Quá Khứ 674
552. Sắc Thân Vẫn Xấu 674
553. Sắc Tướng Đệ Tử Của Phật Và Các Vị Khác 675
554. Sám Hối 676

555. Sân Chi Phối Không Ngủ Được 677
556. Sân Hận Hại Mình Và Người 678
557. Sân Khiến Bất Lợi 678
558. Sân Triền Và Phú Kiết 679
559. Sắn Uẩn 679
560. Sanh Là Khổ 679
561. Sanh Mạng Tối Hậu 680
562. Sanh Vào Cõi Lạc Tưởng Cũng Còn Vô Thường 681
563. Sanh Vào Loài Chồn 681
564. Sanh Về Cõi Hoảng Dục 682
565. Sát Sanh 683
566. Sáu Ái Thân 683
567. Sáu Căn Và Sáu Thức 683
568. Sáu Giới 684
569. Sáu Giới & Ngũ Ấm Xí Thạnh 684
570. Sáu Kiến Xứ 685
571. Sáu Năm Học Đạo Với Các Thiên Sư 686
572. Sáu Ngoại Xứ 689
573. Sáu Nội Xứ 690
574. Sáu Thân Thức 690
575. Sáu Thọ Thân 691
576. Sáu Trụ Xứ Thiện 691
577. Sáu Tư Thân 691
578. Sáu Tưởng Thân 692
579. Sáu Xứ 692
580. Sáu Xúc Thân 693
581. So Sánh Phạm Hạnh Của Đệ Tử Đức Phật Và Các Vị Khác 693
582. Sơ Thiền Có Năm Chi 694
583. Sơ Thiền Là Chưa Rốt Ráo 694
584. Sổ Tức 695
585. Sống Đúng Pháp 696
586. Sống Lâu 697
587. Sống Nơi Rừng Vắng 697
588. Sự Đòi Nợ Bất Thiện 697

589. Sự Khác Nhau Giữa Một Người Chết Và Một Người Nhập Diệt Tận Định 698
590. Sư Khất Nợ Bất Thiện 698
591. Sự Không Ngớt Đòi Nợ Bất Thiện 699
592. Sự Tận Cùng Khổ 699
593. Sự Thắng Liệt Của Lậu 699
594. Sự Trói Buộc Của Bất Thiện 700
595. Sư Tử Là Đệ Nhất 700
596. Sự Vay Nợ Bất Thiện 701
597. Sự Xuất Ly Khỏi Dục 701
598. Sự Xuất Ly Khỏi Sân Hận 702
599. Suy Thoái Tịnh Pháp 703
600. Tà Dâm 703
601. Tà Hạnh 704
602. Tà Kiến 705
603. Tai Họa Của Dục 705
604. Tai Họa Quá Nhiều 706
605. Tái Sanh Chỗ Bất Thiện 707
606. Tái Sanh Cõi Thiện 708
607. Tam Bảo 708
608. Tâm Bị Phân Rải 709
609. Tám Giải Thoát 709
610. Tâm Không Chấp Trước 710
611. Tâm Không Nhiễm Như Hoa Sen Tứ Sắc 711
612. Tám Nạn Không Gặp Chánh Pháp 711
613. Tám Pháp Suy Niệm Của Bậc Đại Nhân 713
614. Tám Pháp Tằng Hữu Của A-Tu-La 714
615. Tám Pháp Tằng Hữu Của Chư Tỳ Kheo 716
616. Tám Pháp Vị Tằng Hữu Của Thủ Trưởng Giả 719
617. Tám Thắng Xứ Vẫn Còn Bị Vô Thường 720
618. Tâm Sanh Ác 722
619. Tâm Tăng Thượng 723
620. Tàm Quý 723
621. Tâm Thanh Tịnh Biến Mãn 724

622. Tam Thiền Là Chưa Rốt Ráo 724
623. Tâm Trú 726
624. Tăng Thượng Giới 726
625. Tăng Thượng Mạn 727
626. Tăng Tiến Của Thiện Pháp 727
627. Tăng Trưởng Tịnh Pháp 728
628. Tập Giải Thoát728
629. Tha Hóa Lạc Thiên 728
630. Thác Đổ 729
631. Thâm Ân 729
632. Tham Sân Si Đã Nhẹ 730
633. Thân Hành Bị Người Trí Ghê Tởm 730
634. Thân Hành Được Người Trí Tán Dương731
635. Thân Kiến 731
636. Thần Thông 732
637. Thắng Liệt Của Tưởng 733
638. Thạnh Ấm 733
639. Thánh Cầu 734
640. Thánh Lạc 734
641. Thánh Nhân 735
642. Thánh Trai Tám Chi735
643. Thành Tựu An Trụ 739
644. Thành Tựu An Trú Mười Phương 739
645. Thành Tựu Chánh Niệm 740
646. Thành Tựu Hoan Hỷ 741
647. Thành Tựu Thánh Giới 741
648. Thành Tựu Thiên Nhãn 741
649. Thành Tựu Việc Quán Tâm 742
650. Thấy Biết Như Thật743
651. Thấy Duyên Khởi Là Thấy Pháp 743
652. Thấy Ngàn Thế Giới 743
653. Thấy Như Thật 744
654. Thầy Trò Đồng Tâm 744
655. Thế Giới Tuyệt Đối Lạc 745

656. Thế Tôn Không Giải Thích Những Triết Lý Trừu Tượng745
657. Thế Tôn Là Gốc Của Pháp 746
658. Thị Xứ Phi Xứ 746
659. Thiền Hành Và Thiền Tọa 747
660. Thiên Nhãn Thanh Tịnh 748
661. Thiên Nhãn Thanh Tịnh Thấy Khắp Ba Cõi 749
662. Thiện Pháp Đầy Đủ Như Trăng Tròn 750
663. Thiện Thắng Bất Thiện 750
664. Thiện Tri Thức751
665. Thiện Tri Thức Đáng Tôn Trọng 753
666. Thiện Tuệ 753
667. Thiện Xảo Quán Tự Tâm753
668. Thọ Báo Nhẹ Nhàng 754
669. Thọ Cực Trọng Khổ 755
670. Thọ Ký Đức Phật Di Lặc 755
671. Thọ Mạng Cõi Trời 756
672. Thọ Mạng Ngắn Ngủi 756
673. Thọ Pháp Hiện Tại 757
674. Thọ Sanh Theo Ý Hành 757
675. Thọ Thực Như Mục Đồng 758
676. Thọ Trai Như Ngoại Đạo Ni-Kiền 758
677. Thọ Trì Pháp 760
678. Thoái Chuyển Lực Định 760
679. Thoát Vòng Tử Sanh 761
680. Thối Thất Của Thiện Pháp 761
681. Thu Nhiếp Giới Luật 762
682. Thức 762
683. Thức Ăn 763
684. Thức Và Danh Sắc 764
685. Thức Xứ Thiên765
686. Thuốc Mật 766
687. Thủy Giới766
688. Thuyết Pháp 767
689. Thuyết Pháp Vì Người 767

690. Tích Tập Tưởng Về Sự Chết 768
691. Tịnh Hạnh Thanh Tu 768
692. Tịch Tịnh Giải Thoát 769
693. Tịch Tịnh Xứ 769
694. Tiếng Xấu Đồn Xa 771
695. Tiếp Đãi Các Đồng Phạm Hạnh 771
696. Tìm Cầu Tịch Diệt 771
697. Tịnh Dục 772
698. Tinh Tấn 772
699. Tịnh Tĩnh 772
700. Tĩnh Tọa 773
701. Tĩnh Tọa Nơi Rừng Vắng773
702. Tịnh Tu Phạm Hạnh 773
703. Tính Ưu Việt Của Đức Phật 774
704. Tọa Thiền 776
705. Toàn Khối Khổ Đau Xuất Hiện 776
706. Tội Bất Hiếu 778
707. Tối Thắng Tịch Tĩnh Xứ 778
708. Tối Thắng Tuệ Xứ 779
709. Tối Thượng Của Cõi Trời Cũng Không Cầu Uề Vì Còn Vô Thường 780
710. Tôn Giả A-Na-Luật Chứng Đắc 781
711. Tôn Sư Và Đệ Tử 782
712. Trả Lại Tiền Đoạt Vật Của Người Khác 782
713. Trái Đất Chấn Động 783
714. Trầm Hương Là Tốt Đệ Nhất 783
715. Trăng Rằm Không Bợn 784
716. Tranh Cải785
717. Tranh Giành Đánh Nhau786
718. Trì Giới 786
719. Trì Giới Có Thể Lên Lầu Chánh Pháp 787
720. Trì Giữ Những Pháp Thoại Của Phật 787
721. Tri Pháp 788
722. Trí Sáng Như Ngọc Lưu Ly 789

723. Tro Lửa Đã Tắt 790
724. Trở Về Phật 791
725. Trời Biến Tịnh Quang Thiên 791
726. Trói Buộc Vào Khổ Hạnh793
727. Trời Quang Thiên 793
728. Trời Tịnh Quang 793
729. Trộm Cắp795
730. Trú Ở Tam Thiền Và Cõi Biến Tịnh Thiên 795
731. Trú Vào Bên Trong 796
732. Trụ Vô Tưởng Định 798
733. Trung Đạo 798
734. Truy Niệm Quá Khứ 799
735. Từ Bỏ Buôn Bán 799
736. Tu Định 800
737. Tu Hạnh Vô Sự 800
738. Tự Khen Mình 801
739. Tự Khen Mình Chê Người 801
740. Tự Mình Thắp Đuốc 802
741. Tu Mười Biến Xứ 802
742. Tứ Nhiếp Pháp 803
743. Tứ Nhiếp Pháp Tăng Trưởng 803
744. Tư Niệm Quá Nhiều Về Dục 804
745. Tứ Niệm Xứ Và Bảy Giác Chi 805
746. Tự Phụ 806
747. Tự Tại Không Sợ Hãi 806
748. Từ Tâm Mà Khởi 807
749. Tự Thân Diệt 809
750. Tử Thi Quán 809
751. Tứ Thiền 810
752. Tứ Thiền Là Chưa Rốt Ráo 810
753. Tứ Thiền Và Quả Thật Thiên 812
754. Tu Tứ Niệm Xứ Để Đoạn Trừ Vô Minh 812
755. Từ Vô Minh Sanh 813
756. Túc Mạng Trí 813

757. Tuệ Giải Thoát Vững Bền 814
758. Tuổi Thọ Của Diệm Ma Thiên 815
759. Tuổi Thọ Và Hơi Ấm 815
760. Tưởng Giới 816
761. Tương Lai Không Mong Cầu 817
762. Tưởng Pháp 817
763. Tưởng Tăng 818
764. Tùy Dụng Tâm Tự Tại 818
765. Tùy Dụng Tâm Tự Tại Và Khu Rừng 819
766. Tỳ Kheo Băng Hào 820
767. Tỳ Kheo Biết Chúng Hội 820
768. Tỳ Kheo Biết Giới 821
769. Tỳ Kheo Biết Mình 822
770. Tỳ Kheo Biết Nhân Duyên 822
771. Tỳ Kheo Biết Pháp 822
772. Tỳ Kheo Biết Sự Hơn Kém Của Người 823
773. Tỳ Kheo Biết Tiết Độ 825
774. Tỳ Kheo Không Trú Vào Bên Trong 826
775. Tỳ Kheo Trí Tuệ 827
776. Uy Đức Của Thế Tôn 827
777. Vấn Nạn 828
778. Vì Ái Nên Muốn Sở Hữu 831
779. Vì Không Niệm Thân Nên Ma Dễ Phá 832
780. Vì Miếng Ăn Mà Xuất Gia 833
781. Vị Ngọt Của Dục 834
782. Vì Phân Biệt Mà Sanh Khát Ái 835
783. Vì Pháp Mà Xuất Gia 835
784. Vì Sao Có Đẹp Xấu? 836
785. Vì Sao Ít Thông Minh? 837
786. Vì Sao Như Lai Sống Trong Rừng Sâu? 837
787. Vì Thương Chúng Sanh Đời Sau 838
788. Vô Dư Niết Bàn 839
789. Vô Lượng Không Xứ Thiên 840
790. Vô Lượng Pháp Ác Phát Sanh 840

791. Vô Lượng Tâm Giải Thoát 841
792. Vô Minh Bao Phủ 841
793. Vô Minh Đã Dứt 842
794. Vô Ngã 842
795. Vô Ngã Và Niết Bàn 843
796. Vô Sân 844
797. Vô Sở Hữu Xứ Thiên 844
798. Vô Sự 845
799. Vô Thượng Ái Tận 846
800. Vô Tránh 846
801. Vô Tưởng Định Là Chưa Rốt Ráo 847
802. Vong Ân 848
803. Vui Nơi Tâm Bất Động 848
804. Vui Nơi Viễn Ly 849
805. Vui Nơi Vô Dục 849
806. Vui Nơi Vô Tránh 849
807. Vui Vì Trì Giới 850
808. Vượt Hào 850
809. Vượt Khỏi Bờ Khổ 850
810. Vượt Qua Sắc Tưởng 851
811. Xa Lìa Nói Dối 852
812. Xa Lìa Nói Hai Lưỡi 852
813. Xa Lìa Nói Thêu Dệt 852
814. Xa Lìa Nói Thô Ác 853
815. Xa Lìa Sân Hận 853
816. Xa Lìa Sát Sanh 853
817. Xa Lìa Tà Hạnh 854
818. Xa Lìa Tà Kiến 854
819. Xa Lìa Tham Lam 854
820. Xa Lìa Trộm Cắp 855
821. Xa Người Thương Là Khổ 855
822. Xả Tâm Giải Thoát 856
823. Xấu Hổ Với Mình 857
824. Xuất Gia Cạo Bỏ Râu Tóc 857

825. Xuất Gia Học Đạo 857
826. Xuất Ly Khỏi Hại 858
827. Xuất Ly Khỏi Sắc 859
828. Xuất Ly Khỏi Thân 860
829. Xuất Vô Tưởng Định 861
830. Xúc Chạm 862
831. Yêu Và Không Yêu 865

TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC

1. Boddhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions, Bhikkhuni Gioi Huong, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004, 2nd reprint 2005 & Vietnam Buddhist University: 3rd reprint.

2. Bồ-tát và Tánh Không Trong Kinh Tạng Pali va Đại Thừa, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.

3. Ban Mai Xứ Ấn (3 tập), Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005; và tái bản lần 2 năm 2006. Tái bản lần ba, Nhà Xuất Bản Văn Hoá Sài Gòn, 2008.

4. Vườn Nai – Chiếc Nôi Phật Giáo, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2, NXB Phương Đông, 2008.

5. Xá Lợi Của Đức Phật, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005 và tái bản lần 2 tại Delhi 2006.

Tái bản lần 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.

6. Quy Y Tam Bảo và Năm Giới, Thích Nữ Giới Hương, Tủ Sách Bảo Anh Lạc, Wisconsin, USA, 2008. Tái bản lần 2, 2010 và lần 3 năm 2016

7. Vòng Luân Hồi, Thích Nữ Giới Hương, NXB Phương Đông: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần 2, 2010; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.

8. Hoa Tuyết Milwaukee, Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008.

9. Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần thứ 2, 2012; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.

10. Nghi Thức Hộ Niệm Cầu Siêu, Thích Nữ Giới Hương biên soạn, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 2008.

11. Sen Nở Nơi Chốn Tử Tù, Nhiều tác giả, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, NXB Văn Hoá Sài gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010.

12. Nữ Tu và Tù Nhân Hoa Kỳ, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010; tái bản lần thứ 2 năm 2011; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.

13. Quan Âm Quảng Trần, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tổng Hợp: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010; tái bản lần 2 năm 2012; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.

14. Nếp Sống Tỉnh Thức của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ XIV: (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2012. Tái bản lần thứ 2, 2014 và lần thứ 3, 2016.

15. A-Hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2012. Tái bản lần thứ 2, 2014 và lần thứ 3, 2016.

16. Góp Từng Hạt Nắng Perris, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ

Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014.

17. Pháp Ngữ của Kinh Kim Cang, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014. Tái bản lần thứ 2, 2016.

18. Tập Thơ Nhạc Nắng Lăng Nghiêm, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014.

19. Chùa Việt Nam Hải Ngoại (Overseas Vietnamese Buddhist Temples), Võ Văn Tường & Từ Hiếu Cồn, vol 2, Thích Nữ Giới Hương chuyển Anh ngữ. NXB: Hương Quê, 2016.

20. Việt Nam Danh Lam Cổ Tự (The Famous Ancient Buddhist Temples in Vietnam), Võ Văn Tường. Chuyển Anh ngữ: Thích Nữ Giới Hương. NXB: Phương Nam, 2016.

ĐĨA CA NHẠC PHẬT GIÁO CHÙA HƯƠNG SEN

1. Đào Xuân Lộng Ý Kinh, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 1, năm 2013.

2. Niềm Tin Tam Bảo, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Hoàng Y Vũ & Hoàng Quang Huế, volume 2, năm 2013.

3. Trăng Tròn Nghìn Năm Đón Chờ Ai, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Võ Tá Hân, Hoàng Y Vũ, Khánh Hải, Khánh Hoàng, Hoàng Kim Anh, Linh Phương và Nguyễn Tuấn, volume 3, năm 2013.

4. Ánh Trăng Phật Pháp, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, volume 4, năm 2013.

5. Bình Minh Tỉnh Thức (Piano Variations for Meditation), Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Độc Tấu Dương Cầm và Hòa Tấu: Nữ Nhạc Sĩ Linh Phương,

volume 5, năm 2013.

6. Tiếng Hát Già Lam, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 6, năm 2015.

7. Cảnh Đẹp Chùa Xưa, Nhạc: Hoàng Quang Huế, Hoàng Y Vũ, Võ Tá Hân, & Khánh Hải, volume 7, năm 2015.

8. Karaoke Hoa Ưu Đàm Đã Nở, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 8, năm 2015.

VỀ TÁC GIẢ

Ni sư Tiến Sĩ Thích Nữ Giới Hương (thế danh Śūnyatā Phạm), sinh năm 1963 tại Bình Tuy, xuất gia năm 15 tuổi với Sư Bà Hải Triều Âm. Năm 1994, Ni sư tốt nghiệp Cử nhân Văn tại Sài Gòn. Ni sư du học tại Ấn Độ 10 năm, tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học tại Đại học Delhi năm 2003. Năm 2005, Ni sư định cư tại Hoa Kỳ. Năm 2015, Ni sư tốt nghiệp Cử nhân Văn tại Đại học Riverside, California và đang theo học chương trình Cao học Văn tại trường cũng như đang là giảng viên của Học Viện Phật Giáo Việt Nam, TP. HCM.

Ni sư lập tủ sách Bảo Anh Lạc, đã viết và chuyển ngữ nhiều tác phẩm Anh và Việt, cũng như phát hành nhiều đĩa ca nhạc Phật giáo từ năm 2004 đến nay. Năm 2000, sư đã thành lập chùa Hương Sen, Bình Chánh, Sài Gòn (Việt Nam) và năm 2010 - đến nay, sư đã khai sơn thành lập và là trụ trì chùa Hương Sen, thành phố Perris, tiểu bang Cali, Hoa Kỳ.